

ĐẶNG DUY CHIỀU

MÔN HỌC YẾU LƯỢC

4 5 0 CHUNG



LỚP NĂM

Theo hệ thống giáo dục 12 năm
Sắc lệnh số 680 TT/SL ngày 1-12-89

TUYỀN TẬP 15 TUỔI HỒNG

- Đề đáp ứng sự nầy nở trí óc của tuổi hồng.
- Đề gây hứng thú trong việc đọc sách.
- Đề đào luyện cá tính thiếu niên.
- Đề tạo cho lứa tuổi măng non có tinh thần thảo vát, hào hiệp, yêu đời...

Tuyển tập 15 tuổi hồng thật đặc sắc :

- 15 Truyện phiêu lưu
- 15 Truyện trinh thám
- 15 Truyện nghị hê
- 15 Truyện biến
- 15 Truyện rừng
- 15 Truyện miền đồng cỏ
- 15 Truyện mạo hiểm
- 15 Truyện miền đồng tuyết
- 15 Truyện săn bắn
- 15 Truyện mùa xuân

Tuyển tập 15 không thể thiếu trong tủ sách giải trí của gia đình.

Tuyển tập 15 là những cánh hoa lạ hái từ bốn phương.

Tuyển tập 15 là món quà thích hợp, quý vị phụ huynh có thể yên tâm trao tặng con em.

Sông Mài ấn hành

HOÀNG ỨT
NGUYỄN VĂN LUYỆN
2010055 - 2010056 - 2010057

ĐẶNG-DUY-CHIỀU

Thanh-tra Tiểu-học Trung-ương

Nha Tiểu-học và G.D.C.Đ.

V 8 MÔN HỌC YẾU-LƯỢC

LỚP NĂM

(tức Lớp Nhứt cũ)

SOẠN THEO CHƯƠNG-TRÌNH HIỆN HÀNH
CỦA BỘ GIÁO-DỤC

Số 1 Mới xuất bản

30B, Phạm ngũ Lão — SAIGON

Lời nói đầu

Hương-tỉnh tiểu-học ban-hành do nghị-định số 1005 GD/NĐ ngày 6-7-1959 đã được sửa đổi riêng về các môn Đức-dục, Công-dân giáo và Khoa-học. Hai môn Đức-dục và Công-dân giáo-dục nhập làm gọi chung là Đức-dục. Bộ Giáo-dục đã chỉ-thị cho các trường tiểu-học áp dụng chương-trình Đức-dục và Khoa-học mới kể từ niên-khoá 1968, do các công-văn số 4.865 GD/HL/I ngày 30-6-1967 và số 5.550 GD/HL/I ngày 1-8-1967.

Đúng chương-trình sửa đổi, chúng tôi biên-soạn bộ « 8 môn yếu lược » này gồm đủ các môn : Đức-dục, Quốc-sử, Địa-khoa-học, Vệ-sinh, Số-học, Đo-lường, Hình-học.

Mục đích của chúng tôi là :

Giúp các giáo-chức có đầy-đủ tài-liệu soạn bài mà không tốn công -khảo nhiều sách, đồng-thời hợp - lý - hóa sự phân - phối chương trình để mỗi môn có đủ bài dạy trong một năm không thừa-thiếu.

Giúp các em học-sinh khỏi tốn tiền mua nhiều sách và nhất là khỏi thời-lưu chép bài, nhờ đó giáo-chức có thể hướng-dẫn các em học-tập áp dụng-pháp giáo-khoa mới.

Trong cuốn sách này, chúng tôi cố-gắng biên-soạn những bài tóm-tắt yếu lược học-sinh, không quá dài khiến các em khó nhớ, nhưng cũng không quá ngắn đến nỗi thiếu sót những chi-tiết cần-thiết. Tuy giản-cô-động, nhưng bài nào nội dung cũng súc-tích, đầy-đủ những điểm-yếu, giúp trẻ em hiểu rõ, nhớ lâu, để có thể đạt được kết-quả kỳ thi nhập học lớp Sáu.

Chúng tôi cũng cố gắng dùng tranh-ảnh cụ-thể-hóa các bài học, nhất là Khoa-học và Địa-lý. Về Số-học (kể cả tính trăm) 'Đo lường và Hình-học, mỗi bài chúng tôi đều nêu lên một vài thí-dụ, để căn-vào đó hướng-dẫn học-sinh tìm những định-nghĩa, quy-tắc, công-thức-ứng-dụng, được ghi-chú rõ-ràng giản-dị, dễ hiểu và dễ nhớ.

Tuy cố-gắng, nhưng chúng tôi chắc rằng không sao tránh khỏi khuyết-điểm, rất mong các bạn đồng-nghiệp chỉ-báo cho nhà điều-thiếu-sót, chúng tôi được cảm-tạ vô cùng.

Sài-gòn, ngày 1 - 6 - 49

Soạn - giả

ĐẶNG-DUY-CH

ĐỨC DỤC



- I.— Sự làm việc.
- II.— Rèn - luyện tính tốt.
- III.— Bốn - phận đối với người ngoài.
- IV.— Bốn - phận đối với quốc - gia.
- V.— Bốn - phận người công - dân.
- VI.— Quyền - lợi người công - dân.
- VII.— Tổ - chức chính - quyền.

SỰ LÀM VIỆC

1. CẦN PHẢI LÀM VIỆC

DÀN BÀI : 1) Làm việc có ích-lợi cho bản-thân.
2) Làm việc để nuôi sống gia-đình.

TOÁT-YẾU : 1— Sự làm việc làm cho thân-thể được khoẻ-mạnh, tinh-thần được minh-mẫn, tâm-hồn được vui-tươi, lành-mạnh.

2— Có làm việc thì mới chu-cấp được mọi thứ cần-thiết cho gia-đình, mới bảo-đảm được tương-lai cho con cái. Nếu không cần-cù làm việc thì gia-đình sẽ lâm vào cảnh túng-thiếu, mất hạnh-phúc, làm khổ-sở cho các con.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi gắng làm việc để giúp ích cho gia-đình.

CA-DAO : Có làm thì mới có ăn,
Không đưng ai để mang phần đến cho.

CAU HỎI : Sự làm việc giúp cho thân-thể thế nào ? Tinh-thần thế nào ? Tâm-hồn thế nào ? Sự làm việc đem lại lợi-ích gì cho gia-đình ?

✱

2— CẦN PHẢI LÀM VIỆC (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Xã-hội cung-cấp mọi thứ cần dùng cho ta.
2) Ta phải làm việc để đền ơn xã-hội.

TOÁT-YẾU : 1— Từ bát cơm ta ăn cho đến quần áo ta mặc, căn nhà ta ở, v.v... tất cả những vật-dụng to nhỏ đều do xã-hội cung-cấp cho ta. Xã-hội sữ-di càng ngày càng tiến-bộ hơn, đời sống của ta sữ-di mỗi ngày một tốt-đẹp hơn, là do sự làm việc không ngừng của mọi người.

2— Vậy ta có bốn-phận phải làm việc để đền ơn xã-hội, để góp phần vào sự tiến-bộ của đất nước và nhân-loại.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi chăm-chỉ làm việc để giúp ích cho xã-hội.

TƯ-TUỞNG : Những kẻ không làm việc là những ký-sinh-trùng sống bám vào xã-hội.

CAU HỎI.— Xã-hội cung-cấp cho ta những gì ? Nhờ đâu mà đời sống của ta mỗi ngày một tốt-đẹp hơn ? Tại sao ta phải làm việc ? Vì sao những kẻ không làm việc bị khinh-bí ?

3. CẦN PHẢI LÀM VIỆC (tiếp theo)

DÀN BÀI.— 1) Không làm việc có hại cho mình.
2) Không làm việc có hại cho gia đình và xã-hội.

TOÁT-YẾU : 1— Những kẻ ăn không ngồi rồi thân-thể yếu-ớt vì không vận-động, trí-tuệ không mở-mang vì không suy-nghĩ. Nhiều khi nhàn-rỗi, họ sinh ra đam-mê rượu chè, cờ bạc, thuốc sái ; những cảnh ấy sẽ đưa họ đến cõi khổ, cõi chết.

2— Họ đã không giúp ích gì được cho gia đình, lại còn làm hại cho xã-hội.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi không bao giờ ăn không ngồi rồi.

CÁCH-NGÓN : Sự ăn không ngồi rồi là mẹ đẻ ra các thói xấu.

CÂU HỎI : Tại sao những kẻ ăn không ngồi rồi thân-thể yếu-ớt ? Vì sao trí-tuệ họ không mở-mang ? Nhiều khi họ sinh ra đam-mê gì ? Sự đam-mê ấy có hại thế nào ? Tại sao những kẻ ăn không ngồi rồi đáng khinh-bí ?



4. KIỂM-THẢO

1— Dựa theo chương-trình trong tuần, thầy nêu lên những câu hỏi để các học-sinh tự kiểm-điểm (khuyến-kích khéo-léo để các em nói thật) :

— Những em nào đã chăm-chỉ học-hành ?

— Những em nào đã tích-cực làm công-việc trực-nhật ? —

Việc đội ? — Việc đoàn ?

— Những em nào đã chăm-chỉ làm thủ-công ? — Làm vườn ?

— Những em nào đã tham-gia công-tác vệ-sinh và công tác xã-hội ?

— Những em nào biết yêu-chuộng lao-động ?

2— Thầy ghi những ưu-điểm riêng của từng em vào sổ tay, rồi hướng-dẫn các học-sinh nhận-xét những ưu khuyết điểm riêng của từng toán và chung của cả lớp.

3— Thầy và trò cùng thảo-luận đặt kế-hoạch sửa-chữa những khuyết-điểm.

4— Sau cùng, thầy khen thưởng những cá-nhân và những toán có tinh-thần tích-cực, đồng-thời khích-lệ những học-sinh, những toán chưa hăng-hái thực-hành những điều thầy giảng dạy trong giờ Đức-dục.

5. NGHỀ NÀO CŨNG CAO-QUÝ

DÀN BÀI : 1) Nghề-nghiep cần-thiết cho đời sống.
2) Nghề nào cũng đáng trọng.

TOÁT-YẾU : 1— Ta cần rất nhiều thứ để làm thỏa-mãn những nhu-cầu của đời sống. Những thứ này, không ai có thể tự-cung được đầy-dủ. Cho nên phải cần đến những người khác, người cung-cấp thứ này, kẻ cung-cấp thứ kia, trao-đổi lẫn cho nhau.

2— Dù làm nghề lao-tâm hay nghề lao-lực, người làm nghề này phải cần đến kẻ làm nghề khác ; vì vậy nghề nào cũng cao-quý cả.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi coi mọi nghề đều cao-quý như nhau.

CÁCH-NGÓN : Chỉ có người dại, không có nghề hèn.

CÂU HỎI : Muốn thỏa-mãn những nhu-cầu của đời sống, ta cần những gì ? Kể ra. Tại sao xã hội cần nhiều nghề ? Chứng-minh người làm nghề này cần đến kẻ làm nghề khác. Vì sao nghề nào cũng cao-quý ?



6. NGHỀ NÀO CŨNG CAO-QUÝ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Nghề lao-tâm và nghề lao-lực.
2) Giá-trị của nghề lao-tâm.

TOÁT-YẾU : 1— Có những nghề làm bằng trí-óc nhiều hơn gọi là nghề lao-tâm và những nghề làm bằng chân tay nhiều hơn gọi là nghề lao-lực.

2— Những người làm nghề lao-tâm góp phần quan-trọng vào sự tiến-bộ của quốc-gia và nền văn-minh của nhân-loại. Ta phải nhận rõ sự cần-thiết và giá-trị của nghề lao-tâm và không nên gây chia-rẽ giữa những người lao-động chân tay và lao-động trí-thức.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi kính-trọng và biết ơn những người lao-động trí-thức.

TƯ-TƯỞNG : Khỗi óc của loài người đã đẩy mạnh bánh xe lịch-sử.

CÂU HỎI : Thế nào là nghề lao-tâm ? Thế nào là nghề lao-lực ? Những người làm nghề lao-tâm đã giúp ích gì cho quốc-gia, xã-hội ? Thử-dự. Ta có bổn-phận gì đối với những lao-động trí-thức ?

7. NGHỀ NÀO CŨNG CAO-QUÝ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Giá-trị của nghề lao-lực.

2) Bền-phận đối với những người làm nghề lao-lực.

TOÁT-YẾU : 1— Chính những người làm nghề lao-lực như thợ mộc, thợ nề, thợ nhà máy, v.v.. đã sản-xuất ra mọi thứ cần-dùng cho đời sống của ta và đã xây-dựng nên xã-hội văn-minh ngày nay. Từ hạt gạo ta ăn, quần áo ta mặc, cho đến máy-móc, tàu-bè... thứ gì cũng đều do tay người thợ làm ra cả.

2— Ta phải kính-mén và biết ơn những người làm nghề lao-lực.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn quý-trọng những người làm nghề lao-lực.

TU - TƯỜNG : Những bàn tay mang dấu vết cần-lao là những bàn tay đáng trọng.

CÂU HỎI : Những người làm nghề lao-lực đã giúp ích gì cho xã-hội ?
Thí-dụ. Không có bàn tay người thợ thì những điều mà các nhà tri-thức nghĩ ra bằng khối óc có thực-hiện được không ? Chứng-minh. Ta có bền-phận gì đối với những người lao-động chân tay ?



8. KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo :

- Những em nào biết trọng những người làm nghề lao-tâm ?
- Những em nào biết quý-mến thợ-thuyền ? (kể rõ từng trường-hợp tỏ lòng quý mến).
- Những em nào biết thân-yêu bạn-bè thuộc các gia-đình lao-động ? (nêu rõ các bạn ấy).
- Những em nào đoạt nhiều giải thi-đua vẽ thủ-công nhất ?
- Những em nào hăng-hái tham-gia những công-tác lao-động ? (kể rõ những công-tác ấy).

9. TRỌNG MỌI NGHỀ

DÀN BÀI : 1) Nghề nào cũng giúp ích cho xã-hội.

2) Vì vậy nghề nào cũng đáng trọng.

TOÁT-YẾU : 1— Dù là nghề lao-lực hay nghề lao-tâm, nghề nào cũng giúp ích cho xã-hội và có liên-quan mật-thiết với nhau. Nhà nông sản-xuất ra thóc gạo, nhưng phải nhờ người thợ rèn cung-cấp cho cái cày, cái cuốc. Ông kỹ-sư phát-minh ra máy-móc, nhưng phải có thợ mới làm được những máy này. Ông kiến-trúc-sư vẽ ra kiểu nhà, nhưng nếu không có thợ mộc, thợ nề thì lấy ai xây-cát ?

2— Vì vậy, nghề nào cũng đáng trọng cả, không nên coi nghề này sang, nghề kia hèn.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn coi trọng mọi nghề.

CA-ĐAO : Con ơi, phải trọng mọi nghề.

Chớ thấy cực-nhọc mà chê là hèn.

CÂU HỎI : Chứng-minh rằng dù là nghề lao-lực hay nghề lao-tâm, nghề nào cũng giúp ích cho xã-hội. Mọi nghề đều liên-quan mật-thiết với nhau như thế nào ? Thí-dụ. Muốn tỏ lòng kính-trọng mọi nghề, em phải làm gì ?



10. CHỌN NGHỀ

DÀN BÀI : 1) Cần chọn nghề hợp với khả năng

2) Nghề có hợp với khả-năng mới đem đem lại kết-quả.

TOÁT-YẾU : 1— Ta phải chọn nghề hợp với khả-năng và sức-lực của ta. Có khiếu vẽ mà lại học nghề chạm thì ắt khó thành-công ; người yếu mà theo học nghề rèn thì hẳn là cũng sẽ thất-bại.

2— Nghề có hợp với khả-năng của ta thì mới đem lại kết-quả tốt-đẹp và ta mới thấy hứng-thú trong khi làm việc. Do đó ta mới cố-gắng làm cho nghề ngày thêm tinh-xảo.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi sẽ chọn nghề hợp với khả năng.

CÁCH-NGÔN : Một nghề thì sống, đồng nghề thì chết.

CÂU HỎI : Ta phải chọn nghề hợp với gì ? Thí-dụ. Chọn nghề hợp với khả-năng có lợi thế nào ? Giải-nghĩa câu : « Một nghề thì sống, đồng nghề thì chết. »

11. CHỌN NGHỀ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Không biết chọn nghề rất có hại.
2) Chọn nghề cách nào ?

TOÁT-YẾU : 1— Nếu bạ nghề nào làm nghề ấy, ta sẽ không tha-thiết với nghề. Gặp nghề dễ thì coi thường ; gặp nghề khó thì chán-nản ; rồi đứng núi này trông núi nọ, không bao giờ thành-công được.

2— Muốn chọn nghề, ta cần xét kỹ khả-năng của ta, chứ nên có cao-vọng làm nghề quá sức mình, cũng đừng cho nghề nào là hèn-kém.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi không bao giờ có cao-vọng làm những nghề quá sức mình.

CA-DAO : Chọn nghề hợp với khả-năng,
Là thành tinh-xảo, tiền trăm bạc ngàn.

CÂU HỎI : Nếu bạ nghề nào làm nghề ấy thì sẽ tai-hại thế nào ? Thí dụ. Muốn chọn nghề cho đích-đang, ta phải làm thế nào ? Giải-nghĩa câu ca-đao trong bài toát-yếu.



12. THỰC-HÀNH

Tập cho học-sinh suy-luận bằng cách :

— Hỏi nghề-nghiệp của cha mẹ một số học-sinh rồi hướng-dẫn để các em nhận-định những nghề ấy cần-thiết như thế nào và nghề này liên-quan với nghề kia thế nào ?

— Hỏi các em sau này thích chọn nghề gì và giải-thích tại sao chọn nghề ấy.



13. YÊU NGHỀ

DÀN BÀI : 1) Yêu nghề là tha-thiết với nghề.
2) Người yêu nghề tất-nhiên là trọng nghề.

TOÁT-YẾU : 1 Yêu nghề là tha-thiết với nghề, coi nghề mình làm là một nguồn hứng-thú, không bao giờ rời bỏ để làm nghề khác.

2— Người yêu nghề tất-nhiên là trọng nghề, vì hiểu rằng nghề mình không những nuôi sống mình và gia-đình mình, mà còn có mục-dích phụng-sự xã-hội, góp phần vào sự tiến-bộ chung của nhân-loại.

QUYẾT-ĐỊNH : Làm nghề nào tôi sẽ yêu nghề ấy.

CA-DAO : Con ơi, giữ lấy nghề cha,
Dù cho vất-vô, nghề nhà đã quen.

CÂU HỎI : Thế nào là yêu nghề ? Người yêu nghề coi nghề mình thế nào ? Người yêu nghề quan-niệm thế nào về mục-dích của nghề-nghiệp ?



14. YÊU NGHỀ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Tại sao ta phải yêu nghề ?
2) Ta yêu nghề cách nào ?

TOÁT-YẾU : 1— Có yêu nghề, ta mới tìm thấy thú vui ngay trong khi làm việc, mới tận-tụy, hy-sinh, mới cố-gắng cải-tiến cho nghề thêm hoàn-hảo, ngõ hầu giúp ích cho ta và cho xã-hội.

2— Muốn tỏ ra là người yêu nghề, ta phải làm việc chuyên cần, không coi nghề mình kém nghề khác và nhất là không nên nay làm nghề này, mai xoay nghề khác.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi sẽ tha-thiết yêu nghề tôi đã chọn.

CA-DAO : Nghề tôi, tôi quý, tôi yêu,
Dù cho cực-nhọc, dù nhiều khó-khăn.

CÂU HỎI : Người yêu nghề làm việc thế nào ? Người yêu nghề trao-giới nghề-nghiệp nhằm mục-dích gì ? Muốn tỏ ra là người yêu nghề, ta phải làm gì ? Tại sao, không nên nay làm nghề này, mai xoay nghề khác ?

15. TRAU-GIỎI NGHỀ-NGHIỆP

DÀN BÀI : 1) Thế nào là trau-giỏi nghề-nghiep ?
2) Tại sao phải trau giồi nghề-nghiep ?

TOÁT-YẾU : 1— Trau-giỏi nghề nghiệp là làm cho nghề ngày thêm tinh-xảo, tiến-bộ.

2— Nghề có tiến-bộ thì mới đem lại cho ta nhiều mới lợi, khiến cho đời sống của ta ngày thêm sung-sướng, tương-lai gia-đình ta thêm vững-chắc. Nghề có tiến-bộ thì mới thỏa-mãn được những nhu-cầu phức-tạp của mọi người, do đó mới thiết-thực phụng-sự xã-hội.

QUYẾT-ĐỊNH : Làm nghề nào tôi sẽ cố-gắng trau-giỏi nghề ấy.

CA DAO : Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.

CÂU HỎI : Người yêu nghề cố-gắng làm cho nghề mình ngày thêm thế nào ? Trau-giỏi nghề-nghiep có lợi gì cho mình ? Cho gia-đình ? Cho xã-hội ?

★

1. TRAU-GIỎI NGHỀ-NGHIỆP (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Trau-giỏi nghề-nghiep cách nào ?
2) Nguồn vui của người biết trau-giỏi nghề-nghiep.

TOÁT-YẾU : 1— Muốn trau-giỏi nghề-nghiep, ta phải có chí cầu-tiến, óc sáng-kiến, biết rút ưu khuyết-điểm trong việc làm và cố-gắng học-tập kinh-nghiem của người khác.

2— Người biết trau-giỏi nghề-nghiep lúc nào cũng tìm thấy hứng-thú trong việc làm, vì mỗi bước tiến là một nguồn vui, mỗi sự thành-công là một điều khích-lệ.

QUYẾT-ĐỊNH : Sau này, dù làm nghề gì, tôi cũng sẽ luyện-tập cho nghề đó ngày thêm tinh-xảo.

CA-DAO : Nghề ta, ta gắng trau-giỏi,
Ngày thêm tinh-xảo, ích đời, lợi ta.

CÂU HỎI : Muốn trau-giỏi nghề-nghiep, ta phải làm gì ? Người biết trau giồi nghề nghiệp làm việc thế nào ? Tại sao ta phải luyện-tập cho nghề thêm tinh-xảo ?

17. THỰC HÀNH

— Kể chuyện một người thiết-thu yêu nghề và bảo học-sinh kể những chuyện tương-tự.

— Cho học-sinh nêu lên những người thợ khéo mà các em biết và hướng-dẫn để các em nhận-định :

a) Vì sao những người thợ ấy trở nên khéo-léo ?

b) Đời sống của gia-đình họ hiện nay như thế nào ?



CHƯƠNG II

LUYỆN-RÈN TÍNH-TỐT

18. ỚC TỔ-CHỨC

DÀN BÀI : 1) Ớc tổ-chức là gì ?
2) Tại sao cần có Ớc tổ-chức ?

TOÁT-YẾU : 1— Người có Ớc tổ-chức khi đứng trước một việc gì biết phân-chia ra làm nhiều phần, ấn-định phần nào nên làm trước, phần nào nên làm sau, phân-công phụ trách từng phần tùy theo khả-năng, phối-hợp chặt-chẽ giữa những người phụ-trách.

2— Từ những công-việc to-tát cho đến những việc nhỏ-nhất hằng ngày, việc nào cũng cần đến Ớc tổ-chức thì mới không tốn thời-giờ, công-sức và kết-quả mới tốt đẹp.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi phải tập cho có Ớc tổ-chức.

TƯ-TƯỞNG : Ớc tổ-chức bảo-đảm sự thành-công trong việc làm.

CÂU HỎI : Đứng trước một công-việc, người có Ớc tổ-chức làm thế nào ? Ớc tổ-chức cần trong công-việc hằng ngày như thế nào ?
Ớc tổ-chức bảo-đảm sự thành-công trong việc làm.

19. ỚC TỔ-CHỨC (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Có Ớc tổ-chức thì việc khó cũng thành dễ.
2) Không có Ớc tổ-chức thì việc dễ cũng thành khó.

TOÁT-YẾU : 1— Có Ớc tổ-chức, ta sẽ không tốn công, phí sức trước những việc dễ-dàng. Nếu có gặp việc khó-khàn, ta cũng không e-ngại, lo-lắng. Do đó ta thấy vui-vẻ và hăng-hái bắt tay vào việc.

2— Trái lại, nếu thiếu Ớc tổ-chức, ta sẽ mất nhiều thời-giờ mà việc làm có khi vẫn hỏng. Do đó, ta dễ sinh ra chán-nản, coi việc làm như một khổ-địch.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi quyết Ớc tổ-chức chu-đáo mọi việc làm cho có kết-quả.

CA-ĐẠO : Công to việc nhỏ hằng ngày,
Có tài tổ-chức là hay hơn người.

CÂU HỎI : Ớc tổ-chức có lợi gì cho công-việc ? Thiếu Ớc tổ-chức thì có hai thế nào ? Tìm thí-dụ chứng minh người có Ớc tổ-chức việc gì cũng thành-công.

20. TRÍ SÁNG-KIỆN

DÀN BÀI : 1) Trí sáng-kiến là trí luôn luôn tìm-tòi ra những điều mới lạ.
2) Vài ba thí dụ về những người có trí sáng-kiến.

TOÁT-YẾU : 1— Trí sáng-kiến là trí luôn luôn tìm-tòi những điều mới lạ để thay chỗ những cái hiện-hữu.

2— Ông thầy luôn luôn cải-tiến phương-pháp giảng-dạy ; bà nội-trợ hằng ngày thay đổi các món ăn ; người thợ tìm cách sửa đổi lề lối làm việc ; ông kỹ-sư càng ngày càng chế-tạo thêm những máy-móc tối tân ; nhà bác học đi từ những phát minh này đến những phát minh khác... đều là những người có trí sáng-kiến.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn trau-giồi sáng-kiến.

TƯ-TƯỞNG : Mỗi sáng-kiến là thêm một bước trên đường tiến-bộ.

CÂU HỎI : Trí sáng-kiến là gì ? Người có trí sáng-kiến có bao giờ tự-mãn không ? Kể thí-dụ những người có trí sáng-kiến.

21. TRÍ SÁNG-KIỆN (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Trí sáng-kiến cần và có ích.
2) Cách gây trí sáng-kiến.

TOÁT-YẾU : 1— Nhờ có trí sáng-kiến mà loài người đã tiến từ đời sống man-rợ đến xã-hội văn-minh ngày nay và còn tiến xa hơn nữa.

2— Muốn gây trí sáng-kiến, ta phải quan-sát, tìm-tòi, suy-luận và nhất là phải trau giồi tinh-thần khoa-học, chí tiến-thù. Không bao giờ ta nên tự-mãn và phải luôn luôn cải-tiến từ lề lối làm việc cho đến nếp sống hằng ngày.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn cải-tiến lề-lối làm việc.

CA-ĐẠO : Trau giồi sáng-kiến, con ơi,
Tìm-tòi, học-hỏi, giúp đời mai sau.

CÂU HỎI : Trí sáng-kiến cần và có ích thế nào ? Tìm thí-dụ chứng minh loài người tiến-bộ là nhờ có trí sáng-kiến. Muốn gây Ớc sáng-kiến, ta phải làm gì ?

22 KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : những em nào đã :

- Làm luận, làm toán... theo đúng phương-pháp thầy dạy ?
- Biết đặt kế-hoạch tỉ-mỉ trước khi làm việc ?

Thí-dụ.

- Có sáng-kiến làm được những đồ-dùng tiện-lợi trong những buổi đi cắm trại ? — Làm lấy được những đồ dùng lật-vật như bát, thước kẻ, hộp đựng bút, v v... hay những đồ chơi mới lạ ?

✱

23. ÓC CẢI-TIẾN

DÀN BÀI : 1) Định nghĩa óc cải-tiến.

2) Vai-bà thí-dụ về óc cải-tiến.

TOÁT-YẾU : 1— Người có óc cải-tiến là người luôn luôn đổi mới từ dụng-cụ, phương-pháp làm việc đến tư-tưởng và nếp sống cho tiến-bộ hơn.

2— Người nông-dân biết dùng cày máy thay cày tay; nhà chính-trị lưu-tâm thực-hiện những cải-cách xã hội; người dân biết sống theo đời sống mới... đều là những người có óc cải-tiến.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi cố gắng đổi mới từ việc làm cho đến nếp sống và tư-tưởng.

CÁCH-NGÔN : Nhặt tăn, nhặt nhặt tăn, huu nhặt tăn.

CÂU HỎI : Thế nào là người có óc cải-tiến ? Kể thí-dụ những người có óc cải-tiến. Giải nghĩa câu cách-ngôn trong bài toát-yếu.

24. ÓC CẢI-TIẾN (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Óc cải-tiến cần và có ích.

2) Cách gây óc cải-tiến.

TOÁT-YẾU 1— Óc cải-tiến giúp cho xã-hội ngày thêm tiến-bộ. Xưa kia, mọi công-việc đều làm bằng tay. Ngày nay, máy móc đã thay cho sức người, mà máy-móc cũng mỗi ngày một thêm tinh-xảo, nên chế-phẩm càng ngày càng tốt đẹp hơn, đời sống càng sung-sướng hơn.

2— Muốn gây óc cải-tiến, ta phải chịu khó suy-nghĩ tìm-tòi, luôn luôn sửa-đổi lề-lối làm việc và tích-cực tranh-đấu với những hủ-tục.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi quyết rèn-luyện óc cải-tiến.

CA-ĐAO Ai ơi, góp sức canh-tân,

Cho nước được mạnh, cho dân được giàu.

CÂU HỎI : Óc cải-tiến giúp ích gì cho xã-hội ? Tìm một vài thí-dụ chứng-minh. Muốn gây óc cải-tiến, ta phải làm gì ?

✱

25. TRANH-ĐẤU VỚI KHÓ-KHĂN

DÀN-BÀI : 1) Trong đời sống hằng ngày, ta thường gặp những khó khăn.

2) Ta phải thắng những khó-khăn này.

TOÁT-YẾU : 1— Hằng ngày ta thường gặp những trở-lực trong công-việc : ốm-đau, thời-tiết xấu, sự rủi-ro sự thiếu-thốn phương-tiện, v v... Ta phải bền gan tranh-đấu vượt những khó-khăn này, không nên khoanh tay chịu thất-bại.

2. Có tinh-thần phấn-đấu với khó-khăn, ta sẽ thành-công trong việc nhỏ cũng như việc lớn. Trở-lực càng nhiều, sự thắng-lợi càng vẻ-vang.

Muốn thắng được mọi khó khăn, ta cần phải kiên-nhẫn.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn phấn-đấu vượt mọi khó-khăn.

CÁCH-NGÔN : Thua keo này, bày kèo khác.

CÂU HỎI : Kể thí-dụ những người biết tranh-đấu với khó-khăn. Tinh-thần tranh-đấu với khó-khăn cần-thiết như-thế nào. Muốn thắng được mọi khó-khăn ta cần phải thế nào ?

26. TRANH-ĐẤU VỚI HỦ-TỤC

DÀN BÀI : 1) Nước ta còn có ít nhiều hủ-tục.

2) Ta phải tích-cực tranh-đấu với hủ-tục.

TOÁT-YẾU : 1— Nước ta có rất nhiều thuần-phong mỹ-tục nhưng cũng còn ít nhiều hủ-tục như : tào-hôn, ma chay, đốt vàng mã, làm ma sống, v.v...

2— Những hủ-tục này làm cản-trở sự tiến-bộ của dân-tộc. Chúng ta phải triệt-đé bài-trừ ngay trong gia-đình, tộc-thuộc và phải giải-thích cho người xung-quanh ta tránh những mê-tín, dị-đoan và bỏ những tục-lệ không hay, tốn tiền vô-ích.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi cương-quyết bài-trừ hủ-tục.

CÁCH-NGÔN : Bói ra ma, quết nhà ra rác.

CÂU HỎI : Ở nước ta, nhiều nơi còn có những hủ-tục gì ? Những hủ-tục này có hại như thế nào ? Ta phải tranh-đấu cách nào với những hủ-tục ?

✱

27. KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đi :

- Biết luôn luôn cải-tiến lề-lối làm việc cho hợp-lý hơn ?
- Vượt được những khó-khăn ? (kể từng trường-hợp)
- Không tin nhảm, không tin những điều vô-lý ?

✱

28. LÀM VIỆC PHẢI CÓ TIN-TƯỞNG

DÀN BÀI : 1) Tin-tưởng vào việc làm là chắc rằng việc làm sẽ thành-công.

2) Làm việc có tin-tưởng thì mới cố-gắng, ham-thích và dễ thành-công.

TOÁT-YẾU : 1— Làm việc gì, ta phải hết lòng tin-tưởng vào việc ấy, nghĩa là chắc-chắn rằng việc làm của ta sẽ hữu-ích, sẽ đạt được kết-quả tốt-đẹp.

2— Có tin-tưởng như thế thì mới cố-gắng, phấn-khởi, sáng-suốt mà làm việc, gặp trở-ngại không lùi ; do đó mới thành-công mỹ-mạn.

Trái lại, thiếu tin-tưởng, ta sẽ làm việc uế-oải, tắc-trách, nên tất-nhiên sẽ thất-bại.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn tin-tưởng vào việc làm.

TƯ-TƯỞNG : Sự tin-tưởng là ngọn lửa hun-đúc ý-chí.

CÂU HỎI : Tin-tưởng vào việc làm là thế nào ? Kể thí-dụ những người có lòng tin-tưởng vào việc làm của mình. Người có tin-tưởng làm việc thế nào ?

✱

29. LÀM VIỆC CÓ PHƯƠNG-PHÁP

DÀN BÀI : 1) Làm việc có phương-pháp là biết tổ-chức việc làm cho hợp-lý.

2) Làm việc có phương-pháp rồi có lợi.

TOÁT-YẾU : 1— Làm việc có phương-pháp là biết tổ-chức việc làm cho hợp-lý, biết đặt chương-trình, kế-hoạch hân-hồi, không gặp đâu làm đấy.

2— Từ việc nhỏ đến việc to, bất cứ làm việc gì cũng phải có phương-pháp thì việc làm mới chu-đáo mà lại lợi thời-giờ. Ngay từ khi còn nhỏ, ta phải làm việc có phương-pháp thì sau này mới đủ tài làm các công-việc lớn.

QUYẾT-ĐỊNH : Bất cứ việc gì, tôi cũng phải làm có phương-pháp.

TƯ-TƯỞNG : Việc khó không lo, chỉ lo thiếu phương pháp.

CÂU HỎI : Thế nào là làm việc có phương pháp ? Kể vài thí-dụ những người làm việc có phương-pháp. Làm việc có phương-pháp lợi thế nào ? Tại sao ta phải làm việc có phương-pháp ngay từ khi còn nhỏ ?

30. LƯƠNG-TÂM NGHỀ-NHIỆP

DÀN BÀI : 1) Lương-tâm nghề-nghiệp là gì ?
2) Thí dụ những người có lương-tâm nghề-nghiệp.

TOÁT-YẾU : 1— Có lương-tâm nghề-nghiệp là hiểu biết trách-nhiệm của mình, đem hết năng-lực, tâm-trí ra làm việc, không quản khó-khăn, không tiếc thời-giờ, dù có phải hy-sinh vì nghề-nghiệp cũng đành lòng.

2— Người thợ nề xây tường cẩn-thận ; ông bác-sĩ đi thăm bệnh-nhơn trong đêm mưa gió ; người công-chức làm việc mau-lẹ và chu-đáo cho dân... đều là những người có lương-tâm nghề-nghiệp.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi quyết làm việc hết lương-tâm.

TU-TƯỜNG : Làm việc hết lương-tâm là biết tự-trọng.

CÂU HỎI : Thế nào là lương-tâm nghề-nghiệp ? Kể vài ba thí dụ về những người có lương-tâm nghề-nghiệp. Tại sao làm việc hết lương-tâm là biết tự-trọng ?



31. LƯƠNG-TÂM NGHỀ-NHIỆP (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Cần có lương-tâm nghề-nghiệp.
2) Người có lương-tâm nghề-nghiệp được kính-mến.

TOÁT-YẾU : Nghề-nghiệp của ta không những có lợi ích thiết-thực cho ta mà còn ảnh-hưởng đến sự tiến-bộ của xã-hội. Nếu ta làm việc tác-trách thì không những sẽ có hại cho ta, mà còn hại lây đến người khác. Cho nên bất kỳ làm nghề gì, ta cũng phải đem hết lương-tâm ta phục-vụ.

2— Người có lương-tâm nghề-nghiệp không những đạt được kết-quả mỹ-nhiên, tâm-hồn được khoan-khoái, mà lại được mọi người kính-mến.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi rất kính-trọng những người có lương-tâm nghề-nghiệp.

CA-DAO : Làm nghề mà có lương-tâm,
Mọi người kính-mến, ích dân, lợi nhà.

CÂU HỎI : Tại sao phải có lương-tâm nghề-nghiệp ? Người làm việc có lương-tâm được coi thế nào ? Trả lại thì sao ?

32. LIÊM-KHIẾT

DÀN BÀI : 1) Liêm-khiết là gì ?
2) Thí dụ những người liêm-khiết.

TOÁT-YẾU : 1— Người liêm-khiết là người công-bằng, ngay thẳng, trong sạch, không vì lợi mà làm điều nhơ-nhuốc, bao giờ cũng đặt việc nước lên trên việc nhà, việc công lên trên việc tư.

2— Người thợ không ăn cắp vật-liệu và không làm phí thời-giờ của chủ ; nhà buôn không cân gian, đo thiếu ; không bán giá quá cao ; người công-chức không lạm-dụng công-quy, không ăn hối-lộ của dân... đều là những người liêm-khiết.

QUYẾT-ĐỊNH : Sau này bất cứ làm nghề gì, tôi cũng sẽ nêu cao gương liêm-khiết.

CA-DAO : Hay gì hát máu má dân,
Sống ở, chết nhục, thế-nhân chê cười.

CÂU HỎI : Người liêm-khiết là người thế nào ? Kể thí dụ những người liêm-khiết. Giải-nghĩa câu ca-đao trong bài toát-yếu.



33. LIÊM-KHIẾT (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Người liêm-khiết ai cũng kính-phục.
2) Quốc-gia cần những công-bộc liêm-khiết.

TOÁT-YẾU : 1— Người liêm-khiết lúc nào cũng giữ được tâm-hồn trong sạch, lương-tâm thanh-thần. Lúc bàn-hàn thì an-phận, không tham-vọng cao-xa ; khi hiến-đặt không ỷ quyền, cậy thế ; cho nên ai cũng kính-trọng, mến-phục.

2— Trong một quốc-gia, nếu từ nhà cầm quyền cho đến người dân, ai ai cũng liêm-chính thì nước sẽ an-ninh thịnh-trị.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi rất kính-phục những người liêm-khiết.

CA-DAO : Xưa nay những bậc anh-tài,
Tấm gương liêm-khiết muôn đời còn lưu.

CÂU HỎI : Người liêm-khiết được coi thế nào ? Những công-bộc liêm-khiết giúp ích gì cho quốc-gia ? Câu ca-đao trong bài toát-yếu có nghĩa gì ?

34. KIỂM - THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đã :

- Có lòng tin-tưởng vào việc làm ?
- Biết đặt kế-hoạch trước khi làm một công-việc gì ?
- Biết phê-bình công-việc để rút ưu khuyết-điểm ?
- Làm việc toán hết lương-tâm ?
- Không « ăn hối-lộ » để cho bạn cóp bài hoặc che đậy lỗi cho bạn ?

BỒN - PHẬN ĐỐI VỚI
NGƯỜI NGOÀI

35. TINH-THẦN TƯƠNG-TRỢ

DÀN BÀI : 1) Tương-trợ là gì ?
2) Cần tương-trợ lẫn nhau.

TOÁT-YẾU : 1 - Tương-trợ là giúp-đỡ lẫn nhau khi bận-rộn, lúc thiếu thốn hay gặp hoạn-nạn, v.v...

2 - Người ta dù giàu-có, tài-giỏi đến đâu cũng không thể không cần đến sự giúp-đỡ của người khác. Cho nên sự tương-trợ là rất cần. Có tương-trợ thì mới qua được những bước khó-khăn, mới có sức mạnh để làm những việc to-tát, mới gây được tình thân ái, do đó đời sống trong xã-hội mới được yên-vui.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn giúp-đỡ mọi người.

CÁCH-NGÔN : Lá lành đùm lá rách.

CAU HỎI : Thề nào là tinh-thần tương-trợ ? Thí-dụ. Tại sao ta cần có tinh-thần tương-trợ ? Sự tương-trợ có lợi thế nào ?



36. TINH-THẦN TƯƠNG-TRỢ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Người có tinh-thần tương-trợ thì ai cũng kính-mến.
2) Ta phải biết cách tương-trợ.

TOÁT-YẾU : 1 - Người có tinh-thần tương-trợ không vị-kỳ, sẵn từ-tâm, biết hy-sinh để giúp-đỡ người, nên ai cũng kính-mến.

2 - Tuy nhiên, ta phải biết cách giúp-đỡ để khỏi gây ở người khác tính ỷ-lại. Chính ta cũng không nên trông cậy ở người khác nhiều quá mà mất tinh-thần tự-lập.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi rất kính-trọng những người có tinh-thần tương-trợ.

CA-DAO : Yêu nhau giúp-đỡ lẫn nhau,
Qua cơn túng-thiếu, khỏi cầu gian-nạn.

CAU HỎI : Người có tinh-thần tương-trợ được coi thế nào ? Tại sao ? Vì sao ta phải biết cách giúp-đỡ người khác ? Vì lẽ gì ta không nên trông cậy vào người khác nhiều quá ?

37. THAM-GIA VIỆC CÔNG-ÍCH

DÀN BÀI : 1) Việc công-ích là gì ?

2) Bồn-phận tham-gia việc công-ích.

TOÁT-YẾU : 1— Việc công-ích là việc có ích-lợi chung cho mọi người, như việc rào làng, sửa đường, đắp đê, xây-cắt trường học, v.v...

2— Đời sống của ta không thể tách rời khỏi đời sống cộng-đồng. Hạnh-phúc của ta gắn liền với hạnh-phúc của người khác. Cho nên ta có bồn-phận sốt-sắng tham gia mọi việc công-ích đặng góp phần vào sự tiến bộ chung. Trong một nước, nếu ai cũng tha-thiết với việc công-ích thì lo gì quốc-gia chẳng cường-thịnh, đời sống của dân-chúng chẳng an-vui.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi nhiệt-liệt hưởng-ứng mọi việc công-ích.

CA-ĐAO : Sống chung ta phải lo chung.

Việc nhà chăm sóc, việc công góp phần.

CÂU HỎI : Thế nào là việc công-ích ? Lấy-dụ. Tại sao ta có bồn-phận tham-gia việc công-ích ? Nếu ai cũng tha-thiết với việc công-ích thì quốc-gia sẽ thế nào ?



38. CỨU-TẾ

DÀN BÀI : 1) Những cảnh thương-tâm trong xã-hội.

2) Bồn-phận đối với những đồng-bào đau-khổ.

TOÁT-YẾU : 1— Trong khi ta có may-mắn được sống trong cảnh gia-đình êm-ấm thì xung-quanh ta biết bao nhiêu người khổ-sở ! Những trẻ mồ-côi bơ vơ không cha mẹ ; những quả-phụ chật-vật nuôi con, những người què-quặt, mù-lòa không nơi nương-tựa...

2— Đối với những đồng-bào đau-khổ này, ta phải cứu-giúp bằng đủ mọi cách : nhà cửa, quần áo, thực-phẩm, thuốc men, v.v... Như vậy gọi là cứu-tế.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi hết lòng cứu-giúp những người khổ-sở.

CA-ĐAO : Nhiều điều phải lấy giá gương.

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

CÂU HỎI : Cứu-tế là gì ? Kể những cảnh thương-tâm mà em thường thấy trong xã-hội. Đứng trước những cảnh thương-tâm ấy, em phải làm gì ?

39. CỨU-TẾ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Ý-nghĩa của việc cứu-tế.

2) Những tổ-chức cứu-tế.

TOÁT-YẾU : 1— Việc cứu-tế không những làm giảm những đau thương vật-chất mà còn là một nguồn an-ủi quý giá. Người được cứu giúp cảm thấy mình không bị bỏ rơi, trơ-trọi, do đó đỡ tủi thân, xót phận.

2— Những cô nhi-viện, dạ-lữ-viện, những trường người mù, người câm điếc, hội cứu-tế nạn nhân chiến-tranh, v.v... đều là những tổ-chức từ-thiện có mục-đích giúp đỡ những người đau-khổ. Ta nên nhiệt-liệt hưởng-ứng những công-cuộc cứu-tế này.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi sốt-sắng tham-gia mọi công-cuộc cứu-tế.

CÁCH-NGÔN : Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

CÂU HỎI : Việc cứu-tế có lợi thế nào ? Kể những tổ-chức cứu-tế mà em biết. Ta có bồn-phận gì đối với những tổ-chức này ?



40. KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đã :

- Biết giúp đỡ lẫn nhau khi đau ốm ?
- Tham-gia những công-cuộc cứu-giúp đồng-bào bị nạn ?
- Làm đều đều mỗi ngày một việc thiện ?
- Có lễ độ đối với những người tàn-tật, ng hèo-đói ?



41. CHỐNG NẠN THẤT HỌC

DÀN BÀI : 1) Nước ta còn nhiều người thất học.

2) Ta có bồn-phận chống nạn thất học.

TOÁT-YẾU: 1— Trước kia, dưới thời đô-hộ, phần vì bị kìm-hãm, phần vì nghèo túng, dân ta ít người được đi học, nạn thất-học ở nước ta thật là trầm-trọng.

2— Ngày nay, nhận thấy rằng việc nâng cao dân-trí là cần-thiết cho sự tiến-bộ của quốc-gia, Chính-phủ đã mở các lớp học bình-dân ở khắp mọi nơi. Là người dân một nước độc-lập, ta phải sốt sắng đi học. Ta lại phải tích-cực tham-gia phong-trào chống nạn mù chữ.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi hăng-hái tham-gia công-cuộc chống nạn thất học.

CA-DAO: Muốn cho nước mạnh dân hùng,
Mở-mang việc học, ta cùng góp công.

CÂU HỎI: Vì sao nạn thất-học ở nước ta khá trầm-trọng? Nạn thất học nguy-hại thế nào? Ta có bổn-phận gì đối với việc chống nạn mù chữ?



42. GIÚP ĐỒNG-BÀO BỊ CHÁY NHÀ

DÀN BÀI: 1) Hỏa-hoạn gây những thiệt-hại lớn-lao.

2) Ta có bổn-phận giúp-đỡ những người bị cháy nhà.

TOÁT-YẾU: 1— Nhà cháy thì cơ-nghiệp ra tro, gia-đình không nơi trú mưa, che nắng. Đứng trước cảnh đau-thương, điêu-đứng ấy, mọi người đều có bổn-phận góp công, góp của giúp-đỡ nạn nhân.

2— Trước hết, ta phải thu xếp ngay cho họ có một nơi tạm-trú, cấp-phát thực phẩm, quần áo, đồ dùng. Sau đó, phải giúp cho họ phương-tiện dựng lại cơ-nghiệp. Muốn thế công-cuộc cứu-trợ phải được mọi tầng-lớp nhân-dân hưởng-ứng.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi hết lòng giúp-đỡ đồng-bào bị cháy nhà.

CA-DAO: Nhà em kìn càng cao tường,
Thương ai nhà cháy nắng sương dài dàu.

CÂU HỎI: Hỏa-hoạn gây những thiệt-hại gì? Những người cháy bị khổ-sở thế nào? Ta có bổn-phận gì đối với họ?

43. GIÚP ĐỒNG-BÀO BỊ BÃO LỤT

DÀN BÀI: 1) Bão lụt làm tiêu-tan nhà cửa, mùa màng.

2) Ta có bổn-phận giúp-đỡ đồng-bào bị bão lụt.

TOÁT-YẾU: 1— Khi có bão lụt thì mùa màng bị phá-hủy, người bị chết, nhà cửa, gia-súc, thóc lúa bị cuốn theo dòng nước. Biết bao nhiêu gia-đình tan-nát, bơ-vơ, không nơi trú ẩn.

2— Ta phải tận-tâm, tận-lực cứu-giúp những nạn-nhân thoát vòng nguy-khốn để rồi tái-tạo cơ-nghiệp. Giúp họ trở lại cuộc sống bình-thường để lại tham-gia sản-xuất là ta đã góp phần vào việc phục-hồi kinh-tế quốc-gia sau cơn tai biến.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi hết lòng giúp-đỡ đồng-bào bị bão lụt.

CA-DAO: Đồng-bào bị lụt bơ-vơ,

Cùng chung nỗi giống làm ngư-sao đành!

CÂU HỎI: Nạn bão lụt gây những thiệt-hại gì? Nạn-nhân bão lụt khổ-sở như thế nào? Ta có bổn-phận gì đối với họ?

44. KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo: Những em nào đã:

- Dạy giúp các lớp bình-dân? Dạy học cho người làm ở nhà?
- Tham-dự vào việc cổ-động chống nạn thất-học?
- Tham-gia việc cứu-trợ đồng-bào bị cháy nhà? Có dịp chữa cháy?
- Giúp-đỡ đồng-bào bị bão lụt?



45. NHÂN-TỪ

DÀN BÀI: 1) Nhân-từ là gì?

2) Thi-dự những người có lòng nhân-đ.

TOÁT-YẾU : 1— Nhân-tử là lòng biết yêu người, thương người, coi cái đau-khổ của người như cái đau-khổ của mình và tìm mọi cách giúp đỡ.

2— Thấy người đói rét cho cơm ăn, áo mặc ; gặp người hoạn-nạn giúp đỡ bạc tiền ; thấy người ốm đau cung-cấp thuốc men ; như vậy là có lòng nhân-tử.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi yêu thương và cứu-giúp người nghèo khổ.

TU-TƯỜNG : Thương người như thể thương thân.

CÂU HỎI : Thế nào là người có lòng nhân-tử ? Kể thí-dụ những người có lòng nhân-tử ? Khi thấy người đói khổ, hoạn-nạn, em phải làm gì ?



46 NHÂN-TỬ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Người có lòng nhân-tử ai cũng kính-mến.

2) Việc cứu-giúp phải thành-thật và tế-nhĩ.

TOÁT-YẾU : 1— Người có lòng nhân-tử đặt tình yêu thương lên trên hết, lúc nào cũng sẵn sàng hy-sinh thời-giờ, công-sức, tiền của để làm dịu nỗi đau thương của người khác. Cho nên ai cũng kính-mến.

2— Khi cứu giúp người ta phải thành-thật và tế-nhĩ để họ khỏi tủi, vì của cho không quý bằng cách cho. Việc cứu-trợ cũng cần sáng-suốt và đúng lúc mới có giá-trị.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi rất kính-mến những người có từ-tâm.

CA-ĐẠO : Hơn nhau vì một chữ nhân,

Ở cho có đức, có ân với người.

CÂU HỎI : Tại sao người có lòng nhân-tử ai cũng kính-mến ? Kể những hành-động nhân-tử mà chỉ được biết. Việc cứu giúp người phải thế nào mới có giá-trị ?



47. BÁC-ÁI

DÀN BÀI : 1) Lòng bác-ái là gì ?

2) Thí-dụ những người có lòng bác-ái.

3) Lòng bác-ái rất cao-quý.

47. BÁC-ÁI

DÀN BÀI : 1) Lòng bác-ái là gì ?

2) Thí-dụ những người có lòng bác-ái.

3) Lòng bác-ái rất cao-quý.

TOÁT-YẾU : 1— Lòng bác-ái là tình thương-yêu mọi người, không phân-biệt quốc-gia, chủng-tộc. Tình yêu-thương này còn bao-trùm cả loài vật.

2— Những bác-sĩ các nước bạn tình nguyện sang nước ta giúp dân di-cư tỵ-nạn ; Hội Hồng-thập-tự quốc-tế cứu-trợ các nạn nhân bất cứ thuộc nước nào ; Hội bảo-vệ súc-vật, v.v... đều hoạt-động vì lòng bác-ái.

3— Nhờ lòng bác-ái, những nỗi đau thương của nhân-loại được xoa dịu dần dần. Người ta hy-vọng các dân-tộc sẽ bắt tay nhau chặt-chẽ để cùng góp phần xây-dựng một thế-giới văn-minh và hạnh-phúc.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi quyết noi gương bác-ái của các bậc hiền-nhân.

TU-TƯỜNG : Thiên-hạ nhất gia.

CÂU HỎI : Thế nào là người có lòng bác-ái ? Kể thí-dụ những người có lòng bác-ái. Nhờ lòng bác-ái, những nỗi đau-thương của nhân-loại sẽ thế nào ?



48 KIỂM-THẢO

(Theo phương pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đã :

- Được đi thăm những cô-nhi-viện ? ký-nhĩ-viện ?... Cảm-tưởng của các em khi đến thăm các nơi ấy ?
- Giúp-đỡ những người tàn tật ? (Kể từng trường-hợp).
- Giúp-đỡ những kẻ nghèo-khó ? (Kể từng trường-hợp).
- Biết thương-yêu loài vật ? Tỏ lòng thương-yêu ấy cách nào ?



CHƯƠNG IV

BỒN - PHẬN ĐỐI VỚI
QUỐC - GIA

49. TRÁNH NHỮNG HÀNH-VI CÓ HẠI CHO NƯỚC

DÀN BÀI : 1) Không vì lợi riêng mà làm hại đến quyền-lợi của dân-tộc
2) Tránh những hành-động, ngôn-ngữ, cử-chỉ làm nhục quốc-thê

TOÁT-YẾU : 1— Người có lòng yêu nước hết sức tránh những hành-vi có hại cho nước. Không bao giờ vì lợi riêng mà làm tổn-hại đến quyền-lợi của dân-tộc như : đầu-cơ, tích-trữ buôn lậu... hoặc ham lợi mà phạm những tội phản-quốc như : tiếp tế cho địch, dò tin-tức cho địch, v.v...

2— Không bao giờ có những hành-động, ngôn-ngữ, cử-chỉ phượng-hại đến thanh-danh của quốc-gia như : khúm-núm trước người ngoại-quốc, đánh chửi nhau ngoài đường, không giữ vệ-sinh chung nơi công-cộng, v.v...

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi cố tránh những hành-vi có hại cho nước.

TU-TƯỜNG : Người có lòng với nước chỉ biết có nước, lợi cho nước thì làm, hại cho nước thì tránh.

CÂU HỎI : Người có lòng yêu nước tránh những hành-vi gì ? Kể những hành-vi xét ra có hại cho nước. Tại sao phải tránh những hành-vi này ?

50. TRÁNH NHỮNG HÀNH-VI CÓ HẠI
CHO NƯỚC (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Không tiết-tộ bí-mật trong cơ-quan, không chỉ-trích thiếu xây-dựng.
2) Ngăn-cản những người có hành-vi hại cho nước.

TOÁT-YẾU : 1— Người có lòng yêu nước tuyệt-đối giữ bí-mật trong cơ-quan, không bao giờ chỉ-trích thiếu xây-dựng hoặc có những ngôn-ngữ lợi cho đối-phương.

2— Thấy người khác có hành-vi hại cho nước thì hết sức tìm cách giải-thích, ngăn-cản. Nếu họ cố-tình làm những việc phản lại quyền-lợi quốc-gia thì không ngần ngại tố-giác với nhà hữu-trách.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi không bao giờ làm việc gì phản dân, hại nước.

CA-DAO : Những phường hại nước cầu vinh,
Là đồ cầu-trợ ô-danh muôn đời.

CÂU HỎI : Tại sao cần giữ bí-mật trong cơ-quan ? Những ngôn-ngữ như thế nào có lợi cho đối-phương ? Khi thấy người có hành-vi hại cho nước, ta phải làm gì ?

*

51. DUY-TRÌ THUẦN-PHONG MỸ-TỤC

DÀN BÀI : 1) Định-nghĩa phong-tục.
2) Phân-biệt mỹ-tục và hủ-tục.

TOÁT-YẾU : 1— Phong-tục là những thói quen được truyền từ đời nọ qua đời kia, tạo thành nếp sống của dân-tộc ta suốt mấy ngàn năm lịch-sử.

2— Nước ta có rất nhiều mỹ-tục như : tục thờ cúng tổ-tiên, tục khao thọ, tục làng bắt vợ, v.v... Nhưng cũng có những hủ-tục phản văn-minh, tiến-hóa như : tục ma chay, tục đốt vàng mã, tục tảo-hôn, v.v...

Ta phải biết phân-biệt mỹ-tục và hủ-tục.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi sáng-suốt nhận-định để khỏi làm hủ-tục với mỹ-tục.

CÁCH-NGÔN : Đất có lễ, quê có thói.

CÂU HỎI : Phong-tục là gì ? Thê nào là mỹ-tục ? Thê nào là hủ-tục ? Thê dụ, Tại sao ta phải biết phân-biệt mỹ-tục và hủ-tục ?

*

52. DUY-TRÌ THUẦN-PHONG MỸ-TỤC (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Lợi-ích của mỹ-tục.
2) Bồn-phận duy-trì thuần-phong mỹ-tục.

TOÁT-YẾU : 1— Chính nhờ những thuần-phong mỹ-tục mà qua nhiều cuộc biến-chuyển của lịch-sử, nền đạo-lý Việt-Nam vẫn không bị lay-chuyển.

2— Ta có bốn-phận triệt-đế bài trừ hủ-tục. Nhưng đồng-thời cũng phải tích-cực duy-trì thuần phong mỹ-tục, nhất là trong giai đoạn hiện-tại mà việc khẩn-trương nhất sau bao năm chiến-tranh là phục-hưng luân-lý và tái-tạo tinh-thần.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi quyết bài-trừ hủ-tục và giữ-gìn thuần-phong mỹ-tục.

CA DAO : Thuần phong mỹ tục của ta,
Phải duy trì lấy mới là Việt-Nam.

CAU HỎI : Những mỹ-tục cổ lợi gì cho dân-tộc ? Tại sao ta phải bài-trừ hủ-tục ? Vì lẽ gì ta phải tích-cực duy-trì thuần-phong mỹ-tục, nhất là trong lúc này ?



53. KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đã :

- Có những hành-động, ngôn-ngữ tỏ ra mình yêu nước ? Trong những trường-hợp nào ?
- Biết trọng những ngày giỗ tết trong gia-đình ? Sốt sáng giúp-đỡ cha mẹ trong những ngày ấy ?
- Theo đúng lễ-giáo Việt-Nam trong cách xưng-hô, chào hỏi ?



54. THÂU-THẬP TINH-HOA VĂN-HÓA NƯỚC NGOÀI

DÀN BÀI : 1) Nước nào cũng có cái hay, cái dở.

2) Nước ta chịu ảnh-hưởng của nền văn-hóa Đông-phương và Tây-phương.

TOÁT-YẾU : 1— Nước nào cũng có cái hay, cái dở. Cái hay là tinh-hoa, ta nên bắt chước, cái dở là cặn-bã, ta phải tránh xa.

2— Nước ta đã chịu ảnh-hưởng của nền văn-hóa Trung-hoa và nền văn-minh Âu Mỹ. Đứng trước hai ảnh-hưởng Đông Tây, dân-tộc ta đã biết lựa-lọc những cái hay của người, biến-chế cho thích hợp với hoàn-cảnh xã-hội Việt-Nam.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi cố-gắng học cái hay và tránh cái dở của nước ngoài.

CA-DAO : Nước nào cũng có điều hay,
Ta nên thu-thập, mỗi ngày tiến thêm.

CAU HỎI : Thế nào là tinh-hoa văn-hóa nước ngoài ? Nước ta chịu ảnh-hưởng của nền văn-hóa nước nào ? Đối với cái hay của nước ngoài, ta phải làm gì ? Đối với cái dở, ta phải thế nào ?

55. THÂU-THẬP TINH-HOA VĂN-HÓA NƯỚC NGOÀI (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Thu-thập tinh-hoa ngoại-quốc.

2) Đả-phá những ảnh-hưởng xấu-xa của nước ngoài.

TOÁT-YẾU : 1— Muốn cho việc thu-thập tinh-hoa văn-hóa nước ngoài đạt được nhiều kết-quả, ta phải đặt kế-hoạch cử người đi học những điều ta còn kém tại các nước văn-minh, để về giúp ích cho quốc-gia.

2— Đồng-thời ta cũng cực lực đả-phá những ảnh-hưởng xấu-xa của nước ngoài, để giữ cho nền văn-hóa nước nhà được lành-mạnh.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi quyết đả-phá những ảnh-hưởng xấu-xa của nước ngoài.

CA-DAO : Điều hay ta học của người,
Còn như điều dở ta thời tránh xa.

CAU HỎI : Muốn cho việc thu-thập tinh-hoa văn-hóa nước ngoài đạt được nhiều kết-quả, ta phải làm gì ? Vì sao ta phải đả-phá những ảnh-hưởng xấu-xa của nước ngoài ?



CHƯƠNG V

BỒN-PHẬN NGƯỜI CÔNG-DÂN

56. THI HÀNH QUÂN-DỊCH

DÀN BÀI : 1) Người dân có bổn-phận bảo-vệ đất nước.
2) Thi-hành quân-dịch là góp phần bảo-vệ đất nước.

TOÁT-YẾU : 1 - Nước độc-lập thì dân được tự lo, hạnh-phúc. Nước mất thì dân bị nô-lệ, khổ-sở. Cho nên mọi người công-dân đều có bổn-phận bảo-vệ đất nước. Bảo-vệ đất nước tức là bảo-vệ an-ninh của chính mình và gia-dình mình vậy.

2 - Muốn bảo-vệ đất nước hữu-hiệu, người dân phải được huấn-luyện về quân-sự trong một thời-gian do luật định. Nhập-ngũ trong thời-gian đó là thi-hành quân-dịch. Vậy thi-hành quân-dịch là góp phần bảo-vệ đất nước.

QUYẾT-ĐỊNH : Khi trưởng-thành tới sốt-sắng thi-hành quân-dịch.

CA-DAO : Góp phần bảo-vệ quốc-gia,
Nước mà có vững thì nhà mới yên.

CÂU HỎI : Nước độc-lập thì dân thế nào ? Trái lại thì sao ? Vì sao ta có bổn-phận bảo-vệ đất nước ? Thi-hành quân-dịch là gì ?

57. THI-HÀNH QUÂN DỊCH (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Thi-hành quân-dịch là một bổn-phận và là một vinh-dự.
2) Trốn quân-dịch là có tội với quốc-gia.

TOÁT-YẾU : 1 - Ở bất cứ một nước dân-chủ nào trên thế-giới, người dân cũng phải thi hành quân-dịch để góp phần gìn-giữ quê-hương, xứ-sở. Quân-dịch là một bổn-phận cao-quý và cũng là một vinh-dự lớn-lao đối với người dân yêu nước.

2 - Người thanh-niên đến tuổi trưởng-thành phải sốt-sắng thi-hành quân-dịch. Trốn tránh quân-dịch là hèn-nhát, không những bị dư-luận khinh-khi mà còn bị pháp-luật kết-tội.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi rất khinh những kẻ trốn tránh quân-dịch.

CA-DAO : Thanh-niên đến tuổi trưởng-thành,
Thi-hành quân-dịch, đấu tranh diệt thù.

ĐỨC DỤC

39

CÂU HỎI : Ở bất cứ một nước dân-chủ nào, người dân có bổn-phận gì ? Tại sao quân-dịch vừa là một bổn-phận vừa là một vinh-dự ? Người trốn-tránh quân-dịch bị coi thế nào ?



58. KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đã :

- Đọc sách báo hay xem phim ảnh nói về cái hay của nước ngoài ? (kể những cái hay ấy ra).
- Biết tránh những cái dở của nước ngoài ? (kể những cái dở ấy ra).
- Có thân-nhân thi-hành quân-dịch ?
- Có dịp đi thăm hoặc giúp-đỡ tân-binh ?



59. ĐÓNG THUẾ

DÀN BÀI : 1) Muốn kiến-thiết quốc-gia, cần phải có tiền.
2) Đóng thuế là góp phần kiến-thiết quốc-gia.

TOÁT-YẾU : 1 - Muốn thực-hiện những việc công-ích như : làm đường sá, cầu cống, xây cất nhà thương, trường học, trả lương công-chức, quân-đội, v v..., quốc-gia cần có tiền.

2 Tiền này do toàn-dân đóng góp, gọi là đóng thuế. Vậy đóng thuế tức là góp phần kiến-thiết xứ-sở, đem lại hạnh-phúc chung cho mọi người.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi không bao giờ quên ý-nghĩa của việc đóng thuế.

CA-DAO : Người dân muốn hưởng tiện-nghĩ,
Sẵn-sàng đóng thuế, quân chi tốn tiền.

CÂU HỎI : Muốn thực-hiện những việc công-ích, một quốc-gia cần có gì ? Tiền này do ai đóng góp ? Việc đóng thuế có ý-nghĩa gì ?



60. ĐÓNG THUẾ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Bổn-phận phải đóng thuế.
2) Không được gian-lận thuế, trốn thuế.

TOÁT-YẾU: 1 - Nền tài-chánh của quốc-gia có đổi đào thì việc kiến-thiết mới nhanh-chóng, nước nhà mới cường-thịnh, người dân mới được hưởng an-ninh hạnh-phúc. Vì vậy đóng thuế là bổn-phận thiết-yếu của mọi công-dân. Người dân yêu nước sẵn-sàng đóng thuế đủ số và đúng kỳ hạn.

2 Trốn thuế, gian-lận thuế không những bị mọi người khinh-rẻ mà còn bị pháp-luật nghiêm-trị, vì như vậy là ăn cắp công-quy, ăn cắp đồng-bào

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi coi khinh những kẻ trốn thuế, gian-lận thuế.

CA-DAO: Những người trốn thuế quốc-gia, Ấy phũ phàng ăn cắp, thật là đáng khinh.

CÂU HỎI: Nền tài-chánh đổi-đào thì quốc-gia thế nào? Trái lại thì sao? Vì vậy người dân có bổn-phận gì? Những người trốn thuế và gian-lận thuế bị coi thế nào?



61. TUÂN THEO PHÁP-LUẬT

DÀN BÀI: 1) Định nghĩa pháp-luật.
2) Quốc-hội soạn-thảo pháp-luật.

TOÁT-YẾU: 1 - Trong xã-hội có những lệ chung buộc mọi người phải theo để tránh sự xung-đột. Thí-dụ: ta không muốn ai ăn cắp của ta, người khác cũng không muốn ta ăn cắp của họ, mọi người đều không muốn người khác ăn cắp của mình. Thế là có lệ chung: không ai được ăn cắp của ai. Lệ chung ấy là pháp-luật.

2 - Ở một nước dân-chủ, pháp-luật do Quốc-hội soạn-thảo và như vậy phù-hợp với ý-nguyện của nhân-dân.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi luôn luôn tôn-trọng pháp-luật.

CA-DAO: Pháp-luật là những lệ chung,
Sống trong xã-hội phải cùng tuân theo.

CÂU HỎI: Pháp-luật là gì? Ở một nước dân-chủ, cơ-quan nào soạn-thảo pháp-luật? Em hãy kể một vài đạo luật thông-thường mà em biết.

62. TUÂN THEO PHÁP-LUẬT (tiếp theo)

DÀN BÀI: 1) Pháp-luật rất cần.
2) Bổn-phận phải tuân theo pháp-luật.

TOÁT-YẾU: 1 - Pháp-luật đặt ra để duy-trì an-ninh, trật-tự trong xã-hội, bảo-vệ quyền-lợi cho mọi người. Trong một xã-hội, nếu ai cũng có thể làm thiệt cho người khác để mưu lợi-ích riêng cho mình, thì xã hội ấy nhất-định sẽ tan-rã. Vì vậy người công-dân xứng-đáng bao giờ cũng tôn-trọng và tuân theo pháp luật.

2 - Người trọng pháp-luật tất-nhiên tôn-kính nhà chức-trách có nhiệm-vụ thi-hành pháp-luật.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi luôn luôn tôn-kính nhà chức-trách.

CA-DAO: Chính nhờ luật-pháp quốc-gia,
Nhân-dân yên-đn, nhà nhà êm vui.

CÂU HỎI: Pháp-luật đặt ra để làm gì? Một xã-hội không luật-pháp sẽ như thế nào? Vì sao ta phải tuân theo pháp luật và tôn-kính nhà chức-trách?



63 KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo: Những em nào đã:

- Đọc báo biết chuyện những người gian-lận thuế bị pháp-luật trừng-phạt (Hãy kể ra).
- Biết nhà mình phải đóng những thứ thuế gì? Kể ra.
- Tô ra có tinh-thần tôn-trọng kỷ-luật học-đường? Tôn-trọng luật đi đường?



64. GIỮ VỆ-SINH CHUNG

DÀN BÀI: 1) Phải giữ vệ-sinh cho bản-thân và gia-đình.
2) Phải giữ vệ-sinh ở những nơi công-cộng.

TOÁT-YẾU: 1 - Nhà ta ở có ảnh-hưởng đến sức khỏe của ta và gia-đình ta. Những nơi công-cộng như ao, giếng, sông ngòi, đường-sá có ảnh hưởng chung đến sức khỏe của mọi người.

2 - Vì vậy, không những ta phải giữ vệ-sinh cho bản-thân và gia đình ta, mà còn phải giữ vệ sinh ở những nơi công-cộng để bảo-vệ sức khỏe của những người chung quanh ta.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi luôn luôn giữ vệ sinh chung.

CA-DAO: Giếng, ao, đường-sá, sông, ngòi,
Giữ gìn sạch-sẽ mọi người hưởng chung.

CÂU HỎI: Chứng-minh rằng nhà ta ở có ảnh-hưởng đến sức khỏe của ta. Những nơi công-cộng có ảnh hưởng đến sức khỏe của mọi người thế nào? Vì sao ta phải giữ vệ-sinh chung?

65. GIỮ VỆ-SINH CHUNG (tiếp theo)

DÀN BÀI: 1) Cách giữ vệ-sinh chung.

2) Biết giữ vệ-sinh chung là biết tự-trọng.

TOÁT-YẾU: 1 - Ta phải giữ-gìn sông, ngòi, ao, giếng cho sạch-sẽ để nước được trong lành, khỏi hại đến sức khỏe của mọi người. Ta cũng không nên phóng-uế hoặc vứt những thứ dơ-bẩn ra đường hay nơi công-cộng. Ngoài ra, ta còn cần sốt-sắng tham-gia những công-tác vệ-sinh chung và vận-động mọi người nhiệt-liệt hưởng-ứng.

2 - Người giữ vệ-sinh chung là người biết tự-trọng và có ý-thức công-dân, nên ai cũng kính mến.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi hăng-hái tham-gia công-tác vệ-sinh chung.

CA DAO: Tham-gia công-tác vệ-sinh,
Xóm làng sạch-sẽ, chúng mình yên-vui.

CÂU HỎI: Ta giữ-gìn vệ-sinh chung cách nào? Vì sao ta kính-mến những người biết giữ vệ-sinh chung? Đối với những người không biết giữ vệ-sinh chung, ta có bổn-phận gì?

66. BẢO-VỆ RỪNG

DÀN BÀI: 1) Lợi-ích của rừng.

2) Bổn-phận bảo-vệ rừng.

TOÁT-YẾU: 1 - Rừng cung-cấp cho ta rất nhiều lâm-sản như gỗ, tre, nứa, thực-phẩm, thảo-được, v.v... Rừng là một nguồn lợi nuôi sống nhiều gia-đình sơn-cước. Việc khai-thác rừng hằng năm đem lại cho ngân-quỹ quốc-gia một số tiền đáng kể. Rừng còn ngăn-cản nước lũ, giúp ta tránh được nạn lụt.

2 - Rừng có ích-lợi như vậy, cho nên ta phải bảo-vệ để khỏi làm thiệt-hại cho quốc-gia và dân-chúng.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi quyết-tâm bảo-vệ rừng.

CA-DAO: Rừng là nguồn-lợi vô-biên,
Ta cần bảo-vệ, giữ quyền-lợi chung.

CÂU HỎI: Rừng cung-cấp cho ta những gì? Rừng còn có ích gì nữa? Vì sao ta phải bảo-vệ rừng?

67. BẢO-VỆ RỪNG (tiếp theo)

DÀN BÀI: 1) Không đốt cây non.

2) Chống nạn cháy rừng.

TOÁT-YẾU: 1 - Muốn bảo-vệ rừng, ta không nên đốt nhưng cây non hoặc đốt quang cả một khu rừng, khiến cho cây không sinh-sản được.

2 - Để tránh nạn cháy rừng, ta phải cẩn-thận khi đốt rừng khẩn-hoang và phải hết sức thận-trọng mỗi khi dùng lửa trong rừng. Khi xảy ra cháy rừng, ta phải tận-tình chữa cháy và kêu gọi mọi người tham-gia; đồng thời cấp-báo cho cơ quan hữu trách địa-phương.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi sốt-sắng chống nạn cháy rừng.

CA-DAO: Cháy rừng thiệt hại biết bao!
Của chung gìn giữ lẽ nào chẳng lo.

CÂU HỎI: Tại sao ta không nên đốt cây non trong rừng? Đốt quang cả một khu rừng có hại thế nào? Ta phải làm gì để tránh nạn cháy rừng? Khi xảy ra cháy rừng, ta phải làm gì?

68. KIỂM THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm thảo : Những em nào đã :

- Biết giữ sạch-sẽ hồ, ao, giếng, sông, ngòi ?
- Không vứt thứ dơ-bẩn ra ngoài đường và những nơi công-cộng ?
- Không phóng-uế bậy-bạ ?
- Không đốn cây non trong rừng mỗi khi đi cắm trại ?
- Thận-trọng khi dùng lửa trong rừng ?



69. TÔN-TRỌNG QUỐC-KỶ

DÀN BÀI : 1) Ý-nghĩa quốc-kỷ.
2) Tôn-trọng quốc-kỷ.

TOÁT-YẾU : 1. — Quốc kỷ là lá cờ riêng của quốc gia. Nó tượng-trưng tinh-thần bất-khuất, ý-chí độc-lập, hùng-cường của dân-tộc.

2. — Để tỏ lòng tôn-trọng, khi thấy quốc-kỷ đi qua hay lúc kéo lên, hạ xuống, ta phải ngả mũ, nghiêm-chính đứng chào.

Ta cũng phải giữ-gìn quốc kỷ sạch-sẽ, không nên để rách nát phai màu và không được làm rơi dưới đất.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi hết lòng tôn-trọng quốc-kỷ.

CA-DAO : Màu cờ Tổ-quốc nêu cao,
Nơi gương tiên-liệt, máu đào tiếc chỉ.

CÂU HỎI : Quốc-kỷ là gì ? Quốc-kỷ tượng-trưng gì ? Để tỏ lòng tôn-trọng quốc kỷ, ta phải làm gì ?



70. TÔN-TRỌNG QUỐC-CA

DÀN BÀI : 1) Ý-nghĩa quốc-ca.
2) Tôn-trọng quốc-ca.

TOÁT-YẾU : 1. — Quốc ca là bài ca thiêng-liêng của quốc-gia. Cũng như quốc-kỷ, quốc-ca tượng-trưng ý-chí độc-lập, hùng-cường của dân-tộc. Quốc-ca chỉ được cử trong những dịp trọng-thể.

2. — Để tỏ lòng tôn-trọng quốc-ca, khi nghe hay hát quốc-ca, ta phải đứng nghiêm-chính cho tới khi bài ca chấm dứt.

QUYẾT-ĐỊNH : Khi nghe quốc-ca, tôi đứng thẳng người, im-lặng.

CA-DAO : Hồn thiêng sông núi đâu đây,
Quốc-ca hùng-tráng háng-say lòng người.

CÂU HỎI : Quốc-ca là gì ? Quốc-ca tượng-trưng gì ? Quốc-ca chỉ được cử trong những dịp nào ? Khi nghe hát quốc-ca, ta phải thế nào ?



71. TÔN-TRỌNG KỶ LUẬT QUỐC-GIA

DÀN BÀI : 1) Kỷ-luật quốc-gia rất cần.
2) Phải tôn-trọng kỷ-luật quốc-gia.

TOÁT-YẾU : 1. — Đoàn thể cần có kỷ-luật đoàn-thể ; học-đường cần có kỷ-luật học-đường ; quốc-gia lại càng cần có kỷ-luật quốc-gia. Kỷ-luật quốc-gia có được tôn-trọng thì guồng máy quốc-gia mới được điều-hành tốt-đẹp, nước mới thịnh, dân mới yên.

2. — Vì vậy mọi người có bốn-phận tôn-trọng kỷ-luật quốc-gia. Muốn thế, ta phải tuân theo pháp-luật, kính-trọng nhà chức-trách, làm tròn nhiệm-vụ của mình.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi quyết tôn-trọng kỷ-luật quốc-gia.

CA-DAO : Tuân theo kỷ-luật quốc-gia,
Làm cho nước mạnh, cho nhà yên-vui.

CÂU HỎI : Kỷ-luật quốc-gia là gì ? Kỷ-luật quốc-gia cần như thế nào ? Muốn tỏ ra biết tôn-trọng kỷ-luật quốc-gia, ta phải làm gì ?

72. KIỂM - THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo: Những em nào đã:

- Đứng nghiêm-chỉnh, im-lặng chào cờ khi vào học và tan học?
- Đứng thẳng người chào khi thấy quốc-kỳ đi qua? (Trong trường-hợp nào?)
- Hát quốc-ca đúng nhịp điệu?
- Đứng nghiêm-trang khi hát quốc-ca?
- Biết tôn-kính nhà chức-trách? (Trong trường-hợp nào?)



73. Ý-NIỆM THÔNG-THƯỜNG VỀ GIẤY KHAI-SINH

DÀN BÀI: 1) Cách-thức khai-sinh.

2) Trên giấy khai-sinh ghi gì?

TOÁT-YẾU: 1.— Sau khi sinh, trong vòng một tuần-lẻ, phải đến phòng hộ-tịch xã khai-sinh cho đứa nhỏ. Cần có hai người chứng trên 21 tuổi. Cần đem theo sổ gia-đình, thẻ căn-cứ và giấy chứng-nhận của nhà bảo-sinh.

2.— Trên giấy khai-sinh ghi họ, tên, ngày sinh, nơi sinh và tên cha mẹ đứa bé.

QUYẾT-ĐỊNH: Tôi nhớ kỹ cách-thức khai-sinh.

CA-DAO: Đẻ con phải nhớ khai-sinh,

Nơi phòng hộ-tịch xã mình ngại chi.

CAU HỎI: Sau khi sinh, trong bao lâu thì phải khai-sinh cho đứa nhỏ? Phải có mấy người chứng và phải đem theo gì? Trên giấy khai-sinh ghi gì?



74. Ý-NIỆM THÔNG-THƯỜNG VỀ GIẤY KHAI-SINH (tiếp theo)

DÀN BÀI: 1) Giấy khai-sinh rất cần.

2) Trích-lục khai-sinh hợp-lệ.

TOÁT-YẾU: 1.— Giấy khai-sinh rất cần để đi học, đi thi và lớn lên xin làm việc hoặc lập gia-đình.

2.— Những bản trích-lục do phòng hộ-tịch các xã cấp-phát và có chính-quyền địa-phương thị-thực chữ ký của Hội-đồng xã được coi là hợp-lệ. Cũng được kể là hợp-lệ tất cả các bản trích-lục khai-sinh hoặc thế vì khai-sinh do tòa án cấp-phát.

QUYẾT-ĐỊNH: Giấy khai-sinh rất cần, tôi phải giữ-gìn cẩn thận.

CA-DAO: Nếu không có giấy khai-sinh,

Làm sao xin học mai thành người khôn?

CAU HỎI: Lúc bé cần giấy khai-sinh làm gì? Khi lớn cần giấy khai-sinh làm gì? Những bản trích-lục khai-sinh nào được kể là hợp-lệ?



75.— Ý-NIỆM THÔNG-THƯỜNG VỀ GIẤY KHAI-TỬ

DÀN BÀI: 1) Cách-thức khai-tử.

2) Trên giấy khai-tử ghi gì?

TOÁT-YẾU: 1.— Nhà nào có người chết, phải khai trong 24 giờ tại phòng hộ-tịch Tòa Hành-chánh quận nếu ở Đô-thành, hoặc phòng hộ-tịch Hội-đồng xã nếu ở thôn-quê. Người khai phải có thẻ căn-cứ của người chết và hai người chứng.

2.— Trên giấy khai-tử ghi họ, tên, ngày sinh, nơi sinh của người chết, ngày và nơi chết.

CA-DAO: Có người chết nhớ trình khai,

Tại phòng hộ-tịch ngay nơi xã mình.

CAU HỎI: Khi nhà có người chết, phải làm gì? Khai tại đâu? Người khai phải đem theo gì? Trên giấy khai-tử ghi gì?

76. Ý-NIỆM THÔNG-THƯỜNG VỀ GIẤY KHAI-TỬ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Cần phải khai-tử.
2) Phải khám-nghiệm tử-thi trước khi cho phép chôn.

TOÁT-YẾU : 1.— Việc khai-tử giúp cho nhà chức-trách biết rõ sự tăng-giảm dân-số trong nước và nguyên-do người dân chết. Nếu chết vì bệnh truyền-nhiễm thì sẽ tìm cách ngăn-ngừa cho bệnh khỏi lan-tràn. Nếu chết vì bị ám-sát thì sẽ truy-tầm thủ-phạm, v.v...

2.— Khi có người khai-tử, y-sĩ hoặc hội-viên hộ-tịch được phái tới nơi khám-nghiệm tử-thi trước khi cho phép chôn.

CA-DAO : Việc khai-tử rất là cần,
Giúp ta biết rõ số dân hiện còn.

CÂU HỎI : Việc khai-tử giúp cho nhà chức-trách biết rõ gì ? Biết như vậy có lợi thế nào ? Khi có người khai-tử, y-sĩ hoặc hội-viên hộ-tịch được phái tới nơi làm gì ?



77. Ý-NIỆM THÔNG-THƯỜNG VỀ GIẤY GIÁ-THỨ

DÀN BÀI : 1) Khi kết-hôn phải lập tờ giấy giá-thứ.
2) Giấy giá-thứ rất cần.

TOÁT-YẾU : 1.— Vợ chồng, khi kết-hôn, khai lập tờ giá-thứ tại phòng hộ-tịch địa-phương. Trên giấy giá-thứ có ghi họ, tên, ngày sinh, nơi sinh, nghề-nghiệp, chỗ ở của chồng, của vợ, của cha mẹ chồng, cha mẹ vợ và các người chứng.

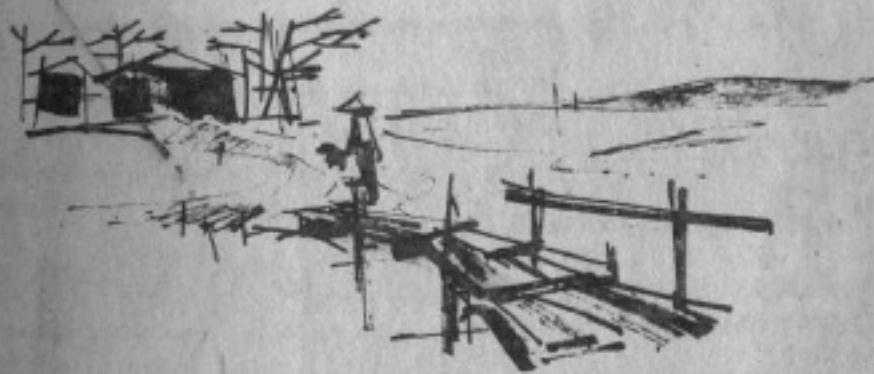
2.— Có giấy giá-thứ thì khi sinh con mới khai-sinh được và vợ mới được hưởng quyền-lợi khi chồng chết.

CA-DAO : Muốn cho thành vợ, thành chồng,
Lập tờ hôn thú mới mong lâu dài.

CÂU HỎI : Giấy giá-thứ là gì ? Trên giấy giá-thứ ghi gì ? Giấy giá-thứ cần như thế nào ?

78. THỰC-HÀNH

- Hỏi xem những em nào đã nộp giấy khai-sinh, trích-lục khai-sinh hoặc thế vì khai-sinh hợp-lệ.
- Cho các em so-sánh một tờ trích-lục khai-sinh hợp lệ với một tờ trích-lục khai-sinh bất hợp-lệ.
- Hỏi xem em nào đã có dịp chỉ-dẫn cho người lối xóm về cách-thức khai-tử.



CHƯƠNG VI

QUYỀN-LỢI NGƯỜI
CÔNG-DÂN

79. QUYỀN TỰ-DO

DÀN BÀI : 1) Mọi người đều có quyền sống tự-do.
2) Miễn là không xâm-phạm đến tự-do của người khác.

TOÁT-YẾU : 1. — Tự-do rất quý. Trong một nước độc-lập, mọi người đều có quyền sống tự-do, nghĩa là suy-nghĩ và hành-động theo ý mình.

2. — Tuy-nhiên, chúng ta chỉ được hưởng tự-do tương-đối mà thôi, vì người này phải tôn-trọng tự-do của người khác thì xã-hội mới có an-ninh, trật-tự. Bởi vậy không ai được lạm-dụng tự-do hoặc đòi-hỏi tự-do quá mức.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn tôn trọng tự-do của người khác.

TƯ-TƯỞNG : Thà chết còn hơn sống mà mất tự-do.

CÂU HỎI : Thế nào là sống tự-do ? Chứng-minh rằng tự-do rất quý. Tại sao chúng ta chỉ được hưởng tự-do tương-đối mà thôi ?



80. NHỮNG QUYỀN TỰ-DO CĂN-BẢN

DÀN BÀI : 1) Người công-dân được hưởng những quyền tự-do căn-bản.
2) Những quyền này nhiều khi cần có giới-hạn.

TOÁT-YẾU : 1. — Ở một nước dân-chủ, người công-dân được hưởng những quyền tự-do căn-bản như quyền tư-hữu, quyền tự-do đi lại, tự-do cư-trú, tự-do tín-ngưỡng, tự-do ngôn-luận, tự-do lập-hội, v.v...

2. — Tuy-nhiên, trong nhiều trường hợp, nhất là trong thời kỳ chiến-tranh, những quyền tự-do nói trên cần được giới-hạn vì an-ninh quốc-gia và quyền-lợi chung của dân-tộc.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi vui lòng chấp-nhận sự hạn-chế quyền tự-do cá nhân vì lợi-ích công-cộng.

CA-DAO : Sống mà không có tự-do,
Khác nào con vật nằm co trong chuồng

CÂU HỎI : Những quyền tự-do căn-bản là gì ? Khi nào thì những quyền đó được giới-hạn ? Thí-dụ.

81. QUYỀN TƯ-HỮU

DÀN BÀI : 1) Định-nghĩa quyền tư-hữu.
2) Đôi khi phải hy-sinh phần nào quyền tư-hữu.

TOÁT-YẾU : 1. — Mọi người đều có quyền có tài-sản riêng và sử-dụng tài-sản ấy theo ý mình, không ai được xâm-phạm đến. Quyền ấy là quyền tư-hữu. Ở các nước tự-do, dân-chủ, quyền tư-hữu được triệt-để tôn-trọng.

2. — Tuy-nhiên, trong một vài trường-hợp, chẳng hạn vì mục-đích quốc-phòng, Chính-phủ có thể trưng-dụng nhà cửa, xe-cộ... của tư-nhân.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn tôn-trọng quyền tư-hữu của người khác.

CÂU HỎI : Quyền tư-hữu là gì ? Tại sao ta phải tôn-trọng quyền tư-hữu của người khác ? Trong trường-hợp nào Chính-phủ có thể trưng-dụng tài-sản của tư-nhân ?



82. QUYỀN TỰ-DO NGÔN-LUẬN

DÀN BÀI : 1) Định-nghĩa tự-do ngôn-luận.
2) Giới-hạn quyền tự-do ngôn-luận.

TOÁT-YẾU : 1. — Tự-do ngôn-luận là tự-do phát-biểu tư-tưởng, ý-kiến của mình bằng lời nói hay bằng sách báo. Dân có quyền tham-gia việc nước tất-nhiên có quyền bày-tỏ ý-kiến của mình đối với những vấn-đề hệ-trọng của quốc-gia.

2. — Tuy-nhiên, tự-do ngôn-luận cần có giới-hạn. Không được vu khống và mạ-lý người khác, không được truyền bá những tư-tưởng có hại cho nước hay phạm đến thuần phong mỹ-tục.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi rất thận-trọng khi sử-dụng quyền tự-do ngôn-luận.

CÂU HỎI : Thế nào là quyền tự-do ngôn-luận ? Tại sao người dân có quyền tự-do ngôn-luận ? Quyền tự-do ngôn-luận cần được giới-hạn thế-nào ?

83 KIỂM THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đã :

- Tô ra biết tôn-trọng tự-do của người khác ?
Trong những trường-hợp nào ?
- Thấy những trường-hợp hạn-chế quyền tự-do cá-nhân vì lợi-ích công-cộng ? Em nghĩ sao về những trường-hợp đó ?
- Tô ra biết tôn-trọng quyền tư-hữu của người khác ? Trong những trường-hợp nào ?
- Biết thận-trọng sử-dụng quyền tự-do ngôn-luận



84. Ý-NIỆM VỀ BẦU-CỬ

DÀN BÀI : 1) Quyền bầu-cử.

2) Những ai có quyền bầu-cử ?

TOÁT-YẾU : 1.— Người công-dân một nước độc-lập có quyền và có bổn-phận chọn người thay mặt mình trong các cơ-quan công-quyền. Đó là quyền bầu-cử. Như ở nước ta hiện nay, Tổng-thống và Phó Tổng-thống, nghị-sĩ Thượng-viện, dân-biểu Hạ-viện, nghị-viên Hội-đồng tỉnh hay Đô-thành, hội-viên Hội-đồng xã đều do dân bầu.

2.— Tất cả công-dân từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu-cử. Chỉ những người can-án hay điên-khùng mới mất quyền bầu-cử.

CA DAO : Người dân một nước tự-do,
Có quyền bầu-cử, khỏi lo độc-tài.

CAU HỎI : Quyền bầu-cử là quyền gì ? Ở nước ta hiện nay, người dân được quyền bầu những ai ? Những ai có quyền bầu-cử ? Những ai bị mất quyền bầu-cử ?

85 Ý-NIỆM VỀ BẦU-CỬ (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Thẻ-thức bầu-cử.

2) Sử-dụng quyền bầu-cử.

TOÁT-YẾU 1.— Trong một nước tự-do, dân-chủ, việc bầu-cử được tổ-chức theo thể-thức phổ-thông, trực-tiếp và kín. Nghĩa là tất cả công-dân đến tuổi trưởng-thành, không phân-biệt nam nữ, giàu nghèo, giai cấp, đều được tự mình bầu thẳng người mình lựa chọn bằng phiếu-kín.

2.— Việc bầu-cử rất quan-hệ. Ta phải sống-suốt bầu người xứng-đáng để giúp ích cho dân, cho nước.

QUYẾT-ĐỊNH : Sau này, tôi quyết sử-dụng lá phiếu một cách thận-trọng và sáng-suốt.

CAU HỎI : Trong một nước tự-do, việc bầu-cử được tổ-chức thế nào ? Thẻ nào là phổ-thông, đều phiếu ? Trực tiếp và kín ? Việc bầu-cử quan-hệ như thế nào ? Ta phải sử-dụng lá phiếu thế nào ?



86. Ý-NIỆM VỀ ỨNG-CỬ

DÀN-BÀI : 1) Quyền ứng-cử.

2) Những ai nên ứng-cử ?

TOÁT-YẾU : 1.— Ở một nước dân-chủ như nước ta, người công-dân nào hội đủ những điều-kiện luật-định cũng có quyền tham-gia việc nước bằng cách ứng-cử vào những chức-vụ và cơ-quan dân-cử như : Tổng-thống và Phó Tổng-thống, Quốc-hội, Hội-đồng tỉnh hay Đô-thành, Hội đồng xã.

2.— Tuy ứng-cử là quyền của mọi công-dân, nhưng người nào có đủ tài đức gánh vác việc dân, việc nước mới nên ra tranh-cử.

CA DAO : Những ai yêu nước, thương đời,
Hãy ra ứng-cử đem tài giúp dân.

CAU HỎI : Quyền ứng-cử là quyền gì ? Ở nước ta, người công-dân có quyền ứng-cử vào những chức-vụ và cơ-quan nào ? Những người như thế nào mới nên ra tranh-cử ?

87.— KIỂM-THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đã :

- Tô ra sáng-suốt trong việc bầu-cử Toán-trưởng và Toán-phó của toán mình ?
- Biết khuyến-khích và vận-động cho những ứng-cử-viên xứng-đáng ?
- Biết mạnh-dạn ứng-cử vào những chức-vụ chỉ-huy toán hoặc liên-toán ?



TỔ-CHỨC CHÍNH-QUYỀN

88. CHÍNH QUYỀN

DÀN BÀI : 1) Định-nghĩa chính-quyền.
2) Tổ-chức chính-quyền.

TOÁT-YẾU : 1. — Chính quyền là quyền điều-khiển việc nước.

2. — Dưới thời phong-kiến, chính-quyền tập-trung trong tay nhà vua. Ở các nước độc-tài, mọi quyền-hành đều do một cá nhân hay một đảng phái nắm giữ. Ở các nước dân-chủ như nước ta, chính-quyền được tổ-chức theo nguyên-tắc tam quyền phân-lập : quyền lập-pháp, quyền hành pháp, quyền tư-pháp. Sự phân-quyền này rất cần-thiết vì tránh được nạn độc-tài, đảng-trị.

CA-DAO : Người dân một nước tự-do,
Có quyền tham-chính giúp cho nước nhà.

CÂU HỎI : Chính-quyền là gì ? Dưới thời phong-kiến, chính-quyền tập-trung trong tay ai ? Ở các nước độc-tài, mọi quyền-hành đều do ai nắm giữ ? Ở nước ta, chính-quyền được tổ-chức theo nguyên-tắc nào ? Sự phân-quyền có lợi như thế nào ?



89. QUYỀN LẬP-PHÁP

DÀN BÀI : 1) Định-nghĩa quyền lập-pháp.
2) Quyền lập-pháp thuộc về dân.

TOÁT-YẾU : 1. — Quyền lập-pháp là quyền đặt ra các đạo-luật mà toàn-dân có bổn-phận tuân theo.

2. — Ở một nước dân-chủ, quyền lập-pháp thuộc về nhân-dân. Nhân-dân bầu người tài đức đại-diện cho mình giữ quyền lập-pháp. Pháp-luật do dân đặt ra mới không phản lại quyền-lợi của dân về như vậy mới thực-sự dân-chủ.

CA-DAO : Pháp-luật do dân làm ra,

Giúp dân giàu mạnh, nước nhà hiển-vinh.

CÂU HỎI : Quyền lập-pháp là quyền gì ? Ở một nước dân-chủ, quyền lập-pháp thuộc về ai ? Người dân nắm giữ quyền này cách nào ? Pháp luật do dân đặt ra có lợi thế nào ?

90. — QUYỀN LẬP-PHÁP (tiếp theo) : QUỐC-HỘI

DÀN BÀI 1) Định-nghĩa Quốc-hội.

2) Nhiệm-vụ và quyền-hạn của Quốc-hội.

TOÁT-YẾU : 1. — Quốc-hội gồm những đại-diện do dân bầu lên để giữ quyền lập-pháp. Ở nước ta, Quốc-hội chia làm hai viện : Thượng-nghị-viện và Hạ-nghị-viện.

2. — Quốc-hội có nhiệm-vụ soạn-thảo hiến-pháp (Quốc-hội lập-hiến), biểu-quyết các đạo luật, kiểm-soát Chính-phủ và tham-dự mọi hoạt-động của quốc-gia. Muốn làm tròn nhiệm-vụ trên, các nghị-sĩ và dân-biểu được hưởng quyền tự-do phát-biểu ý-kiến và quyền bất-khả-xâm-phạm

CA-DAO : Quốc-hội do dân bầu lên,

Vì dân tranh-đấu giữ quyền-lợi chung.

CÂU HỎI : Quốc-hội là gì ? Ở nước ta, Quốc-hội gồm mấy viện ? Quốc-hội có nhiệm vụ gì ? Các nghị-sĩ và dân-biểu được hưởng đặc-quyền gì ?



91. — QUYỀN HÀNH-PHÁP : CHÍNH-PHỦ.

DÀN BÀI 1) Định-nghĩa quyền hành-pháp.

2) Quyền hành-pháp thuộc Chính-phủ.

TOÁT-YẾU : 1. — Quyền hành-pháp là quyền thi hành những đạo luật do cơ-quan lập-pháp soạn-thảo để điều-khiển guồng máy quốc-gia.

2. — Quyền hành-pháp thuộc Chính-phủ. Đứng đầu Chính-phủ là Thủ-tướng. Chính-phủ gồm nhiều bộ. Mỗi bộ do Bộ-trưởng hay Tổng-trưởng đảm-trách điều-hành mọi công việc trong phạm-vi chuyên-môn như : Bộ Nội-vụ, Bộ Quốc-phòng, Bộ Ngoại-giao, Bộ Giáo-dục và Thanh-niên v. v. ...

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi tôn-trọng quyền hành-pháp ngang với quyền lập-pháp.

CÂU HỎI : Quyền hành-pháp là quyền gì ? Quyền hành-pháp thuộc về ai ? Đứng đầu Chính-phủ là ai ? Chính-phủ gồm nhiều gì ? Mỗi bộ do ai đảm-trách ?

92. QUYỀN HÀNH-PHÁP (tiếp theo) : TỔNG-THỐNG

DÀN BÀI 1) Tổng-thống và Phó Tổng-thống do dân bầu.

2) Quyền-hạn của Tổng-thống đối với Chính-phủ và Quốc-hội.

TOÁT-YẾU : 1. — Theo hiến-pháp của nước ta hiện nay, vị nguyên-thủ quốc-gia là Tổng-thống có Phó Tổng-thống phụ-tá. Tổng-thống và Phó Tổng-thống đều do dân bầu lên theo thể-thức phổ-thông đầu phiếu.

2. — Tổng-thống chỉ-định Thủ-tướng thành-lập Chính-phủ. Tổng-thống và dân-biểu đều có thể đưa ra Quốc-hội xem-xét và biểu-quyết các dự-án luật. Nếu được Quốc-hội chấp-thuận, những dự-án luật này sẽ chuyển đến Tổng-thống để duyệt-y và ban-hành. Chính-phủ có nhiệm-vụ thi-hành những đạo luật ấy để điều-hành mọi công-việc quốc-gia.

CA-DAO : Đứng đầu đệ-nhi Cộng-hòa,

Ấy là Tổng-thống dân ta cùng bầu.

CÂU HỎI : Vị nguyên-thủ quốc-gia là ai ? Tổng-thống có ai phụ-tá ? Tổng-thống và Phó Tổng-thống được lựa chọn cách nào ? Ai có quyền chỉ-định Thủ-tướng lập Chính-phủ ? Tổng-thống có quyền gì đối với Quốc-hội ?



93. QUYỀN TƯ-PHÁP : TÒA ÁN

DÀN BÀI 1) Định-nghĩa quyền tư-pháp.

2) Quyền tư-pháp thuộc về Tối-cao Pháp-viện.

TOÁT-YẾU : 1. — Quyền tư-pháp là quyền kiểm-soát và bảo-vệ luật-pháp, xét-xử những vụ vi-phạm sinh-mạng, tài-sản, an-ninh và trật-tự quốc-gia.

2. — Quyền tư-pháp thuộc về Tối-cao Pháp-viện và các Tòa án. Tòa án hoàn-toàn độc-lập đối với quyền hành-pháp và quyền lập-pháp, nghĩa là được toàn quyền xét-xử theo công-lý và lương-tâm, không bị một áp-lực nào chi-phối. Có như vậy mới bảo-vệ được quyền-lợi chính-đáng của người dân.

CA-DAO : Tòa án độc-lập hoàn-toàn,

Chẳng ai ý thể dám can-thiếp vào.

CÂU HỎI : Quyền tư-pháp là quyền gì ? Quyền tư-pháp được giao cho cơ-quan nào ? Tại sao tòa-án phải được hoàn-toàn độc lập ?

94. QUYỀN TƯ-PHÁP (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Thẩm-phán xử án, thẩm-phán công-tố.

2) Các loại tòa án.

TOÁT-YẾU : 1.— Người ta phân biệt hai loại thẩm-phán : thẩm-phán xử án và thẩm-phán công-tố. Thẩm-phán xử án chuyên xét-xử các vụ kiện. Thẩm-phán công-tố đại-diện Chính-phủ buộc tội những kẻ vi-phạm pháp-luật để duy-trì an-ninh, trật-tự công-cộng.

2— Có ba cấp tòa án : Tòa Hòa-giải rộng quyền, Tòa Sơ-thẩm, Tòa Thượng-thẩm. Ngoài ra còn có Tối-cao Pháp-viện. Tùy theo các vụ án, người ta chia ra nhiều loại tòa án : Tòa án Quân-sự, Tòa án Lao-động, Tòa án Hành-chánh, Tòa án Thiếu-nhi, v. v. .

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi luôn luôn tôn-trọng pháp luật.

CÂU HỎI : Người ta phân-biệt mấy loại thẩm-phán ? Thẩm-phán xử án có nhiệm vụ gì ? Thẩm-phán công-tố có nhiệm-vụ gì ? Có mấy cấp tòa-án ? Người ta chia ra các loại tòa-án nào ?



95. KIỂM-THẢO

(Theo phương pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Những em nào đã :

- Tham-gia các cuộc vận-động bầu-cử Tổng-thống, Phó Tổng-thống Nghị-sĩ và Dân-biểu ? Tham gia cách nào ?
- Tôn-thái-độ tôn-kính các vị đại-diện của dân trong Quốc-hội ?
- Biết tôn-trọng những quyết-định của Hội-đồng học-sinh ? (ví như Quốc-hội một nước).
- Biết triệt-đề tuân theo nội quy của nhà trường ? (ví như những đạo luật của một nước)
- Có dịp đến Tòa án ? (để làm gì ?)

96. CÔNG-SỞ

DÀN BÀI : 1) Định-nghĩa công-sở.

2) Công-chức.

TOÁT-YẾU : 1.— Để phục-vụ dân-chúng, Chính-phủ thiết-lập nhiều cơ-quan, mỗi cơ-quan có những nhiệm-vụ và những hoạt-động khác nhau. Các cơ-quan đó gọi là công-sở.

Công-sở đặt tại thủ-đô, tỉnh, quận và xã, tất cả đều liên-quan chặt-chẽ với nhau như các bộ-phận của một cái máy.

2— Nhân-viên làm việc tại các công-sở là công-chức do Chính phủ bổ-nhiệm, điều khiển và kiểm-soát.

TU-TƯỚNG : Công-chức là công-bộc của dân.

CÂU HỎI : Công-sở là gì ? Công-sở đặt tại đâu ? Nhân-viên làm việc tại các công-sở là gì ? Tại sao công-chức được coi là công-bộc của dân ?



97. CÁC CÔNG-SỞ Ở TRUNG-ƯƠNG

DÀN BÀI : 1) Phủ Tổng-thống.

2) Phủ Thủ-tướng và các Bộ.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước ta do Tổng-thống lãnh-đạo, có Phó Tổng-thống phụ-tá. Văn-phòng của Tổng thống và Phó Tổng-thống đặt tại Phủ Tổng-thống.

2.— Đứng đầu Chính-phủ là Thủ-tướng, có các Tổng-trưởng, Quốc-vụ-khanh, Bộ-trưởng giúp việc. Thủ-tướng làm việc tại Phủ Thủ-tướng. Nơi làm việc của các Tổng-trưởng, Quốc-vụ-khanh và Bộ-trưởng là các Bộ.

Phủ Tổng-thống, Phủ Thủ-tướng và các Bộ là những công-sở trung-ương tập-trung ở thủ-đô Sài-gòn.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi hết-lòng tôn-kính các nhân-viên cao-cấp của Chính-phủ.

CÂU HỎI : Nước ta do ai lãnh-đạo ? Văn-phòng Tổng-thống và Phó Tổng-thống đặt ở đâu ? Đứng đầu Chính-phủ là ai ? Thủ-tướng làm việc ở đâu ? Các Tổng-trưởng Quốc-vụ-khanh, Bộ-trưởng làm việc ở đâu ?

98. CÁC CÔNG-SỞ Ở TRUNG-ƯƠNG (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Bộ.

2) Nha, Sở, Phòng.

TOÁT-YẾU : 1— Mỗi Bộ đảm nhiệm một phần công-việc của guồng máy chính-quyền. Bộ đặt dưới quyền điều-khiển của Tổng-trưởng hay Bộ-trưởng, có thể có Thứ-trưởng phụ-tá. Tùy theo nhu-cầu quốc-gia, ta thấy có : Bộ Nội-vụ, Bộ Quốc-phòng, Bộ Ngoại-giao, Bộ Tư-pháp, Bộ Giáo-dục và Thanh-niên, v.v...

2— Đại-cương, mỗi Bộ gồm nhiều Tổng Nha, Nha. Mỗi Tổng Nha hay Nha có thể phân ra các Sở. Mỗi Sở có nhiều Phòng.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi phải giữ lễ-độ khi có việc tới các Nha, Sở.

CÂU HỎI : Mỗi bộ do ai điều-khiển ? Hiện nay, Chính-phủ gồm những Bộ nào ? Đại-cương, mỗi bộ chia thành gì ? Mỗi Tổng Nha hay Nha phân ra gì ? Mỗi Sở có nhiều gì ?



99. CÁC CÔNG-SỞ Ở ĐỊA-PHƯƠNG

DÀN BÀI : 1) Tòa Hành-chánh tỉnh.

2) Các Ty chuyên môn.

TOÁT-YẾU : 1— Lãnh-thổ Việt-nam chia thành nhiều tỉnh. Đứng đầu tỉnh là Tỉnh-trưởng có Phó Tỉnh-trưởng phụ-tá và các Ty-trưởng chuyên-môn giúp việc. Văn-phòng Tỉnh-trưởng cùng các nhân-viên trực-thuộc đặt tại Tòa Hành-chánh.

2— Ty-trưởng làm việc tại các Ty. Tùy theo sự tổ-chức của Chính-phủ, ta thấy có : Ty Tiểu-học, Ty Cảnh-sát Quốc-gia, Ty Ngân-kho, Ty Thông-tin, Ty Chiêu-hối, Ty Y-Tế, Ty Nông-vụ, Ty Bưu-điện v.v... Mỗi Ty trực-thuộc một Bộ liên-hệ, nhưng đều đặt dưới sự kiểm-soát và phối-hợp của Tòa Hành-chánh.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi hết lòng kính-trọng các cơ-quan chính-quyền và chuyên-môn ở tỉnh.

CÂU HỎI : Lãnh-thổ Việt-Nam chia thành nhiều gì ? Đứng đầu tỉnh là ai ? Văn-phòng Tỉnh-trưởng đặt tại đâu ? Ai điều-khiển các Ty chuyên-môn ? Hãy kể một số Ty mà em biết. Tỉnh-trưởng có quyền gì đối với các Ty ?

100. CÁC CÔNG SỞ Ở ĐỊA-PHƯƠNG (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Văn-phòng Hành-chánh quận và các chi chuyên-môn.

2) Văn-phòng Hành-chánh xã.

TOÁT-YẾU : 1— Tỉnh chia thành quận do Quận-trưởng đứng đầu, có Phụ-tá Quận-trưởng giúp việc. Quận-trưởng làm việc tại văn-phòng Hành-chánh quận. Ở quận có các Chi chuyên-môn như : Chi Y-tế, Chi Cảnh-sát Quốc-gia, Chi Thông-tin v.v... Mỗi Chi trực-thuộc một Ty liên hệ, nhưng đều đặt dưới sự kiểm-soát và phối-hợp của Quận-trưởng.

2— Quận chia thành xã do Xã-trưởng và Hội-đồng xã quản-trị. Hội-đồng xã làm việc tại văn-phòng Hành-chánh xã. Xã chia thành ấp do Trưởng-ấp và Ban Trị-sự ấp điều-khiển. Việc liên-lạc giữa xã và cơ-quan hành-chánh quận do Chánh-tổng phụ-trách.

QUYẾT-ĐỊNH : Tôi sẵn-sàng tuân theo chỉ-thị của nhà cầm quyền địa-phương.

CÂU HỎI : Đứng đầu quận là ai ? Kể các Chi chuyên-môn ở quận. Quận trưởng làm việc ở đâu ? Quận chia thành gì ? Xã do cơ-quan nào quản-trị ? Hội-đồng xã làm việc tại đâu ? Ai phụ-trách liên-lạc giữa Xã và cơ-quan hành-chánh quận ? Xã chia thành gì ? Do cơ-quan nào điều-khiển ?



101. KIỂM THẢO

(Theo phương-pháp đã nêu lên ở bài số 4)

Câu hỏi để kiểm-thảo : Các em nào đã :

- Tô ra lễ-độ khi tới các công-sở ?
- Biết tỏ thái-độ tôn-kính đối với các nhân-viên Chính-phủ ?
- Biết tuân theo chỉ-thị của nhà cầm quyền địa-phương ? (như Tỉnh-trưởng, Quận trưởng, Xã-trưởng, Ấp-trưởng).



QUỐC - SỬ

- I.— Nhà Tây - Sơn.
- II.— Nhà Nguyễn.
- III.— Cuộc xâm - lăng của người Pháp.
- IV.— Cuộc bảo - hộ của người Pháp và công - cuộc kháng Pháp.
- V.— Cuộc cách - mạng 1945 và cuộc kháng - chiến chống Pháp.

CHƯƠNG I

NHÀ TÂY SƠN

1. TÂY SƠN LẤY BẮC HÀ

DÀN BÀI : 1) Vua Lê-Chiêu-Thống bắt lợc.

2) Nguyễn-Huệ lấy Bắc-hà.

TOÁT-YẾU : 1 - Sau khi diệt họ Trịnh, anh em Tây-Sơn trả lại quyền-hành cho vua Lê-Chiêu-Thống rồi rút quân về Nam. Nhưng vua Lê bắt-lợc, bị Trịnh-Bồng áp-chế, nên phải vời Nguyễn-hữu-Chinh trừ họ Trịnh. Do đó, Chinh chuyên-quyền. Nguyễn-Huệ phải sai Võ-văn-Nhậm ra Bắc-hà trừ Chinh. Vua Lê bỏ chạy.

2 - Sau được tin Nhậm có ý làm phản, Nguyễn-Huệ vội đem quân giết Nhậm, cử Lê-duy-Cẩn làm Giám-quốc, chinh-đốn lại mọi việc, trao quyền cho Ngô-thời-Nhậm, Ngô-văn-Sở, Phan-văn-Lân ở lại giữ Bắc-hà rồi trở về Nam.

CAU HỎI : Sau khi diệt họ Trịnh, anh em Tây-Sơn trả lại quyền-hành cho ai ? Lê-Chiêu-Thống là người thế nào ? Vua Lê vời Nguyễn-hữu-Chinh làm gì ? Tại sao Nguyễn-Huệ sai Võ-văn-Nhậm ra Bắc-hà ? Vì lẽ gì Nguyễn-Huệ vội đem quân giết Nhậm ? Sau đó Nguyễn-Huệ trao quyền-hành cho ai ?



2. QUÂN THANH XÂM-LĂNG NƯỚC TA

DÀN BÀI : 1) Vua Lê-Chiêu-Thống cầu-cứu nhà Mãn-Thanh.

2) Quân Thanh xâm-lăng nước ta.

3) Tình-hình miền Bắc dưới ách xâm-lăng.

TOÁT-YẾU : 1 - Sau khi Nguyễn-hữu-Chinh bị giết, vua Lê-Chiêu-Thống chạy lên miền Lạng-Giang. Rồi thế cùng, phải giao cho bà Hoàng thái-hậu đem Thái-tử sang Tàu cầu-cứu.

2 - Lợi-dụng cơ-hội này, vua Càn-Long nhà Mãn-Thanh lấy cớ giúp vua Lê, liền sai Tôn-sĩ-Nghị thống-linh 20 vạn quân chia làm 3 đạo do ba ngá Tuyên-Quang, Cao-bằng, Lạng-sơn, kéo sang xâm-chiếm nước ta. Thấy thế giặc mạnh, Ngô-văn-Sở lui binh về núi Tam-diệp (chỗ rừng giới 2 tỉnh Ninh-bình và Thanh-hóa) và cấp báo cho Nguyễn-Huệ.

3 - Tôn-sĩ-Nghị kéo quân vào Thăng-long, hà-hiếp dân-chúng, bức-bách vua quan nhà Lê hàng ngày phải đến châu. Đồng-bào miền Bắc hồi ấy khổ-sở và phản-uất vô cùng.

CÂU HỎI : Tại sao vua Lê-Chiều-Thống cầu cứu nhà Mãn-Thanh ? Vua Thanh sai Tôn-sĩ-Nghị đem quân sang nước ta với âm-mưu gì ? Ngô-văn-Sô phải lui binh về đâu ? Tôn-sĩ-Nghị đòi xử với vua Lê thế nào ? Dân-chúng hỏi ấy thế nào ?

3- QUANG-TRUNG ĐẠI-PHÁ QUÂN THANH

DÀN BÀI : 1) Quang-Trung kéo quân ra Bắc.
2) Quang-Trung đại-phá quân Thanh.
3) Quang-Trung hòa-giải với nhà Thanh.

TOÁT-YẾU : 1- Được tin quân Thanh chiếm đóng Thăng-long, Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ bèn lên ngôi Hoàng-đế, lấy hiệu Quang-Trung. Rồi thống-linh 10 vạn quân và 100 voi trận tiến thẳng ra Bắc.

2- Ngày 20 tháng chạp đến đêm 30 chia làm 5 đạo kéo quân ăn Tết trước để đến đêm 30 chia làm 5 đạo kéo vào Thăng-long. Chỉ trong vòng 5 ngày, vua Quang-Trung phá tan được quân Thanh ở Hà-hồi, Ngọc-hồi, Đống-đa (gần Hà-nội). Hứa-thế-Hành tử-trận. Sầm-nghi-Đống phải treo cổ tự-tử. Quân ta tiến vào Thăng-long. Tôn-sĩ-Nghị vất ấn tín bỏ chạy, quân Tàu chết vô kể.

3- Tuy thắng trận, Vua Quang-Trung cũng xin giảng hòa với nhà Thanh, để tránh nạn chiến-tranh. Vua Càn-Long biết không cướp nổi nước ta, đành phong cho Quang-Trung làm An-nam Quốc-vương.

CÂU HỎI : Được tin quân Thanh chiếm đóng Thăng-long, Bắc-bình-Vương Nguyễn-Huệ làm gì ? Quân-lực của ta thế nào ? Vua Quang-Trung đại-phá quân Thanh trong những trận nào ? Những tướng Thanh nào bỏ mạng ? Quân Thanh thiệt-hại thế nào ? Vì sao vua Quang-Trung xin giảng hòa với nhà Thanh ?

4- VUA QUANG-TRUNG : CAI-TRỊ, BINH-BỊ

DÀN BÀI : 1- Cai-trị.
2- Binh-bị.

TOÁT-YẾU : 1- Vua Quang-Trung cho xây Phụng-ng-hoàng trung-đô ở Nghệ-an, lập bà Ngọc-Hân làm Hoàng-hậu, phong con là Quang-Toàn làm Thái-tử. Ngài chỉnh-dốn việc cai-trị, đổi Thăng-long làm Bắc-thành, phân đất Sơn-nam thành hai trấn, mỗi trấn đặt trấn-thủ và hiệp-trấn cai-trị. Tại các huyện, đặt phân-tri coi việc kiện-tụng và phân-suất coi việc binh-lương.

2- Để tiện việc tuyển-binh, Ngài sai làm lại sổ đinh và cấp cho mỗi người dân một tín-bài. Cứ 3 suất đinh tuyển một người lính. Quân chia thành đạo, cơ, đội và được huấn-luyện kỹ-lượng.

CÂU HỎI : Vua Quang-Trung lập những nghi-thức Hoàng-đế gì ? Ngài chỉnh-dốn việc cai-trị thế nào ? Ngài sai làm lại sổ đinh nhằm mục-đích gì ? Quân sĩ được tổ-chức thế nào ?

5. VUA QUANG-TRUNG : KINH-TẾ, NGOẠI-GIAO

DÀN BÀI : 1) Kinh-tế.
2) Ngoại-giao.

TOÁT-YẾU : 1- Vua Quang-Trung sai làm lại sổ điền chia ruộng công cũng như ruộng tư thành 3 hạng để tùy theo ruộng xấu tốt mà đánh thuế cho công-bằng. Ngài khuyến-trương nông nghiệp, mở-mang thương-mại để phát-triển nền kinh-tế quốc-gia.

2- Vua Quang-Trung lúc đầu phải hòa-hoãn với nh Thanh, nhưng vẫn nuôi chí lớn lấy lại đất Lương-Quảng. Vì vậy, khi thế nước đã vững-mạnh, Ngài sai sứ sang cầu-hôn với công-chúa nước Tàu, cốt mượn có dấy binh. Nhưng việc chưa thành thì Ngài đã mất.

CÂU HỎI : Vua Quang-Trung cho làm lại sổ điền nhằm mục-đích gì ? Ngài làm gì để phát-triển nền kinh-tế quốc-gia ? Vua Quang-Trung định lấy những tỉnh nào của Tàu ? Khi thế nước đã vững-mạnh, Ngài sai sứ sang Tàu với dụng-y gì ? Việc có thành không ?

6. VUA QUANG-TRUNG : TÔN-GIAO, VĂN-HỌC

DÀN BÀI : 1) Tôn-giao.
2) Văn-học.

TOÁT-YẾU : 1- Vua Quang-Trung lưu-tâm chấn-chỉnh lại đạo Phật. Nhận thấy sư sãi các chùa nhỏ ở làng đều đốt-nát, ngài cho đẹp những chùa ấy và dựng ở mỗi phủ, mỗi huyện một ngôi chùa to giao cho các vị chân tu trụ-trì.

2- Vua Quang-Trung còn chú-trọng phát-triển nền văn-học. Ngài đặc-biệt trọng hiền, đãi sĩ. Những bậc hiền tài như Nguyễn-Thiếp, Ngô-thời-Nhậm, Phan-tuy-ích, đều được Ngài thành-khán mời ra giúp nước. Ngài cho lập các nhà xã-học, phủ-học, tổ-chức các khoa thi Hương và chọn người xuất-sắc cho vào học trường Quốc-học. Ngài bắt dùng chữ nôm trong các kỳ thi và các giấy tờ, công-văn. Ngài giao cho Nguyễn-Thiếp (Lê-Sơn-Phụ-Tử) coi Sùng-chính-viện và dịch sách Hán ra chữ nôm.

CÂU HỎI : Vua Quang-Trung chấn chỉnh đạo Phật cách nào ? Ngài đòi với các bậc hiền tài thế nào ? Ngài tổ chức việc học ra sao ? Ngài bắt đúng chữ gì thay cho chữ Hán ? Ngài giao cho Nguyễn Thiệp việc gì ?

7. HỌC ÔN

Tây-Sơn lấy Bắc-hà — Quân Thanh xâm-lãng nước ta — Quang-Trung đại phá quân Thanh — Vua Quang-Trung : cai-trị, binh-bị kinh-tế, ngoại-giao, tôn-giáo, văn-học.

CÂU HỎI SUY-LUẬN : Bắc-bình-vương đem quân ra Bắc-hà mấy lần ? Lần thứ nhất nhằm mục-dịch gì ?

Lần thứ hai vì lý-do gì ? Vua Lê-Chiều-Thông có tội gì với đất nước ? Nhờ những yếu-tố nào, vua Quang Trung đã đánh tan được quân Thanh ? — Ngoài tài dụng-binh, vua Quang Trung đã làm được những gì về phương-diện chính-trị ? Kinh-tế ? Văn-hóa ? Quân-sự ? Tôn-giáo ?

8 - NGUYỄN VƯƠNG LẤY GIA-ĐÌNH

DÀN BÀI : 1) Nguyễn-Vương cầu-viện Pháp và Xiêm-la.
2) Nguyễn-Vương đánh chiếm Gia-định.

TOÁT-YẾU : 1— Bị Tây-sơn đánh thua nhiều lần, Nguyễn Vương (Nguyễn-phúc-Ánh) chạy ra đảo Phú Quốc. Rồi nhờ giám-mục Bá-đa-Lộc mang hoàng-tử Cảnh-sang Pháp cầu-viện. Trong khi chờ đợi, Nguyễn-Vương cầu-cứu Xiêm-la, được nước này giúp cho 2 vạn quân. Nhờ đó lấy lại được Rạch-giá, Trà-ôn, Sa-đéc, nhưng lại bị Nguyễn-Huệ đem quân vào đánh bại, phải chạy sang Xiêm-la nương náu.

2— Hay tin anh em Tây Sơn bất-hòa, Nguyễn-Vương về nước chiêu-mộ hào-kiệt. Được các tướng tài như Lê-văn-Duyệt, Võ-Tánh, Nguyễn-văn-Thành theo giúp, Nguyễn-Vương chiến thắng nhiều trận và tháng 8 năm 1778 đánh chiếm được toàn cõi Gia-định. Ngài chỉnh-đốn mọi việc, củng-cố cơ-sở cho vững mạnh, chờ cơ-hội tiến quân đánh Qui-nhơn.

CÂU HỎI : Bị Tây-sơn đánh thua, Nguyễn-Vương chạy ra đâu ? Ngài nhờ Bá-đa-Lộc việc gì ? Trong khi chờ đợi, ngài được Xiêm-la giúp thế nào ? Vì sao ngài lại phải chạy sang Xiêm-la nương-náu ? Được tin anh em Tây-sơn bất-hòa, ngài về nước làm gì ? Ngài được những tướng tài nào theo giúp ? Sau khi đánh chiếm được Gia-định, ngài làm gì ?

9- NGUYỄN-VƯƠNG LẤY QUI-NHƠN

DÀN BÀI : 1) Sự giúp đỡ của Bá-đa-Lộc.

2) Những trận gió mùa.

3) Nguyễn-Vương hạ thành Qui-nhơn.

TOÁT-YẾU : Bá-đa-Lộc cầu-viện nước Pháp không có kết-quả vì lúc ấy tình-hình nước Pháp đang rối-ren. Bá-đa-Lộc phải xuất tiền mua súng ống và mộ người sang giúp Nguyễn-Vương, trong số đó có Chaigneau (Se-nhô), Van-nier (Va-ni-ê), Dayot (Đay-ô), Olivier (Ô-li-vi-ê). Nhờ vậy, thế-lực của Nguyễn-Vương càng ngày càng mạnh.

2— Từ năm 1790, cứ vào vụ gió mùa, Nguyễn-Vương lại kéo quân ra đánh phá Tây-Sơn. Nhưng mấy lần vẫn không hạ được Qui-nhơn phải rút binh về.

3— Sau khi vua Quang-Trung mất, vua Cảnh-Thịnh còn bé, Thái sư Bùi-dắc-Tuyên chuyên quyền, thế-lực Tây-Sơn sút kém. Lợi dụng cơ-hội này, năm 1799, Nguyễn-Vương kéo đại-binh đánh chiếm Qui-nhơn, đổi tên là Bình-định, giao cho Võ Tánh và Ngô-tùng-Châu trấn giữ.

CÂU HỎI : Tại sao Bá-đa-Lộc cầu viện nước Pháp không có kết quả ? Ông phải làm cách nào để giúp Nguyễn-Vương ? Khi thế-lực của Nguyễn-Vương đã mạnh, ngài đánh chiếm đâu ? Ngài đổi tên Qui-nhơn là gì ? Giao cho ai trấn giữ ?

10 - NGUYỄN-VƯƠNG LẤY PHÚ-XUÂN

DÀN BÀI : 1) Tây-Sơn đánh thành Qui-nhơn.

2) Nguyễn-Vương tiến đánh Phú-xuân.

3) Tây-Sơn tái-chiến Qui-nhơn nhưng lại bị thất thủ.

TOÁT-YẾU : 1. Năm 1800, quân lực Tây-Sơn do Võ văn Dũng và Trần-quang-Điệu chỉ-huy vây đánh thành Qui-nhơn. Nguyễn Vương cử đại-binh ra cứu-viện nhưng không giải vây được.

2— Nguyễn-Vương bèn ra lệnh cố-thủ Qui-nhơn và kéo quân đánh úp Phú-xuân. Vua Cảnh-Thịnh phải thân cầm quân chống giữ nhưng bị thua to, phải chạy ra Bắc (1801).

3— Được tin Phú-xuân-thất-thủ, Trần-quang-Điệu và Võ-văn-Dũng tấn công mãnh liệt chiếm lại được thành Qui-nhơn, Võ-tánh và Ngô-tùng-Châu phải tự tử. Nhưng ít lâu sau, Qui-nhơn lại bị Lê-văn-Duyệt và Nguyễn-văn-Thành tái-chiến. Trần-quang-Điệu bỏ chạy ra Nghệ-an, hợp-sức với quân của vua Cảnh-Thịnh từ Bắc kéo vào để phản-công, nhưng quân Tây-Sơn bị đánh tan ở Trấn-ninh.

CAU HỎI : Nhân dịp nào Nguyễn-Vương kéo quân đánh úp Phú-xuân ? Bị thua, vua Cảnh-Thịnh chạy đi đâu ? Võ-Tánh và Ngô-tùng-Châu tuấn-tiết trong trường-hợp nào ? Sau khi Qui-nhơn bị tái-chiếm, Trần-quang-Diệu làm gì ? Quân Tây-Sơn bị đánh tan ở đâu ?



11 - NGUYỄN-VƯƠNG LẤY BẮC-HÀ

DÀN-BÀI : 1) Nguyễn-phúc-Ánh xưng vương.
2) Thế-lực Tây-sơn suy-yếu.
3) Nguyễn-Vương tiến đánh Bắc-hà.

TOÁT-YẾU : 1— Thu-phục lại được đất đai cũ Nguyễn-phúc-Ánh xưng vương năm 1802 đặt niên-hiệu là Gia-Long và sai sứ sang Tàu cầu phong.

2— Thế-lực Tây-Sơn càng ngày càng suy-yếu. Vua Cảnh-Thịnh vô-tài, bất-lực, quan-lại tham-nhũng, lòng dân oán-hận, ngả theo Nguyễn-Vương mỗi ngày một nhiều.

3— Thấy vậy, Nguyễn-Vương kéo quân ra Bắc-hà, tiến đến đầu quân Tây-Sơn tan đến đấy, chỉ trong vòng một tháng chiếm được Thăng-long. Vua Cảnh-Thịnh bỏ chạy nhưng sau cùng bị bắt. Thế là Nguyễn-Vương thống nhất đất nước từ Nam ra Bắc.

CAU HỎI : Thu-phục lại được đất đai cũ, Nguyễn-Vương làm gì ? Tại sao lòng dân càng ngày càng ngả theo Nguyễn-Vương ? Nhân dịp nào Nguyễn-Vương kéo quân ra Bắc-hà ? Vì sao quân Tây-Sơn tan rã nhanh chóng ? Vua Cảnh-Thịnh bị nhục như thế nào ?



12 - HỌC ÔN

Nguyễn-Vương lấy Gia-định — Nguyễn-Vương lấy Qui-nhơn — Nguyễn-Vương lấy Phú-xuân — Nguyễn-Vương lấy Bắc-hà.

CAU HỎI SUY-LUẬN : Nhờ những yếu-tố nào Nguyễn-Vương đánh chiếm được Gia-định ? Vì sao Nguyễn-Vương đánh chiếm được Qui-nhơn ? Nguyễn-Vương suy-tính thế nào mà kéo quân đánh úp Phú-xuân ? Tại sao Nguyễn-Vương đánh chiếm Bắc-hà một cách dễ-dàng ?

13. ĐỜI GIA-LONG (1802-1819) : Nội-trị

DÀN BÀI : 1) Nguyễn-Vương xưng đế.
2) Gia-Long chỉnh-đốn việc cai-trị.

TOÁT-YẾU : 1.— Nguyễn-phúc-Ánh xưng vương năm 1802. Nhưng đến năm 1806, Gia-Long mới xưng đế, đặt quốc-hiệu là Việt-nam và đóng đô ở Phú-xuân (Huế).

2.— Ngài chỉnh-đốn việc cai-trị, đặt ra lục Bộ để trông coi mọi việc trong nước và Đô-sát viện can-gián vua và đàn-hạch các quan. Ngài chia nước làm 23 trấn và 4 doanh. Từ Ninh-bình trở ra là Bắc thành gồm 11 trấn. Từ Bình-thuận trở vào là Gia-định thành gồm 5 trấn. Khoảng giữa là Thanh-hóa gồm 7 trấn. Đất kinh-kỳ gồm 4 doanh. Tại Bắc-thành và Gia-định thành đặt chức Tổng-trấn và Phó Tổng-trấn. Các trấn do trấn-thủ cai-trị, có cai bạ và ký lục giúp việc. Trấn chia ra phủ, huyện, châu, đứng đầu là tri-phủ, tri-huyện, tri-châu.

CAU HỎI : Nguyễn-Vương xưng đế năm nào ? Ngài đặt quốc-hiệu là gì và đóng đô ở đâu ? Ngài tổ-chức việc triều-chính ra sao ? Nước chia làm bao nhiêu trấn và bao nhiêu doanh ? Đứng đầu Bắc-thành và Gia-định thành đặt chức gì ? Ai cai-trị các trấn ? Trấn chia ra gì ? Tại các phủ, huyện, châu đặt chức gì ?



14. — ĐỜI GIA-LONG : Nội-trị (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Kinh-tế.
2) Luật-pháp.
3) Binh-bị.

TOÁT-YẾU : 1.— Vua Gia-Long sai làm lại sổ đinh, sổ điền, đặt ra thuế đinh, thuế điền, thuế sản-vật, thuế mỏ, thuế đánh vào thương-thuyền ngoại-quốc. Ngài cho đào kênh rạch, sửa-sang đường-sá, đề-diều, mở lò đúc tiền để đúc vàng nén, bạc nén cho tiện việc buôn-bán ; chế ra cân và thước đo ruộng để đo lường.

2.— Ngài sai Nguyễn-văn-Thành và các quan soạn ra bộ luật mới gọi là luật Gia-Long.

3.— Ngài áp-dụng chính-sách luân-phiên trong quân-đội : cứ 1 phiên tại ngũ thì 2 phiên được nghỉ-ngơi. Binh-lực gồm bộ-binh, thủy-binh và tượng-binh được thao-luyện tinh-nhuệ để phòng khi quốc-biến.

CAU HỎI : Về phương-diện kinh-tế, vua Gia-Long làm được những gì ? Về mặt pháp-luật, ngài có công gì ? Ngài áp-dụng chính-sách gì trong quân-đội ? Binh-lực gồm những gì ?

15. — ĐỜI GIA-LONG : Văn-học

- DÀN BÀI : 1) Mở-mang văn-học.
2) Soạn sách Địa-lý và Quốc-sử.
3) Khuyến-khích dùng chữ nôm.

TOÁT-YẾU : 1. — Vua Gia-Long chú-trọng mở-mang văn-học. Các quan cựu-thần nhà Lê và các bậc hiền-tài được mời ra giúp nước. Ngài cho dựng văn-miếu thờ đức Khổng-Tử ở các trấn, các doanh. Ngài lập Quốc-tử-giám ở kinh-dô và đặt chức Đốc-học ở các trấn để trông coi việc học. Ngài cho mở khoa thi Hương để tuyển người tài-giỏi ra làm quan.

2. — Ngài giao cho Lê-quang-Định soạn sách Nhất-thống địa-dư-chỉ và sai viết lại Quốc-sử theo những tài-liệu đã-sử đời Tiền-Lê và Tây-Sơn.

3. — Về đời Gia-Long, nhờ được khuyến-khích, chữ nôm rất thịnh-hành. Nhiều tác-phẩm có giá-trị viết bằng chữ nôm như truyện Hoa-tiên của Nguyễn-huy-Tự, truyện Kiều của Nguyễn-Du, v.v...

CÂU HỎI : Vua Gia-Long mời những ai ra giúp nước ? Ngài cho dựng văn-miếu ở đâu ? Ở các trấn, ngài đặt chức gì để trông coi việc học ? Ở kinh-dô ngài lập trường gì ? Ngài cho mở khoa thi gì ? Ngài giao cho ai soạn sách Nhất-thống địa-dư-chỉ ? Ngài cho viết lại bộ sách gì ? Tại sao về đời Gia-Long chữ nôm rất thịnh-hành ? Kể những tác-phẩm có giá-trị viết bằng chữ nôm thời đó ?



16. — ĐỜI GIA-LONG : Ngoại-giao

- DÀN BÀI : 1) Đối với Trung-hoa.
2) Đối với Chân-lạp và Tiêm-la.
3) Đối với Pháp và Anh.

TOÁT-YẾU : 1. — Sau khi lên ngôi, vua Gia-Long giữ mối giao-hào với Trung-hoa, cứ 3 năm triều-ang một lần.

2. — Đối với Tiêm-la, ngài cương-quyết không để cho nước này tranh-giành ảnh-hưởng với nước ta ở Chân-lạp. Nhân vụ Tiêm-la kéo binh vào Chân-lạp giải-quyết việc tương-tranh trong hoàng-gia, vua Gia-Long sai Tổng-trấn Gia-định-thành Lê văn-Duyệt đem quân can-thiệp. Quân Tiêm-la phải rút về. Từ đó Chân-lạp thuộc quyền bảo-hộ của nước ta.

3. — Đối với nước Pháp, vua Gia-Long tỏ vẻ nể nang. Những người Pháp theo giúp nhà vua đều được trọng-dụng. Tàu Pháp được vào nước ta buôn bán. Nhưng v. Gia-Long khước-từ sự thông-thương với người Anh.

CÂU HỎI : Đối với Trung-hoa, vua Gia-Long chú-trương thế nào ? Ngài tỏ thái-độ thế nào đối với Tiêm-la ? Kể vụ can-thiệp của nước ta vào nội-tình Chân-lạp. Đối với nước Pháp, vua Gia-Long xử-sự ra sao ? Đối với nước Anh ngài có thái-độ thế nào ?

17. — HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN : Tại sao vua Gia-Long không đặt chức Tế-tướng trong triều-đình ? — Vì lẽ gì chức Tổng-trấn Bắc-thành và Tổng-trấn Gia-định-thành đều giao cho các quan võ ? Vua Gia-long chỉnh-đôn việc nội-trị thế nào ? — Về văn-học, đời Gia-long có gì đặc-biệt ? — Chính-sách ngoại-giao của vua Gia-long có điểm nào đúng ? Điểm nào sai ?



18. — ĐỜI MINH-MẠNG (1820-1840) : Nội-trị

- DÀN BÀI : 1) Chính-trị.
2) Văn-hóa, xã-hội.
3) Quân-sự.

TOÁT-YẾU : 1. — Vua Minh-Mạng kế-nghiệp vua Gia-Long là một ông vua thông-minh và chăm lo việc nước. Trong triều, ngài lập thêm Nội-các để lo việc văn-phòng ; Cơ-mật-viện giải-quyết các vấn-đề trọng-đại ; Tôn-nhân-phủ coi việc trong hoàng-tộc. Ngài đổi trấn thành tỉnh, đặt chức Tổng-đốc (hay Tuần-phủ), Bố-chánh-sứ, Án-sát-sứ và Lãnh-binh cai-trị.

2. — Ngài mở mang việc học. 3 năm mở một khoa thi, khuyến-khích việc viết sách, lập Quốc-sử-quán để soạn sử, mở rộng Quốc-tử-giám và cấp học bổng cho sĩ-tử xuất-sắc. Ngài khuyến-dụ dân-chúng duy-trì thuần-phong mỹ-tục, lập nhà dưỡng-tế để nuôi người nghèo và người tàn-tật.

3. — Ngài lập thêm đồn-ai, tăng-cường thủy-quân, mở trường võ-bị để huấn-luyện quân-sự.

CÂU HỎI : Minh-Mạng là một ông vua thế nào ? Trong triều, ngài lập thêm những cơ-quan nào ? Ngài đổi những trấn thành gì và đặt những chức gì cai-trị ? Về phương-diện văn-hóa, ngài làm những gì ? Ngài giúp-đỡ người nghèo và người tàn-tật cách nào ? Ngài thực-hiện những gì về mặt quân-sự ?

19. **ĐỜI MINH-MẠNG : Việc dẹp loạn**

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân các cuộc nổi loạn.
2) Cuộc nổi loạn trong Nam.
3) Các cuộc nổi loạn ngoài Bắc.

TOÁT-YẾU : 1. — Về đời Minh-Mạng, có nhiều cuộc nổi loạn, phần vì con cháu nhà Lê muốn khôi-phục nghiệp-cũ, phần vì nhà vua chuyên-chế, quan-lợi tham-ô, lòng dân oán-hận.

2. — Trong Nam, Lê-văn-Khôi, con nuôi Tả-quân Lê-văn-Duyệt, nổi lên chiếm cứ Phiên-an (Gia-định) rồi thừa thế đánh chiếm luôn 6 tỉnh. Ròng-rã gần 3 năm, triều đình mới dẹp yên.

3. — Ngoài Bắc, Nông-văn-Vân, em vợ Lê-văn-Khôi, cũng nổi dậy đánh chiếm Tuyên-quang, Cao-bằng, Lạng-sơn. Quan-quân vất vả suốt 3 năm mới dẹp được. Phan-bá-Vành nổi lên ở Nam-định, thông-đồng với giặc Khách đánh phá vùng Hải-dương. Triều đình phải sai Nguyễn-công-Trứ hiệp-lực với Nguyễn-đức-Nhuận mới dẹp xong. Lê-duy-Lương tự xưng là dòng-dõi nhà Lê đánh phá Ninh-bình và Hưng-hóa, sau bị bắt.

CÂU HỎI : Tại sao về đời Minh-Mạng có nhiều cuộc nổi loạn. Nói về cuộc nổi loạn của Lê-văn-Khôi ở trong Nam. Ngoài Bắc có những cuộc nổi loạn nào? Vì sao Nông-văn-Vân nổi dậy? Ai dẹp được Phan-bá-Vành? Lê-duy-Lương tự xưng là gì? Đánh phá ở đâu?

20. **ĐỜI MINH-MẠNG : Ngoại-giao**

DÀN BÀI : 1) Đối với các lân-bang : Trung-hoa, Ai-lao, Tiêm-la, Chân-lạp.
2) Đối với các nước Tây-phương : Pháp, Anh.

TOÁT-YẾU : 1. — Vua Minh-Mạng vẫn duy-trì được mối giao-hào với Trung-hoa. Các xứ nhỏ ở Ai-lao đều thần phục nước ta. Nhưng nhà vua phải đối phó với Tiêm-la nhiều phen. Thừa dịp Lê-văn-Khôi cầu-cứu, quân Tiêm-la xâm-lấn miền biên giới nhưng bị Trương-minh-Giăng đánh bại. Triều đình cho lập đồn ở Nam-vang rồi sau đó Chân-lạp ra Trấn-tây-thành và đặt quan cai-trị. Vì quan ta không nhiều, người Chân-lạp được quân Tiêm-la giúp sức nổi lên chống lại, ta phải rút quân về An-giang.

2. — Đối với các nước Tây-phương, vua Minh-Mạng theo chính-sách bế quan tỏa cảng, khước-từ mọi đề- nghị giao-thương, kể cả những cuộc vận-động ngoại-giao của Pháp. Nhà vua cấm đạo Thiên-chúa, tàn-sát giáo-sĩ và giáo-dân.

CÂU HỎI : Về đời Minh-Mạng, việc giao-thiệp với Trung-hoa thế nào? Các xứ nhỏ ở Ai-lao đối với nước ta ra sao? Tại sao nước Tiêm-la hay sinh-sự với nước ta? Ta đánh bại quân Tiêm-la trong dịp nào? Vì sao phải bỏ Trấn-tây-thành rút quân về An-giang? Vua Minh-Mạng thi-hành chính-sách gì đối với các nước Tây-phương? Ngài có hành-động thế nào đối với giáo-sĩ và giáo-dân?

*

21. **ĐỜI THIỆU-TRỊ (1841 - 1847) :**

Việc giao-thiệp với Chân-lạp

DÀN BÀI : 1) Việc nội-trị.
2) Việc giao-thiệp với Chân-lạp.

TOÁT-YẾU : 1. — Vua Thiệu-Trị nối ngôi vua Minh-Mạng. Việc cai-trị vẫn giữ nguyên như trước.

2. — Hồi đó dân Chân-lạp được quân Tiêm-la trợ-lực nổi lên chống lại quan quân ta ở Trấn-tây-thành. Lâm-Sâm cùng các thầy chùa cũng nổi dậy ở Trà-vinh. Quân ta dẹp mãi không yên. Khi vua Thiệu-Trị lên ngôi, ngài bèn ra lệnh rút binh khỏi Trấn-tây-thành. Quân Tiêm-la đóng ở Chân-lạp càng ngày càng tỏ ra tàn-bạo. Vua Chân-lạp lại phải cầu-cứu nước ta. Võ-văn-Giải và Nguyễn-trí-Phương đem binh can-thiệp chiếm được thành Nam-vang. Tướng Tiêm-la phải xin hòa. Vua Chân-lạp là Nặc-ông-Đôn dâng biểu tạ tội và đem phẩm-vật triều-cống nước ta. Vua Thiệu-Trị phong cho Nặc-ông-Đôn làm Cao-miên quốc-vương. Ngài cho rút quân về giữ Nam-kỳ.

CÂU HỎI : Về đời Thiệu-Trị việc nội-trị thế nào? Vì sao người Chân-lạp chống lại quan quân ta? Nước nào trợ-giúp họ? Vì lẽ gì vua Chân-lạp lại phải cầu-cứu nước ta? Ai đem binh can-thiệp? Thắng được Tiêm-la rồi, vua Thiệu-Trị làm gì?

*

22. **ĐỜI THIỆU-TRỊ : Việc cấm đạo**

DÀN BÀI : 1) Việc cấm đạo dưới triều Minh-Mạng.
2) Việc cấm đạo dưới triều Thiệu-Trị.
3) Hậu-quả của việc cấm đạo.

TOÁT-YẾU : 1. — Đời Gia-Long, việc truyền đạo Thiên-chúa không gặp khó-khăn. Tới đời Minh-Mạng thì bị nghiêm-cấm vì nhà vua tôn sùng Nho-học cho Thiên-chúa-giáo là tà-đạo.

2. — Sang đời Thiệu-Trị, việc cấm đạo bớt gắt-gao. Lúc đầu, do lời xin của Pháp, nhà vua đã thả một số giáo-sĩ bị giam. Nhưng đến năm 1847, hai chiến thuyền Pháp vào Đà-nẵng, cho sứ-thần lên xin bỏ việc cấm đạo. Công-việc điều-dinh đang tiến-hành thì quân Pháp bắn đắm thuyền của ta rồi chạy ra bể. Vua Thiệu-Trị tức-giận lại cam-ngặt việc truyền đạo và trị tội giáo-dân.

3. — Việc cấm đạo gây chia-rẽ trầm-trọng giữa lương, giáo và khiến cho Pháp có cớ xâm-chiếm nước ta sau này.

CÂU HỎI : Tại sao đời Gia-Long việc truyền đạo được dễ-dàng ? Tại đời Minh-Mạng thì sao ? Lúc đầu vua Thiệu-Trị có thái-độ thế nào đối với việc truyền-đạo ? Về sau vì lẽ gì Ngài cấm ngặt ? Việc cấm đạo gây những hậu-quả gì ?



23. HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN : Vua Minh-Mạng làm được những gì lợi cho nước nhà ? — Những chính-sách nào của Ngài bất-lợi cho nước ? Hậu-quả của những chính-sách ấy thế nào ? — Tính-nết vua Thiệu-Trị thế nào và đã ảnh-hưởng đến chính-sách ngoại-giao ra sao ?



24. ĐỜI TỰ-ĐỨC (1847 - 1883) : Tình-trạng trong nước

DÀN BÀI : 1) Vua Tự-Đức và các triều-thần.
2) Tình-trạng nước ta dưới triều Tự-Đức.

TOÁN-YẾU : 1— Vua Tự-Đức là người thông-minh, trọng Nho-giáo, có hiếu và chăm lo việc nước. Nhưng phần đông triều-thần có óc thủ-cự, thiên-cận. Họ bác-bỏ mọi đề-nghị cải-cách của những người sáng-suốt như Nguyễn-trường-Tộ, Bùi-Viện.

2— Tình-trạng nước ta thời đó thật là bi-dát. Việc cai-trị không được đổi mới. Nhà vua vẫn triệt-đề áp-dụng chính sách « bế quan tỏa cảng » và càng nghiêm- ngặt cấm đạo, khiến cho các nước Tây-phương thêm bất-mãn. Việc học tuy được chú-ý, nhưng vẫn chỉ chuộng từ-chương. Binh-lính ít thao-đượt, khí-giới thì thô-sơ. Canh-nông, thương-mại, kỹ-nghệ không được mở-mang. Dân-chúng đói rách, cực-khó.

CÂU HỎI : Vua Tự-Đức là người thế nào ? Tình-trạng nước ta thời ấy thế nào ? Tình-hình văn-học, quân-sự, kinh-tế ra sao ? Dân-chúng thế nào ?

25. ĐỜI TỰ-ĐỨC : Giặc-giã

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân gây nên giặc-giã.
2) Các đám giặc-giã.

TOÁN-YẾU : 1— Về đời Tự-Đức có nhiều giặc-giã. Nguyên-nhân vì thiên-tai thường xảy ra khiến dân-chúng đói kém. Cũng vì còn nhiều người tưởng nhớ đến nhà Lê nổi lên chống lại triều Nguyễn.

2— Giặc khách Tam-đường quấy-nhiều ở Thái-nguyên. Giặc Châu-châu ở Sơn-tây do Lê-duy-Cự cầm đầu. Tạ-vân-Phụng mạo xưng là Lê-duy-Minh hợp cùng Nguyễn-văn-Thịnh (tức Cai-tổng Vàng) đánh phá ở vùng Hải-đương, Quảng-yên. Dư-dãng giặc Thái-bình bên Tàu là Ngô-Côn chiếm đóng Cao-bằng. Sau khi Côn bị giết, bọn thủ-hạ là Hoàng-sùng-Anh (Cờ vàng), Lưu-vĩnh-Phúc (Cờ đen), Bàn-văn-Nhị (Cờ trắng) lại quấy-nhiều ở vùng Thái-nguyên, Tuyên-quang. Quan quân phải đánh dẹp rất vất-và. Dân-chúng vô-cùng khổ-sở.

CÂU HỎI : Tại sao về đời Tự-Đức có nhiều giặc ? Giặc Tam-đường quấy-nhiều ở đâu ? Giặc Châu-châu do ai cầm đầu ? Tạ-vân-Phụng hợp với giặc nào ? Đánh phá ở đâu ? Nói về giặc Ngô-Côn và giặc Cờ vàng, Cờ đen, Cờ trắng. Quan quân phải đánh dẹp ra sao ? Dân-chúng thế nào ?



26. TÌNH-HÌNH THẾ-GIỚI VÀ NƯỚC TA CUỐI THẾ-KỶ XIX

DÀN BÀI : 1) Tình-hình thế-giới cuối thế-kỷ XIX.
2) Tình-hình nước ta trong thời-kỳ ấy.

TOÁN-YẾU : 1— Cuối thế-kỷ XIX, nhờ những phát-minh khoa-học, nền kỹ-nghệ Tây-phương phát-triển mạnh-mẽ, cần có thuộc-địa để tiêu-thụ hàng-hóa và khai-thác nguyên-liệu. Một số các nước Á-đông như Trung-hoa, Tiêm-la, đặc-biệt là Nhật-bản, sớm tinh-ngộ, mở rộng cửa đón nhận nền văn-minh Âu Mỹ và nỗ-lực canh-tân xứ-sở. Nhờ đó Nhật-bản trở nên cường-thịnh; Tiêm-la giữ được nền độc-lập; Trung-hoa cũng tiến-bộ mau-lẹ.

2— Riêng nước ta, vua thiên-cận, chỉ cho nước Tàu là văn-minh, không chịu tiếp xúc, học-hỏi các nước khác. Những người được dịp ra ngoại-quốc (trong số đó có Nguyễn-trường-Tộ, Bùi-Viện) khi về có đề-nghị những chương-trình cải-cách; nhưng ý-kiến của họ đều bị triều- đình bác-bỏ.

CÂU HỎI : Cuối thế-kỷ thứ XIX, nền kỹ-nghệ các nước Tây-phương thế nào ? Tham-vọng của các nước này đã thức-tỉnh những nước nào ở Á-đông ? Riêng nước ta thì sao ? Ý-kiến cải-cách của những người sáng-suốt đều bị thế nào ? Tình-trạng này gây hậu quả gì cho nước ta ?

27. ÔNG NGUYỄN-TRƯỜNG TỘ

DÀN BÀI : 1) : Tiểu-sử ông Nguyễn-trường Tộ.
2) : Đại-cương nội-dung những bản điều-trăn của ông.

TOÁT-YẾU 1.— Ông Nguyễn trường-Tộ người làng Bùi-chu, huyện Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an. Ông rất tinh-thông Hán học. Vốn theo đạo Thiên chúa, ông được giám-mục Ngô-gia-Hậu (Gauthier) cho sang Pháp và Ý du-học. Ông nghiên-cứu đủ các môn : chính-trị, kinh-tế, kỹ-nghệ, thương-mại, võ-bị v.v...

2.— Trở về nước, ông viết những bản điều-trăn dâng vua Tự-Đức xin cải-cách việc nước, đại-đề như sau : Về chính-trị : giảm quan-lại, phân quyền xử án và quyền cai-trị. Về ngoại-giao : giao hảo và thông-thương với các nước. Về kinh-tế : khai-khẩn hầm mỏ, đất hoang, mở mang giao-thông, khuếch-trương kỹ-nghệ, thương-mại. Về giáo-dục : dạy các khoa thực-dụng, phái sinh-viên du-học nước ngoài. Về quân-sự : mở trường võ-bị huấn-luyện theo Âu Mỹ, chế-tạo súng ống, xây-cất pháo đài.

Rất tiếc những chương-trình cải-cách của ông đều bị triều đình bác-bỏ. Ông uất-ức sinh bệnh mà chết.

CÂU HỎI : Ông Nguyễn-trường-Tộ người ở đâu ? Ông được ai cho đi du-học ? Ở những nước nào ? Ông nghiên-cứu những gì ? Trở về nước, ông làm gì ? Đại-cương nội-dung những bản điều-trăn của ông thế nào ? Tại sao ông sinh bệnh mà chết ?



28.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN : Vua Tự-Đức có những ưu điểm và phạm những khuyết-diểm gì ? — Tại sao các đình-thân dưới triều vua Tự-Đức không chấp cải-cách việc nước theo những bản điều-trăn của ông Nguyễn-trường-Tộ ? — Do những nguyên-nhân nào nước ta bị rơi vào vòng đô-hộ của Pháp ? — Mỗi ông vua anh-minh phải chú-trọng thế nào tới ý về chính-trị, ngoại-giao, kinh-tế, giáo-dục, quân-sự, để khỏi mất nước ?

CUỘC XÂM-LĂNG CỦA NGƯỜI PHÁP

29. QUÂN PHÁP CHIẾM BA TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM-KỲ

DÀN BÀI : 1) Có do Pháp viện ra.
2) Quân Pháp đánh chiếm Gia-Định, Định-tường, Biên-hòa, Vĩnh-long.
3) Hòa-ước 1862.

TOÁT-YẾU 1.— Nước Pháp muốn xâm-chiếm Việt-Nam từ lâu, nhưng chưa có cơ-hội thuận-tiện. Về đời Tự-Đức, nhân-vụ giáo-sĩ Pháp và Y-pha-nho bị giết, hai nước này bèn viện cớ bảo-vệ các nhà giảng đạo mà gây chiến với nước ta.

2.— Năm 1858, tướng Ri-gôn đờ Giơ-nui-y (Ri : gault de Genouilly) đem tàu bắn phá Đà-nẵng rồi kéo quân vào Nam đánh chiếm Gia-định. Ông Nguyễn-tri-Phương đáp đồn Kỳ-hòa (Chí hòa) chống giữ, nhưng được ít lâu bị thua. Quân Pháp thừa thắng đánh chiếm Định-tường, Biên-hòa và Vĩnh-long.

3.— Lúc ấy, ngoài Bắc giặc-giã chưa yên, triều-đình bối-rối phải cử ông Phan-thanh-Giản vào Nam điều-đinh. Hòa-ước Nhâm-tuất (1862) được ký-kết, nhường cho Pháp 3 tỉnh miền Đông : Gia-định, Biên-hòa, Định-tường và cho giáo-sĩ Pháp, Y-pha-nho được tự-do giảng đạo.

CÂU HỎI : Pháp và Y-pha-nho viện cớ gì đánh nước ta ? Năm 1858, tàu Pháp bắn phá ở đâu ? Sau đó quân Pháp kéo vào Nam đánh chiếm đâu ? quân Pháp đánh chiếm những tỉnh nào nữa ? Triều-đình cử ai điều-đinh với Pháp ? Hòa-ước 1862 có những khoản nào quan-trọng ?



30. PHAN-THANH-GIẢN ĐI SỬ.

DÀN BÀI : 1) Cuộc thương-thuyết với Pháp ở Sài-gòn.
2) Phan-thanh-Giản sang Pháp điều-đinh.
3) Ở-ba-rê sang nước ta mở lại cuộc hòa-dàm.

TOÁT-YẾU 1.— Tuy đã ký hòa-ước 1862 với Pháp, vua Tự-Đức vẫn muốn chuộc lại 3 tỉnh Biên-hòa, Gia-định, Định-tường. Ngài sai các quan vào Sài-gòn thương-thuyết với nhà quân-sự Pháp, nhưng không đạt được kết-quả.

2. — Năm 1863, ngài quyết-định cử ông Phan-thanh-Giản cầm đầu sứ-đoàn sang Pháp điều-đinh. Ông Phan-thanh-Giản người tỉnh Bến-Tre, đậu Tiến-sĩ đời Minh-Mạng. Sứ-đoàn Phan-thanh-Giản tới Ba-lê gặp lúc Pháp hoàng đi nghỉ mát, phải đợi hơn một tháng mới được yết-kiến Vua Pháp có-ý trì-hoãn, không giải-quyết dứt-khoát.

3. — Năm sau, triều-đình Pháp phái Ô-ba-rê (Aubaret) sang nước ta mở lại cuộc hòa-đàm. Vì Pháp thiếu thiện-chí, cuộc đàm-phán tiến-hành rất chậm-chạp.

CÂU HỎI: Muốn chuộc lại 3 tỉnh miền Đông, Vua Tự-Đức sai các quan vào Sài-gòn làm gì? Cuộc điều-đinh có kết-quả không? Năm 1863, nhà Vua cử ai đi sứ sang Pháp thương-thuyết? Kết-quả ra sao? Năm sau triều-đình Pháp phái ai sang nước ta mở lại cuộc hòa-đàm? Vì sao cuộc đàm-phán tiến hành chậm-chạp?



31. — QUÂN PHÁP CHIẾM 3 TỈNH MIỀN TÂY NAM KỲ.

DÀN BÀI: 1) Quân Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Tây.
2) Phan-thanh-Giản tuần-tiết.

TOÁT-YẾU: 1. — Cuộc điều-đinh chuộc lại 3 tỉnh miền Đông giữa ta và Ô-ba-rê không hy-vọng đạt được kết-quả, vì Pháp có tham-vọng đất-đai. Trong khi ấy, tại các tỉnh bị chiếm-đóng, nghĩa-binh nổi lên kháng-chiến. Ở Cao-miền (lúc ấy thuộc quyền bảo-hộ của Pháp) cũng có giặc-giã. Quân Pháp cho là Triều-đình ta xúi-giục dân-chúng và người Miên nổi loạn. Họ viện cớ đó đem quân đánh-chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam-kỳ: Vĩnh-Long, Châu-Đốc, Hà-Tiên.

2. — Ông Phan-thanh-Giản khi ấy giữ chức Kinh-lược-sứ 3 tỉnh này tự-lượng sức không chống nổi, bèn quyết-định trao thành-trì cho Pháp hầu tránh tai-họa cho dân-chúng. Rồi ông uống thuốc độc tuần-tiết (1867). Thế là quân Pháp chiếm trọn 6 tỉnh miền Nam.

CÂU HỎI: Tại sao cuộc điều-đinh giữa ta và Ô-ba-rê không hy-vọng đạt được kết-quả? Trong khi ấy thì tình-hình các tỉnh bị chiếm-đóng thế nào? Tình-hình Cao-miền ra sao? Quân Pháp viện cớ gì đánh-chiếm 3 tỉnh miền Tây? Tại sao ông Phan-thanh-Giản phải uống thuốc độc tự-tử?

82. — QUÂN PHÁP ĐÁNH BẮC-KỲ LẦN THỨ NHẤT

DÀN BÀI: 1) Đồ-phổ-Nghĩa gây chuyện ở Bắc.
2) Gác-ni-ê kéo quân ra Hà-nội.

TOÁT-YẾU: 1. — Chiếm được Nam-kỳ rồi, người Pháp chỉ chờ có cơ-hội thuận-tiện là đánh lấy Bắc-kỳ để tiện thông-thương với Trung-hoa. Năm 1873 có tên nhà buôn Pháp tên là Đồ-phổ-Nghĩa. (Jean Dupuis) tự-tiện ngược sông Nhị-hà chở khí-giới, hàng-hóa bán cho nhà Thanh. Bị quan ta ngăn-cản, Đồ-phổ-Nghĩa liền bắt quan Phòng-thành Hà-nội và quan huyện Thọ-xương đem xuống thuyền giam-giữ.

2. — Ông Nguyễn-tri-Phương ra Bắc thu-xếp công-việc không xong. Vua Tự-Đức bèn phái ông Lê-Tuấn vào Sài-gòn thương-thuyết với Soái-phủ Pháp về 3 tỉnh miền Tây Nam-kỳ, đồng-thời yêu-cầu phân xử vụ Đồ-phổ-Nghĩa. Viên Thống-đốc Pháp liền bám lấy cơ-hội này, cử Đại-úy Phờ-răng-xi Gác-ni-ê (Francis Garnier) đem quân ra Bắc, nói là để dàn-xếp, nhưng thực ra chủ-mưu thôn-tính đất-đai.

CÂU HỎI: Chiếm được Nam-kỳ rồi, người Pháp có tham-vọng gì? Đồ-phổ-Nghĩa gây chuyện gì ở Bắc-kỳ? Vua Tự-Đức phái Lê-Tuấn vào Sài-gòn làm gì? Viên Thống-đốc Pháp phái Gác-ni-ê ra Hà-nội với chủ-ý gì?



33. — NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG TUẦN-TIỆT

DÀN BÀI: 1) Gác-ni-ê hạ-thành Hà-nội.
2) Nguyễn-tri-Phương tuần-tiết.
3) Bêu-sứ ông Nguyễn-tri-Phương.

TOÁT-YẾU: 1. — Tới Hà-nội, Gác-ni-ê không đã-dộng gì đến vụ Đồ-phổ-Nghĩa, mà còn có những hành-động khiêu-khích. Quân Pháp ở Sài-gòn lại kéo ra thêm. Ngày 15-10-1873, địch bắt-thần tẩn-công thành Hà-nội. Quân ta kháng-cự anh-dũng, nhưng không lại. Một giờ sau thì thành bị hạ. Phò mã Nguyễn Lâm, con trai Nguyễn-tri-Phương, tử-trận.

2. — Ông Nguyễn-tri-Phương bị thương nặng và bị bắt. Ông không chịu để quân Pháp cứu chữa, nhất-định nhin-án mà chết.

3. — Ông Nguyễn-tri-Phương người làng Chi-long, phủ Thừa-thiên, làm quan trải ba đời vua : Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức. Ông có công phá quan Tiêm-la, bình-định Chân-lạp, lập đồn chống Pháp ở Đà-nẵng, Gia-định và sau cùng ở thành Hà-nội.

CÂU HỎI : Tối Hà-nội, Gác-ni-ê có những hành-động thế nào ? Thành Hà-nội bị tấn-công ngày nào ? Quân ta kháng-cự ra sao ? Ai bị tử-trận ? Khi bị thương và bị bắt, ông Nguyễn-tri-Phương tỏ thái-độ thế nào ? Kể lại tiêu-sử của ông ?

34. — HÒA-ƯỚC NĂM GIÁP-TUẤT (1874)

DÀN BÀI : 1) Gác-ni-ê bị tử-thương.
2) Hòa-ước năm Giáp-tuất được ký-kết.

TOÁT-YẾU : 1) Thành Hà-nội bị hạ, Gác-ni-ê thừa thắng đánh chiếm Ninh-bình, Nam-định, Hải-dương. Trước tình-thế đó, một mặt vua Tự-Đức cử ông Hoàng-Trước-tĩnh-thế đó, một mặt vua Tự-Đức cử ông Hoàng-kê-Viêm tổ-chức phòng giữ các nơi với sự giúp sức của tướng Cờ đen Lưu-vinh-Phúc. Quân Cờ đen kéo về Hà-nội, giết chết Gác-ni-ê ở Ô Cầu giấy.

2. — Mặt khác, nhà vua sai các ông Lê-văn-Tuấn và Nguyễn-văn-Tường vào Sài-gòn thương-nghị. Soái-phủ Pháp cử đại-úy Phi-lát (Philastre) theo phái-đoàn ta ra Bắc xem-xét tại chỗ để tiện quy-định các điều-ước. Hòa-ước năm Giáp-Tuất (1874) được ký-kết, theo đó Pháp trả cho ta các tỉnh Bắc-kỳ. Ta phải nhường đứt cho Pháp 6 tỉnh Nam-kỳ, cho người Pháp vào buôn-bán trên sông Nhị-hà, ở cửa Thị-nại (Quí-nhơn) và Ninh-hải (Hải-phòng).

CÂU HỎI : Chiếm được thành Hà-nội rồi, quân Pháp tiến đánh đâu ? Vua Tự-Đức cử ông Hoàng-kê-Viêm làm gì ? Gác-ni-ê bị giết chết ở đâu ? Nhà vua sai ai vào Sài-gòn thương-nghị ? Soái-phủ Pháp cử ai ra Bắc ? Hòa-ước 1874 có những khoản nào quan-trọng nhất ?

35. — HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY LUẬN : Muốn thôn-tính Nam-kỳ, quân Pháp chia làm mấy giai-đoạn ? Nói về mỗi giai-đoạn này. Tại sao quân Pháp không đánh chiếm một lần ? Quân Pháp viện cớ gì để đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam-kỳ ? Ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ ? Đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất ? Em nghĩ thế nào về những cớ do Pháp viện ra ? — Trong thời-kỳ quân Pháp đánh chiếm Nam-kỳ và Bắc-kỳ, có mấy vị quan ta đã tuấn-tiết ? Trong những trường-hợp nào ? Em nghĩ gì về cái chết của các vị quan ấy ?

36. — QUÂN PHÁP ĐÁNH BẮC-KỲ LẦN THỨ HAI

DÀN BÀI : 1) Cớ do Pháp viện ra.
2) Thành Hà-nội bị thất-thổ.

TOÁT-YẾU : 1. — Sau khi ổn-định miền Nam rồi, Pháp có tham vọng xâm-chiếm Bắc-kỳ. Năm 1881, hai nhà buôn Pháp có giấy thông hành đi Vân-nam bị giặc Khách cản-trở ở Lào-cai. Viên Thống đốc Nam-kỳ bèn lấy cớ bảo-vệ thương-gia Pháp, cử Đại-tá Hăng-ri Ri-vi-e (Henri Rivière) đem quân ra Bắc.

2. — Năm giờ sáng ngày 8 tháng 3 năm Nhâm-ngọ (1882), Ri-vi-e gửi tới-hậu-thư cho ông Hoàng-Điệu, Tổng-đốc Hà-nội, buộc phải nộp thành và hạ khí-giới. Ông Hoàng-Điệu sai Ấn-sát sứ Tôn-thất Bá đi thương-thuyết, nhưng Bá không trở lại. Đúng 8 giờ quân Pháp tấn-công thành Hà-nội. Quân ta kháng-cự anh-dũng. Nhưng hòa-lực của địch quá mạnh, bên ta lại có nội-phản, nên đến 11 giờ thì thành bị hạ.

CÂU HỎI : Sau khi ổn-định miền Nam rồi, Pháp có tham vọng gì ? Viên Thống-đốc Nam-kỳ lấy cớ gì cử Ri-vi-e đem quân ra Bắc ? Ri-vi-e gửi tới-hậu-thư cho ai và buộc phải làm gì ? Ông Hoàng-Điệu đối-phó cách nào ? Tại sao thành Hà-nội bị hạ ?

37. — HOÀNG-ĐIỆU TUẤN-TIỆT

DÀN BÀI : 1) Tiêu-sử ông Hoàng-Điệu.
2) Ông Hoàng-Điệu thất-cờ chết khi thành bị hạ

TOÁT-YẾU : 1. — Ông Hoàng-Điệu người làng Xuân-đài, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam. Ông đậu phó-bạng, làm quan dưới triều vua Tự-Đức. Ông được cử giữ chức Tổng-đốc Hà-nội, sau khi ông Nguyễn-tri-Phương mất.

2. — Năm 1882, hay tin quân Pháp kéo ra Bắc đóng ở Đồn-thủy, ông tỏ ý nghi-ngờ, ráo-riết tổ-chức việc phòng-bị. Khi thành bị tấn-công, ông đích-thân đốc-thúc binh-lính chiến-đấu rất anh-dũng. Sau biết không chống nổi, ông truyền lệnh cho quân-sĩ rút lui, còn ông ở lại. Ông cắn ngón tay lấy máu viết di-biểu tạ tội với triều-đình rồi treo cổ trước Võ-miếu tuấn-tiết. Ông Hoàng-Điệu chết, nhưng tấm gương trung-liệt của ông muôn đời còn sáng chói.

CÂU HỎI : Ông Hoàng-Diệu quê ở đâu ? Ông làm gì ? Làm quan dưới triều nào ? Ông được cử giữ chức gì ? Khi quân Pháp tấn-công thành Hà-nội, ông chỉ-huy binh sĩ kháng-cự thế nào ? Biết chống không nổi, ông ra lệnh gì cho quân-sĩ ? Ông tuân-tiếp cách nào ?



38.— CUỘC CHIẾN-TRANH VIỆT-PHÁP

- DÀN BÀI :** 1) Cuộc điều-định với Pháp thất-bại.
2) Quân dân ta anh-dũng kháng-chiến.
3) Vua Tự Đức mất.

TOÁT-YẾU : 1.— Sau khi thành Hà-nội thất-thủ, vua Tự-Đức sai quan ra Bắc điều-định với Hăng-ri Ri-vi-e. Cuộc thương-thuyết thất-bại vì Ri-vi-e buộc nước ta phải công-nhận nền bảo-hộ của Pháp. Triều-đình bèn cầu-cứu Trung-Hoa.

2.— Hay tin này, Soái-phủ Sài-gòn gửi thêm quân ra Bắc. Được tăng-viện, Ri-vi-e đánh chiếm thành Nam-định. Nhờ có quân Tàu giúp sức, quân ta từ Bắc-ninh và Sơn-tây phản-công đánh Hà-nội. Ri-vi-e bị tử-trận ở Cầu-giấy cùng ngót 100 lính Pháp. Sau trận này, dân-chúng nổi lên khắp nơi kháng-chiến rất anh-dũng. Nhưng vì khí-giói thô sơ nên không chống lại địch.

3.— Giữa lúc tình-thế cực-kỳ nghiêm-trọng thì vua Tự-Đức mất, gây nên sự xáo-trộn trong triều, khiến cho Pháp có cơ-hội thuận-tiện thôn-tính nước ta.

CÂU HỎI : Tại sao cuộc điều-định giữa ta và Hăng-ri Ri-vi-e thất-bại ? Triều-đình Huế bèn cầu-cứu nước nào ? Nhờ có quân Tàu giúp sức, quân ta làm gì ? Kết-quả ra sao ? Ảnh-hưởng của trận Cầu-giấy đối với dân-chúng như thế nào ? Cái chết của vua Tự-Đức gây hậu-quả gì ?



39.— HÒA-LƯỚC NĂM QUY-MÙI (1883)

- DÀN BÀI :** 1) Việc phê-lập trong triều.
2) Quân Pháp đánh chiếm Hải-dương và cửa Thuận-an.
3) Triều-đình phải ký hòa-lước năm Quý-Mùi.

TOÁT-YẾU : 1.— Vua Tự-Đức để di-chiếu lập người con nuôi thứ nhất là Dục-Đức nối ngôi và cử Trần-tiên-Thành, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết làm phụ-chính. Được 3 ngày, Tường và Thuyết phế Dục-Đức, lập em vua Tự-Đức lên ngôi lấy hiệu là Hiệp-Hòa.

2.— Trong khi ấy, nước Pháp cử toàn-quyền Ác-măng (Harmand) sang nước ta. Tới Hải-phòng, Ác-măng liền chia quân đánh chiếm thành Hải-dương. Đồng-thời đem tàu chiến tấn-công cửa Thuận-an. Thành Trấn-hải cầm-cự được 3 ngày thì bị hạ.

3.— Thấy thế nguy, triều-đình Huế phải xin giảng-hòa và ngày 25 tháng 8 năm Quý-mùi (1883) ký hòa-lước nhận quyền bảo-hộ của Pháp ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ và để cho Pháp chủ-trương việc ngoại-giao.

CÂU HỎI : Sau khi vua Tự-Đức chết, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết chuyển-quyền như thế nào ? Khi tới Hải-phòng, viên toàn-quyền Ác-măng chia quân đánh chiếm những đâu ? Thấy thế nguy, triều-đình Huế làm gì ? Hòa-lước năm Quý-mùi buộc nước ta những điều gì ?



40.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

— Chứng-minh rằng : trong cuộc xâm-lăng nước ta từ 1862 đến 1883, Pháp đã áp-dụng chiến-thuật vét dầu loang.

— Chính-sách của Pháp là : dùng áp-lực quân-sự để đạt được thắng-lợi chính-trị. Hãy giải-thích điều này căn-cứ vào những sự-kiện lịch-sử từ 1862 đến 1883.

— Việc vua Tự-Đức cầu-cứu Trung-hoa khiến trở nhớ tới những trường-hợp tương-tự nào trong lịch-sử nước nhà ? Theo ý trở thì nhà vua có nên làm như vậy không ? Tại sao ?



**CUỘC BẢO-HỘ CỦA NGƯỜI PHÁP
VÀ CÔNG-CUỘC KHÁNG PHÁP**

41. — HÒA-ƯỚC NĂM GIÁP-THÂN (1884)

DÀN BÀI : 1) Vua Hiệp-Hòa bị phế, vua Kiến-Phúc lên ngôi.
2) Quân Pháp chiếm các tỉnh đồng-bằng và Trung-du Bắc kỳ.
3) Hòa-ước năm Giáp-thân (1884).

TOÁT-YẾU : 1 — Hòa ước 1883 đã được ký kết nhưng Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết vẫn chủ-trương kháng-chiến. Vua Hiệp-Hòa muốn nhận quyền bảo-hộ của Pháp nên bị Tường và Thuyết bắt phải tự - tử. Rồi tôn người con nuôi thứ ba của vua Tự-Đức lên ngôi, lấy hiệu là Kiến-Phúc.

2 — Trong khi ấy ở Bắc-kỳ chiến sự vẫn tiếp-diễn. Cầm đầu cuộc kháng chiến là Hoàng-kê-Viem ở Sơn-tây và Trương-quang Đản ở Bắc-ninh, có quân Thanh và quân Cờ đen giúp sức. Sau khi được tăng-viện, đô-đốc Cuốc bê (Coubet) đánh chiếm Sơn-tây Bắc-ninh, Thái-nguyên, Hưng-hóa và Tuyên quang. Quân ta tan-rã, quân Tàu chỉ còn đóng ở miền Thượng-du. Pháp liền điều-định đi Trung-hoa rút hết quân về.

3 — Sau đó, Pa-tơ-nốt (Patenôtre) được cử ra Huế sửa lại hòa-ước 1883. Hòa-ước năm Giáp-thân (1884) được ký-kết, đại-đế cũng như hòa-ước 1883, nhưng khác một điều là 4 tỉnh Bình-thuận, Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa thuộc về Trung-kỳ. Thế là nước ta bị chia làm ba miền và thực-sự thuộc quyền đô-hộ của Pháp.

CAU HỎI : Sau khi hòa-ước 1883 được ký-kết, tình-hình trong triều thế nào ? Tình-hình chiến-sự ở Bắc-kỳ ra sao ? Hòa-ước 1884 khác hòa-ước 1883 ở điểm nào ?



42. — CHÍNH-SÁCH CẢI-TRỊ CỦA NGƯỜI PHÁP

DÀN BÀI : 1) Chính-sách chia để trị của thực-dân Pháp.
2) Việc cải-trị tại Nam-kỳ, Bắc-kỳ, Trung-kỳ.
3) Phủ Toàn-quyền.

TOÁT-YẾU : 1 — Áp-dụng chính-sách chia để trị hầu để đàn-áp và bóc-lột dân ta, thực-dân Pháp phân nước ta làm ba miền. Mỗi miền có một chế-độ cải-trị riêng.

2 — Nam-kỳ là thuộc-địa do thực-dân Pháp trực-tiếp cai-trị. Đứng đầu là viên Thống-đốc. Dưới quyền đặt những Chủ-tỉnh người Pháp. Nam-kỳ được bầu một nghị-viên vào Hạ-nghị-viện Pháp.

Bắc-kỳ thuộc quyền bảo-hộ của Pháp, đứng đầu là viên Thống-sứ. Ở các tỉnh có Công-sứ giám-sát công-việc của quan-lại Việt-Nam.

Trung-kỳ thuộc Nam-triều. Nhưng trên thực-tế quyền hành đều nằm trong tay viên Khâm-sứ và các Công-sứ đầu tỉnh, cũng như Bắc-kỳ.

3 — Các viên Thống-đốc, Thống-sứ, Khâm-sứ đặt dưới quyền điều-khiển của viên Toàn-quyền, có Phó Toàn-quyền và các Giám-đốc chuyên-môn giúp việc.

CAU HỎI : Thực-dân Pháp áp-dụng chính-sách gì ở nước ta ? Chế-độ cải-trị ở Nam-kỳ thế nào ? Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ thì sao ? Các Thống-đốc, Thống-sứ và Khâm-sứ đặt dưới quyền ai ?



43. — CHÍNH-SÁCH CẢI-TRỊ CỦA NGƯỜI PHÁP (tiếp theo)

DÀN BÀI : 1) Chính-sách bóc-lột và ngu-dân của thực-dân.
2) Hậu-quả của chính-sách ấy.

TOÁT-YẾU : 1 — Thực-dân Pháp tìm mọi cách bóc-lột dân ta. Họ đặt ra thuế đinh, thuế điền, thuế rượu, thuế muối, v.v... Họ chiếm độc-quyền khai thác hầm mỏ, đồn điền và giao thương với ngoại-quốc. Việc học bị hạn-chế. Họ chỉ cần đào tạo một số người thừa-hành để phục-vụ cho chế-độ thuộc-địa. Đường-sá nếu có được thiết-lập cũng chỉ nhằm mục-dịch quân-sự hay khai-thác tài-nguyên mà thôi. Nhà thương và thuốc-men thiếu-thốn. Những tệ-đoạn xã-hội được dung-dưỡng.

2 — Tóm lại, ngoài một số tay sai được thực-dân ưu-đãi, phần đông dân-chúng bị áp-bức, bóc-lột, đời sống vô cùng cơ-cực. Đồng bào ta uất-hận, chỉ chờ cơ-hội là nổi lên đánh đuổi quân thù.

CÂU HỎI: Thực-dân Pháp bóc lột dân ta cách nào? Họ chiếm những độc-quyền gì? Tại sao việc học bị hạn-chế và những tệ đoan xã hội được dung-dưỡng? Họ thiết-lập đường-sá nhằm mục đích gì? Tại sao dân ta uất-hận?



44. - ĐỜI HÀM-NGHI : CUỘC KHÁNG-CHIẾN

DÀN BÀI: 1) Vua Hàm-nghi lên ngôi.
2) Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết chuẩn-bị kháng-chiến.
3) Cuộc tấn-công đồn Mang-cá và Tòa Khâm-sứ Pháp.

TOÁT-YẾU: 1. — Vua Kiến-Phúc trị-vì được 6 tháng thì mất. Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết lập ông Ưng-Lịch (1) lên ngôi, đặt niên-hiệu là Hàm-Nghi. Thấy thế, viên Thống-tướng Pháp ở Bắc-kỳ cho người vào Huế hạch triều-đình không xin phép về việc này.

2. — Trước thái-độ càng ngày càng hống-hách của người Pháp, hai ông Tường và Thuyết bèn mộ quân, dự trữ lương-thực, lập đồn Tân-sở (Quảng-trị), quyết-tâm kháng-chiến.

3. — Năm 1885, sau khi tới Bắc-kỳ, viên Thống-tướng Đờ Cuốc-xi (De Courcy) vào Huế buộc triều-đình ta nhiều điều nhục quốc-thể. Tôn-Thất-Thuyết tức-giận, đêm 22 tháng 5 năm Ất-dậu (1885) tấn-công đồn Mang-cá và Tòa Khâm-sứ Pháp. Quân Pháp bị thiệt hại nặng. Nhưng đến sáng chúng phản-công dữ-đội. Quân ta tan-rã. Tôn-thất-Thuyết phải đem vua Hàm-Nghi và ba bà Thái-hậu chạy ra Quảng-trị.

CÂU HỎI: Ai kế-ngôi vua Kiến-Phúc? Thái-độ của người Pháp càng ngày càng thế nào? Hai ông Tường và Thuyết chuẩn-bị kháng-chiến cách nào? Tại sao Tôn-thất-Thuyết tấn-công đồn Mang-cá và Tòa Khâm-sứ Pháp? Kết quả ra sao?



(1) Ưng-Lịch là em ông Chính-Mông (con nuôi thứ hai vua Tự-Đức).

45. - ĐỜI HÀM-NGHI : CUỘC KHÁNG-CHIẾN (tiếp theo)

DÀN BÀI: 1) Vua Hàm-Nghi chạy đến đồn Tân-sở.
2) Nhà vua truyền hịch Cần-vương.
3) Nhà vua bị bắt và bị đày.

TOÁT-YẾU: 1. — Quân Pháp đuổi theo vua Hàm-Nghi để tìm về cho yên lòng dân. Tôn-thất-Thuyết bèn rước vua đến đồn Tân sở.

2. — Nơi đây, nhà vua truyền hịch Cần-vương kêu gọi nhân-dân cứu-quốc. Văn-thân và dân-chúng nhiệt-liệt hưởng-ứng, nổi lên khắp nơi kháng Pháp: Phan-dinh-Phùng ở Nghệ-tĩnh, Đinh-công-Tráng ở Ba-đinh, Lê-Trực ở Quảng-bình, Nguyễn-thiện-Thuật, Hoàng-hoa-Thám ở Bắc-hà... Quân Pháp thắng tay đàn-áp. Nhà vua phải chạy lên Quảng-bình.

3. — Liệu thế chống không nổi, Tôn-thất-Thuyết giao cho hai con là Tôn-thất-Thiếp và Tôn-thất-Đạm ở lại phò giá, còn ông sang Tàu cầu-cứu, nhưng sau chết ở bên đó. Năm 1888, tên Trương-quang-Ngọc làm phản, giết Tôn-thất-Thiếp và bắt vua Hàm-Nghi đem nộp cho Pháp. Nhà vua bị thực-dân Pháp đày sang An-giê-ri (Algérie).

CÂU HỎI: Bị quân Pháp đuổi theo, Tôn-thất-Thuyết rước vua Hàm-Nghi đến đâu? Ở đây, nhà vua làm gì? Hịch của nhà vua được hưởng-ứng như thế nào? Tại sao Tôn-thất-Thuyết phải sang Tàu cầu-cứu? Vua Hàm-Nghi bị bắt trong trường-hợp nào? Ngài bị đày đi đâu?



46. - HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY LUẬN:

— Thực-dân Pháp đã áp-dụng chính-sách gì để cai-trị dân ta? Tại sao chúng áp-dụng chính-sách ấy?

— Theo ý trò thì hai ông Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết đáng chê ở chỗ nào?

— Kể những hòa-ước ký-kết giữa ta và Pháp từ 1862 đến 1884 và nói sơ-lược về nội-dung các hòa-ước ấy.

TOÁT-YẾU : 1.— Ông Đinh công-Tráng người làng Nam-tràng, tỉnh Hà-nam, nguyên làm Chánh-tổng sau theo Hoàng-kế-Viêm đánh nhau với Pháp. Khi vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-bình, ông được giao phó nhiệm-vụ chặn đường tiếp-tế của Pháp từ Bắc vào Trung. Ông dựng chiến-lũy Ba-dinh toàn bằng đất và tre tươi, giữa một khu đồng lầy thuộc 3 làng Mỹ-kê, Mậu-thịnh và Thượng-thọ (Thanh-hóa). Nghĩa-quân chỉ có 600 người, khí-giới thô-sơ nhưng đã gây cho Pháp những tổn-thất nặng-nề. Cuối năm 1886, địch phải huy-động tới 4000 quân, 80 sĩ-quan và 4 tàu chiến mà vẫn bị thảm-bại. Đầu năm 1887, chúng phải đem hết lực-lượng ngoài Bắc vào đánh suốt 20 ngày mới phá vỡ được Ba-dinh. Ông Đinh-công-Tráng chạy đến Nghệ-an thì bị trúng đạn chết.

2.— Ngoài Đinh-công-Tráng, ở khắp miền Trung, đâu đâu cũng có các nhân-sĩ hưởng-ứng hịch Cần-vương nổi lên kháng Pháp.

CÂU HỎI : Nói qua về thân-thể của ông Đinh-công-Tráng. Ông dựng chiến-lũy Ba-dinh thế nào ? Ở đâu ? Pháp bị thiệt-hại thế nào ? Tại sao ông Đinh-công-Tráng bị thiệt-mạng ?



51 CÁC CUỘC KHỞI-NGHĨA Ở BẮC-KỲ : NGUYỄN-THIỆN-THUẬT

DÀN BÀI : 1) Các cuộc khởi-nghĩa quan-trọng nhất ở Bắc-kỳ.
2) Cuộc khởi-nghĩa Bãi sậy.

TOÁT-YẾU : 1.— Ở Bắc-kỳ, phong-trào Cần-vương cứu-quốc cũng sôi-nổi khắp nơi. Quan-trọng hơn cả là cuộc khởi-nghĩa Bãi sậy và Yên-thế.

2.— Lãnh-đạo cuộc khởi-nghĩa Bãi sậy là ông Nguyễn-thiện-Thuật. Ông người làng Xuân-dục, tỉnh Hưng-yên, làm Tấn-tương quân-vụ ở Sơn-tây. Sau khi triều-đình ký hòa-ước 1874, ông cùng Tạ-Hiện, Đề-đốc Nam-định, bỏ quan về lập chiến-khu chống Pháp ở Bãi sậy (Hưng-yên).

Đây là một vùng bùn lầy, lau sậy mọc chi-chít, lại chỉ có một đường độc-đạo ra vào. Cho nên quân Pháp nhiều lần tấn-công nhưng đều thảm-bại. Sau Pháp phải dùng Hoàng-cao-Khai đem đại-binh đến đánh suốt 2 năm mới phá nổi Bãi sậy. Tán Thuật chạy sang Tàu rồi sau chết bên đó.

CÂU HỎI : Ở Bắc-kỳ có những cuộc khởi nghĩa nào quan-trọng nhất ? Nói về thân-thể ông Nguyễn-thiện-Thuật. Ông lập chiến khu ở đâu ? Tại sao quân Pháp không phá nổi Bãi sậy ? Về sau phải dùng ai đánh phá ? Ông Tán Thuật chết ở đâu ?



52.— CÁC CUỘC KHỞI-NGHĨA Ở BẮC-KỲ (tiếp theo) HOÀNG-HOA-THẨM

DÀN BÀI : 1) Thân-thể Hoàng-hoa-Thẩm.
2) Công-cuộc đánh Pháp.
3) Cuộc khởi-nghĩa thất-bại.

TOÁT-YẾU : 1.— Hoàng-hoa-Thẩm, người Yên-thế, tỉnh Bắc-giang, trước có theo Tán Thuật và Cai Kinh khởi-nghĩa, được phong chức Đề-đốc. Sau khi nghĩa-quân thất-bại, ông rút về Yên-thế lập chiến khu tiếp-tục cuộc kháng-chiến từ 1889 đến 1913.

2.— Nhờ địa-thể hiểm-trở, lại được tổng Luân, tổng Trục, 2 con trai và người vợ bà giúp sức, ông dùng chiến-thuật du-kích gây cho Pháp nhiều tổn-thất nặng-nề, khiến chúng phải giảng-hòa hai lần. Ngoài mặt đình-chiến, nhưng bên trong Đề-Thẩm vẫn củng-cố lực-lượng và hoạt-động ngầm-ngâm. Năm 1908 ông lập mưu cùng cụ Phan-bội-Châu sửa-soạn đánh thành Hà-nội, nhưng kế-hoạch bị bại-lộ.

3.— Năm 1909, Pháp đem đại-binh cùng Tổng-đốc Bắc-ninh là Lê-Hoan tấn công Yên-thế. Lực-lượng nghĩa-quân tiêu-mòn Đề-Thẩm phải trốn-tránh. Đến năm 1913 Pháp mượn tên Khách Lương-tam-Kỳ cho thủ-hạ đến xin nhập-dàng rồi ám-sát ông khi đang ngủ.

CÂU HỎI : Nói về thân-thể của Hoàng-hoa-Thám. Nhờ đâu ông gây cho Pháp nhiều thiệt-hại nặng-nề ? Pháp phải giảng-hòa mấy lần ? Để Thám đi mưu lấy thành Hà-nội như thế nào ? Tại sao cuộc khởi-nghĩa Yên-thế thất-bại ?



53.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY LUẬN :

- Hưởng-ứng hịch «Cần vương cứu quốc», từ Nam chí Bắc có những cuộc khởi-nghĩa nào ? Do ai lãnh-đạo ?
- Nghĩa-quân thường áp-dụng chiến-thuật gì để đánh quân Pháp ? Chiến-thuật này lợi-hại thế nào, hãy dẫn-chứng cho rõ.
- Thực-dân Pháp có thắng nghĩa-quân dẽ-dàng bằng vũ-lực không ? Chúng thường dùng cách nào để hại những nhà lãnh-đạo các cuộc khởi-nghĩa ?



54.— ĐỜI ĐỒNG-KHÁNH VÀ THÀNH-THÁI

DÀN BÀI : 1) Vua Đồng-Khánh.

2) Vua Thành-Thái.

TOÁT-YẾU : 1 - Sau khi vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-Trị, người Pháp lập con nuôi thứ hai vua Tự-Đức lên ngôi, niên-hiệu là Đồng-Khánh (1885). Vua Đồng-Khánh thân Pháp nên trong triều yên ổn. Nhưng khắp nơi dân-chúng hướng về vua Hàm-Nghi nổi lên kháng-chiến. Vua Đồng-Khánh trị-vì được 3 năm thì mất (1888).

2.— Người Pháp lập con ông Dục-Đức là Bửu Lâm mới mười tuổi lên ngôi, đặt niên-hiệu là Thành-Thái. Vua Thành-Thái thông-minh, hiếu - học. Lớn lên có tư-tướng cách-mạng và khi-phách anh-hùng. Ngài thường liên-lạc với đảng Văn-thân mưu-đó chống Pháp. Năm 1903, ngài định trốn sang Tàu, nhưng đến Thanh-hóa thì bị chặn lại. Ngài bị cưỡng-bách thoái-vị năm 1907 và bị thực-dân Pháp đem đi an-trí tại đảo Rê-uy-ni-ông (Réunion).

CÂU HỎI : Sau khi vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-trị, người Pháp lập ai lên ngôi vua ? Đồng-Khánh là người thế nào ? Vua Đồng-Khánh mất, ai lên nối ngôi ? Vua Thành Thái là người thế nào ? Tại sao ngài bị Pháp đem đi an-trí ?

55 — ĐỜI VUA DUY-TÂN VÀ KHẢI-ĐỊNH

DÀN BÀI : 1) Vua Duy-Tân.

2) Vua Khải-Định.

TOÁT-YẾU : 1— Sau khi buộc vua Thành-Thái thoái-vị, người Pháp lập thái tử Vĩnh-San mới 8 tuổi lên ngôi, niên-hiệu là Duy-Tân (1907). Vốn thông-minh, và có khí-phách, năm 13 tuổi vua Duy-Tân đã phản đối Pháp không thi-hành đúng-dần hòa ước 1884. Năm 1916, nhân cuộc chiến-tranh Pháp-Đức, ngài cùng các ông Trần-cao-Vân, Thái Phiên huy-động lực-lượng cách-mạng từ Bình-thuận đến Quảng-bình, mưu đồ tổng-khởi-nghĩa vào ngày 2-5-1916. Nhưng kế-hoạch bị bại-lộ. Nhà vua bị bắt. Sau vụ này, một số lớn chiến-sĩ cách-mạng bị án tử-hình. Còn vua Duy-Tân bị đày sang đảo Rê-uy-ni-ông (Réunion) và năm 1946 chết bên đó.

2.— Kế vị vua Duy-Tân là vua Khải-Định con vua Đồng-Khánh. Về đời Khải-Định, mọi việc đều do Pháp quyết-định. Nhà vua mất năm 1925, trị vì được 10 năm.

CÂU HỎI : Ai kế-vị vua Thành-Thái ? Vua Duy-Tân là người thế nào ? Ngài mưu-đó việc gì ? Tại sao ngài bị đày ? Kế-vị vua Duy-Tân là ai ? Sơ-sinh vua Khải-Định với vua Duy-Tân.



56.— PHONG-TRÀO DUY-TÂN PHAN-BỘI-CHÂU VỚI CUỘC ĐÔNG-DU

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân gây nên phong-trào Duy-Tân

2) Phan-bội-Châu với cuộc Đông-du.

TOÁT-YẾU : 1— Nhờ được thẩm-nhuận những tư-tưởng Tây-phương qua sách báo Trung-hoa và do ảnh-hưởng Nhật thắng Nga năm 1905, các nhà ái-quốc nhận-thức rằng cần phải nâng-cao dân-trí, cải-biến xã-hội, mới mong giải-phóng được đất nước. Do đó phát sinh phong-trào Duy-tân.

2.— Lãnh-đạo phong-trào Duy-tân là Phan-bội-Châu, hiệu Sào-Nam, người tỉnh Nghệ-an. Cụ Phan thi đậu giải-nguyên, nhưng không chịu ra làm quan. Cụ chu-du khắp nước, kết-nạp đồng-chí lập ra Việt-Nam Phục-quốc-hội. Cụ chủ-trương gửi thanh-niên ra nước ngoài du-học.

Năm 1905 cụ trốn sang Nhật và tích cực hoạt động cho phong trào Đông-du. Số thanh-niên qua Nhật du-học càng ngày càng đông. Thấy thế, Pháp lo-ngại, vận-dộng với Nhật trục-xuất du-học-sinh. Cụ Phan phải chạy sang Tàu. Năm 1925 cụ bị bắt và đem về an-trí ở Huế. Cụ mất năm 1940

CAU HỎI : Vì đâu phát-sinh phong-trào Duy-tân ? Chủ-trương của phong-trào này là gì ? Ai lãnh-đạo phong-trào ? Kể những thành-tích hoạt-động của cụ Phan-bội-Châu. Vì sao cụ bị bắt ? Cụ bị an-trí ở đâu và mất năm nào ?



57. — PHONG-TRÀO DUY-TÂN (tiếp theo) PHAN-CHU-TRINH VÀ ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỰC

DÀN-BÀI : 1) Phan-chu-Trinh thành-lập Đông-Kinh Nghĩa-thực
2) Sự hoạt-động của Đông-Kinh Nghĩa-thực.

TOÁT-YẾU : 1— Trong khi Phan-bội-Châu hoạt-động hăng-hái ở ngoại-quốc thì trong nước Phan-chu-Trinh cũng tích-cực đẩy mạnh phong-trào Duy-Tân. Phan-chu-Trinh, hiệu Tây-Hồ, người tỉnh Quảng-Nam, đậu phó-bàng, làm quan tại triều. Nhưng được ít lâu, cụ từ-chức, sang Nhật quan-sát rồi về nước bắt tay cùng một số đồng-chí lập ra Đông-kinh Nghĩa-thực (1907).

2.— Bề ngoài đó là một trường tư gồm Tiểu, Trung và Đại-học dạy 3 thứ tiếng Việt, Pháp, Hán. Nhưng bên trong có mục-dịch truyền-bá những tư-tưởng mới, kích-thích lòng yêu nước và tinh-thần tranh-đấu của nhân-dân. Học-sinh gồm trên 1000 người thuộc đủ các giới. Ảnh-hưởng sâu rộng của nhà trường trong dân-chúng khiến cho Pháp lo-ngại. Vì vậy mới hoạt-động được 9 tháng trường đã bị đóng cửa.

CAU HỎI : Cụ Phan-chu-Trinh quê ở đâu ? Vì sao cụ từ-chức ? Cụ thành-lập Đông-kinh Nghĩa-thực với mục-dịch gì ? Tại sao thực-dân Pháp đóng cửa trường này ?

58. CUỘC KHỞI-NGHĨA THÁI-NGUYÊN

DÀN BÀI : 1) Người cầm đầu cuộc khởi-nghĩa.
2) Nghĩa-quân chiếm đóng tỉnh-lỵ.
3) Nghĩa-quân rút lui và tan-rã.

TOÁT YẾU : 1.— Cầm đầu cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyên là Lương-ngọc Quyến và Trịnh-văn-Cẩn. Lương-ngọc-Quyến tốt-nghệp trường võ-bị Nhật. Ông định sang Trung-hoa hoạt-động. Nhưng đến Hương-cảng thì bị bắt và đem về giam ở Thái-nguyên. Trịnh-văn-Cẩn, người tỉnh Vĩnh-yên, làm đội lính khố xanh, nên quen gọi là Đội Cẩn.

2.— Được Lương-ngọc-Quyến bày mưu-kế, đêm 30-8-1917, Đội Cẩn cùng hơn 100 binh-sĩ nổi lên hạ-sát viên Giám binh chiếm lấy đồn và giết viên cai ngục, thả hết tù phạm ra. Rồi kéo đi chiếm đóng các công-sở.

3.— Làm chủ tỉnh-lỵ được 7 ngày thì lính Pháp từ Hà-nội kéo lên vây đánh, nghĩa-quân chống-cự anh-dũng cho đến khi hết đạn. Lương-ngọc-Quyến vì tàn-phế phải tự-tử. Đội Cẩn rút lui về vùng Vĩnh-yên, Thái-nguyên, Tam-đào đánh du-kích, rồi sau chạy đến Pháo-sơn. Quân Pháp truy-nã gắt, ông phải tự-sát để khỏi rơi vào tay giặc.

CAU HỎI : Ai cầm đầu cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyên ? Nói qua về thân thế Lương-ngọc-Quyến và Trịnh-văn-Cẩn ? Nghĩa-quân đánh chiếm tỉnh cách nào ? Tại sao ít lâu sau bị tan-rã ?



59. CUỘC KHỞI-NGHĨA YÊN-BÁI

DÀN BÀI : 1) Nguyễn-thái-Học thành-lập V.N.Q.D.D.
2) Cuộc khởi-nghĩa.
3) Sự đàn-áp của thực-dân.

TOÁT-YẾU : 1 — Năm 1927, Nguyễn-thái-Học thành lập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng chủ trương võ-trang tranh đấu giành độc-lập và xây dựng chế-độ dân-chủ. Đảng gây được cơ-sở từ Bắc chí Nam. Nhưng vì có tay sai của Pháp len-lỏi vào hàng-ngũ, nên cơ cấu của đảng bị khám-phá. Và sau vụ ám-sát Ba-danh (Bazin), thực-dân thắng tay đàn-áp.

2. — Trước tình-thế đó, V.N.Q.D.Đ quyết-định tổng-khởi-nghĩa. Ngày 10-2-1930, Nguyễn-khắc-Nhu, tức Xứ Nhu, đánh Yên-bái, Phú-thọ, Lâm-thao, Hưng-hóa. Ở Yên-bái, được sự trợ-lực của binh-sĩ, nghĩa-quân chiếm được trại lính. Nhưng mấy giờ sau, quân Pháp phản-công kịch-liệt, nghĩa-binh tan-rã. Trong khi tiến đánh Hưng-hóa, Xứ Nhu bị trúng đạn phải tự-sát. Ở Hà-nội cũng có vụ ném bom vào Sở mật-thám, Sở Cảnh sát, trại Hiến-binh. Ở Hải-dương, nghĩa-quân tấn-công huyện Vĩnh-bảo, Pháp tàn-bạo dội bom triệt-hạ làng Cổ-am, nơi tập-trung lực-lượng cách-mạng.

3. — Cuộc khởi-nghĩa thất-bại. Các chiến-sĩ Q.D.Đ bị bắt. Ngày 17-6-1930, Nguyễn-thái-Học cùng 12 đồng-chí anh-đồng bước lên đoạn đầu đài ở Yên-bái.

CÂU HỎI : Chủ-trương của V.N.Q.D.Đ là gì ? Tại sao Nguyễn-thái-Học phải quyết-định tổng-khởi-nghĩa ? Kể lại cuộc khởi-nghĩa ở Yên-bái và ở các nơi khác. Kết-quả cuộc khởi-nghĩa ra sao ?



60. HỌC ÔN

Câu hỏi suy-luận :

- Người ta thường nói : « Cha nào con nấy » Trò hãy so-sánh vua Khải-Định với vua Đồng-Khánh, vua Duy-Tân với vua Thành-Thái để chứng-minh câu tục-ngữ ấy đúng.
- Chủ-trương của phong-trào Cần-vương và của phong-trào Duy-tân khác nhau thế nào ?
- Tại sao cuộc khởi-nghĩa Yên-bái thất-bại ?

CHƯƠNG V

CUỘC CÁCH-MẠNG 1945 VÀ CUỘC KHÁNG-CHIẾN CHỐNG PHÁP

61. TÌNH-HÌNH VIỆT-NAM TRONG THỜI ĐỆ-NHỊ THẾ-CHIẾN

- DÀN BÀI :** 1) Quân Nhật kéo vào Đông-dương.
2) Cuộc đảo-chính 9-3-1945.
3) Chính-phủ Trần-trọng-Kim.

TOÁT-YẾU : 1. — Năm 1939, thế-chiến thứ II bùng nổ giữa phe phát-xít Đức, Ý, Nhật và phe Đồng-minh : Pháp, Anh, Nga, Trung-hoa. Năm 1940, Pháp đại-bại phải đầu hàng vô điều-kiện. Quân Nhật kéo vào Đông-dương, nhưng vẫn để quyền cai-trị cho người Pháp. Lợi-dụng cơ-hội này, các đảng cách-mạng hoạt-động ráo-riết, nhất là Mặt trận Việt-Nam Độc-lập Đồng-minh tức Việt-Minh.

2. — Về sau phe Đồng-minh có thêm Hoa-kỳ tham-chiến. Nhật lo Pháp sẽ làm nội-ứng cho Hoa-kỳ đổ-bộ Đông-dương, bèn đảo-chính lật đổ chính-phủ bảo-hộ đêm 9-3-1945 và tuyên-bố trả độc-lập cho Việt-Nam.

3. — Vua Bảo-Đại cử ông Trần-trọng-Kim lập nội-các. Nhật không thực-tâm, nên Chính-phủ Trần-trọng-Kim, tuy có thiện-chí, nhưng gặp rất nhiều khó-khăn, nhất là nạn đói do chính-sách bóc lột của Nhật gây ra.

CÂU HỎI : Sau khi Pháp đầu hàng, quân Nhật làm gì ? Lợi-dụng cơ-hội này, các chính-đảng hoạt-động thế nào ? Tại sao Nhật đảo-chính Pháp ? Vua Bảo-Đại cử ai lập Chính-phủ ? Chính-phủ Trần-trọng-Kim gặp những khó-khăn gì ?

62. CUỘC CÁCH-MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945

- DÀN BÀI : 1) Dân-chúng ngả theo Việt-Minh.
2) Cướp chính-quyền ngày 19-8-1945.
3) Cuộc cách-mạng thần-tốc.

TOÁT-YẾU : 1.— Người Nhật càng ngày càng lấn-át Chính-phủ và dân-áp, bóc-lột dân-chúng nên mọi người đều căm-phẫn, ngả theo Việt-Minh để « đánh Pháp đuổi Nhật ».

2.— Thừa lúc Nhật bại trận phải đầu hàng Đồng-minh vô điều-kiện, ngày 19-8-1945, Việt-Minh vận-động dân-chúng cướp chính-quyền trên toàn-quốc. Vua Bảo-Đại thoái-vị. Nội-các Trần-trọng-Kim giải-tán. Ngày 2-9-1945, Chính-phủ lâm-thời Hồ-chí-Minh ra mắt quốc-dân tại Hà-nội.

3.— Nhờ lòng yêu nước thiết-tha và tinh-thần tranh-đấu anh-dũng của toàn-dân, cuộc cách-mạng tháng 8-1945 đã thành-công rực-rỡ, giành lại độc-lập cho quốc-gia, sau gần một thế-kỷ bị thực-dân Pháp thống-trị.

CÂU HỎI : Tại sao dân-chúng càng ngày càng ngả theo Việt-Minh ? Lợi-dụng cơ-hội nào Việt-Minh vận động dân-chúng cướp chính-quyền ? Nhờ đâu cuộc cách-mạng tháng 8-1945 thành-công rực-rỡ ?



63. CUỘC KHÁNG-CHIẾN CHỐNG PHÁP

- DÀN BÀI : 1) Pháp kéo quân vào Việt-Nam.
2) Cuộc chiến-tranh Việt-Pháp.
3) Hiệp-định Genève 1954.

TOÁT-YẾU : 1.— Sau khi Nhật đầu hàng, quân-đội Anh và Trung-hoa được lệnh kéo vào Đông-dương tước khí-giới quân-đội Nhật. Lợi-dụng cơ-hội này, Pháp vận-động với Anh đem quân trở lại miền Nam. Năm 1946 Pháp lại thỏa-hiệp với Chính-phủ Việt-Minh kéo quân ra Bắc. Với âm-mưu tái-chiếm nước ta, quân Pháp ngày ngày khiêu-khích, gây hấn, khiến dân ta vô-cùng căm-phẫn.

2.— Ngày 19-12-1946, chiến-tranh giữa ta và Pháp bùng nổ. Toàn-dân nổi lên quyết-tâm kháng-chiến, liên-tiếp gây cho Pháp những tổn-thất nặng-nề. Năm 1954, bị thảm-bại trong trận Điện-biên-phủ, Pháp vận-động chấm dứt chiến-tranh tại bàn hội-nghi.

3.— Ngày 20-7-1954, Pháp cùng Chính-phủ Việt-Minh ký-kết hiệp-định Giơ-ne-vơ (Genève) chia đôi nước ta, lấy vĩ-tuyến 17 làm ranh-giới. Miền Bắc theo chủ-nghĩa Cộng-sản ; miền Nam đứng trong hàng-ngũ các nước tự-do.

CÂU HỎI : Lợi-dụng cơ-hội nào, quân Pháp kéo vào miền Nam ? Sau khi kéo ra Bắc, quân Pháp ngày ngày có những hành-động thế nào ? Chiến-tranh Việt-Pháp bùng-nổ ngày nào ? Tại sao Pháp phải vận-động hợp-hội-ngi Giơ-ne-vơ ? Do hiệp-định Giơ-ne-vơ, nước ta ra sao ?



64. HỌC ÔN

Học ôn tất cả các bài trong năm.



ĐỊA - LÝ

- I.— Việt-nam
- II.— Các nước lân-cận Việt-nam.
- III.— Ngũ đại-châu.
- IV.— Các cường-quốc có liên hệ với Việt-nam.

VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

1— VỊ-TRÍ, GIỚI-HẠN, HÌNH-THỂ, DIỆN-TÍCH

DÀN BÀI : 1) Vị-trí, giới-hạn.

2) Hình-thể, diện-tích.

TOÁT-YẾU : 1— Việt-nam ở phía Đông bán-đảo Hoa-Ấn trong vùng Đông-Nam-Á. Bắc giáp Trung-hoa, Đông và Nam giáp biển Nam-hải, Tây giáp Ai lao và Cam-bốt. Vị-trí nước ta rất thuận-lợi vì thương-thuyền từ Âu châu qua Nhật-bản, Trung-hoa hoặc từ Mỹ-châu qua Ấn-độ, Miến-điện đều ghé qua Việt-nam.

2.— Việt-nam hình chữ S, hai đầu to, giữa thắt lại. Diện-tích ước chừng 326.000 cây số vuông. So với Hoa-kỳ, Ấn-độ, Úc-dại-lợi thì nhỏ, nhưng so với các nước khác thì vào hạng trung-bình.

CÂU HỎI : Nước Việt-nam ở đâu ? Giáp-giới những nước nào ? Vị-trí nước ta thuận-lợi như thế nào ? Việt-nam hình thế thế nào ? Diện-tích bao nhiêu km² ?



2— NÚI

DÀN BÀI : 1) Núi ở Bắc-phần.

2) Núi ở Trung-phần.

TOÁT-YẾU : 1— Miền thượng-du Bắc-phần có 5 dãy núi chính : dãy Nhị-Đà có núi Hoàng-liên-sơn (3142m) cao nhất Việt-nam ; dãy sông Gâm có núi Phia-Đa ; dãy Ngân-sơn có núi Phia-Uất ; dãy Bắc-sơn hay Cai-kính ở hữu-ngạn sông Thương. Miền Trung-du có những đồi núi thấp như Tam-đào, Yên-thế, Ba-vì.

2— Ở Trung-phần có dãy Trường-sơn, phân ra làm nhiều đoạn bởi những đèo như : Quy-hợp, Mụ-già, Lao-bào, An-khê. Lại có những nhánh ngang cũng có đèo như : đèo Ngang, đèo Hải-vân, đèo Cả.

CÂU HỎI : Miền thượng-du Bắc-phần có những dãy núi nào ? Miền trung-du có những núi gì ? Ở Trung-phần có dãy núi gì ? Dãy núi này có đèo nào ? Những nhánh ngang có những đèo gì ?

4- SÔNG NGÒI BẮC-PHẦN

DÀN BÀI : 1) Sông Nhị-hà.
2) Sông Thái-bình.
3) Sông Bằng-giang.

TOÁT-YẾU : 1.— Bắc-phần có hai sông lớn là sông Nhị-hà và sông Thái-bình. Sông Nhị-hà dài 1200km phát nguyên từ miền núi Vân-nam. Từ Lào-cai đến Yên-bái sông có nhiều ghềnh thác. Từ Yên-bái tới vịnh Bắc-phần nước chảy chậm. Nhị-hà có hai phụ-lưu là sông Đà và sông Lô. Chi-lưu là sông Đáy. Về mùa hạ, nước sông thường lên cao, có khi gây ra ngập lụt.

2— Sông Thái-bình do sông Cầu, sông Thương và sông Lục-nam hợp thành. Nối liền với sông Nhị-hà bằng sông Đuống và sông Luộc.

3— Ở Đông-bắc Bắc-phần còn có sông Bằng-giang chảy vào Tây-giang bên Tàu ; hai phụ-lưu là sông Kỳ-cùng và sông Bắc-giang.

CÂU HỎI : Ở Bắc-phần có những sông nào ? Sông Nhị-hà phát nguyên từ đâu ? Dài bao nhiêu ? Có những phụ lưu nào ? Về mùa hạ, nước sông thế nào ? Sông Thái-bình do những sông nào hợp thành ? Ở Đông-Bắc Bắc-phần còn có sông gì ?

5- SÔNG NGÒI NAM PHẦN

DÀN BÀI : 1) Sông Cửu-long.
2) Sông Đồng-nai.
3) Sông con và kinh đào.

TOÁT-YẾU : 1.— Nam-phần có hai sông lớn là sông Cửu-long và sông Đồng-nai. Sông Cửu-long dài 4200km phát nguyên từ Tây-tạng. Tới Nam-vang phân làm Tiền-giang và Hậu-giang chảy qua Nam-phần ra Nam-hải. Trên địa-phần Việt-nam nước sông chảy từ từ, nên sự giao thông thuận tiện.

2.— Sông Đồng-nai phát nguyên từ cao-nguyên Lâm-viên, phụ-lưu là sông La-ngà, sông Bé, sông Sài-gòn. Tại chỗ gặp sông Sài-gòn, sông Đồng-nai đổi tên là sông Nhị-bè, chia làm nhiều ngành chảy ra biển.

3.— Miền Tây Nam-phần còn có nhiều sông rạch nhỏ và kinh đào.



SÔNG NGÒI

CÂU HỎI : Nam-phần có những sông nào ? Sông Cửu-long phát-nguyên từ đâu ? Tới Nam-vang phân ra làm mấy nhánh chảy qua Nam-phần ? Sông Tiền-giang và Hậu-giang có những đặc điểm gì ? Nói về sông Đồng-nai. Nam-phần có bao nhiêu km kinh đào ?



6— SÔNG NGÒI TRUNG-PHẦN

DÀN BÀI : 1) Tên các sông.
2) Đặc-tính.

TOÁT-YẾU : 1.— Những sông chính ở Trung-phần từ Bắc xuống Nam là : sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Bền-hải, sông Hương, sông Trà-khúc, sông Ba hay sông Đà-rằng.

2.— Sông Mã và sông Cả hơi dài, chảy qua bình-nguyên Thanh-Nghệ-Tĩnh, sự giao-thông khá thuận-tiện. Hầu hết các sông khác đều ngắn vì phát-nguyên ở dãy Trường-sơn. Triều, sông dốc, nước chảy mạnh, tàu bè không đi lại được. Sông Bền-hải ngày nay được dùng làm ranh giới phân-chia hai miền Nam-Bắc. Sông Hương là một thắng-cảnh của cố-đô Huế.

CÂU HỎI : Trung-phần có những sông gì ? Những sông nào tương-đối dài hơn cả ? Những sông khác thế nào ? Tại sao ? Sông Bền-hải ngày nay, cũng như sông Gianh trước kia, được dùng làm gì ?



7.— BÌNH-NGUYÊN BẮC-PHẦN

DÀN BÀI : 1) Sự cấu-tạo, diện-tích, hình-thế.
2) Sự sản-xuất, mật-độ dân-chúng.

TOÁT-YẾU : 1.— Ở Việt-nam bình-nguyên chiếm 1/4 diện-tích toàn-quốc. Bình-nguyên Bắc phần do phù-sa sông Nhị-hà và sông Thái - bình bồi lên. Diện-tích ước - chừng 15.000 cây số vuông, hình tam-giác, đỉnh ở gần Việt-trì, bề nam là bờ biển vịnh Bắc-phần.

2.— Miền châu-thó Bắc-phần không được phù-sa bồi thêm hàng năm, vì hai bên bờ sông Nhị-hà đều đắp đê để tránh nạn lụt. Cho nên sức sản-xuất lúa gạo thường chỉ đủ dùng. Miền này đông dân nhất. Có nơi tới 1.000 dân một cây số vuông.

CÂU HỎI : Bình-nguyên Bắc-phần do phù-sa sông nào bồi lên ? Diện-tích ước chừng bao nhiêu ? Hình gì ? Tại sao sức sản-xuất lúa gạo chỉ đủ dùng ? Nơi đây dân-chúng thế nào ?



8.— BÌNH-NGUYÊN NAM-PHẦN

DÀN BÀI : 1) Sự cấu-tạo, diện-tích.
2) Sức sản-xuất, những vùng đất xấu.

TOÁT-YẾU 1.— Bình-nguyên Nam-phần do phù - sa sông Cửu - long và sông Đồng - nai bồi thành. Diện - tích chừng 50.000 cây số vuông.

2.— Nhờ có nhiều sông ngòi và kinh đào chảy qua, lại được phù sa sông Cửu-long bồi thêm hàng năm, nên miền châu-thó Nam-phần phì-nhiều, sản-xuất lúa gạo thừa dùng. Tuy nhiên cũng còn những miền đất xấu như : Đồng Tháp-mười và đồng Cà mau, đất trũng, sinh lầy, cỏ lác mọc rậm-rạp. Miền đất đỏ ở phía Đông Nam phần, nhiều rừng rậm, khí-hậu độc, chỉ trồng cao-su là có lợi.

CÂU HỎI : Bình-nguyên Nam-phần do phù-sa sông nào bồi thành ? Diện-tích bao nhiêu ? Tại sao miền châu-thó Nam-phần ruộng đất phì-nhiều ? Ở Nam-phần có những miền đất nào xấu ?



9. BÌNH-NGUYÊN TRUNG-PHẦN

DÀN BÀI : 1) Đặc-tính chung.
2) Hai bình nguyên chính

TOÁT-YẾU : 1.— Những bình-nguyên Trung-phần nằm rải rác ven biển. Phần nhiều nhỏ hẹp, đất không phì-nhiều : nơi gần biển thì lầy cát ; nơi gần núi thì lầy sỏi. Cho nên sức sản xuất không đủ cung-ứng cho nhu-cầu dân-chúng.

2.— Tương-đối rộng hơn cả là đồng-bằng Thanh-Nghệ-Tĩnh ở phía Bắc Trung-phần do phù-sa sông Cả và sông Mã bồi thành và đồng-bằng Khánh-hòa — Bình-thuận ở phía Nam Trung phần.

CÂU HỎI : Những bình-nguyên Trung-phần nằm rải-rác ở đâu ? Tại sao sức sản-xuất không đủ cung-ứng cho nhu-cầu ? Hai đồng-bằng lớn nhất là gì ?



10. BIỂN VÀ BỜ BIỂN

DÀN BÀI : 1) Biển.
2) Bờ biển.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước Việt-Nam trông ra biển Nam-hải. Ven biển và ngoài khơi có nhiều đảo như Cái Bàu, Cái Bàn, Cát-bà, Tây-sa, Côn-sơn, Phú-quốc.

2.— Bờ biển Việt-Nam hình chữ S, dài 2.200km, chia làm 4 đoạn : a) Từ Móng-cái đến Hải-phòng, bờ biển cao, gồ-gề, có các vịnh Hạ-long, Bái-tử-long và các hải-cảng Hòn-gai, Cẩm-phả. b) Từ Hải-phòng đến Qui-nhơn, bờ biển thấp và bằng-phẳng, có hải-cảng Hải-phòng, Đà-nẵng. c) Từ Qui-nhơn đến Phan-rang, bờ biển gồ-gề, hiểm trở, có các vũng Nha-trang, Cam-ranh. d) Từ Phan-rang đến biên-giới Việt-Miên, bờ biển thấp và phẳng, có thương-cảng Sài-gòn.

CÂU HỎI : Nước Việt-Nam giáp biển gì ? Ven biển và ngoài khơi có những đảo gì ? Bờ biển Việt-Nam hình gì ? Dài bao nhiêu ? Chia ra làm mấy đoạn ? Mỗi đoạn thế nào ?



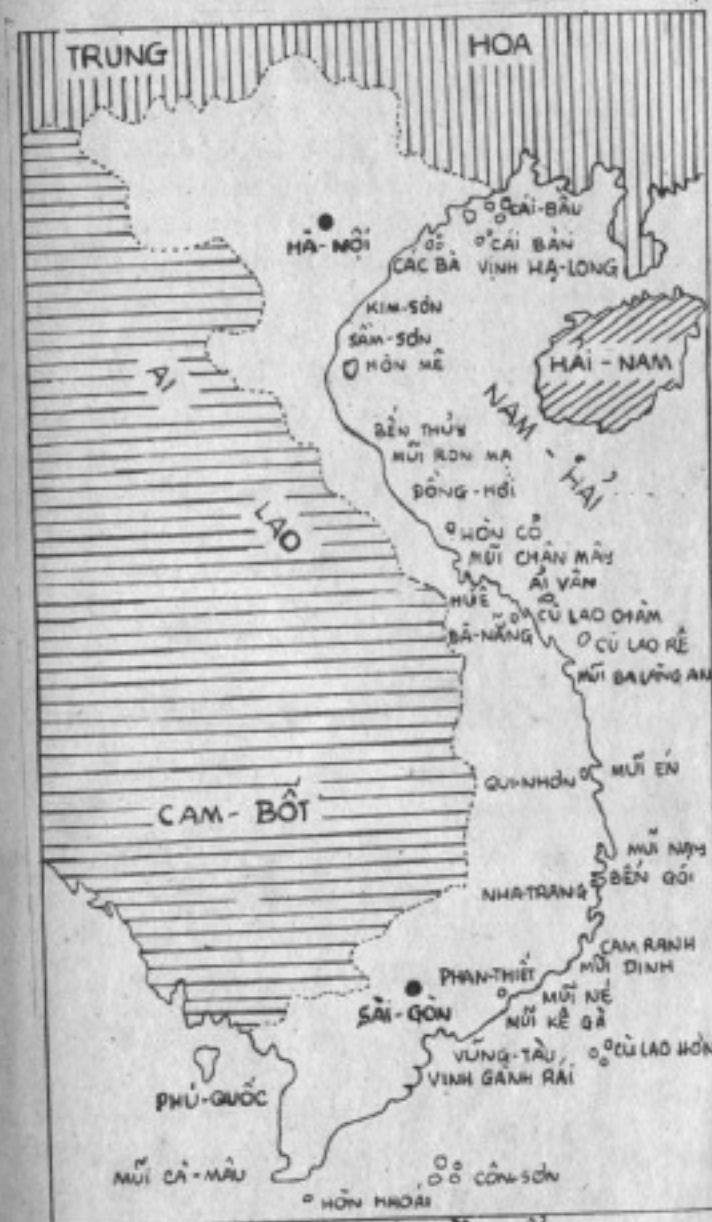
11. - KHÍ-HẬU

DÀN BÀI : 1) Nhiệt-độ.
2) Gió mùa.
3) Bão.

TOÁT-YẾU : 1.— Việt-Nam ở miền nhiệt-đới, nên nói chung, khí-hậu nóng và ẩm. Miền Bắc có mùa nóng, mùa rét Miền Nam nóng quanh năm. trừ vùng cao-nguyên thời tiết mát-mê.

2.— Việt Nam có gió mùa thổi. Miền Bắc, về mùa hạ có gió nam, mưa nhiều. Về mùa đông, gió bắc, ít mưa hoặc mưa phùn. Miền Nam, từ tháng 5 đến tháng 10, gió tây-nam, mưa nhiều. Từ tháng 11 đến tháng 4, gió đông bắc, rất ít mưa. Giữa miền Trung, về mùa đông, mưa nhiều; về mùa hạ, ít mưa.

3).— Ở vịnh Bắc-phần và Trung-phần hay có bão về mùa hạ.



BIỂN VÀ BỜ BIỂN

CÂU HỎI: Tại sao khi-hầu nước Việt-Nam nóng và ẩm ? Miền Bắc thế nào ? Miền Nam thế nào ? Việt-Nam có gió gì thổi ? Tại miền Bắc và miền Nam, về tháng nào mưa nhiều, mưa ít ? Tại sao ? Vịnh Bắc-phần và Trung-phần hay có bão về mùa nào ?



12.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Chứng-minh : nước Việt-Nam ở ngã tư các đường giao-thông quốc-tế.
- Nhờ đâu mực nước sông Cửu-long được điều-hòa ?
- Sau này, nếu trở muốn làm nghề trồng lúa và chăn nuôi, trở sẽ sống ở đâu ? Tại sao ?
- So sánh bình-nguyên Bắc-phần với bình-nguyên Nam-phần.
- Trong tương-lai, nước ta sẽ được bồi rộng thêm mãi ở những miền nào ? Tại sao ?
- Tại sao giữa miền Trung mưa nhiều về mùa đông ?



VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

13. DÂN-CƯ : NGƯỜI VIỆT

DÀN BÀI : 1) Dân-số.
2) Đặc-tính.
3) Tôn-giáo.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước ta hiện nay có chừng 30 triệu dân (miền Bắc: 16 triệu, miền Nam: 14 triệu) tập-trung đông-đúc ở các miền đồng-bằng, miền duyên-hải và các thành-phố Miền rừng núi dân-cư thưa-thớt.

2.— Dân-tộc Việt-Nam thông-minh, cần-cù, có tinh-thần quốc-gia vững mạnh và chiến-đấu gan-dạ, bền-bì. Đa-số sống về nghề nông và nghề chài lưới.

3.— Phần đông dân ta theo đạo Khổng, đạo Phật. Có chừng 2 triệu tín-đồ Thiên-chúa-giáo. Cũng có một số theo đạo Cao-dài và Phật-giáo Hòa-hào.

CÂU HỎI : Nước ta hiện nay dân-số bao nhiêu ? Dân-chúng tập-trung đông-đúc ở các miền nào ? Dân-tộc ta có những đặc-tính gì ? Đa-số sống về nghề gì ? Dân ta theo những tôn-giáo nào ?

14.— ĐỒNG-BÀO THIẾU-SỐ VÀ NGOẠI-KIỀU

DÀN BÀI : 1) Đồng-bào thiếu-số.
2) Ngoại-kiều.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước ta có chừng 2 triệu đồng-bào thiếu-số. Tại Bắc-phần có người Thái, người Thổ ở Lạng-sơn, Cao-bằng, Sơn-la. Người Nùng ở Móng - cái, Tiên-yên. Người Mường ở Nho-quan, Hòa - bình, Thanh - hóa. Người Mán và người Mèo sống trên các núi. Người Lô-lô ở rải-rác khắp Việt-Bắc. Tại Trung-phần có người Thượng sống ở miền cao - nguyên hay dãy Trường - sơn. Người Chăm ở Khánh-hòa, Bình-thuận. Tại Nam-phần, có người Miên ở An-giang, Kiên-giang, Ba-xuyên, Vĩnh-bình.

2.— Ngoại-kiều ở nước ta nhiều nhất là người Trung-hoa. Rồi đến người Mỹ, người Pháp, người Anh, người Ấn-độ.

CÂU HỎI : Nước ta có chừng bao nhiêu đồng - bào thiếu - số ? Đó là những người gì ? Sống ở đâu ? Ngoại-kiều gồm những người nước nào ?



15.— CHÍNH-QUYỀN TRUNG-ƯƠNG

DÀN BÀI : 1) Nước ta chia làm hai miền.
2) Chính-quyền trung-ương Việt-nam Cộng-hòa.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước ta hiện nay chia làm hai miền. Miền Bắc, trên vĩ-tuyến 17, theo chế-độ Cộng-sản. Miền Nam, dưới vĩ-tuyến 17, theo chính-thể Cộng-hòa.

2.— Việt - nam Cộng - hòa đứng trong hàng-ngũ các nước tự-do được nhiều nước trên thế - giới công - nhận. Lãnh-đạo quốc-gia là Tổng-thống và Phó Tổng-thống do toàn dân bầu lên. Tổng-thống chỉ-định Thủ-tướng thành-lập Chính-phủ để điều- khiển việc nước. Bên cạnh Chính-phủ có Quốc-hội gồm Thượng-nghị viện và Hạ nghị-viện nắm quyền lập-pháp. Quyền tư-pháp thuộc Tối-cao Pháp-Viện và các Tòa án.

CÂU HỎI : Nước ta hiện nay chia làm mấy miền ? Mỗi miền theo chế-độ nào ? Lãnh-đạo Việt-nam Cộng-hòa là ai ? Tổng - thống có quyền gì ? Quyền lập-pháp thuộc cơ-quan nào ? Cơ-quan nào nắm quyền tư-pháp ?

16. CHÍNH-QUYỀN ĐỊA-PHƯƠNG

DÀN BÀI : 1) Tỉnh, quận, tổng.
2) Xã, ấp.

TOÁT-YẾU : 1. - Việt-nam Cộng-hòa chia làm nhiều tỉnh, đứng đầu là Tỉnh-trưởng. Bên cạnh Tỉnh-trưởng có Hội-đồng tỉnh do dân bầu lên. Tỉnh gồm nhiều quận đặt dưới quyền Quận-trưởng. Chánh-tổng liên-lạc giữa quận và xã.

2. - Mỗi quận chia làm nhiều xã thuộc trách-nhiệm của Hội-đồng xã do dân bầu lên và Ủy-ban Hành-chánh xã đứng đầu là Xã-trưởng. Mỗi xã lại phân làm nhiều ấp do Ban trị-sự ấp quản-trị, đứng đầu là Trưởng-ấp do dân bầu ra.

CÂU HỎI : Nước ta chia làm nhiều gì ? Đứng đầu tỉnh là ai ? Bên cạnh Tỉnh-trưởng có cơ-quan nào ? Quận đặt dưới quyền ai ? Quận chia thành gì ? Xã thuộc trách-nhiệm của những cơ-quan nào ? Mỗi ấp do cơ-quan nào quản-trị ?



17. THỦ-ĐÔ, CÁC THỊ-XÃ VÀ CÁC TỈNH

DÀN BÀI : 1) Thủ-đô V.N.C.H. và các thị-xã.
2) Các tỉnh.
3) Các tỉnh và thành-phố miền Bắc.

TOÁT-YẾU : 1. - Thủ-đô Việt-nam Cộng-hòa là Sài-gòn. Đứng đầu là Đô-trưởng do Chính-phủ bổ-nhiệm, có Phó Đô-trưởng giúp việc. Bên cạnh Đô-trưởng có Hội-đồng Đô-thành do dân bầu lên. Các thị-xã là : Huế, Đà-lạt, Đà-nẵng, Cam-ranh, Vũng-tàu, đặt dưới quyền quản-trị của Thị-trưởng và Hội-đồng thị-xã.

2. - Ngoài các thị-xã kể trên, Việt-nam Cộng-hòa có 45 tỉnh, kể cả Côn-sơn, chia-ra như sau : Nam-phần 28 tỉnh, Trung-phần 17 tỉnh.

3. - Miền Bắc vĩ-tuyến 17, năm 1945 có 31 tỉnh và 2 thành-phố là Hà-nội, Hải-phòng.

CÂU HỎI : Thủ-đô Việt-nam Cộng-hòa là gì ? Đứng đầu Sài-gòn là ai ? Bên cạnh Đô-trưởng, có cơ-quan dân-cử nào ? Việt-nam Cộng-hòa có mấy thị-xã ? Đứng đầu thị-xã là ai ? V.N.C.H. có bao nhiêu tỉnh ? Miền Bắc vĩ-tuyến 17 có bao nhiêu thành-phố và bao nhiêu tỉnh ?



18. HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Dân-chúng tập-trung đông-đúc ở các miền nào ? Tại sao ?
- Tại sao trong những năm chiến-tranh dân-số thủ-đô và các thị-xã càng ngày càng gia-tăng ?
- Ngoại-kiểu ở Việt-nam gồm những thành-phần nào ?
- Ở nước ta, các thành-phố thường ở những địa điểm nào ? Tại sao ?

VIỆT-NAM KINH-TỀ

19. NÔNG-NGHIỆP — NÔNG-SƠN

DÀN BÀI : 1) Nông-nghiệp.
2) Nông-sân.

TOÁT-YẾU : 1. - Đại đa-số dân-chúng Việt-nam sống về nghề nông.

2. - Nông-sân chính là lúa. Trước chiến-tranh, Việt-nam sản-xuất hàng năm chừng 6 triệu tấn gạo và xuất-cảng một triệu tấn. Ngoài lúa gạo, dân ta còn trồng :

- a) Những cây dùng làm thực-phẩm như : ngô, khoai, sắn (khoai mì), đậu, hoàng-tinh, củ từ, củ mài, mía, hồ tiêu, trà, cà-phê, thuốc lào, thuốc lá, cây ăn trái.
- b) Những cây dùng trong kỹ-nghệ như : bông, đay, gai, cói, thầu-dầu, lạc, vừng, trấu, dừa, thông, sơn cao.cu

CÂU HỎI: Đại đa số dân ta sống về nghề gì? Hiện nay Chính phủ đang làm gì để khuyến-trương nông-nghiệp? Trước chiến tranh, nước ta sản xuất bao nhiêu gạo? Ngoài lúa gạo, dân ta còn trồng gì?



20. CHĂN NUÔI

DÀN BÀI: 1) Nghề chăn nuôi ở Việt-nam.
2) Các gia súc được chăn nuôi.

TOÁT-YẾU: 1— Nghề chăn nuôi ở nước ta không được tổ-chức quy-mô, mặc dầu có những vùng chăn nuôi rất tốt.

2— Miền thượng-du Bắc-phần và cao-nguyên Trung-phần có nuôi khá nhiều trâu bò. Nhưng giống bò ta nuôi vừa nhỏ vừa ít sữa, nên ta phải nhập - cảng nhiều sữa hộp của Âu-Mỹ. Ở các miền quê, nhà nào cũng thường nuôi heo, gà vịt, thỏ, dê... để ăn và để bán. Hiện nay, dân ta đã bắt đầu nuôi các giống heo và gà ngoại-quốc theo phương-pháp khoa-học.

CÂU HỎI: Tại sao nghề chăn nuôi ở nước ta không được tổ - chức quy-mô? Ở nước ta, những vùng nào chăn nuôi tốt? Ở đâu nuôi nhiều trâu bò? Ở các miền quê, mọi nhà thường nuôi gì? Hiện nay Chính-phủ đang khuyến-khích dân nuôi gì?



21 - THỦY-SẢN

DÀN BÀI: 1) Nghề chài lưới ở sông và ở biển.
2) Các hải-sản khác ngoài cá.

TOÁT-YẾU: 1— Dân-chúng ở ven sông sống về nghề đánh cá. Ở Nam-phần nghề chài lưới trên sông rất thịnh. Ngoài ra, người dân quê còn bắt cá, cua, tôm ở đồng ruộng, hồ, ao đem bán hay ăn hằng ngày. Miền duyên-hải nước ta dài và có nhiều cá. Nên nghề đánh cá biển có thể là một nguồn lợi quan-trọng nếu được cải tiến. Hiện nay số đánh cá đánh được một phần dùng làm nước mắm, một phần phơi khô, một phần bán để ăn tươi.

2— Ngoài cá nước ngọt và nước mặn, Việt-Nam còn có nhiều ruộng muối tốt, tổ yến, đồi-mồi và xà-cừ.

CÂU HỎI: Dân-chúng ở ven sông sống về nghề gì? Ở đâu nghề chài lưới trên sông rất thịnh? Vì sao? Nghề đánh cá biển ở nước ta thế nào? Ngoài cá nước ngọt và nước mặn, nước ta còn có những hải-sản gì?



22. LÂM-SẢN

DÀN BÀI: 1) Lâm-sản-chính.
2) Lâm-sản phụ.

TOÁT-YẾU: 1— Nước ta khí-hậu nóng và ẩm nên có nhiều rừng. Ở miền thượng-du Bắc-phần, trên dãy Trường-sơn và ở miền Đông-nam-phần, có nhiều rừng rậm cho các thứ gỗ quý dùng làm nhà hay đóng đồ như: lim, lát, giổi, gụ, mun, trắc, cẩm-lai, vàng-tâm, tẻch v.v... Những rừng thưa cung-cấp gỗ thường để đóng đồ, làm than, làm-củi gỗ bỏ-đề để làm diêm (quẹt). Ở miền Tây Nam-phần, có những rừng ngập sản-xuất các trầm, bần, đước.

2— Trong rừng còn có tre, nứa, song, mây, lá gồi, củ-nấu, vò dả, chàm, cánh kiến, nhựa thông, quế cùng các thảo-dược.

CÂU HỎI: Tại sao nước ta có nhiều rừng? Trong các rừng rậm có những thứ gỗ quý gì? Những rừng thưa cung - cấp gì? Rừng ngập ở miền Tây Nam phần sản-suất những cây gì? Trong rừng còn có những lâm-sản nào khác?

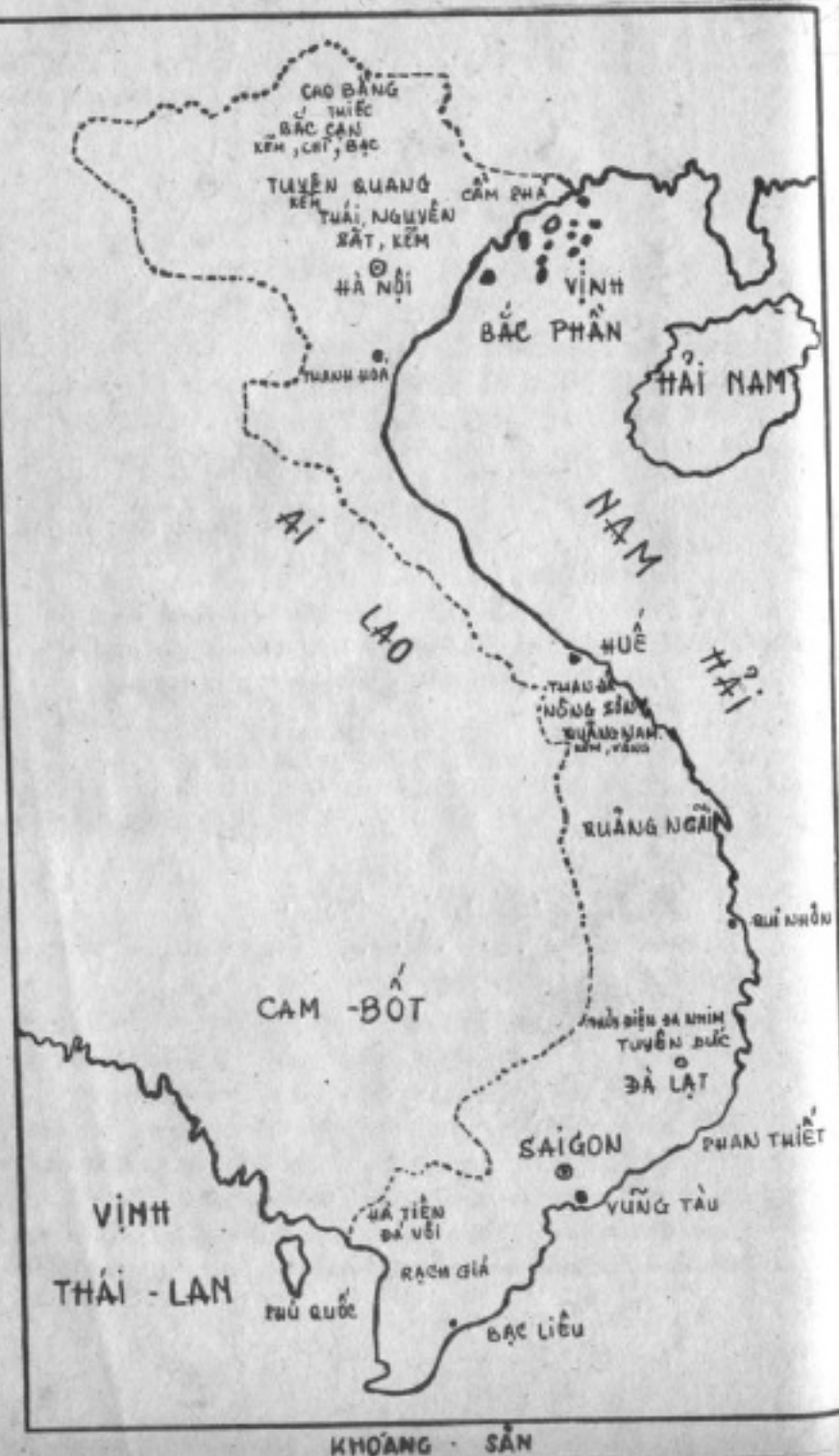


23. KHOÁNG SẢN

DÀN BÀI: 1) Mỏ than đá.
2) Quặng-kim.
3) Tương-lai kỹ-nghệ nước nhà.

TOÁT-YẾU: 1— Việt-Nam có nhiều khoáng-sản. Quan-trọng nhất là mỏ than đá ở Đông-triều, Hòn-gai, Cẩm-phà, Cái-bàu, Quảng-nam. Số than đá khai-thác được phần nhiều bán ra nước ngoài.

2— Nước ta còn có mỏ kẽm ở Bắc cạn, Thái-nguyên, Quang-nam; mỏ chì và mỏ bạc ở Bắc-cạn, mỏ thiếc ở Cao-bàng; mỏ sắt ở Thái-nguyên; mỏ vàng ở Quảng-nam; mỏ phốt-phát ở Lạng-sơn; đất sét ở các miền châu-thổ; đá vôi ở Hải-dương, Kiến-an, Hà-tiên.



3.— Hiện nay, các quặng kim khai ở mỏ lên đều xuất-cảng. Trong tương-lai, nước ta hy-vọng có một nền kỹ-nghệ phồn-thịnh.

CÂU HỎI : Nước ta có mỏ than đá ở những nơi nào ? Có những quặng kim gì ? Ở đâu ? Sau này nước ta hy-vọng có một nền kỹ-nghệ thế nào ?

★

24.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

— Tương-lai nông-nghiệp nước ta thế nào ? Làm cách nào để nền nông-nghiệp nước nhà đạt được kết-quả như các nước tân tiến ?

— Việc đánh cá biển phải canh - tân cách nào để thu được nhiều lợi ? Những nơi nào hy-vọng có kỹ - nghệ đóng cá hộp sau này ?

— Ở nơi nào có thể mở-mang đại-kỹ-nghệ sau này ? Tại sao ?

★

25.— TIỂU CÔNG-NGHỆ

DÀN BÀI : 1) Tiểu-công-nghệ cũ.
2) Tiểu-công-nghệ mới.

TOÁT-YẾU : 1.— Những tiểu-công-nghệ của ta nuôi sống hàng triệu gia-đình. Nhiều sản - phẩm được ngoại-quốc ưa chuộng như : đồ sơn mài ở Bình-đương, đồ đồi-mồi ở Hà-tiên, đồ khảm, đồ thêu, đồ chạm gỗ và ngà ở Thừa-thiên, Nam-định, Bắc-ninh. Nghề dệt tơ lụa ở Hà-dông, Nam-định, Quảng-bình, Long-xuyên trước đây rất phát-đạt. Nghề dệt chiếu ở Phát-diêm, Kiên-giang ; nghề làm nón ở Thừa - thiên ; nghề làm đồ gốm ở Bắc - ninh, Thừa-thiên, Biên - hòa ; nghề làm đường ở Quảng - Ngãi, Biên-hòa ; nghề làm muối và nước mắm ở Thái-bình, Nam-định, Quảng-yên, Nghệ-an, Phan-thiết, Hà-tiên, Phú-quốc, đem lại những nguồn lợi đáng kể.

2.— Những tiểu-công-nghệ mới có nghề làm đồ da, may Âu-phục, làm mũ, làm guốc.v.v...

CÂU HỎI: Những tiểu công nghệ cũ của ta ích lợi thế nào? Những sản phẩm nào được ngoại quốc ưa chuộng? Những nghề nào trước đây phát đạt? Những nghề nào hiện nay phồn thịnh? Tiểu công nghệ mới có những nghề gì?



26. — KỸ-NGHỆ.

DÀN BÀI: 1) Kỹ-nghệ nhẹ.
2) Kỹ-nghệ nặng.

TOÁT-YẾU: 1 — Nền kỹ-nghệ Việt nam còn thấp kém. Hiện nay về kỹ-nghệ nhẹ có nhà máy điện, nhà máy nước, nhà máy xi-măng, nhà máy làm nước đá, rượu bia, đồ giải-khát, nhà máy thủy-tinh, nhà máy thuốc lá, nhà máy giấy, nhà máy dệt, nhà máy sợi, nhà máy xà-phòng, kem đánh răng, nhà máy diêm (quẹt), nhà máy làm đồ cao su, đồ nhựa, nhà máy gạo, nhà máy cưa.... Cũng có xưởng ráp đồng-hồ, xưởng ráp xe máy dầu và xe gắn máy.

2 — Về kỹ-nghệ nặng chỉ có xưởng sửa-chữa xe lửa, xưởng đóng và sửa tàu thủy ở Sài-gòn, kỹ-nghệ khai-thác than đá ở Nông-sơn.

CÂU HỎI: Tại sao nền kỹ-nghệ nước ta còn thấp kém? Hiện nay về kỹ-nghệ nhẹ, ta có những nhà máy gì? Về kỹ-nghệ nặng có những gì? Tương-lai kỹ-nghệ nước ta thế nào? Tại sao?

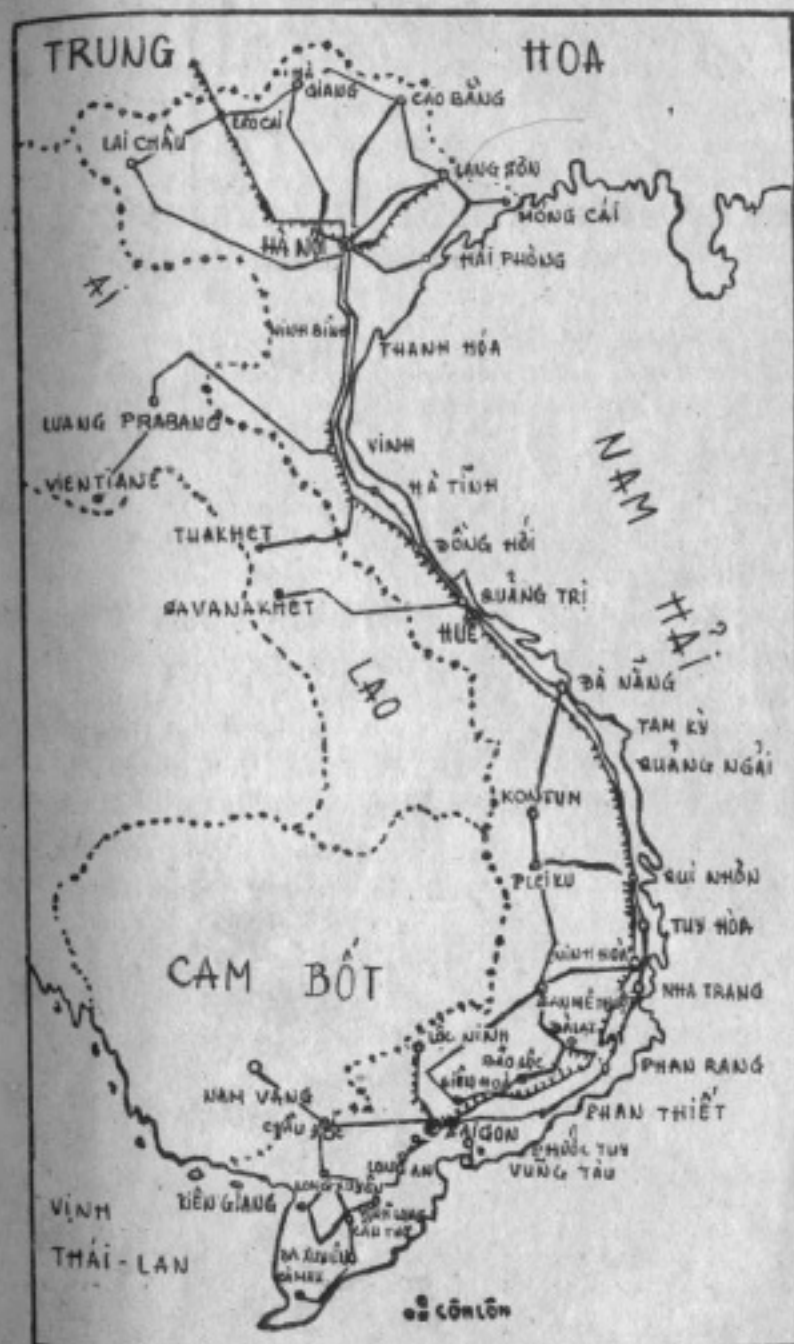


27. — SỰ GIAO THÔNG: ĐƯỜNG BỘ.

DÀN BÀI: 1) Quốc-lộ số 1.
2) Các đường chính tại Bắc, Trung-Nam.

1 — Con đường quan-trọng nhất là quốc-lộ số 1 từ ải Nam-quan đến biên-giới Việt-Miên.

2 — Ở Bắc-phần có những đường từ Hà-nội đi Hải-phòng, Hòn-gai, Cao-bằng, Hà-giang, Lai-châu; từ Móng-cái đi Lai-châu theo biên-giới Việt-hoa. Ở Trung-phần, những đường chính là: Vinh đi Louangprabang và Vọng-tượng; Hà-tĩnh đi Tha-khét; Đông-hà đi Sa-va-na-khét; Qui-nhơn đi Pleiku; Ninh-hòa đi Ban-mê-thuột; Phan-rang đi Đà-lạt; Phan-thiết đi Di-linh; Ban-mê-thuột đi Kontum và Pleiku. Ở Nam-phần, có những đường từ Sài-gòn đi Vũng-tàu, Tây-ninh, Đà-lạt, Ban-mê-thuột; từ Sài-gòn đi Long-an, Định-tường, Vĩnh-long, Cần-thơ, Châu-dốc, Ba-xuyên, Kiên-giang.



ĐƯỜNG GIAO THÔNG.

CÂU HỎI : Tại sao ở nước ta sự giao-thông bằng đường bộ khó-khăn. Quan-trọng nhất là con đường nào ? Kể những đường chính ở Bắc-phần, Trung-phần có những đường nào ? Ở Nam-phần có những đường từ Sài-gòn đi đâu?



28 - SỰ GIAO-THÔNG : ĐƯỜNG XE LỬA, ĐƯỜNG THỦY VÀ ĐƯỜNG HÀNG-KHÔNG

DÀN BÀI : 1) Đường xe lửa.
2) Đường thủy.
3) Đường hàng-không.

TOÁT-YẾU : 1 — Trước chiến-tranh, nước ta có trên 9.500 km đường xe lửa. Ngoài các đường Hà-nội — Nam-sầm, Hải-phòng — Lào-cai, Tháp-chàm — Đà-lạt, Sài-gòn — Lộc-ninh, quan-trọng nhất là đường Xuyên - Việt dài 1729 km.

2. — Sự giao - thông bằng đường thủy ở Nam-phần rất thuận - tiện vì có nhiều sông ngòi và kinh đào. Ở Bắc - phần, chỉ có vùng châu-thổ và ở Trung-phần chỉ có hạ-lưu sông Mã và sông Cả là tàu bè đi lại dễ-dàng. Nhờ đường biển, sự liên-lạc giữa các tỉnh duyên - hải cũng như sự thông-thương với nước ngoài được thuận-lợi.

3. — Hiện nay, phi-cơ nối liền Sài-gòn với các thành-thị trong nước và với Ba-lê, Hương - cảng cùng thủ-đô các nước lân-cận.

CÂU HỎI : Trước chiến - tranh, nước ta có những đường xe hỏa nào. Quan-trọng nhất là đường nào ? Sự giao - thông bằng đường thủy ở nước ta thế nào ? Việt-nam có những đường hàng-không nào ?

29. — THƯƠNG-MẠI

DÀN BÀI : 1) Nội-thương.
2) Ngoại-thương.

TOÁT-YẾU : 1. — Trước chiến-tranh, việc buôn-bán trong nước khá rộ-rịp. Nhưng hiện nay, vì chiến-cuộc sự trao-đổi hàng-hóa không được điều-hòa, giá - cả lên xuống bất-thường, gây khó-khăn cho các nhà buôn.

2. — Nền ngoại thương cũng bị ảnh-hưởng thời-cuộc không ít. Trước kia, ta bán gạo, cao-su, than-đá, hồ-tiêu, đậu, bắp, trà, bông gòn, tôm, cá, da thuộc và da sống, lông vịt. Nay, cả đến gạo cũng phải mua của ngoại - quốc. Ngoài ra, ta còn nhập-cảng nhiều thực - phẩm, máy-móc, xe-cộ... Bọn hàng chính của ta là Nhật, Mỹ, Pháp, Trung-hoa, Hương-cảng. Các thương-cảng lớn là : Sài-gòn, Hải-phòng, Đà-nẵng, Nha-trang.

CÂU HỎI : Trước chiến - tranh, việc buôn-bán trong nước thế nào ? Hiện nay thì sao ? Trước kia ta xuất-tăng những gì ? Nay ta phải nhập cảng những gì ? Bọn hàng chính của ta là những nước nào ? Các hải-cảng lớn là gì ?



30. — HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

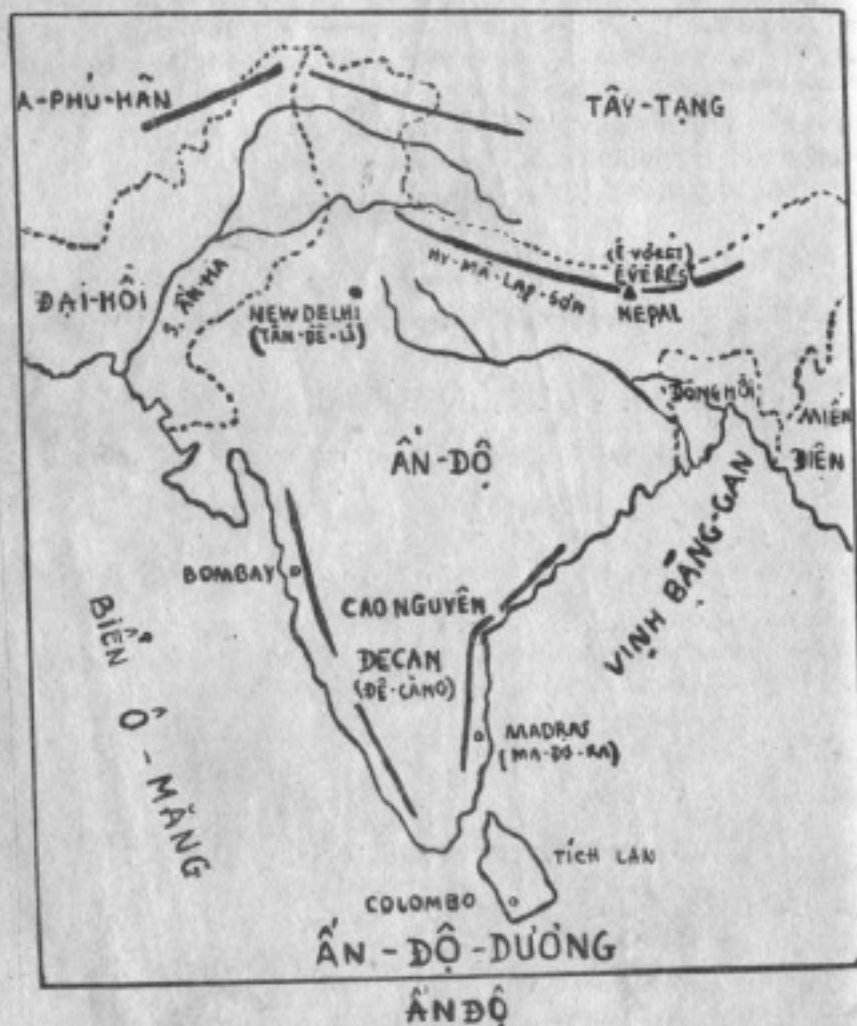
- Sau này nền kỹ-nghệ nước ta có hy-vọng phát-triển không ? Tại sao ?
- Đường biển ở nước ta thuận-lợi như thế nào ?
- Nền thương-mại nước ta có nhiều triển-vọng không ? Tại sao ?



CÁC NƯỚC LÂN-CẬN VIỆT-NAM

31.— ẤN-ĐỘ THIÊN-NHIÊN

DÀN BÀI : 1) Vị-trí, giới-hạn, diện-tích.
2) Địa-thế, sông ngòi, khí-hậu.



TOÁT-YẾU : 1.— Ấn-độ là một bán-đảo ở phía Nam châu Á. Bắc giáp Tây-tạng và Ne-pan; Đông giáp Miến-đien và vịnh Băng-gan; Tây giáp A-phú-hân, Ba-tư và biển Ồ-măng. Diện-tích trên 3 triệu km².

2.— Ấn-độ chia làm ba miền. Miền Bắc có dãy Hi-mã-lạp-sơn dài 2.700km, có ngọn Ê-vơ-rét cao nhất thế-giới (8.845m). Miền Trung là bình-nguyên rộng bao-la có sông Hằng-hà và sông Ấn-hà chảy qua. Miền Nam là cao-nguyên Đê-căng hình tam-giác, hai bên có những dãy núi chạy dọc bờ biển. Ấn-độ chịu ảnh-hưởng của gió mùa. Về mùa đông, gió đông-bắc thổi, rét và khô không có mưa. Về mùa hạ, gió tây nam thổi, mưa nhiều và đơ nóng.

CÂU HỎI : Bán-đảo Ấn-độ ở đâu? Giáp-giới những nước nào? Chia làm mấy miền? Những sông chính là gì? Khí-hậu thế nào?

32.— ẤN ĐỘ NHÂN-VĂN

DÀN BÀI : 1) Dân-cư, tôn-giáo.
2) Chính-thể, các thành-phố lớn.
3) Những vấn-đề khó-khăn.

TOÁT-YẾU 1.— Ấn-độ có trên 440 triệu dân gồm giống da trắng ở miền Bắc, da vàng ở miền Trung và da đen ở miền Nam. Phần đông theo Ấn-độ-giáo và Hồi-giáo. Cũng có một số theo Phật-giáo và Thiên-chúa-giáo.

2.— Trước kia là thuộc-địa của Anh, Ấn-độ đã giành lại độc-lập từ năm 1947. Hiện nay theo chính-thể Cộng-hòa. Thủ-đô là Tân-đê-li (New-Delhi). Các thành-phố lớn là Bom bay (Bombay) Can-quýt ta (Calcutta), Ma-đơ-ra (Madras).

3.— Dân Ấn hiện thời phải giải-quyết nhiều vấn đề khó-khăn: cải-tiến dân-sinh, thống-nhất ngôn-ngữ, san bằng sự chênh lệch giữa các giai-cấp.

CÂU HỎI : Dân-số Ấn-độ bao nhiêu? Gồm những giống gì? Dân Ấn theo những tôn-giáo nào? Ấn-độ theo chính-thể gì? Thủ-đô là gì? Có những thành-phố nào? Hiện thời dân Ấn phải giải-quyết những vấn-đề gì?

33. - ẤN-ĐỘ KINH-TẾ

DÀN BÀI : 1) Nông-sản, chăn nuôi.
2) Kỹ-nghệ, giao-thông, thương-mại.

TOÁT-YẾU : 1. - Ấn-độ có nhiều nông-sản. Đáng kể nhất là đay, lạc, đường mía. Thứ đến gạo, trà, bông, mè, kê, thuốc phiện, củi dừa, cao-su. Ấn-độ nuôi rất nhiều trâu bò, nhưng những người theo Ấn-độ-giáo không ăn thịt bò.

2. - Ấn-độ có mỏ than đá, sắt, mangan. Kỹ-nghệ tuy còn phôi thai, nhưng đã có lò đúc gang, thép và rất nhiều xưởng dệt. Với một hệ-thống thiết lộ dài tới 70.000km, nên thương-mại Ấn khá phát-đạt. Hàng xuất cảng nhiều nhất là đay, bông, vải, lụa, cao-su, trà, thuốc phiện, than đá, mangan. Hàng nhập-cảng gồm các chế phẩm máy-móc, chất hóa-học. Khách hàng chính của Ấn là Anh, Nhật, Hoa kỳ. Những thương-cảng lớn là : Bombay, Can-quýt ta, Ma-đơ-ra.

CAU HỎI : Ấn-độ có những nông-sản gì ? Chăn nuôi nhiều gì ? Những khoáng-sản chính là gì ? Nền kỹ-nghệ Ấn thế nào ? Việc buôn-bán ra sao ? Xuất-cảng những gì ? Nhập-cảng những gì ? Khách hàng chính là những nước nào ? Những thương-cảng lớn là gì ?

34. - PHI-LUẬT-TÂN THIÊN-NHIÊN

DÀN BÀI : 1) Vị-trí, diện-tích.
2) Địa-thể, sông-ngòi, khí-hậu.

TOÁT-YẾU : 1. - Phi-luật-tân ở phía đông biển Nam-hải, gồm có hai đảo lớn là Luy-xông (Luzon), Manh-đa-nao (Mindanao) và hơn 7.000 đảo nhỏ. Diện-tích ước tính 300.000km².

2. - Hai đảo lớn có những dãy núi chạy từ Bắc xuống Nam và nhiều núi lửa, nên thường xảy ra nạn động đất. Đồng bằng đảo Luy-xông rộng và phì-nhiều hơn đồng bằng đảo Manh-đa-nao. Sông-ngòi ở Phi ngắn, nước chảy xiết, giao thông không thuận tiện, lại hay gây ngập lụt. Khí-hậu Phi nóng và ẩm. Vào vụ gió mùa đổi chiều thường có bão lớn ở phía Đông.

CAU HỎI : Phi-luật-tân ở đâu ? Gồm có mấy đảo lớn ? Bao nhiêu đảo nhỏ ? Diện-tích ước-độ bao nhiêu ? Địa-thể Phi thế nào ? Sông-ngòi ra sao ? Khí-hậu Phi thế nào ? Thường hay có bão ở đâu ?



35. - PHI-LUẬT-TÂN NHÂN-VĂN VÀ KINH-TẾ

DÀN BÀI : 1) Nhân-văn (dân-số, tôn-giáo, chính-trị).
2) Kinh-tế (nông-sản, khoáng-sản, kỹ-nghệ, thương-mại).



PHI-LUẬT-TÂN

TOÁT-YẾU : 1.— Dân-số Phi-luật-tân ước-độ 19 triệu người. Phần lớn theo đạo Gia-tô. Một số theo Hồi-giáo. Ngoại-kiểu chừng một triệu người gồm có người Trung-hoa, Nhật, Mỹ, Tây-ban-nha. Trước kia là thuộc-địa của Tây-ban-nha rồi của Hoa-kỳ. Phi được trả độc-lập từ 1946. Hiện nay theo chính-thể Cộng-hòa, thủ-đô là Mani. Phi có liên-hệ ngoại-giao mật-thiết với Việt-nam.

2.— Phi sản-xuất gạo gần đủ ăn, gai, củi dừa, mía, thuốc lá, xì-gà. Rừng cung cấp nhiều gỗ quý. Khoáng sản có than đá, sắt, vàng, bạc. Phi có nhà máy làm đường nấu rượu, ép dầu, nhà máy cơ, nhà máy thuốc lá, v.v. Phi buôn-bán nhiều nhất với Hoa-kỳ: xuất-cảng đường, rượu, củi dừa, dầu dừa, xì-gà, thuốc lá, gỗ; nhập-cảng gạo, than đá, máy-móc, vải, trâu bò...

CÂU HỎI : Dân-số Phi-luật-tân ước-độ bao nhiêu? Theo những tôn giáo nào? Hiện nay Phi theo chính-thể gì? Thủ-đô là gì? Phi có những nông-sản gì? Khoáng-sản gì? Kỹ-nghệ thế nào? Thương-mại ra sao?

36.— IN-ĐÔ-NÊ-XI-A THIÊN-NHIÊN VÀ NHÂN-VĂN

DÀN BÀI : 1) In-đô-nê-xi-a thiên-nhiên.

2) In-đô-nê-xi-a nhân-văn.

TOÁT-YẾU : 1.— In-đô-nê-xi-a ở phía Nam Việt-nam, khoảng giữa Thái-bình-dương và Ấn-độ-dương, có bốn đảo lớn là Xuy-ma-tra (Sumatra), Gia-va (Java), Bô-rô-nê-ô (Bornéo), Xê-lép (Célèbes) và nhiều đảo nhỏ. Diện tích ước-độ 1.900.000km². In-đô-nê-xi-a có nhiều rừng rậm và núi lửa. Đồng-bằng hẹp nhưng phì-nhiều. Khí-hậu ẩm và nóng quanh năm.

2.— Dân-số In-đô-nê-xi-a chừng 95 triệu, hầu hết theo đạo Hồi giáo. Ngoại-kiểu đông, gồm có người Trung-hoa, Nhật-bản và Ấn-độ, Hòa-lan. Trước kia là thuộc-địa của Hòa-lan, In-đô-nê-xi-a đã giành lại độc-lập từ 1945. Hiện nay theo chính-thể Cộng-hòa, thủ-đô là Gia-các-ta (Djakarta). Các thành-phố lớn là Xu-ra-bay-a (Surabaya) và Xu-ra-các-ta (Surakarta).

CÂU HỎI : In-đô-nê-xi-a ở đâu? Có mấy đảo lớn? Diện tích bao nhiêu? Địa-thế ra sao? Khí-hậu thế nào? Dân-số In-đô-nê-xi-a bao nhiêu? Hiện theo chính-thể gì? Thủ-đô là gì? Có mấy thành-phố lớn?

37.— IN-ĐÔ-NÊ-XI-A KINH-TẾ

DÀN BÀI : 1) Nông-sản, lâm-sản, khoáng-sản.

2) Kỹ-nghệ, thương-mại.



IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

TOÁT-YẾU : 1.— In-đô-nê-xi-a là một nước giàu nguyên-liệu, có một nền nông-nghiệp rất phát-đạt, sản-suất nhiều nhất cao-su, cà-phê, đường, mía, trà, canh-ki-na, hồ-tiêu, bột-sắn. Thứ đến dừa, ngô, bông gòn, ca-cao, thuốc lá, gạo. In-đô-nê-xi-a nuôi trên 4 triệu con bò có nhiều gỗ tẻch và nhiều mỏ thiếc, mỏ dầu hỏa.

2.— Nền kỹ-nghệ In-đô-nê-xi-a rất thịnh-vượng, nhất là kỹ-nghệ lọc dầu hỏa, chế cao-su, kỹ-ninh, làm đường mía và bột-sắn. In-đô-nê-xi-a buôn bán nhiều nhất với Hoa-kỳ, Nhật-bản. Xuất-cảng các nông-sản, lâm-sản, khoáng-sản và các chế-phẩm. Nhập-cảng máy-móc, gạo, vải, lụa.

CÂU HỎI : In-đô-nê-xi-a có những nông-sản gì ? Nuôi bao nhiêu bò ? Có những lâm-sản và khoáng-sản gì ? Nền kỹ-nghệ In-đô-nê-xi-a thế nào ? Buôn-bán với những nước nào ? Xuất-cảng những gì ? Nhập-cảng những gì ?

★

38. — HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

— So-sánh diện-tích của Ấn-độ, Phi-luật-tân, In-đô-nê-xi-a với diện-tích Việt-Nam.

— Khí-hậu giữa nước ta và các nước kể trên có những điểm nào giống nhau ?

— Về chính-trị, giữa nước ta và các nước ấy giống nhau và khác nhau thế nào ?

— Theo ý trò, tại sao giữa nước ta và các nước ấy cần thiết lập bang-giao với nhau ?

★

39 — MIỀN-ĐIỆN THIÊN-NHIÊN VÀ NHÂN-VĂN

DÀN BÀI : 1) Miền-điện thiên-nhiên
2) Miền-điện nhân-văn.

TOÁT-YẾU : 1— Miền-điện ở miền Tây bán đảo Hoa-Ấn. Bắc và Đông giáp Trung-hoa, Ai-lao, và Thái-lan. Tây và Nam giáp Ấn-độ và vịnh Bắ-gan. Diện tích ước-độ 678.000km². Miền-điện có những dãy núi cao chạy dài từ Bắc xuống Nam và nhiều cao-nguyên. Phù-sa hai sông Xa-lu-en (Salouen) và I-ra-u-a-di (Irraouaddy) bồi thành một bình-nguyên rất phì-nhiều ở miền Nam Miến. Miền-điện chịu ảnh-hưởng của gió mùa, khí-hậu nóng và ẩm.

2.— Dân-số Miến-điện chừng 20 triệu người, phần đông theo Phật-giáo. Ngoại-kiểu nhiều nhất là người Trung-hoa. Trước kia là thuộc-địa của Anh, Miến-điện được trả lại độc-lập từ 1947. Hiện nay theo chính-thể Cộng-hòa. Thủ-đô là Răng-gun (Rangoon). Các thành-phố lớn là Măng-đa-lay (Mandalay), Mun-men (Moulmein).

CÂU HỎI : Miền-điện giáp-giới những nước nào ? Diện-tích bao nhiêu ? Địa-thế thế nào ? Khí-hậu ra sao ? Dân-số Miến-điện chừng bao nhiêu người ? Theo tôn-giáo gì ? Miền-điện theo chính-thể gì ? Thủ-đô là gì ? Kể một vài thành-phố lớn.

40. — MIẾN-ĐIỆN KINH-TẾ

DÀN BÀI : 1) Nông-sản, chăn nuôi, khoáng-sản,
2) Kỹ-nghệ, thương-mại.



MIẾN-ĐIỆN

TOÁT-YẾU: 1.— Miền-diện có nhiều nông-sản: gạo, ngô, mía, dừa, trà, thuốc lá, bông, cao-su. Rừng sản xuất nhiều gỗ tẻch. Nghề chăn nuôi khá phát-đạt. Khoáng-sản có thiếc, than đá, kẽm, ngọc quý và nhất là dầu hỏa.

2.— Miền có những nhà máy xay gạo, nhà máy lọc dầu hỏa, đúc thiếc, kẽm. Miền xuất-cảng nhiều nhất gạo, rồi đến gỗ, thiếc, kẽm và nhập-cảng các máy-móc, xe-cộ, vải lụa, đồ-kim-khí. Khách hàng chính của Miền là Ấn-độ, Tân-tây-lan, In-đô-nê-xi-a, Nhật bản, Anh. Thương-cảng là Răng-gun. Nước ta không giao-dịch về thương-mại nhưng có thiết-lập bang-giao với Miền-diện.

CÂU HỎI: Miền-diện có những nông-sản gì? Lâm-sản gì? Khoáng-sản gì? Nghề chăn nuôi thế nào? Miền có những nhà máy gì? Buôn-bán với những nước nào? Xuất-cảng gì? Nhập-cảng gì?

41.— MÃ-LAI-Á THIÊN-NHIÊN

DÀN BÀI: 1) Vị-trí, diện-tích.
2) Địa-thế, sông ngòi, khí-hậu.

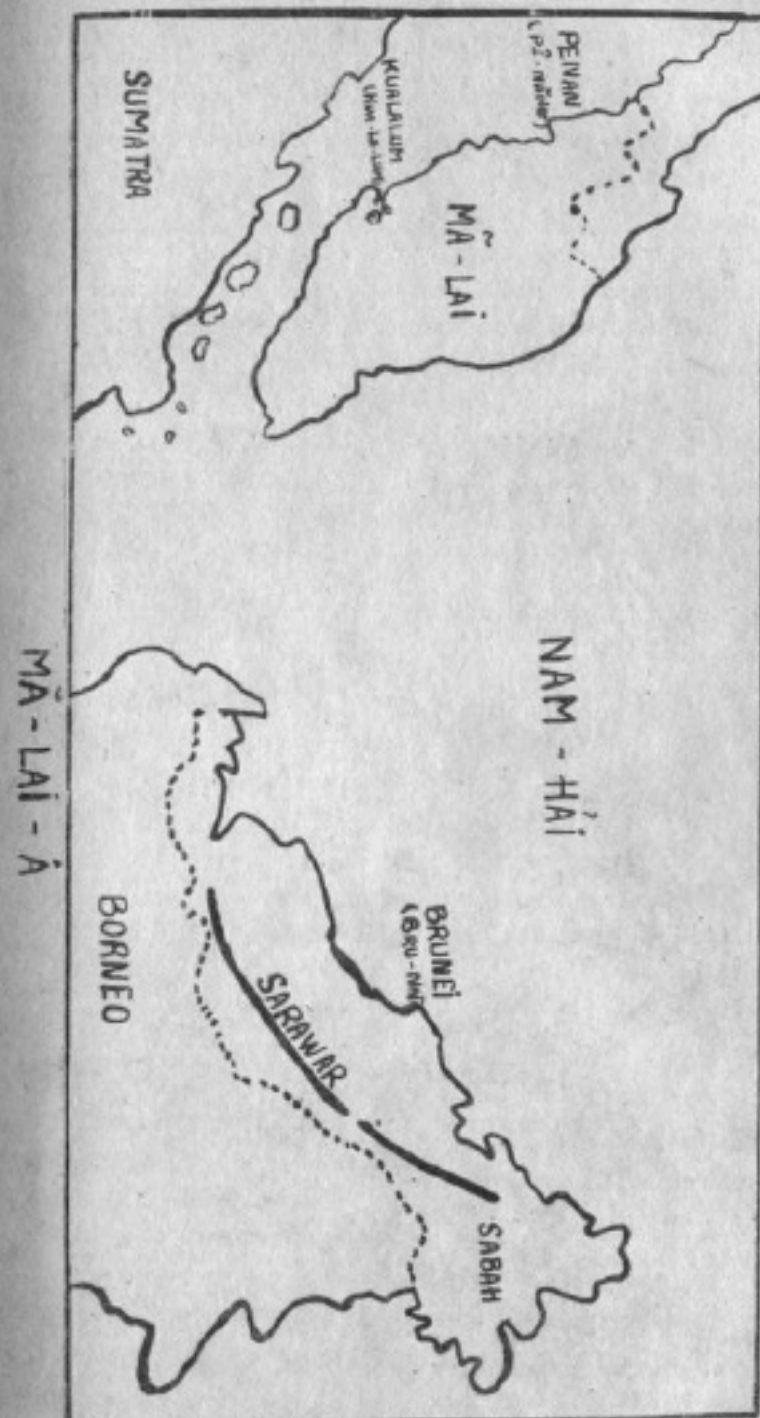
TOÁT-YẾU: 1.— Mã-lai-á ở phía Nam và Đông-nam Việt-nam. Đất đai gồm hai miền riêng-biệt là Mã-lai và Bắc Boóc-nê-ô, cách nhau bởi một eo biển rộng thuộc biển Nam-hải. Diện-tích Mã-lai-á ước độ 340.000km².

2.— Ở giữa bán-đảo Mã-lai, có một dãy núi chia bán-đảo làm hai: phía Tây thì bình-nguyên phì-nhiều, phía Đông thì nhiều rừng rậm, ven biển có những đồng-bằng nhỏ-hẹp. Hai sông chính là Pê-rắc (Perak) và Pa-hăng (Pahang). Mã-lai-á ở miền nhiệt-đới, nên khí-hậu nóng và ẩm.

CÂU HỎI: Mã-lai-á ở đâu? Đất đai gồm mấy miền? Diện-tích bao nhiêu? Địa-thế thế nào? Hai sông chính là gì? Khí-hậu Mã-lai-á thế nào? Tại sao?

42.— MÃ-LAI-Á NHÂN-VĂN VÀ KINH TẾ

DÀN BÀI: 1) Mã-lai-á nhân-văn (dân-số, tôn-giáo, chính-trị).
2) Mã-lai-á kinh-tế (tài-nguyên, kỹ-ng-hệ, thương-mại).



TOÁT-YẾU : 1. — Dân-số Mã-lai-á chừng 10 triệu gồm người Trung-hoa, Hồi, Ả-rập, Anh. Phần đông theo Hồi-giáo, Phật-giáo, Thiên-chúa-giáo. Mã-lai-á là một liên-bang theo chế-độ Quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Ku-a-la Lâm-pue (Kuala Lumpur).

2. — Mã-lai-á trồng cao-su, dừa, hồ-tiêu, thầu-dầu, lúa, khoai mì (sắn), mía, trà, trái cây. Rừng cung-cấp nhiều thứ gỗ. Biển có lắm cá. Khoáng-sản quan-trọng nhất là thiếc, đứng đầu thế-giới. Các nhà máy tập-trung ở thủ-đô và Pê-năng (Penang) sản-xuất thiếc, cao-su, xi-măng. Mã-lai-á buôn-bán nhiều nhất với Anh, Hoa-kỳ. Xuất-cảng thiếc, cao-su, hồ-tiêu. Nền thương-mại khá thịnh-vượng.

CÂU HỎI : Dân-số Mã-lai-á ước độ bao nhiêu ? Phần đông theo những tôn-giáo nào ? Mã-lai-á theo chế-độ gì ? Có những nông-sản gì ? Khoáng-sản gì ? Các nhà máy sản-xuất gì ? Nền thương-mại thế nào ? Buôn-bán với những nước nào ? Xuất-cảng những gì ?



43. — NHẬT-BẢN THIÊN-NHIÊN

DÀN BÀI : 1) Vị-trí, diện-tích.

2) Địa-thế, sông ngòi, khí-hậu.

TOÁT-YẾU : 1. — Nhật-bản là một quần-đảo ở phía Đông châu Á gồm bốn đảo lớn là Y-ê-dô (Yêso); Hông-đô (Hondo), Si-cốc (Sikok), Kiu-siu (Kiou-siou) và chừng 4000 đảo nhỏ. Diện-tích ước-độ 370.000 km².

2. — Ở Nhật-bản đồng-bằng ít, núi nhiều. Ngọn cao và đẹp nhất là Phú-si-sơn (3.700m) tuyết phủ quanh năm. Nhật có nhiều hòa-diệm-sơn, có ngọn đã tắt, có ngọn còn đang phun lửa. Vì vậy thường xảy ra nạn động đất. Sông ngòi nhiều nhưng ngắn, nước chảy xiết, lập nhà máy thủy-diện rất tốt. Nước Nhật miền Bắc lạnh, miền Nam khí-hậu điều-hòa. Về mùa gió bắc và gió nam có nhiều mưa.

CÂU HỎI : Nhật-bản ở đâu ? Gồm bao nhiêu đảo nhỏ ? Diện-tích bao nhiêu ? Địa-thế thế nào ? Tại sao thường có nạn động đất ? Sông ngòi Nhật thế nào ? Khí-hậu ra sao ?

44. — NHẬT-BẢN NHÂN-VĂN

DÀN BÀI : 1) Dân-số, tôn-giáo, đặc-tính.

2) Chính-trị, những thành-phố lớn



NHẬT BẢN

TOÁT-YẾU : 1. — Dân-số Nhật-bản chừng 100 triệu, sống chen-chúc ở những đồng-bằng chật-hẹp ; mỗi năm gia-tăng hơn một triệu người. Dân nhật theo đạo Phật, đạo Khổng, thờ cúng tổ-tiên. Họ cũng rất tôn-sùng Vô-si-đạo và Thần-đạo nên tinh-thần trung-quân ái-quốc rất cao. Người Nhật khỏe-mạnh, sạch-sẽ, lễ-phép, can đảm, bền-bì và rất chuộng mỹ-thuật.

2. - Nước Nhật theo chế-độ Quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Đông-kinh (Tokyo). Các thành-phố lớn là (Yokohama, Kobé, Nagasaki, Osaka. Tuy bại-trận năm 1945, nhưng Nhật-bản được gia-nhập Liên-hiệp-quốc từ năm 1956. Nước ta có thiết-lập bang giao với Nhật.

CAU HỎI : Dân số Nhật-bản bao nhiêu ? Theo những tôn-giáo nào ? Người Nhật có những đặc-tính gì ? Nước Nhật theo chế-độ gì ? Thủ-đô là gì ? Kể các thành-phố lớn.



45. - NHẬT-BẢN KINH-TẾ

DÀN BÀI : 1) Nông-sân, chài-lưới, khoáng-sân.
2) Kỹ-ngệ, thương-mại.

TOÁT-YẾU : 1. - Người Nhật cấy lúa, trồng lúa mì, đỗ tương, mía, đay gai, thuốc lá, trà. Tuy chỉ có ít đất trồng trọt, nhưng nhờ phương-pháp canh tác tân-tiến, nên số thu-hoạch rất khá mặc dầu gạo không đủ cung-ứng cho nhu-cầu. Nghề chài lưới đứng đầu thế-giới. Khoáng-sân có than đá, đồng, chì, kẽm, mangan, lưu-hoàng, vàng, bạc.

2. - Bên cạnh tiểu-công-ngệ cổ-truyền như nghề làm đồ sứ, đồ sơn, đồ thêu dệt, nền kỹ-ngệ Nhật hiện nay thịnh-đạt nhất Á-châu. Nhật có lò đúc gang, thép, xưởng đóng tàu, nhiều nhà máy sản-suất tơ lụa nhân tạo, đồ nhựa, đồ điện, chất hóa-học, máy-móc, xe-cộ, máy truyền-thanh, truyền-hình, tủ lạnh, máy ảnh, v.v... Nhật buôn-bán nhiều nhất với Hoa-kỳ và các nước Á-châu. Xuất-cảng đủ-loại chế-phẩm, nhập-cảng gạo và nguyên-liệu. Những thương-cảng lớn là Yokohama, Kobé, Nagasaki.

CAU-HỎI : Nhật có những nông-sân gì ? Nghề chài lưới thế nào ? Khoáng-sân có những gì ? Kể những tiểu-công-ngệ cổ truyền. Nhật có những nhà máy gì ? Buôn-bán với những nước nào ? Xuất-cảng gì ? Nhập-cảng gì ? Những thương-cảng lớn là gì ?

'46. - HỌC ÔN

CAU-HỎI SUY-LUẬN :

- So-sánh diện-tích và dân-số các nước Miến-điện, Mã-lai-á, Nhật-bản với Việt-nam.

- Giữa nước ta và nước Nhật, nước nào giàu tài-nguyên hơn nước nào ? Tại sao nước ta còn chậm tiến trong khi Nhật trở thành một nước kỹ-ngệ phồn-thịnh ?

- Theo ý trò, dân ta phải làm gì để được như nước Nhật ?



NGŨ ĐẠI-CHÂU

47.- ĐẠI-CƯƠNG VỀ NGŨ ĐẠI-CHÂU

- DÀN BÀI : 1) Ngũ đại-châu.
2) Tứ đại-dương.
3) Dân-số, chủng-tộc.

TOÁT-YẾU : 1.- Bề mặt trái đất ước-độ 510 triệu km². Ngũ đại-châu chiếm 1/4 diện-tích. Đó là : châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Úc và châu Mỹ (còn gọi là Tân-lục-địa vì mới tìm ra vào cuối thế-kỷ thứ XV). Bốn châu kia là Cựu-lục-địa.

2.- Bốn đại-dương chiếm 3/4 bề mặt địa-cầu. Đó là : Bắc-băng-dương, Thái-bình-dương, Đại-tây-dương, Ấn-độ-dương. Thái-bình-dương ngăn cách châu Á với châu Mỹ. Bắc-băng-dương, Đại-tây-dương ngăn cách châu Mỹ với châu Âu và châu Phi. Ấn-độ-dương ở phía Nam châu Á.

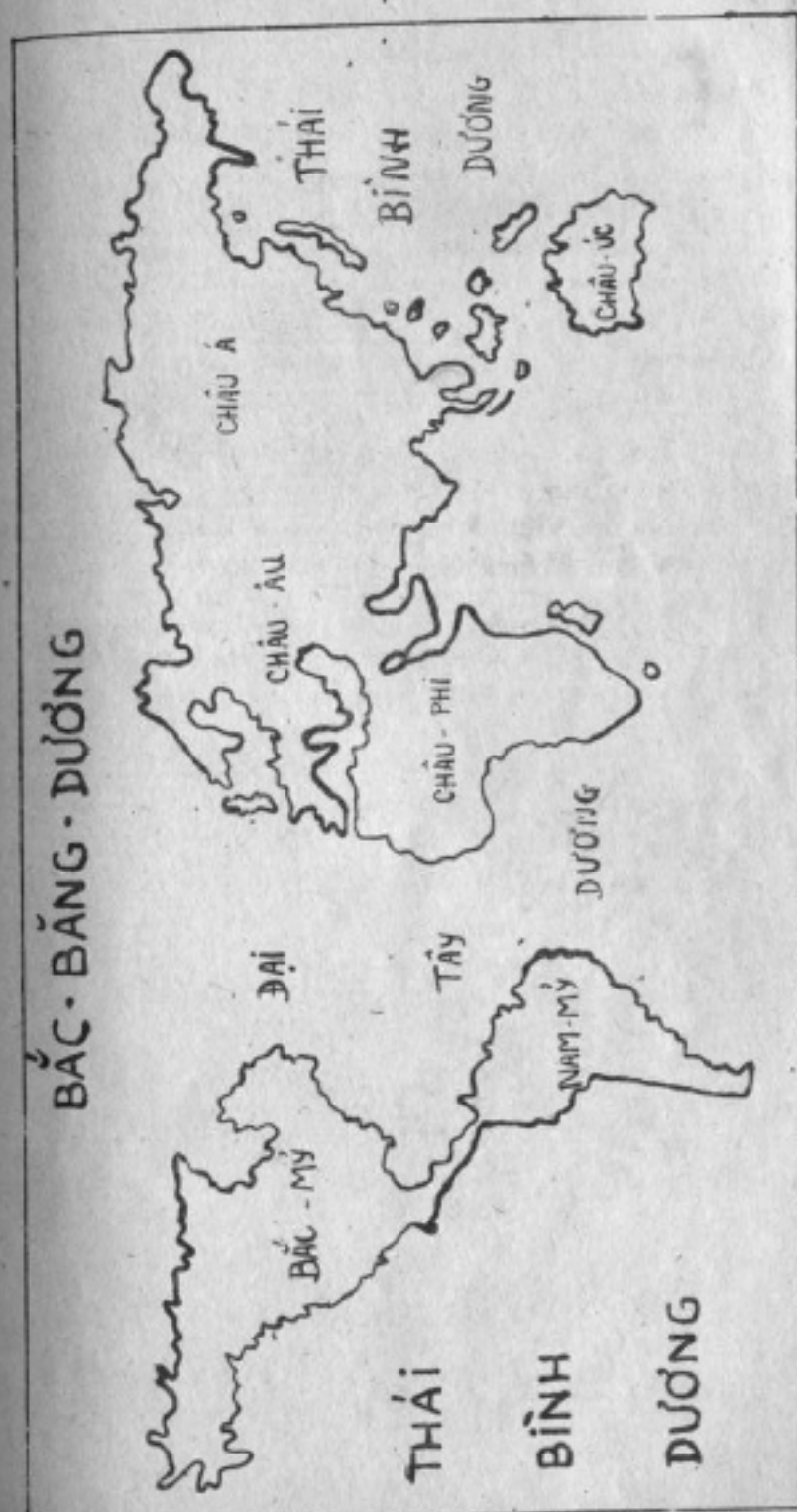
3.- Dân-số hoàn-cầu chừng 3000 triệu người gồm bốn chủng-tộc : da trắng, da vàng, da đen và da đỏ. Đồng nhất là giống da trắng, da vàng rồi đến da đen. Giống da đỏ chỉ còn rất ít ở miền núi châu Mỹ.

CÂU HỎI Bề mặt trái đất ước-độ bao nhiêu km²? Ngũ-đại-châu chiếm bao nhiêu diện-tích? Đó là những châu nào? Bốn đại-dương là gì? Chiếm bao nhiêu diện-tích địa-cầu? Dân-số địa-cầu chừng bao nhiêu? Gồm mấy chủng-tộc?



48.- CHÂU-Á

- DÀN BÀI : 1) Địa-lý thiên-nhiên
2) Địa-lý nhân-văn
3) Địa-lý kinh-tế.



TOÁT-YẾU: — Châu Á diện-tích ước độ 44 triệu km². Có những bình-nguyên bao-la (Tây-bá-lợi-á, Trung-hoa, Ấn-độ). Những cao nguyên rộng lớn (Pa-mia, Tây-tạng, Mông-cổ...) và những núi cao nhất hoàn-cầu (Anh-đô-cúc, Hi-mã-lạp-sơn, Thiên-sơn...) Những sông chính là: Ô-bi, I-ê-nít-xê-i, Lê-na, Hắc-long, Hoàng-hà, Dương-tử, Tây-giang, Nhị-hà, Cửu-long, Hằng-hà, Ấn-hà. Miền Bắc châu Á khí hậu cực lạnh. Miền Đông, miền Nam nóng và ẩm. Trên các cao-nguyên, mùa hè cực nóng, mùa đông cực rét.

2. — Dân-số Châu Á chừng 1.770 triệu người, 2/3 thuộc giống da vàng, 1/3 là da đen và da trắng. Các nước quan-trọng nhất là Nhật-bản, Trung-hoa, Ấn-độ. Các nước khác là Việt-nam, Đại-hàn, Phi-luật-tân, In-đô-nê-xi-a, Thái-lan, Miến-điện, Mã-lai-á, v.v..

3. — Châu Á sản-xuất lúa gạo, ngô, đậu, bông, gai, cao-su, trà, mía... Có nhiều mỏ than đá, dầu hỏa, thiếc, đồng... Kỹ-nghệ còn thấp kém, trừ Nhật-bản.



CÂU HỎI : Diện-tích châu Á bao nhiêu km² ? Địa-thể thế nào ? Những sông chính là gì ? Khí-hậu ra sao ? Dân-số châu Á chừng bao nhiêu ? Những nước quan-trọng là gì ? Nói về nền kinh-tế châu Á.



49.— CHÂU ÂU

DÀN BÀI : 1) Địa-lý thiên-nhiên.
2) Địa-lý nhân-văn.
3) Địa-lý kinh-tế.

TOÁT-YẾU 1.— Châu Âu diện-tích ước-độ 10 triệu km². Có những dãy núi Các-pát, An-pơ, Py-rê-nê, U-ran, Cô-ca. Một bình-nguyên bao-la chạy từ Bắc-hải đến dãy núi U-ran qua các nước Hòa-lan, Đức, Ba-lan, Nga-sô. Những sông chính là : Von-ga, Đông, Ni-ép, Xen, Ta-mi, Lôi. Quan-trọng nhất là sông Ranh và sông Đa-nuýp. Khí-hậu châu Âu ôn-hòa.

2.— Dân-số châu Âu chừng 580 triệu người, đa-số là da trắng. Phần đông theo Thiên-chúa-giáo. Châu Âu gồm có 33 nước. Quan-trọng nhất là Nga-sô, Anh Pháp, Đức.

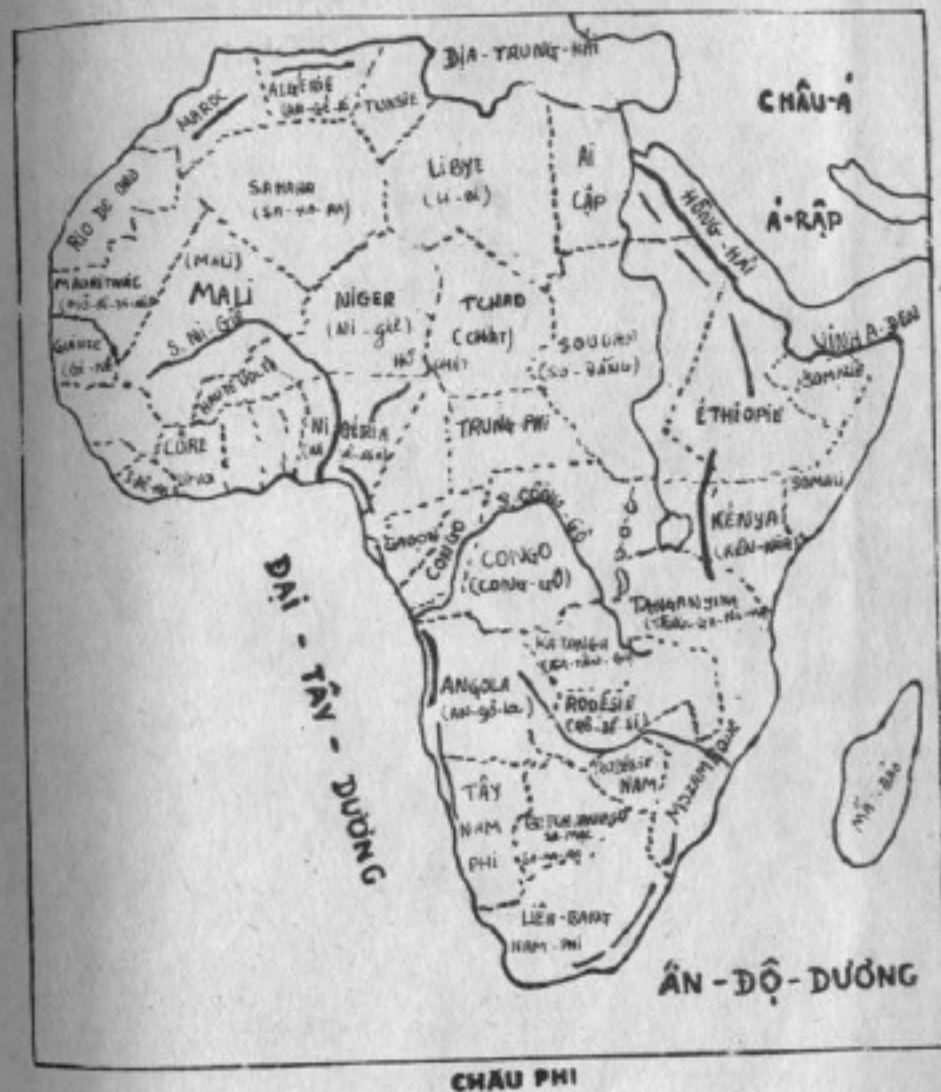
3.— Châu Âu sản-xuất rất nhiều lúa mì, lúa mạch, khoai tây, cây ăn trái, nho. Nuôi nhiều cừu, bò, lừa, ngựa, heo. Nghề đánh cá rất phát-đạt. Các khoáng-sản như than đá, dầu hỏa, vàng, bạc, sắt, đồng được khai-thác triệt-đé. Kỹ-nghệ phát-triển mạnh-mẽ. Hàng-hóa châu Âu tràn ngập các thị-trường thế-giới.

CÂU HỎI : Diện-tích châu Âu ước-độ bao nhiêu km² ? Có những dãy núi gì ? Bình-nguyên thế nào ? Những sông chính là gì ? Khí-hậu ra sao ? Dân-số châu Âu chừng bao nhiêu ? Châu Âu gồm bao nhiêu nước ? Nói về nền kinh-tế châu Âu.



50.— CHÂU PHI

DÀN BÀI : 1) Địa-lý thiên-nhiên.
2) Địa-lý nhân-văn.
3) Địa-lý kinh-tế.



TOÁT-YẾU : 1— Châu Phi diện tích ước độ 30 triệu km². Có các dãy núi Át-lát, Đê-ra-căng-be ở gần bờ biển và nhiều cao-nguyên rộng lớn. Phía Bắc có sa-mạc Sa-ha-ra. Phía Nam có sa-mạc Ka-la-ha-ri. Những đồng-bằng đều nhỏ hẹp, tuy-nhiên thung-lũng sông Nin rất phì-nhiều. Những sông chính là : Nin, Công-gô, Ni-gie, Dăm-be. Trừ miền Bắc và miền Nam ẩm-áp, khí-hậu châu Phi rất nóng.

2.— Dân-số châu Phi chừng 250 triệu người. Đa-số là da đen, độ 1/5 da trắng. Trước kia nhiều nước châu Phi là thuộc-địa của châu Âu. Gần đây một số đã giành được độc-lập. Các nước quan trọng là Ai-cập, Nam phi, Ê-ti-ô-pi.

3.— Châu Phi sản-xuất lúa mì, trái cây, mía, lạc, bông, cà-phê thuốc lá, cao-su, ca-caô. Chăn nuôi cừu, lợn, bò. Khoáng-sản có : kim-cương, vàng, bạc, sắt, than, thiếc, đồng, dầu hỏa. Nền kỹ-nghệ thấp kém. Thương-mại chưa phát-đạt.

CÂU HỎI : Diện-tích châu Phi ước độ bao nhiêu km² ? Địa-thể thế nào ? Những sông chính là gì ? Khí-hậu ra sao ? Dân-số châu Phi chừng bao nhiêu ? Những nước nào quan-trọng nhất ? Nền kinh-tế châu Phi thế nào ?

51.— CHÂU ÚC

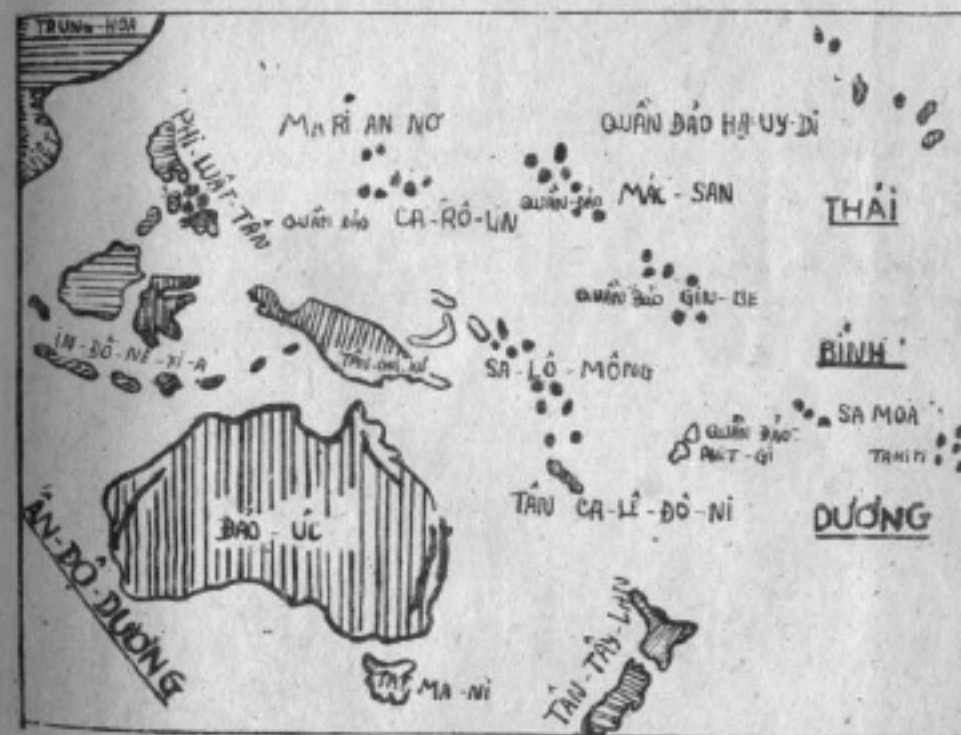
DÀN BÀI : 1) Địa-lý thiên-nhiên.
2) Địa-lý nhân-văn.
3) Địa-lý kinh-tế.

TOÁT-YẾU : 1.— Châu Úc diện-tích ước độ 9 triệu km² gồm hàng vạn đảo rải-rác trên Thái-bình-dương, lớn nhất là đảo Úc và đảo Tân-tây-lan. Ba quần đảo khác là Mê-la-nê-di, Pô-li-nê-di, Mi-cô-rô-nê-di. Nói chung, khí hậu châu Úc dễ chịu nhờ có ảnh-hưởng của đại-dương.

2.— Dân-số châu Úc chừng 17 triệu người. Đa-số là người da trắng gốc Anh theo đạo Tin-lành. Chỉ còn độ 3 triệu thổ-dân da đen và da hung theo Hồi-giáo. Châu Úc có hai nước lớn độc lập là nước Úc và nước Tân-tây-lan có thiết-lập bang-giao với Việt-nam. Các nước khác là thuộc-địa của Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Hòa-lan.

3.— Châu Úc sản-xuất mía, dừa, chuối, lúa mì, lúa mạch, ngô. Chăn nuôi rất nhiều cừu và bò. Khoáng-sản có sắt, đồng, kẽm, chì, thiếc, vàng, bạc, u-ra-ni-um, nhưng chưa được khai-thác triệt-đề. Vì vậy nền kỹ-nghệ chưa phát-triển, phải nhập-cảng nhiều chế-phẩm.

CÂU-HỎI : Diện-tích châu Úc ước độ bao nhiêu ? Hai đảo lớn nhất là gì ? và quần đảo khác là gì ? Khí-hậu thế nào ? Dân-số châu Úc chừng bao nhiêu ? Theo những tôn-giáo nào ? Có mấy nước độc-lập ? Nền kinh-tế châu Úc thế nào ?



CHÂU ÚC

52.— CHÂU MỸ

DÀN BÀI : 1) Địa-lý thiên-nhiên.
2) Địa-lý nhân-văn.
3) Địa-lý kinh-tế.



TOÁT-YẾU : 1.— Châu Mỹ diện-tích ước độ 420 triệu km² gồm có Bắc-Mỹ, Trung-Mỹ và Nam-Mỹ. Bắc-Mỹ, Tây có dãy Rốc-ky, Đông có dãy Ap-pa-lét, giữa là một bình-nguyên rộng có 5 hồ lớn và sông Mít-xít-xi-pi, sông Mít-xu-ri chảy qua. Trung-Mỹ gồm một dải đất hẹp và quần-đảo Ăng-ti. Nam-Mỹ, có dãy An-đơ ở phía Tây; giữa là những bình-nguyên rộng có các sông A-ma-dôn, Ô-rê-nốc Pa-ra-na chảy qua. Phía Đông có những cao-nguyên. Châu Mỹ có nhiều miền khí-hậu khác nhau, hoặc ôn-hòa, hoặc nóng ẩm.

2. - Dân-số châu Mỹ chừng 420 triệu người, đa-số là da trắng. Phần đông theo Thiên-chúa-giáo. Các nước lớn là Hoa-kỳ, Gia-nã-đại, Mễ-tây-cơ, Ba-tây, Ấc-giăng-tin.

3. — Nền kinh-tế châu Mỹ rất phồn-thịnh. Nông-nghiệp phát-triển mạnh-mẽ ; nghề chăn nuôi và chài lưới rất phát-đạt ; kỹ-nghệ đứng vào bậc nhất thế-giới. Hàng-hóa đủ loại tràn ngập các thị-trường.

CÂU HỎI : Diện-tích châu Mỹ ước độ bao nhiêu ? Địa-thê thê nào ? Khí-hậu ra sao ? Dân-số chừng bao nhiêu ? Có những nước nào lớn ? Nền kinh-tế châu Mỹ thê nào ?



53. – HỌC ÔN

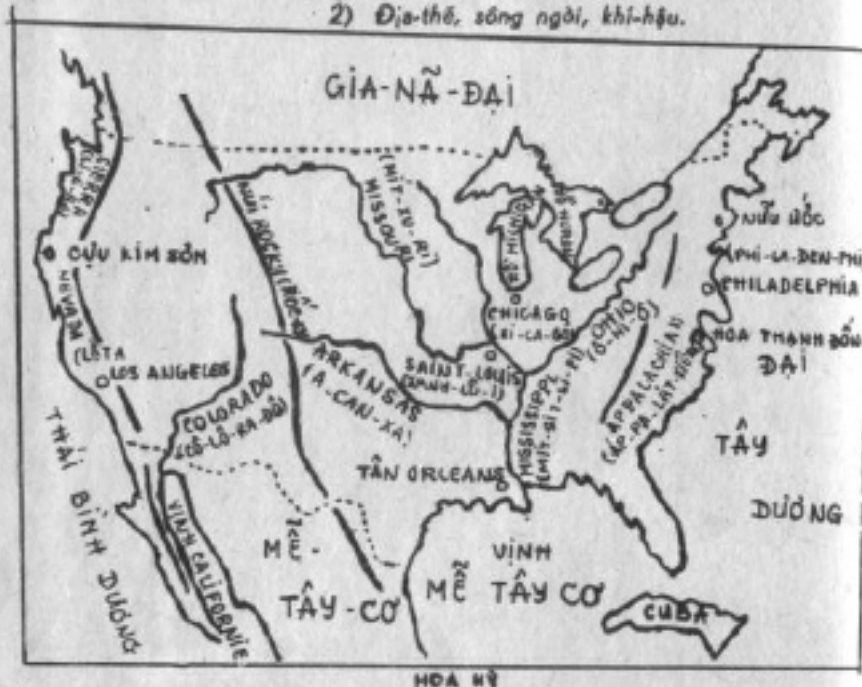
CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- So-sánh diện-tích và dân-số giữa năm châu.
- Nhờ những điều-kiện gì châu Âu tiến-bộ hơn châu Á ?
- Vì lẽ gì tài-nguyên châu Úc dồi-dào mà nền kỹ-nghệ lại chưa phát-triển ?
- Tại sao châu Mỹ có nhiều miền khí-hậu khác nhau ?

CÁC CƯỜNG-QUỐC CÓ LIÊN-HỆ VỚI VIỆT-NAM

54. — HOA-KỲ THIÊN-NHIÊN

DÀN BÀI : 1) Vị-t trí, giới-hạn, diện-tích.
2) Địa-thổ, sông ngòi, khí-hậu.



TOÁT-YẾU : 1. — Hoa-kỳ ở giữa Bắc-Mỹ. Bắc giáp Gia-nã-đại. Đông giáp Đại-tây-dương. Nam giáp Mễ-tây-cơ và vịnh Mễ-tây-cơ. Tây giáp Thái-bình-dương. Diện-tích ước độ 9 360 000km².

2. — Hoa-kỳ chia làm 4 miền : Phía Tây có dãy núi Rốc-ky, ngọn cao nhất 4000m. Phía Đông có dãy Áp-pa-lét chỉ cao độ 1000m. Ở giữa là một bình nguyên bao la. Ven bờ Đại-tây-dương có một bình-nguyên nhỏ hẹp. Ngoài còn sông lớn nhất là Mít-xít-xi-pi có hai phụ-lưu là sông Mít-xu-ri và Ô-hai-ô. Hoa-kỳ còn có 5 hồ lớn ở phía Đông-lạc rất tiện-lợi cho việc thủy-vận. Ven bờ biển Thái-bình-dương và Đại-tây-dương, khí-hậu ôn-hòa. Miền giữa, mùa hè rất nóng, mùa đông rất lạnh. Miền Nam nóng và ẩm Miền Tây-nam khô-khàn.

CÂU HỎI : Hoa-kỳ ở đâu ? Giáp-giới những nơi nào ? Diện-tích ước độ bao nhiêu ? Địa-thổ Hoa-kỳ thế nào ? Có những sông gì ? Có mấy hồ lớn ? Khí-hậu mỗi miền khác nhau thế nào ?

55. — HOA-KỲ NHÂN-VĂN

DÀN BÀI : 1) Dân số, chủng-tộc, tôn-giáo.
2) Chính-thể, các thành-phố lớn, liên-hệ ngoại-giao với Việt-nam.

TOÁT-YẾU : 1. — Dân-số Hoa-kỳ chừng 200 triệu người. Đa-số là người da trắng gốc ở châu Âu ; 1/10 là da đen dòng dõi những người nô-lệ xưa từ Phi-châu sang. Độ một triệu người da vàng và một số ít thổ-dân da đỏ. Dân Hoa-kỳ phần đông theo đạo Tin-lành ; chừng 1/10 theo đạo Gia-tô.

2. — Hoa-kỳ là một liên-bang gồm 50 tiểu-bang, đứng đầu là Tổng-Thống do toàn dân bầu lên; nhiệm-kỳ là 4 năm. Quốc-hội gồm hai viện Mỗi tiểu-bang đặt dưới quyền một Thống-đốc. Thủ đô Hoa-kỳ là Hoa-thịnh-đốn. Các thành phố lớn là : Nữ-ước, Si-ca-go, Cựu-kim-sơn, Đê-tơ-roa, Phi-la-đen-phi-a, Lốt-Âng-giơ-lét. Hoa-kỳ và Việt-nam rất thân-thiện. Ở Hoa-thịnh-đốn có Tòa Đại-sứ Việt-nam, ở Sài-gòn có Tòa Đại-sứ Hoa-kỳ.

CÂU HỎI : Dân-số Hoa-kỳ ước độ bao nhiêu ? Gồm những chủng-tộc nào ? Liên-bang Hoa-kỳ gồm bao nhiêu tiểu-bang ? Theo chính-thể gì ? Thủ-đô là gì ? Các thành-phố lớn là gì ?

56. — HOA-KỲ KINH-TẾ

DÀN BÀI : 1) Nông-sản, chăn nuôi, khai-luật.
2) Khoáng-sản, kỹ-nghệ, thương-mại.

TOÁT-YẾU : 1.— Nông-nghiệp Hoa kỳ vào bậc nhất hoàn-cầu. Bông, ngô, thuốc lá, trái cây sản-xuất nhiều nhất thế-giới. Thừ đến lúa mì, lúa mạch, lạc, khoai tây, củ cải đường. Hoa-kỳ chăn nuôi rất nhiều bò, cừu, lợn, ngựa, heo. Nghề đánh cá cũng rất phát-đạt.

2.— Hoa-kỳ đứng đầu về dầu hỏa, than đá, sắt, đồng, chì, kẽm. Lại có nhiều mỏ vàng, bạc, mangan, thủy-ngân, lưu-hoàng, phốt-phát, bô-tát. Nền kỹ-nghệ Hoa-kỳ dẫn đầu thế giới, nhất là kỹ-nghệ nặng. Nền thương-mại rất phồn-thịnh nhờ có nhiều đường giao-thông thuận-tiện. Hoa-kỳ bán cho Việt-nam dầu hỏa, các máy-móc, dụng-cụ, ô-tô, nhựa đường, phân bón hóa-học, dược-phẩm, trái cây, thuốc lá, bông, và mua của ta cao-su, thiếc.

CÂU HỎI : Nền nông-nghiệp Hoa-kỳ thế nào ? Hoa-kỳ chăn nuôi những súc vật gì ? Nghề đánh cá thế nào ? Hoa-kỳ có những khoáng-sản gì ? Tại sao nền kỹ-nghệ Hoa-kỳ dẫn đầu thế giới ? Nền thương-mại thế nào ? Ta mua những gì của Hoa-kỳ ? Bán gì cho Hoa-kỳ ?

*

57.— NƯỚC ANH THIÊN-NHIÊN

DÀN BÀI : 1) Vị-trí, diện-tích.

2) Địa-thế, sông ngòi, khí-hậu.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước Anh ở phía Tây châu Âu gồm có đảo Đại Bờ-rơ-tan, miền Bắc đảo Ái-nhĩ-lan và quần đảo Oóc-cát. Diện-tích ước độ 244.000km².

2.— Nước Anh hình dài, bề ngang hẹp. Miền Tây đảo Đại Bờ-rơ-tan, núi non trùng-diệp nhưng ngọn nào cũng chỉ cao trên 1000m. Miền Đông và Đông-Nam, bình nguyên rộng lớn, phì nhiêu. Những sông ngòi đều ngắn nước chảy từ-từ, nên sự giao thông rất tiện-lợi. Những sông chính là : Ta-mi, Méc-xây, Hơ-mơ. Nước Anh ở giữa biển, nên khí-hậu ôn-hòa nhưng ẩm-thấp và lắm sương mù.

CÂU HỎI : Nước Anh ở đâu ? Gồm những đảo nào ? Diện-tích bao nhiêu ? Địa-thế thế nào ? Những sông chính là gì ? Khí-hậu ra sao ?

58.— NƯỚC ANH NHÂN-VÂN

DÀN BÀI : 1) Dân số, tôn-giáo.

2) Chính-thể, các thành-phố lớn, liên-hệ giao với Việt-Nam.



NƯỚC ANH

TOÁT-YẾU : 1.— Dân-số nước Anh chừng 53 triệu, đứng thứ ba châu Âu, sau Nga-xô và Đức. Tất cả đều là người da trắng. Phần đông theo đạo Tin-lành. Dân-chúng tập-trung đông-đúc ở các thành-phố và các vùng kỹ-nghệ.

2.— Nước Anh theo chế độ Quân chủ lập-hiến, quyền hành pháp trong tay Vua và Nội-các do Thủ-tướng điều khiển. Quyền lập-pháp thuộc hai viện. Thủ-đô Anh-quốc là Luân-đôn, cũng là hải-cảng quan-trọng trên thế-giới. Các thành-phố lớn là: Biéc-minh-gam, Li-vóc-pun, Gô-lát-gâu, Măng-sét-tơ. Nước Anh đã công-nhận Việt-Nam Cộng-hòa. Ở Luân-đôn có Tòa Đại-sứ Việt-Nam; ở Sài-gòn có Tòa Đại-sứ Anh.

CÂU HỎI : Dân-số nước Anh chừng bao nhiêu? Thuộc giống gì? Theo tôn-giáo gì? Dân-chúng tập-trung đông-đúc ở đâu? Nước Anh theo chính-thể gì? Thủ-đô là gì? Kể những thành-phố lớn.

59.— NƯỚC ANH KINH TẾ

DÀN BÀI : 1) Nông-sản, chăn nuôi, chài lưới.
2) Khoáng-sản, kỹ-nghệ, thương-mại.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước Anh sản-xuất nhiều lúa mì, lúa mạch, khoai tây, củ cải đường, nhưng vẫn không đủ dùng. Việc chăn nuôi bò, cừu, lừa, ngựa, heo, khá phát triển, nhưng vẫn phải mua thêm nhiều thịt. Nghề chài lưới rất phát-đạt.

2.— Khoáng-sản quan-trọng nhất là than đá, đứng thứ nhì thế-giới. Rồi đến sắt. Nền kỹ-nghệ nước Anh chừa thua kém Hoa kỳ. Có nhiều nhà máy đúc gang, thép, nhà máy đóng tàu, đúc khí-giới, làm đầu máy xe hỏa, phi-cô-ô-tô. Nước Anh đứng đầu thế-giới về kỹ-nghệ dệt len vải. Nhờ có nhiều đường giao-thông và một đội thuyền quan-trọng, nền thương-mại Anh-quốc thịnh-vượng vào bậc nhất hoàn-cầu. Nước Anh xuất-cảng máy bay, hơi, tàu thủy, đầu xe lửa, máy-móc, khí-giới. Nhập-cảng nguyên-liệu và thực-phẩm.

CÂU HỎI : Nước Anh có những nông-sản gì? Việc chăn nuôi thế nào? Nghề chài lưới ra sao? Có những khoáng-sản gì? Nền kỹ-nghệ thế nào? Nền thương mại ra sao? Xuất-cảng những gì? Nhập-cảng những gì?



60.— NƯỚC PHÁP THIÊN-NHIÊN

DÀN BÀI : 1) Vị-trí, giới-hạn, diện-tích.
2) Địa-thể, sông ngòi, khí-hậu.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước Pháp ở miền Tây châu Âu. Bắc giáp Bỉ, Lục-xâm-bảo, Đức; Nam giáp Địa-trung-hải và Tây ban-nha; Đông giáp Đức, Thụy-sĩ và Ý; Tây giáp Đại-tây-dương; Tây-Bắc giáp biển Măng-sơ. Diện-tích ước độ 550.000 km².

2.— Pháp có những dãy núi: Trung-sơn ở trung tâm lui về phía Nam. dãy An-pơ ở phía Đông có ngọn Bạch-sơn 4.807m cao nhất châu Âu; dãy Py-rê-nê ở phía Tây-Nam. Miền Bắc và miền Tây có nhiều bình-nguyên rộng. Những sông lớn là: sông Xen, sông Loar, sông Ga-rôn, sông Rôn, sông Ranh. Nước Pháp khí-hậu ôn-hòa. Riêng ở khu Địa-trung-hải, mùa hạ nóng; trong nội-địa mùa đông rất lạnh, mùa hạ rất nóng.

CÂU HỎI : Nước Pháp ở đâu? Giáp-giới những nước nào? Diện-tích bao nhiêu? Địa-thể thế nào? Có những sông gì? Khí-hậu ra sao?

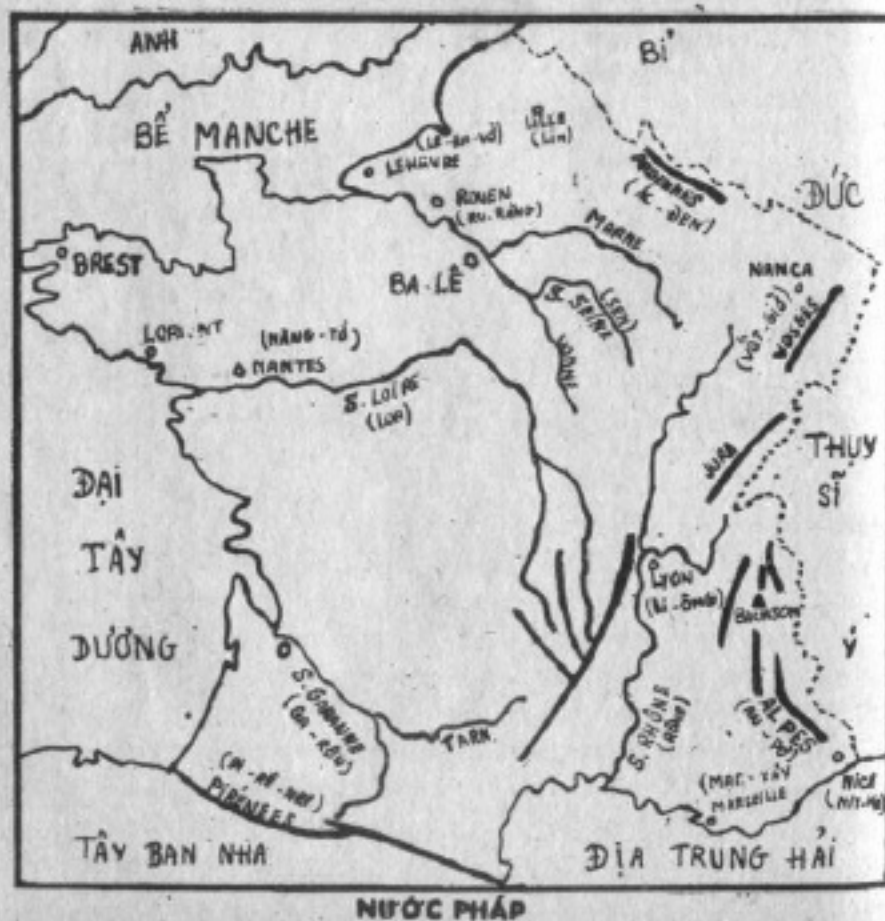


61.— NƯỚC PHÁP NHÂN-VĂN

DÀN BÀI : 1) Dân-số, tôn-giáo.
2) Chính-thể, các thành-phố lớn, liên-hệ ngoại-giao với Việt-nam.

TOÁT-YẾU : 1.— Dân-số nước Pháp chừng 46 triệu người, đều thuộc giống da trắng. Phần đông theo đạo Gia-tô ; một số ít theo đạo Tin-lành. Ngoại-kiểu đông nhất là người Ý.

2.— Nước Pháp theo chính-thể Cộng-hòa, đứng đầu là Tổng-Thống do toàn-dân bầu lên, nhiệm-kỳ là 7 năm. Quyền hành-pháp trong tay Tổng-Thống và Nội-các do Thủ-tướng điều-khiển. Quyền lập-pháp thuộc Quốc-hội gồm hai viện. Thủ-đô Pháp-quốc là Ba-lê. Các thành-phố lớn là Méc-xây, Ly-ông, Béc-đô, Lin, Tu-lu-dơ, Năng-tơ, Xanh-ô-chiễn, Ni-xơ, Xít-tơ-rát-bua. Lor Ha-vơ. Hiện nay, ở Sài-gòn có Tòa Tổng-lãnh-sự Pháp, ở Ba-lê có Tòa Tổng-lãnh-sự Việt-nam.



NƯỚC PHÁP

CÂU HỎI : Dân-số nước Pháp chừng bao nhiêu ? Theo những tôn-giáo nào ? Nước Pháp theo chính thể gì ? Thủ-đô là gì ? Kể các thành-phố lớn. Giữa ta và Pháp có liên-hệ ngoại-giao thế nào ?



62.— NƯỚC PHÁP KINH-TẾ

DÀN BÀI : 1) Nông-sản, lâm-sản, chăn nuôi, chài lưới.
2) Khoáng-sản, kỹ-nghệ, thương-mại.

TOÁT-YẾU : 1.— Nước Pháp trồng nhiều lúa mì, nho, lúa mạch, củ cải đường, khoai tây, trái cây thuốc lá, bông, gai. Rừng sản-suất nhiều gỗ quý. Người Pháp nuôi nhiều bò, cừu, dê, lừa, ngựa, heo, thỏ. Nghề đánh cá phát đạt.

2.— Khoáng-sản có than đá, sắt, nhôm, phốt phát, đồng, chì, kẽm. Nền kỹ-nghệ tiên-bộ. Có nhà máy đúc gang, thép, đóng tàu biển, đúc khí-giới, làm ô tô, phi-cơ, xe hòa, máy-móc, đồng hồ, thực-phẩm, chất hóa-học. Lại có nhiều xưởng thuộc da, làm đồ gốm, làm xa-xi-phẩm. Nền thương-mại thịnh-vượng. Nước Pháp xuất cảng: rượu nho, xi-măng, xa-xi-phẩm, thực-phẩm, hàng len và dạ, ô-tô, máy-móc, dược-phẩm. Nhập-cảng của ta: cao-su, gạo, bắp, hồ-tiêu, trà, than đá.

CÂU HỎI : Nước Pháp có những nông-sản gì ? Lâm-sản gì ? Chăn nuôi những súc-vật gì ? Nghề chài lưới thế nào ? Có những khoáng-sản gì ? Nền kỹ-nghệ thế nào ? Nền thương-mại ra sao ?



63.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Nhờ những điều-kiện gì Hoa-kỳ hiện nay giàu mạnh nhất thế giới ?
- So-sánh diện-tích và dân-số nước Anh với Hoa-kỳ. Tại sao nền kinh-tế Anh-quốc phồn-thịnh vào bậc nhất nhì hoàn-cầu ?
- Nước Pháp có những sản-phẩm gì nổi tiếng trên thế-giới ?

KHOA - HỌC

- I — Học ôn chương-trình lớp Bốn.
- II — Trái đất.
- III — Đòn bẩy.
- IV — Những vật nổi.
- V — Điện.
- VI — Nam-châm.
- VII — Nam-châm điện.
- VIII — Các chất hóa học.
- IX — Áp-dụng hóa-học vào vật-dụng.

CHƯƠNG-TRÌNH KHOA-HỌC LỚP NĂM MỚI SỬA ĐỔI

I. — HỌC ÔN CHƯƠNG-TRÌNH LỚP BỐN

II. — TRÁI ĐẤT :

- Trái đất hút các vật — Mọi vật đều rơi.
- Sức hút làm cho mọi vật có trọng-lượng.
- Độ rơi của những vật có bề mặt khác nhau, nhảy dù.
- Hình-dáng của xe cộ để đi mau lẹ.
- Vài thứ hòm — Phong-vũ-biểu.

III. — ĐÒN BẨY :

- Làm cách nào để đẩy một vật nặng mà dùng ít sức ?
- Những đồ dùng có đòn bẩy : xe đạp, máy may, máy mài dao, rổ - rẻ, trục quay ở giếng, kéo, đòn gánh, cần câu.
- Vài thứ cân thông-thường và cách sử-dụng.

IV. — NHỮNG VẬT NỔI TRÊN NƯỚC :

- Những vật nào nổi trên nước ?
- Tại sao các vật nổi ? (Bè, cầu nổi, phao chuối, phao tre, dùng ống aspirine làm tàu ngầm).

V. — ĐIỆN :

- Điện do sự chà-xát tạo ra.
- Chớp và sét là điện trong không-khí.
- Khi trời mưa có sét ta phải làm gì ?
- Những vật nào giúp cho điện truyền đi (pin).
- Dòng điện trong nhà.
- Ghép pin nối và song-song (thí-nghiệm).
- Điện phát ra sức nóng : bàn ủi, bếp điện.
- Điện phát ra ánh sáng : đèn điện.
- Điện làm cho máy chạy : quạt điện.
- Những điều nên nhớ khi dùng điện.

VI. — NAM-CHÂM :

- Nam-châm hút những vật nào ?
- Cực của nam-châm.
- Cách làm nam-châm bằng một que sắt.
- Thí-nghiệm chứng tỏ nam-châm đều quay về một hướng. La-bàn.
- Cách làm La-bàn bằng một kim thẳng và một đĩa nước.

VII. — NAM-CHÂM ĐIỆN :

- Cách dùng điện để làm một nam-châm (pin song-song).
- Ta dùng nam-châm điện làm ? Chuông điện.
- Máy phát điện — Dynamo xe đạp.

VIII. — CÁC CHẤT HÓA-HỌC :

- Vài thí-dụ về các chất hỗn-hợp : đường lẫn với cát, thóc lẫn với gạo.
- Vài thí-dụ về dung-dịch : đường hoặc muối tan trong nước.
- Phân-tích các chất hỗn-hợp trong dung-dịch bằng cách bốc hơi.
- Sự biến-đổi của các chất hóa-học (làm bánh).
- Ánh sáng và sức nóng làm thay đổi các chất hóa-học
- Ánh sáng làm nhạt màu quần áo.
- Phim chụp hình.
- Khi nóng làm rõ vết chanh trên giấy (dùng nước chanh, giấm, nước hành, muối, viết thư và đọc trên ảnh nền).

IX. — ÁP-DỤNG HÓA-HỌC VÀO VẬT-DỤNG :

- Nuôi giấm.
- Làm giấy.
- Xi-bông (mỡ trâu và tro).

HỌC-ÔN CHƯƠNG-TRÌNH LỚP BỐN

1.— SỰ TIÊU-HÓA, SỰ TUẦN-HOÀN

CAU HỎI :

- Sự tiêu-hóa là gì ?
- Bộ máy tiêu-hóa gồm những gì ?
- Tại sao chất bột trong thức ăn có thể hòa vào máu để nuôi cơ-thể ?
- Sự tuần-hoàn là gì ?
- Bộ máy tuần-hoàn gồm những gì ?
- Thế nào là đại tuần-hoàn ?
- Thế nào là tiểu tuần-hoàn ?



2.— SỰ HÔ-HẤP — SỰ BÀI-TIẾT

CAU HỎI :

- Hô-hấp là gì ?
- Bộ máy hô-hấp gồm những gì ?
- Tại sao phổi có thể nở ra, giẹp xuống đều đều ?
- Bài-tiết là gì ?
- Nói về sự bài-tiết nước tiểu.
- Sự bài-tiết mồ-hôi được thực-hiện thế nào ?
- Ngoài nước tiểu và mồ-hôi, còn những chất độc nào trong cơ-thể cần phải tống ra ngoài ?
- Những chất ấy được tống ra ngoài cách nào ?



3.— CHÓ, MÈO, RẦN, MUỐI

CAU HỎI :

- Chó là giống gì ?
- Nó có những đặc-điểm gì ?
- Chó có ích-lợi thế nào ?
- Mèo là giống gì ?
- Kể những đặc-điểm của mèo.
- Người ta nuôi mèo để làm gì ?
- Rần là giống gì ?
- Có mấy loại rần ? Rần không độc như những rần gì ? Kể những rần độc mà em biết.
- Muối là giống gì ?
- Nó sinh-sản thế nào ?
- Tại sao ta phải diệt-trừ muối.



4.— HOA, CÁCH KẾT-QUẢ

CAU HỎI :

- Hoa có những bộ-phận gì ?
- Kể những thứ hoa có cả nhụy cái lẫn nhụy đực.
- Những cây có hoa đực và hoa cái như những cây gì ?
- Hoa kết quả như thế nào ?
- Những sâu bọ như ong và bướm giúp vào sự kết-quả cách nào ?
- Trái gồm có những bộ-phận gì ?
- Kể những trái có thịt — không có thịt — có một hạt — có nhiều hạt.



5.— THAN ĐÁ, GANG, THÉP, THAU. KẼM, CHÌ, THIẾC

CÂU HỎI :

- Than đá do đâu mà có ?
- Muốn khai than đá thì làm thế nào ?
- Than đá có những tính-chất gì ?
- Muốn có gang thì làm thế nào ? Muốn có thép thì làm thế nào ?
- Gang có những tính-chất gì ? Dùng làm gì ?
- Thép có những tính-chất gì ? Dùng làm gì ?
- Thau khác đồng thế nào ?
- Thau dùng làm gì ?
- Kẽm có những tính-chất gì ? Công-dụng ?
- Chì là một kim-loại thế nào ?
- Ta thường dùng chì làm gì ?
- Thiếc có những tính-chất gì ?
- Thiếc thường dùng làm gì ?



6.— SỰ BỐC HƠI SỰ ĐÔNG-ĐẶC, SỰ CHÁY

CÂU HỎI :

- Sự bốc hơi là gì ?
- Có mấy cách bốc hơi ?
- Ta ứng-dụng sự bay hơi làm gì ?
- Sự bay hơi sinh ra gì ?
- Tại sao khi đang ra mồ-hôi, không nên đứng ở chỗ lộng gió ?
- Sự đông thê từ đặc hóa lỏng gọi là gì ?
- Sự đông thê ngược lại gọi là gì ?
- Giải-thích tại sao nước đá nổi.
- Sự nóng chảy và sự đông-đặc được ứng-dụng để làm gì ?
- Sự cháy là gì ?
- Có mấy cách cháy ?
- Cháy bùng khác cháy ngầm thế nào ?
- Thân-nhiệt là gì ?

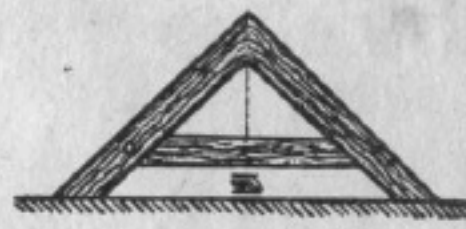
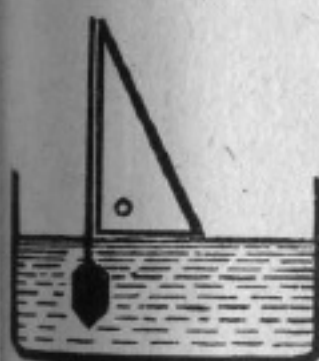
TRÁI ĐẤT

7.— TRÁI ĐẤT HÚT CÁC VẬT — MỌI VẬT ĐỀU RƠI

DÀN BÀI : 1) Trái đất hút mọi vật.

2) Mọi vật đều rơi.

3) Ứng-dụng định-lý về phương rơi của các vật.



dây dọi

thước mực thợ nề.

TÓÁT-YẾU : 1. — Mọi vật đều bị trái đất hút. Sức hút ấy gọi là trọng-lực. Trọng-lực cân-bằng với sức ly-tam do trái đất xoay quanh nó tạo ra, nên mọi vật đứng vững được trên mặt đất.

2. — Các vật buông ra trong không-gian đều rơi xuống mặt đất theo phương thẳng đứng. Phương ấy hợp với mặt nước thẳng-bằng thành một góc vuông.

3. — Ta ứng-dụng định-lý này để làm dây dọi và thước mực thợ nề.

CÂU HỎI : Sức hút của trái đất gọi là gì ? Trọng-lực cân-bằng với sức gì ? Tại sao mọi vật đều đứng vững trên mặt đất ? Các vật rơi theo phương gì ? Ta ứng-dụng định-lý này để làm gì ?

8. — SỨC HÚT CỦA TRÁI ĐẤT LÀM MỌI VẬT CÓ TRỌNG-LƯỢNG

DÀN BÀI : 1) Trọng-lượng là gì ?

2) Trọng-lượng tùy-thuộc gì ?

TOÁT-YẾU : 1. — Khi ta để một vật lên bàn tay, ta cảm thấy có một sức nặng đè lên bàn tay ta. Sức ấy là trọng-lượng của vật do sức hút của trái đất mà ra.

2. — Trọng-lượng của một vật không những tùy-thuộc ở kích-thước của vật ấy mà còn do chất tạo nên vật ấy nữa. Cùng một chất, vật to nặng hơn vật nhỏ. Cùng một kích-thước, vật bằng chì nặng hơn vật bằng gỗ. Muốn đo trọng-lượng của vật, ta dùng cân.

CÂU HỎI : Khi ta để một vật lên bàn tay, ta cảm thấy thế nào ? Sức ấy gọi là gì ? Trọng-lượng do đâu mà ra ? Trọng-lượng của một vật tùy-thuộc những gì ? Muốn đo trọng lượng của vật, ta dùng gì ?



9. — TỐC-ĐỘ RƠI CỦA CÁC VẬT CÓ BỀ MẶT KHÁC NHAU

DÀN BÀI : 1) Tốc-độ rơi trong khoảng chân-không.
2) Tốc-độ rơi trong không-khí.
3) Ứng-dụng.



Dù

TOÁT-YẾU : 1. — Trong khoảng chân-không, mọi vật rơi nhanh bằng nhau.

2. — Trong không-khí, mọi vật rơi mỗi lúc một nhanh hơn. Nhưng vật nặng rơi nhanh hơn vật nhẹ ; vật rộng mặt rơi chậm hơn vật hẹp mặt vì chịu sức cản của không-khí nhiều hơn.

3. — Ta ứng-dụng định-lý này để chế ra dù cho phi-công. Từ trên cao, phi-công nuốn rời phi-cơ từ-từ xuống đất thì phải dùng một cái dù vải rất rộng để tăng sức cản của không-khí làm cho tốc-độ rơi chậm lại.

CÂU HỎI : Trong khoảng, chân không mọi vật rơi thế nào ? Trong không-khí mọi vật rơi thế nào ? Tại sao vật nặng rơi nhanh hơn vật nhẹ ? Vật rộng mặt rơi chậm hơn vật hẹp mặt ? Ta ứng-dụng định-lý này để chế ra gì ?



10. — HÌNH-DÁNG XE-CỘ ĐỂ ĐI MAU-LẼ

DÀN BÀI : 1) Hình dáng xe-cộ cốt-y làm giảm sức cản của không-khí.
2) Dẫn-chứng.



TOÁT-YẾU : 1. — Muốn cho tên, đạn, tàu, thuyền, xe-cộ đi nhanh, hình-dáng các vật ấy phải làm giảm được sức cản của không-khí.

2. — Vì vậy, đầu mũi tên và viên đạn nhọn ; thuyền chế theo hình thoi ; vỏ tàu ngầm và tàu thủy thon ; đầu phi-cơ nhọn, mình dài, cánh chéo, khí bay các bánh đều thụt vào ; ô-tô, xe hỏa không có bộ phận thò ra ngoài.

CÂU HỎI : Muốn cho tên, đạn, tàu, thuyền, xe-cộ đi nhanh bình-dĩng các vật-ấy phải thế nào ? Đâu mũi tên và viên đạn thế nào ? Thuyền chèo theo hình gì ? Vỏ tàu ngầm và tàu thủy thế nào ? Hình dáng phi-cơ ra sao ? Vì sao ô-tô và xe lửa không có bộ-phận thò ra ngoài ?

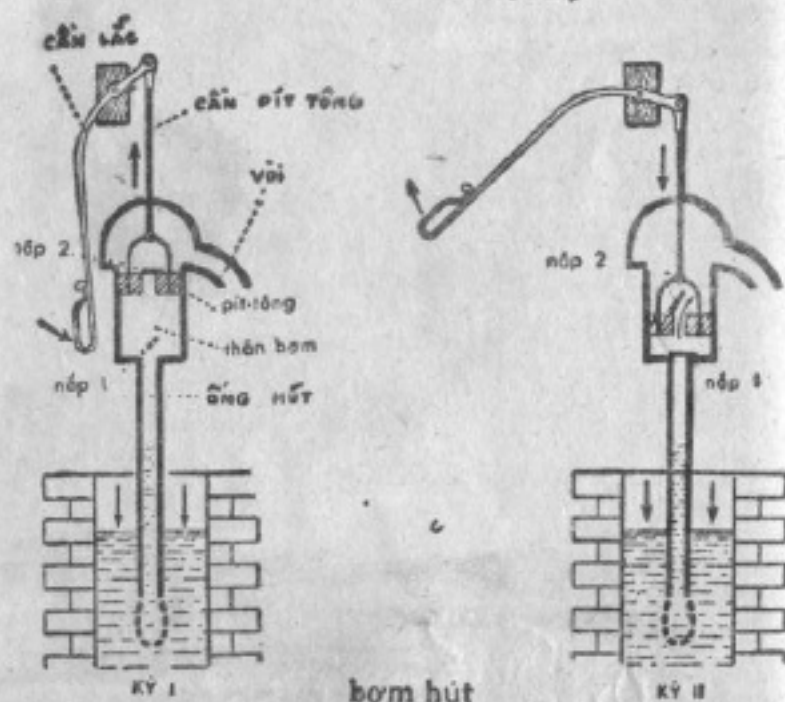


11.— BƠM HÚT

DÀN BÀI : 1) Mô-tả.

2) Cách chuyển-vận.

3) Công-dụng.



TÓÁT-YẾU : 1.— Bơm hút gồm một thân bơm, phía trên có vôi, phía dưới thông với ống hút có nắp đáy. Pít-tông trong thân bơm cũng có nắp đáy.

2.— Khi kéo pít-tông lên, áp-suất không-khí đẩy nước qua ống hút lên tới thân bơm. Khi ấn pít-tông xuống, nước trong thân bơm bị ép, mở nắp trên cho nước trào lên mà chảy qua vôi.

3.— Bơm hút thường dùng để hút nước giếng lên mặt đất.

CÂU HỎI : Bơm hút gồm những bộ-phận nào ? Trong thân bơm có gì ? Khi kéo pít-tông lên thì nước lên đâu ? Tại sao ? Khi ấn pít-tông xuống thì sao ? Bơm hút thường dùng để làm gì ?

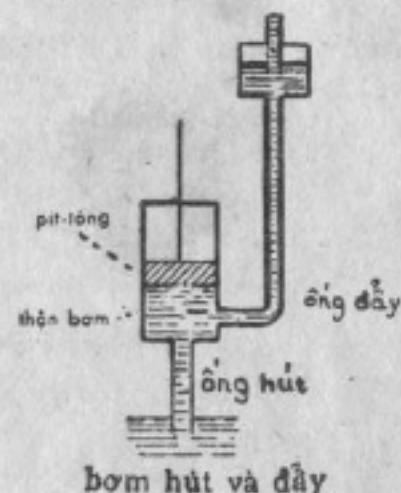


12.— BƠM HÚT VÀ ĐẨY

DÀN BÀI : 1) Mô-tả.

2) Cách chuyển-vận.

3) Công-dụng.



TÓÁT-YẾU : 1.— Bơm hút và đẩy gồm một thân bơm phía dưới thông với ống hút có nắp đáy; phía trên thông với ống đẩy cũng có nắp đáy. Trong thân bơm có pít-tông.

2.— Khi kéo pít-tông lên, áp-suất không-khí đẩy nước qua ống hút lên thân bơm. Khi ấn pít-tông xuống, nước trong thân bơm bị ép, mở nắp ống đẩy ra để qua đó. Như vậy, cứ mỗi lần ấn pít-tông xuống, mực nước trong ống đẩy lại cao hơn một chút, cho tới khi tới mức đã định.

3.— Bơm hút và đẩy dùng để hút nước lên cao hơn 10m.

CÂU HỎI : Bơm hút và đẩy gồm có những bộ-phận gì ? Trong thân bơm có gì ? Khi kéo pít-tông lên thì nước lên đâu ? Khi ấn pít-tông xuống thì sao ? Bơm hút và đẩy dùng để làm gì ?

13.— BƠM XE ĐẠP

DÀN BÀI : 1) Mô-tô.

2) Cách chuyển-vận.

TOÁT-YẾU : 1.— Bơm xe đạp gồm có ống bơm dưới có lỗ nhỏ để xoáy vôi bơm vào và pít-tông đầu có miếng da đặt giữa hai mảnh sắt tròn.

2.— Khi kéo pít-tông lên, không-khí ép vào mặt trên miếng da, làm cho nó teo lại, mà đi qua khe hở xuống phía dưới. Khi ấn pít-tông xuống, không-khí ép vào mặt dưới miếng da, làm cho nó sát vào thành ống bơm ; không-khí không lọt lên trên được sẽ đẩy đầu van ruột bánh xe mà vào trong.

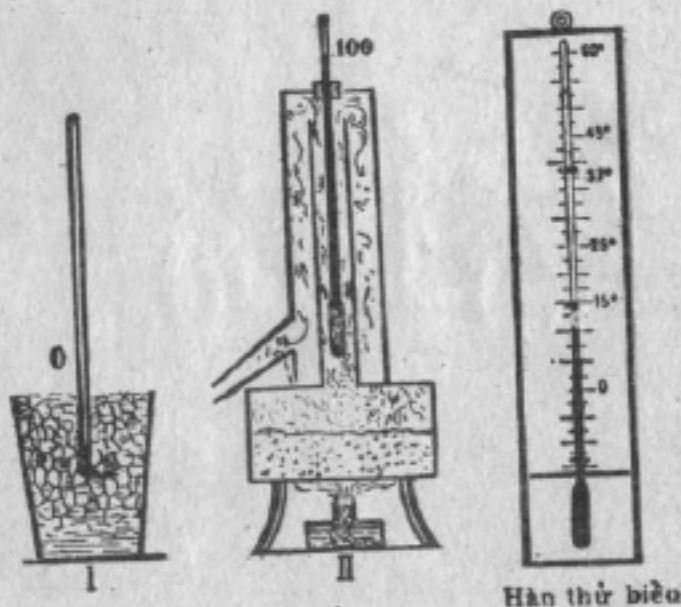
CÂU HỎI : Bơm xe đạp gồm có những bộ-phận nào ? Khi kéo pít-tông lên, tại sao không-khí xuống được phía dưới ? Khi ấn pít-tông xuống, không-khí qua đâu ?

14.— ĐO NHIỆT-ĐỘ BẰNG HÀN-THỦ-BIỂU

DÀN BÀI : 1) Nguyên-tắc.

2) Các loại hàn-thủ-biểu.

3) Cách chia-độ hàn-thủ-biểu.



Cách chia độ

Hàn thủ biểu

TOÁT-YẾU : 1.— Nóng làm chất lỏng nở ra, lạnh làm nó co lại. Dựa vào định-lý này, người ta chế ra hàn-thủ-biểu để đo nhiệt-độ.

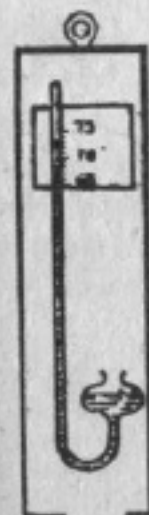
2.— Hàn-thủ-biểu thường gồm một ống thủy-tinh nhỏ bịt kín, dưới có bầu đựng thủy-ngân, gắn vào một bảng gỗ chia độ. Khi nóng, cột thủy lên ; khi lạnh, cột thủy xuống. Hàn-thủ-biểu đo thân-nhiệt chỉ khác đến 42° .

3.— Muốn chia độ hàn-thủ-biểu, ta ngâm bầu thủy-ngân vào nước đá đang tan và ghi 0° . Rồi để vào hơi nước đang sôi và ghi 100° ; sau đó chia khoảng cách thành 100 phần đều nhau.

CÂU HỎI : Người ta dựa vào định-lý nào để chế ra hàn-thủ-biểu ? Hàn-thủ-biểu dùng làm gì ? Hàn-thủ-biểu gồm có những bộ-phận nào ? Muốn chia độ hàn-thủ-biểu, ta làm cách nào ?



15.— ĐO THỜI-TIỆT BẰNG PHONG-VŨ-BIỂU



Phong vũ biểu thủy ngân

DÀN BÀI : 1) Nguyên-tắc.

2) Các loại phong-vũ-biểu.

3) Công-dụng.



Phong vũ biểu kim loại

TOÁT-YẾU : 1. — Sức ép của không-khí trên 1m^2 cân bằng một cột thủy-ngân cao 76cm, nghĩa là ước độ 1kg. Đó là áp suất không-khí.

2. — Dụng-cụ để đo áp-suất không-khí gọi là phong-vũ-biểu. Có phong-vũ-biểu thủy-ngân và phong-vũ-biểu kim-loại. Phong-vũ-biểu thủy-ngân gồm một ống thủy-tinh một đầu kín đựng đầy thủy-ngân, dốc ngược xuống một bầu thủy-ngân và gắn vào một bảng gỗ khắc từ 720mm đến 790mm. Khi áp-suất không-khí tăng là tốt trời, cột thủy lên. Khi áp-suất không-khí giảm là xấu trời, cột thủy xuống.

3. — Nhìn cột thủy-ngân lên xuống, ta đoán trước được thời-tiết. Phong-vũ-biểu còn dùng để đo độ cao của một nơi đối với mặt biển; cứ lên cao 10m, 50 thì cột thủy tụt xuống 1mm.

CAU HỎI : Áp suất của không-khí là gì? Dụng-cụ để đo áp-suất của không-khí là gì? Có mấy loại phong-vũ-biểu? Hãy mô-tả cái phong-vũ-biểu thủy-ngân. Phong vũ biểu có những công-dụng gì?

16. — HỌC ÔN

CAU HỎI SUY-LUẬN :

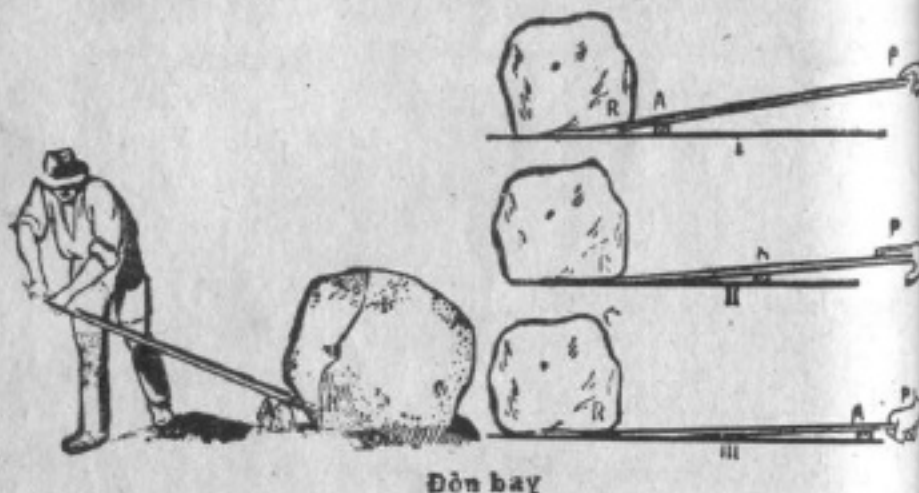
- Tại sao mọi vật có thể đứng vững trên trái đất?
- Dựa vào nguyên-tắc nào người ta chế ra dù?
- Cách chuyển-vận của các thứ bơm dựa vào nguyên-tắc nào? Nói về cách chuyển-vận của bơm hút và đẩy.
- Vì sao phải khử hết không-khí trong ống hàn-thử-biểu và trong phong-vũ-biểu kim-loại?
- Giải-thích tại sao phong-vũ-biểu giúp ta đoán trước thời-tiết và đo độ cao của một nơi đối với mặt bề.



ĐÒN BẦY

17. H LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẨY MỘT VẬT NẶNG MÀ DÙNG ÍT SỨC.

DÀN BÀI : 1) Định-nghĩa đòn bẩy.
2) Nguyên-tắc đòn bẩy.



TOÁT-YẾU : 1.— Muốn xê-dịch một vật nặng mà tốn ít sức, ta dùng một đòn dài và chặc tì lên một vật cứng để bẩy vật nặng. Đòn dài ấy gọi là đòn bẩy. Vật cứng đòn tì lên là điểm tựa. Điểm tựa chia đòn bẩy làm hai tay đòn : từ điểm tựa đến đầu đòn luôn dưới vật nặng là tay cản ; từ điểm tựa đến đầu đòn ta ấn xuống là tay động.

2.— Tay động bằng tay cản thì sức động bằng sức cản. Tay động dài gấp bao nhiêu lần tay cản thì sức động cũng giảm đi bấy nhiêu lần. Vì vậy càng đặt điểm tựa gần vật nặng bao nhiêu thì càng dễ bẩy bấy nhiêu.

CÂU HỎI : Muốn xê-dịch một vật nặng mà tốn ít sức, ta dùng cái gì ? Điểm tựa là gì ? Điểm tựa chia đòn bẩy thành mấy tay đòn ? Nói về nguyên-tắc đòn bẩy. Đặt điểm tựa thế nào thì càng dễ bẩy ?

18. H NHỮNG ĐỒ DÙNG CÓ ĐÒN BẦY :
TRỤC QUAY VÀ BÁNH XE

DÀN BÀI : 1) Trục quay và bánh xe là một loại đòn bẩy.
2) Những dụng-cụ có trục quay và bánh xe.



TOÁT-YẾU : 1.— Trục quay và bánh xe cũng là một loại đòn bẩy. Hai đầu trục là điểm tựa. Bánh xe là sức cản. Sức ta ấn xuống tay quay là sức động. Khi ấn xuống tay quay thì trục xoay, làm bánh xe quay theo. Sức chuyển-động của bánh xe có thể truyền đến một bánh xe khác do dây đai truyền.

2.— Cái xe đạp, máy mài dao, bàn đạp máy khâu, dụng-cụ kéo nước giếng đều là những loại đòn bẩy có trục quay và bánh xe.

CÂU HỎI : Trong trục quay và bánh xe, đâu là điểm tựa ? Đâu là sức cản ? Đâu là sức động ? Khi ấn xuống tay quay thì bánh xe thế nào ? Kể những dụng-cụ có trục quay và bánh xe.

19. NHỮNG ĐỒ DÙNG CÓ ĐÒN BẨY : XE ĐẤT, CẦN CÂU, ĐÒN GÁNH.

DÀN BÀI : 1) Xe đất.
2) Cần câu.
3) Đòn gánh.



TOÁT-YẾU : 1. — Trong xe đất (xe cút-kít,) điểm tựa là trục bánh xe. Tay ta đặt ở đầu càng để nhấc lên là sức động. Vật nặng trong thùng xe là sức cản. Thùng xe đặt gần trục bánh xe, để tay cản ngắn và càng xe (tức tay động) dài, do đó chỉ cần ít sức thôi.

2. — Khi giật cần câu, tay trái ta đặt ở cuối cần là điểm tựa. Sức cản là con cá. Sức động là sức tay phải ta nhấc con cá lên. Ta chỉ dùng ít sức mà con cá bị giật lên rất mạnh.

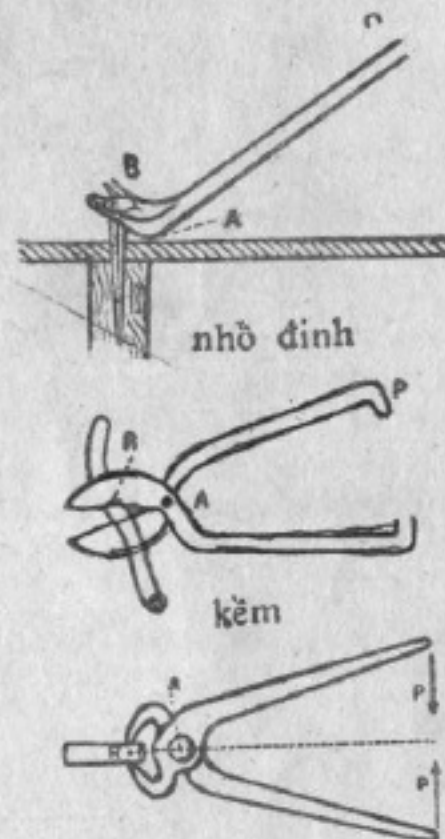
3. — Người gánh nước phải đặt đòn gánh sao cho hai thùng nước cân-bằng với nhau thì gánh mới nhẹ.

CÂU HỎI : Trong xe đất, đâu là điểm tựa ? Đâu là sức động ? Đâu là sức cản ? Tại sao ta chỉ cần ít sức cũng nhấc được xe lên ? Khi giật cần câu, vì sao ta chỉ dùng ít sức mà con cá bị giật lên rất mạnh ? Người gánh nước phải đặt đòn gánh thế nào cho nhẹ ?

★

20. NHỮNG ĐỒ DÙNG CÓ ĐÒN BẨY : BÚA, KÈM, RÒNG-RỌC

DÀN BÀI : 1) Búa nhỏ đinh.
2) Kềm cắt kim-loại.
3) Ròng-rọc.



TOÁT-YẾU : 1. — Khi ta dùng búa để nhỏ đinh, điểm tựa là chỗ đầu búa tựa lên vật đóng đinh. Cái đinh là sức cản. Sức động là sức tay ta kéo cán búa.

2. — Trong cái kềm cắt kim-loại, điểm tựa là cái chốt. Sức cản là vật cắt. Sức động là sức tay ta bóp hai gọng kềm.

3. — Muốn kéo vật nặng lên cao mà tốn ít sức, ta dùng cái ròng-rọc. Vật nặng là sức cản. Điểm tựa là chỗ sợi dây luồn qua ròng-rọc. Sức động là sức ta kéo vật nặng lên.

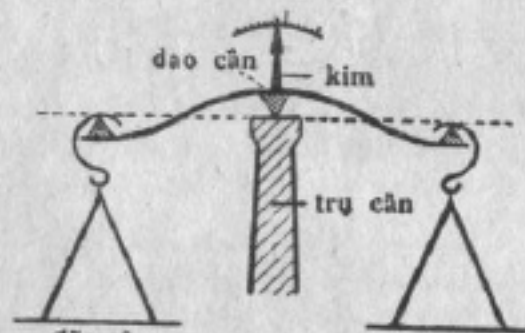
CÂU HỎI : Khi ta dùng búa để nhỏ đinh thì đâu là điểm tựa ? Cái gì là sức cản ? Cái gì là sức động ? Tay ta cầm cán búa ở chỗ nào thì nhỏ đinh dễ nhất ? Khi dùng kềm cắt kim-loại, ta để vật cắt ở đâu thì dễ ? Người ta sử dụng cái ròng-rọc cách nào để kéo vật nặng lên cao mà tốn ít sức ?

21.— CÂN CÓ HAI TAY ĐÒN BẰNG NHAU : CÂN ĐĨA VÀ CÂN THIÊN-BÌNH

DÀN BÀI : 1) Cân đĩa.
2) Cân thiên-bình.



Cân đĩa



Cân thiên-bình

TOÁT-YẾU : 1.— Cân đĩa dùng để đo trọng-lượng các vật nặng dưới 10kg. Đế bằng gang. Cán cân đứng giữa đặt trên miếng thép lạng-trụ ba mặt gọi là dao cân. Phía trên có cái kim chuyển-động trước mặt cân hình vành cung. Ở hai đầu cán cân đặt hai đĩa cân.

2.— Cân thiên-bình khác cân đĩa là đòn cân bằng đồng, trụ cân cao và hai đĩa cân treo ở hai đầu đòn. Cân này rất nhẹ, nên dùng để cân vàng, cân thuốc, v.v.

CÂU HỎI : Muốn đo trọng-lượng các vật nặng dưới 10 kg, ta dùng cân gì ? Tại sao cân đĩa. Cân thiên-bình khác cân đĩa thế nào ? Cân này dùng để cân những vật gì ?



22.— CÁCH DÙNG CÂN ĐĨA

DÀN BÀI : 1) Cân không trừ bì.
2) Cân trừ bì.
3) Cân bằng cân sai.

TOÁT-YẾU : 1.— Muốn cân một vật không có bì, ta để vật ấy lên một đĩa cân. Trên đĩa-cân kia, ta đặt những quả cân cho đến khi kim chỉ số 0.

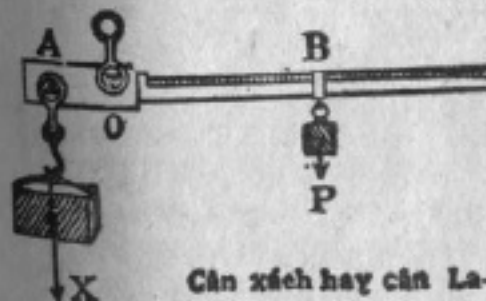
2.— Muốn cân trừ bì, ta đặt bì lên một đĩa cân rồi đổ cát lên đĩa cân kia cho thăng-bằng. Đọng cho vật vào bì và cân như thường.

3.— Muốn cân một vật bằng cái cân sai, trước hết ta đặt vật lên một đĩa cân và đổ cát lên đĩa cân kia cho thăng-bằng. Rồi ta bỏ vật ra, thay những quả cân vào cho đến khi kim chỉ số 0.

CÂU HỎI : Muốn cân vật không có bì, ta làm cách nào ? Khi cân trừ bì, ta cân cách nào ? Thế nào là cái cân sai ? Muốn cân một vật bằng cái cân sai, ta làm cách nào ?



23.— CÂN CÓ HAI TAY ĐÒN KHÔNG BẰNG NHAU : CÂN XÁCH HAY CÂN LA-MÃ



Cân xách hay cân La-mã

DÀN BÀI : 1) Mô-tả.
2) Sử-dụng.

TOÁT-YẾU : 1.— Cân xách hay cân La-mã gồm một cán cân đầu có hai quai xách để cầm cân và móc sắt để treo vật cân. Cán cân một mặt khắc từ 1 đến 5 kg : mặt kia khắc từ 5 đến 20 kg. Đọc theo cán cân có quả chỉ xê-dịch được.

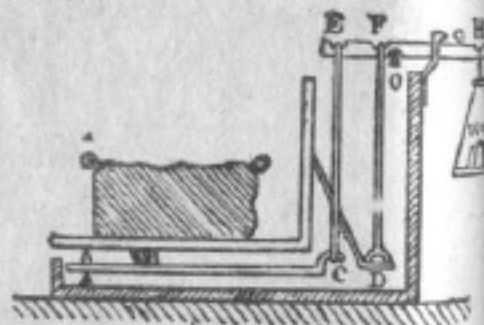
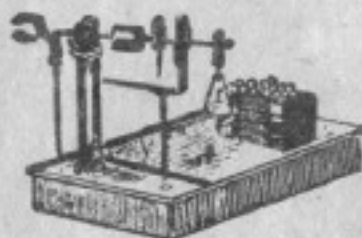
2.— Muốn cân vật từ 1 đến 5 kg thì cầm quai xách ở trong, rồi xê-dịch quả chỉ cho đến khi cán cân nằm ngang, rồi đọc số cân lượng trên cán cân. Muốn cân vật nặng từ trên 5 kg đến 20 kg thì cầm quai xách ở ngoài, rồi cũng làm như trên.

CÂU HỎI : Cân xách còn gọi là cân gì ? Hãy mô-tả cái cân xách. Muốn cân vật từ 1 đến 5 kg thì làm thế nào ? Muốn cân vật từ trên 5 kg đến 20 kg thì cầm quai xách nào ?



24.— CÂN BÀN LA-MÃ

DÀN BÀI : 1) Mô-tả.
2) Sử-dụng.



CÂN BÀN LA-MÃ

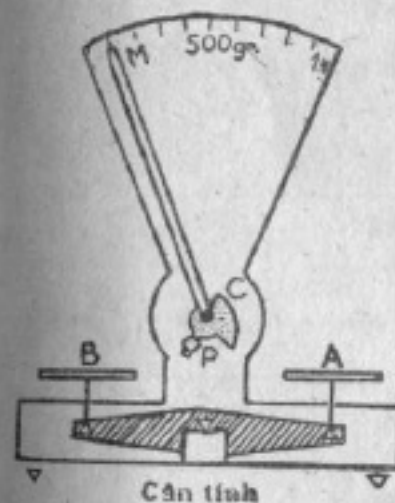
TOÁT-YẾU : 1.— Cân bàn La-mã có bàn cân. Đòn cân có khắc từ 1 đến 100 kg. Đọc theo đòn cân có quả chỉ xê-dịch được.

2 — Muốn dùng cân bàn La-mã ta đặt vật lên bàn cân, rồi xê-dịch quả chỉ cho đến khi đòn cân nằm ngang. Đọc số cân ở chỗ vạch chạm mép trong quả chỉ. Khi cân một vật nặng trên 100 kg thì để thêm quả cân 1kg lên đĩa cân, rồi cũng làm như trên. Số cân chỉ trên đòn cân cộng thêm với 100 kg sẽ thấy trọng-lượng của vật.

CÂU HỎI : Cân bàn La-mã gồm những bộ-phần gì ? Muốn cân một vật bằng cân này, ta làm cách nào ? Khi cân một vật nặng trên 100 kg thì làm sao ? Giải-thích tại sao làm như vậy.



25 — CÂN TỰ-ĐỘNG HAY CÂN TÍNH



Cân tính

DÀN BÀI : 1) Mô tả.
2) Sử-dụng.

TOÁT-YẾU : 1.— Cân tự-động có hai đĩa cân đặt trên hai đầu đòn cân. Đòn cân chính giữa tựa trên dao cân và có dây kim-loại nối liền với miếng sắt tròn mang, cái kim chuyển-động trên mặt cân có khắc cân lượng.

2.— Muốn sử-dụng cân tự-động, ta đặt vật cân trên đĩa cân. Sức nặng của vật đè trên đầu đòn cân, kéo dây kim loại làm cho miếng sắt tròn chuyển-động và kim xê-dịch trên mặt cân. Nếu cân vật nặng trên 1 kg, ta để thêm quả cân 1kg trên đĩa cân bên kia. Trọng-lượng của vật là số cân lượng chỉ trên mặt cân cộng thêm với 1kg.

CÂU HỎI : Cân tự-động có những bộ-phần gì ? Muốn sử-dụng cân này, ta làm cách nào ? Nếu cân vật nặng trên 1kg thì làm thế nào ? Giải-thích tại sao làm như vậy.

26.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Muốn xê-dịch một tảng đá mà chỉ dùng ít sức, em làm cách nào ?
- Muốn kéo nước giếng lên, em làm cách nào cho đỡ tốn sức ?
- Em sử-dụng cái ròng-rọc cách nào để kéo một vật nặng lên cao ?
- Em mang một cái hộp đi mua 2kg sơn. Em biết cái cân của nhà hàng sai. Em yêu-cầu người bán hàng cân cách nào cho đúng ?
- Muốn cân một vật nặng trên 200kg bằng cân bàn La-mã, em làm cách nào ?
- Làm thế nào để cân một gói kẹo trên 1kg bằng cân tự-động?



CHƯƠNG IV

NHỮNG VẬT NỔI

27.— SỨC ĐẨY CỦA NƯỚC

DÀN BÀI : 1) Nguyên-lý Ác-si-mét (Archimède).

2) Quy-kết của nguyên-lý này.



Sức đẩy của nước mạnh bằng trọng-lượng của nước mà vật chiếm chỗ.

TOÁT-YẾU: 1.— Vật gì nhúng xuống nước cũng bị sức đẩy của nước thẳng từ dưới lên trên. Sức đẩy ấy mạnh bằng trọng-lượng nước bị vật đó xê-dịch đi để choán chỗ. Đó là nguyên-lý Ác-si-mét.

2.— Vậy một vật nhúng xuống nước bị sức nặng của nó ấn nó xuống và nước đẩy nó lên. Sức đẩy của nước kém sức nặng của vật thì vật chìm, hơn thì vật nổi, ngang thì vật lơ-lửng.

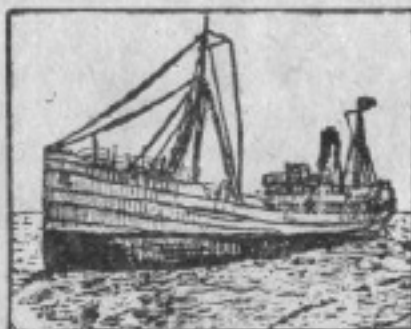
CÂU HỎI: Một vật nhúng xuống nước bị sức gì đẩy lên ? Sức đẩy ấy mạnh bằng gì ? Một vật nhúng xuống nước khi nào thì chìm ? Khi nào thì nổi ? Khi nào thì lơ-lửng ?

28.— TÀU NỔI, TÀU LẶN

DÀN BÀI : 1) Tại sao tàu, thuyền nổi được ?

2) Tàu nổi.

3) Tàu lặn.



Tàu nổi



tàu ngầm

TOÁT YẾU : 1. — Tàu, thuyền nổi được vì nó rỗng, nên nhẹ hơn khối nước do nó xê dịch đi để choán chỗ.

2. — Tàu thủy vỏ bằng thép, có phòng hành-khách, có máy làm quay chong chóng (chan vịt) đẩy tàu tiến.

3. — Tàu lặn có ngăn chứa nước cho tàu nặng thêm để đi ngầm dưới biển. Khi muốn nổi lên mặt biển thì bơm nước ra.

CÂU HỎI : Người ta áp dụng nguyên-lý Ác-si-mét để chế ra gì ? Vì sao tàu, thuyền nổi trên mặt nước ? Tại sao tàu lặn có thể đi ngầm dưới biển ? Khi muốn nổi trên mặt nước thì làm thế nào ?

29.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Tại sao em biết vật gì nhúng xuống nước cũng bị nước đẩy thẳng lên ?
- Em thí-nghiệm thế nào để biết rằng : sức đẩy của nước mạnh bằng trọng-lượng của nước mà vật xê dịch đi để choán chỗ ?
- Em làm cách nào để quả trứng lơ-lửng dưới nước ?
- Sức trọng-tải của tàu là gì ? Cho thí-dụ.
- Muốn cho tàu lặn lặn sâu dưới đáy biển thì làm thế nào ? Muốn cho đi lơ-lửng thì làm thế nào ? Muốn cho nổi lên mặt nước thì làm thế nào ?



CHƯƠNG V

ĐIỆN

30. — ĐIỆN DO SỰ CHÀ-XÁT TẠO RA

- DÀN BÀI : 1) Vật phát điện.
2) Vật dẫn điện.
3) Âm-điện, dương-điện.



Sự cọ-xát sinh điện.

TOÁT-YẾU : 1. — Mọi vật xát nóng lên sẽ hút được những vật nhẹ. Vật xát nóng ấy gọi là vật phát điện. Sức hút của nó là điện do sự chà-xát tạo ra.

2. — Điện có thể truyền từ vật nọ qua vật kia. Vật nào điện truyền qua được là vật dẫn điện. Vật nào điện không truyền qua được là vật cách-điện.

3. — Có hai thứ điện : dương-điện biểu-thị bằng dấu +, âm-điện biểu-thị bằng dấu -. Hai vật mang cùng một thứ điện sẽ đẩy nhau. Hai vật mang hai thứ điện khác nhau sẽ hút nhau.

CÂU HỎI : Điện do đâu mà ra ? Làm thí-nghiệm gì để chứng-minh điều đó ? Kể những vật dẫn điện. Vật cách điện là gì ? Thí-dụ. Có mấy thứ điện ? Mỗi thứ điện biểu thị bằng dấu gì ?

31. — ĐIỆN TRONG KHÔNG-KHÍ



cột thu lôi.

- DÀN BÀI : 1) Chớp, sấm, sét.
2) Ống thu-lôi.

TOÁT-YẾU : 1. — Trong không khí cũng có điện. Khi một đám mây mang-dương điện gặp một đám mây mang âm-điện thì hút nhau. Sự va chạm ấy làm bật ra một tia sáng dài gọi là chớp và một tiếng nổ to gọi là sét. Tiếng sét ở xa vang dội trong không-trung nghe ù-ù gọi là sấm. Nếu sự va chạm xảy ra giữa điện ở một đám mây với một vật trên mặt đất như cây cối, nhà cửa, thì gọi là sét đánh. Khi có cơn dông, không nên trú ở gốc cây cao.

2. — Muốn tránh sét đánh, các nhà cao thường đặt ống thu-lôi để thu điện trên không dẫn xuống dưới đất.

CÂU HỎI : Tại sao biết trong không-khí cũng có điện ? Khi hai đám mây mang hai thứ điện khác nhau mà gặp nhau thì sinh ra gì ? Sấm và sét khác nhau thế nào ? Khi nào thì nói là sét đánh ? Ống thu lôi có công dụng gì ?

32. — DÒNG ĐIỆN

- DÀN BÀI : 1) Dòng điện do đâu mà ra ?
2) Chất dẫn điện và chất cách-điện.

TOÁT-YẾU: .— Khi ta nối cực âm và cực dương của máy phát điện như pin ác-quy bằng một sợi dây kim-loại nhỏ, ta sẽ có một dòng điện chạy trong sợi dây. Dòng điện này làm sáng bóng đèn hay làm cho máy truyền thanh kêu.

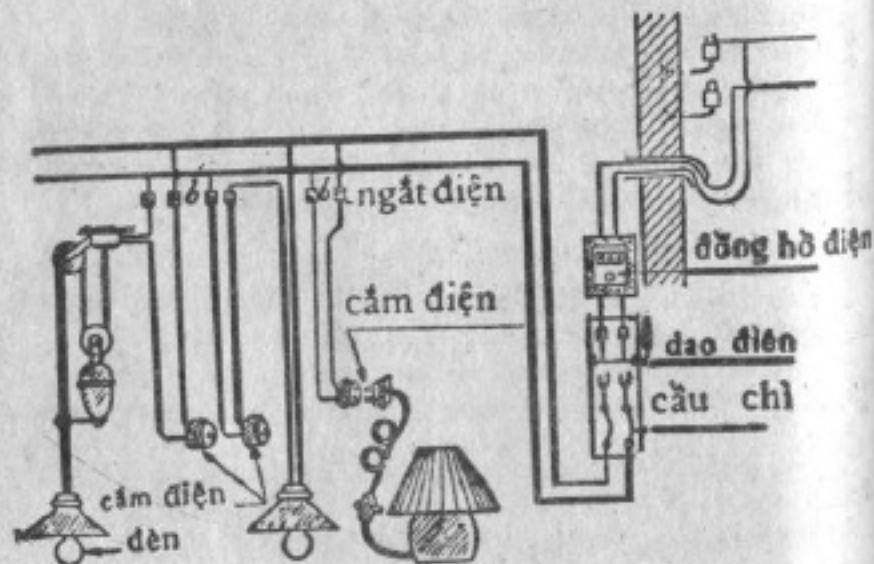
2.— Dòng điện truyền qua những chất dẫn điện như nước, đồng, chì, kẽm, sắt, than, và không truyền qua cao-su, ni-lông, sành, sứ, thủy-tinh, tơ, vải, là những chất cách-điện.

CÂU HỎI: Làm cách nào để có được dòng điện? Dòng điện truyền qua những chất gì? Không truyền qua những chất gì?



33.— DÒNG ĐIỆN TRONG NHÀ

DÀN BÀI 1) Dòng điện trong nhà do nhà máy điện cung-cấp.
2) Công-dụng của dòng điện trong nhà.



Dòng điện trong nhà

TOÁT-YẾU: 1.— Điện do nhà máy sản-xuất được truyền đến các tư-gia bằng những dây đồng to chằng trên các cột cao dọc theo đường phố. Dòng điện này rất mạnh. Khi đến các nhà, tuy cường-độ đã được giảm bớt, nhưng vẫn có thể gây nguy-hiểm. Cho nên các dây truyền điện trong nhà đều bọc bằng chất cách-điện. Các chỗ nối đều quấn bằng keo rất kỹ. Những nút ngắt điện, cắm điện, cầu chì, đều làm bằng sứ hay bằng nhựa cho điện khỏi giật.

2.— Dòng điện trong nhà dùng làm sáng đèn, làm nóng bàn ủi, làm chạy máy giặt, máy khâu, quạt điện, v.v..

CÂU HỎI: Dòng điện trong nhà do đâu cung-cấp? Dòng điện ấy thế nào? Tại sao các dây truyền điện phải bọc bằng chất cách-điện? Nút ngắt điện, cắm điện, cầu chì đều làm bằng gì? Vì sao? Dòng điện trong nhà dùng làm gì?

34.— GHÉP PIN

DÀN BÀI: 1) Ghép nối-tiếp.
2) Ghép song-song.

TOÁT-YẾU: 1.— Muốn có dòng điện mạnh hơn, ta có thể ghép các pin với nhau: nối cực dương cực pin này với cực âm cực pin khác. Đó là cách ghép nối-tiếp.

2.— Theo cách ghép song-song thì nối cực dương các pin với nhau và cực âm với nhau. Những dây có gắn nhiều bóng đèn màu thường ghép theo lối này. Khi một bóng hư bị tắt, các bóng khác vẫn cháy như thường.

CÂU HỎI: Người ta ghép pin để làm gì? Có mấy cách ghép pin? Theo cách ghép nối-tiếp thì làm thế nào? Áp-dụng cách ghép song-song thì làm sao? Những dây có gắn nhiều đèn màu thường ghép theo lối nào?

35. HỌC - ÔN

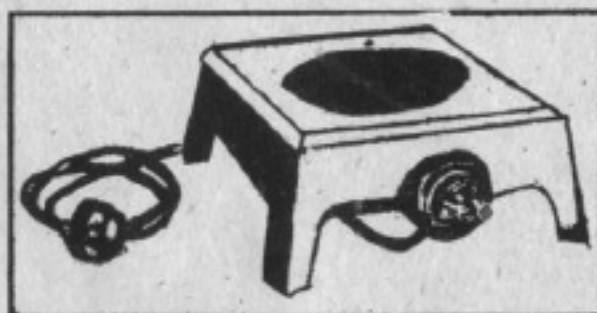
CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Em làm thí-nghiệm gì để biết sự chà-xát sinh ra điện?
- Tại sao khi có cơn dông, ta không nên trú dưới gốc cây cao?
- Vì sao ta thấy chớp trước rồi mới nghe thấy tiếng sấm sau?
- Làm cách nào để có được dòng điện?
- Dây điện trong nhà, nếu sơ ý để cho có chỗ mất hết chất bọc ngoài mà chỗ ấy lại chạm vào tường, thì sẽ xảy ra gì?
- Có bốn bóng đèn: 1,5 vôn, 3 vôn, 4,5 vôn và 6 vôn. Phải cần mấy cục pin 1,2 vôn mới làm sáng nổi bốn bóng đèn ấy?



36 — DÒNG ĐIỆN PHÁT NHIỆT

DÀN BÀI : 1) Tính-chất phát-nhiệt của dòng điện.
2) Ứng-dụng.



bếp điện



bàn là điện

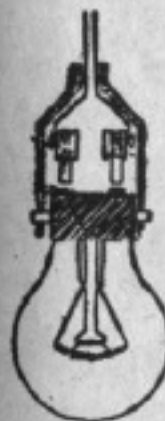
TOÁT-YẾU : 1. — Dòng điện chạy qua dây dẫn điện làm nó đỏ lên và phát ra sức nóng. Dây điện càng nhỏ càng dài, sức nóng càng nhiều.

2. — Tính-chất phát nhiệt của điện được ứng dụng để chế tạo bếp điện, bàn ủi điện, nồi thổi cơm điện, lò sưởi điện, ấm đun nước, cái hâm sữa, v.v... Bộ phận chính của những dụng-cụ này là sợi dây dài uốn theo hình lò-xo, làm bằng chất hợp kim đặc-biệt, chịu được nóng khó chảy, khó đứt. Dòng điện chạy qua dây ấy làm cho nó nóng lên và nhiệt-độ tăng dần.

CÂU HỎI : Dòng điện chạy qua dây dẫn điện làm cho nó thế nào? Dây điện càng nhỏ, càng dài, sức nóng càng thế nào? Tính-chất phát nhiệt của điện được ứng-dụng để chế-tạo những gì? Bộ-phận chính của những dụng-cụ này là gì?



37 — DÒNG ĐIỆN PHÁT ÁNH SÁNG



Bóng đèn điện

DÀN BÀI 1) Tính-chất phát quang của dòng điện.
2) Ứng-dụng.

TOÁT-YẾU : 1. — Khi ta nối cực dương và cực âm của máy phát điện như pin ắc-quy bằng một sợi dây kim-loại nhỏ, dây đó sẽ phát ra ánh-sáng. Dây càng nhỏ, ánh sáng càng mạnh.

2. — Tính-chất phát quang của dòng điện được ứng dụng để chế ra bóng đèn điện. Bóng đèn bằng thủy-tinh, thật kín, đã hút hết không-khí ra. Trong có dây tóc hết sức nhỏ quấn chữ chi, làm bằng chất tung-xít, có thể chịu được nhiệt độ rất cao. Hai đầu dây nối với hai sợi dây kim-loại to hơn ăn thông ra ngoài qua cổ bóng đèn. Khi cho dòng điện chạy qua, dây tóc đỏ rực lên, phát ra ánh sáng.

CÂU HỎI: Khi cho dòng điện chạy qua một sợi dây kim-loại nhỏ, thì dây ấy phát ra gì? Dây càng nhỏ, ánh sáng càng thế nào? Tính-chất phát quang của dòng điện được ứng dụng để chế ra gì? Hãy mô tả cái bóng đèn điện.



38. — DÒNG ĐIỆN LÀM CHẠY MÁY — CÁI QUẠT ĐIỆN



quạt điện

DÀN BÀI: 1) Tính-chất phát-dộng của điện.
2) Ứng dụng: cái quạt điện.

TOÁT-YẾU: 1 — Cho dòng điện chạy vào đy na-mô thì trục đy na-mô quay tròn. Như vậy là dòng điện phát ra động-lực.

2. — Tính - chất phát động của điện được ứng dụng để chế ra động cơ điện là những thứ máy

chạy bằng sức điện. Thứ nhỏ để chạy quạt điện, máy giặt, ghe thuyền. Thứ lớn để chạy xe điện, tàu ngầm hay dùng trong các xưởng kỹ-nghệ.

Quạt điện có cánh quạt gắn liền với động-cơ điện. Khi cho dòng điện chạy qua, động-cơ quay làm cho cánh quạt quay theo.

CÂU HỎI: Làm thí-nghiệm gì để biết dòng điện phát ra động-lực? Tính-chất phát-dộng của điện được ứng dụng để chế ra gì? Động-cơ điện được dùng trong những việc gì? Hãy tả cái quạt điện.



39. — NHỮNG ĐIỀU NÊN NHỚ KHI DÙNG ĐIỆN

DÀN BÀI 1) Điện giật.
2) Điện gây hỏa-hoạn.
3) Đề-phòng.

TOÁT-YẾU: 1. — Điện giúp ích cho đời sống rất nhiều, nhưng cũng có thể gây tai họa, nếu ta không cẩn-thận khi dùng điện. Khi chạm vào đầu dây điện hay chỗ dây điện đã mất chất bọc, ta sẽ bị điện giật. Nếu điện mạnh có thể chết ngay tức-khắc. Cho nên khi dây điện ngoài đường đứt, ta không nên đến gần. Cũng không nên thả diều nơi có chằng dây điện, vì dây diều ẩm ướt chạm vào dây điện có thể truyền điện đi và ta sẽ bị điện giật.

2. — Dây điện trong nhà mà chất bọc bị hư, nếu chạm vào nhau có thể gây nên hỏa-hoạn.

3. — Vì vậy đoạn dây nào hư ta phải thay ngay. Khi sửa dây điện, ta nên đứng trên vật cách-điện. Tốt hơn là nên ngắt dòng điện trước đã.

CÂU HỎI: Tại sao ta phải cẩn-thận khi dùng điện? Khi nào thì bị điện giật? Trong trường-hợp nào điện có thể gây nên hỏa-hoạn? Ta phải đề-phòng cách nào để điện khỏi gây nguy-hiểm?



40. — CẮT CẦU CHỈ

DÀN BÀI 1) Mô tả.

2) Công-dụng.

TOÁT-YẾU : 1. — Trước khi tới cái ngắt điện hay cắm điện, cần cho dòng điện qua cầu chì. Cầu chì thường làm bằng sứ trắng có nắp đậy, bên trong có gắn một đoạn dây chì mềm.

2. — Khi sức điện bất-thần tăng vọt lên vì máy phát điện trục-trắc hay vì dây điện chạm nhau thì dây chì không chịu nổi nóng sẽ chảy ngay. Dòng điện bị ngắt, không làm cháy được tim đèn hay làm hư được các động-cơ điện. Phải dùng dây chì cỡ thích-hợp và nhất là không nên thay dây chì bằng dây đồng hay dây kẽm.

CÂU HỎI : Trước khi tới cái ngắt điện hay cắm điện, cần cho dòng điện qua đâu ? Hãy tả cái cầu chì. Cầu chì có công-dụng gì ? Tại sao không nên thay dây chì bằng dây đồng hay dây kẽm ?



41. — HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Làm thí-ghiệm gì để biết dòng điện có tính-chất phát-nhiệt ?
- Tại sao dây điện trong bàn ủi, bếp điện... quấn theo hình lò-xo ?
- Vì sao bếp điện tiện hơn bếp than hay bếp dầu hỏa ?
- Làm thí-nghiệm gì để biết dòng điện có tính-chất phát-quang ?
- Tại sao bóng đèn điện phải thật kín và phải hút hết không-khí ra ?
- Điện giúp ích gì cho đời sống ?
- Vì sao không nên thả diều nơi có chằng dây điện ?
- Không cho dòng điện qua cầu chì thì có hại thế nào ?

CHƯƠNG VI

NAM - CHÂM

42. — NAM-CHÂM HÚT NHỮNG VẬT GÌ ?
CỰC NAM-CHÂM

DÀN BÀI : 1) Nam-châm thiên-nhiên, nam-châm nhân-tạo.

2) Cực nam-châm.



Nam-châm nhân tạo

TOÁT-YẾU : 1. — Dưới đất có những quặng sắt có đặc-tính hút sắt hoặc thép. Đó là nam-châm thiên-nhiên. Lấy một thỏi thép chà nhiều lần theo một chiều vào nam-châm thiên-nhiên, thỏi thép sẽ có sức hút như nam-châm thiên-nhiên. Đó là nam-châm nhân-tạo. Trong kỹ-nghệ có bán những thỏi nam-châm nhân-tạo hình-thức khác nhau.

2) Đặc-tính hút sắt và thép của nam-châm gọi là từ-tính. Từ-tính tập trung ở hai đầu hời nam-châm gọi là cực Bắc và cực Nam của nam-châm. Hai cực Bắc hay hai cực Nam để gần sẽ đẩy nhau. Trái lại, cực Bắc để gần cực Nam sẽ hút nhau.

CÂU HỎI : Nam-châm thiên-nhiên có đặc-tính gì ? Đặc-tính này gọi là gì ? Làm cách nào để có nam-châm nhân-tạo. Từ-tính của nam-châm tập-trung ở đâu ? Hai cực nào đẩy nhau ? Hai cực nào hút nhau ?

43.— CÁCH LÀM NAM-CHÂM BẰNG QUE THÉP

DÀN BÀI : 1) Thí-nghiệm với que thép.

2) Thí-nghiệm với que sắt.

TOÁT-YẾU : 1.— Lấy một que thép chà vào một thỏi nam-châm nhiều lần và chỉ theo một chiều. một lúc sau que thép cũng có từ-tính như thỏi nam-châm, nghĩa là hút được những vật bằng sắt và bằng thép, tuy từ-tính này không được mạnh.

2.— Nếu là một que sắt thì chỉ khi nào dính vào thỏi nam-châm mới có từ-tính. Rời khỏi nam-châm, que sắt không còn từ-tính nữa.

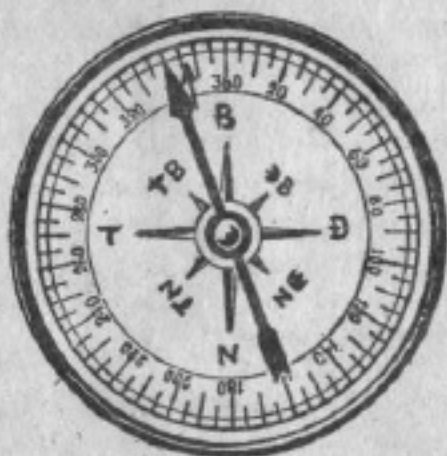
CÂU HỎI : Làm cách nào để một que thép cũng có từ-tính như nam-châm ? Từ-tính này thế nào ? Nếu là một que sắt thì sao ? Như vậy sắt có giữ được từ-tính như thép không ?



44.— KIM NAM-CHÂM QUAY VỀ MỘT HƯỚNG

DÀN BÀI : 1) Kim nam-châm quay hướng Nam-Bắc.

2) La-bàn.



La-bàn

TOÁT-YẾU : 1.— Kim nam-châm là một miếng thép mỏng có từ-tính, hình chêm hẹp và dài. Kim nam-châm để quay tự-do bao giờ cũng theo hướng Nam-Bắc.

2.— Đặc-tính này được ứng-dụng để chế ra la-bàn dùng xem phương-hướng. La-bàn gồm một kim nam-châm đặt thẳng-bằng trên cái trục nhọn và có thể quay xung quanh trục dễ-dàng. Trục gắn vào chiếc hộp bằng gỗ hay bằng đồng có mặt kính, xung quanh có ghi bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Đầu kim nam-châm chỉ phương Bắc sơn màu xanh cho dễ nhận. La bàn rất cần cho thủy-thủ, phi-công cùng các nhà thám-hiểm.

CÂU HỎI : Kim nam-châm là gì ? Để tự-do quay, kim nam-châm chỉ hướng nào ? Đặc-tính này được ứng-dụng để chế ra gì ? Hãy tả cái la-bàn, La-bàn dùng làm gì và cần cho những ai ?



45.— CÁCH LÀM LA-BÀN BẰNG MỘT CÁI KIM



DÀN BÀI :

1) Cách làm.

2) Sự tiện-lợi.

TOÁT-YẾU : 1.— Lấy một cái đĩa nhỏ, lòng hơi sâu. Trên mép đĩa ghi bốn chữ ĐTNB chỉ bốn phương, rồi chia độ những khoảng này cho thật đúng. Đổ nước vào đĩa cho tới các vạch chia độ. Làm một kim nam-châm gắn lên một miếng bạc mỏng, rồi để nổi trên đĩa nước, mũi kim chỉ sát vào các vạch chia độ. Kim nam-châm sẽ quay theo hướng Nam-Bắc.

2.— La bàn đĩa rất nhẹ, giản dị, dễ làm và tiện-lợi.

CÂU HỎI : Làm cách nào để có cái la-bàn đĩa ? Tại sao phải gắn kim nam-châm lên một miếng bạc mỏng ? Kim nam-châm quay theo hướng nào ? Tại sao la-bàn đĩa nhẹ ?

46.— HỌC ÔN

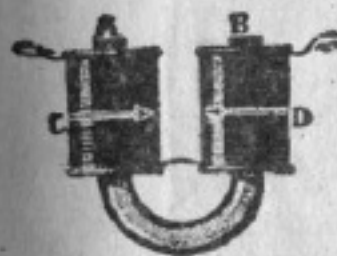
CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Làm thí-nghiệm gì để biết từ-tính tập-trung ở hai cực của nam-châm ?
- Làm cách nào để có nam-châm nhân-tạo ?
- Muốn có một cái tua-vít có từ-tính thì làm thế nào ?
- Làm thí-nghiệm gì để biết kim nam-châm quay về một hướng ?
- Có một kim nam-châm và một cái lọ thủy-tinh, làm cách nào để có cái la-bàn ?



NAM-CHÂM ĐIỆN

47.— NAM-CHÂM ĐIỆN LÀ GÌ



DÀN BÀI : 1) Mô-tả.

2) Đặc-tính.

3) Ứng-dụng

Nam - châm - điện

TOÁT-YẾU : 1.— Nam-châm điện gồm một nòng sắt tròn hình chữ U hoặc hai nòng sắt song-song gắn vào miếng sắt. Hai đầu nòng sắt xâu qua hai cái lõi bằng sắt (tựa như lõi cuốn chỉ) xung quanh quấn nhiều vòng dây đồng. Hai đầu dây để nối với cực dương và cực âm của máy phát điện.

2.— Cho dòng điện chạy qua hai cuộn dây, nòng sắt có từ-tính như nam-châm. Khi ngắt dòng điện, từ-tính không còn nữa.

3.— Nam-châm điện được ứng-dụng trong đy-na-mô, chuông điện, điện-báo, điện-thoại, cần trục, v.v...

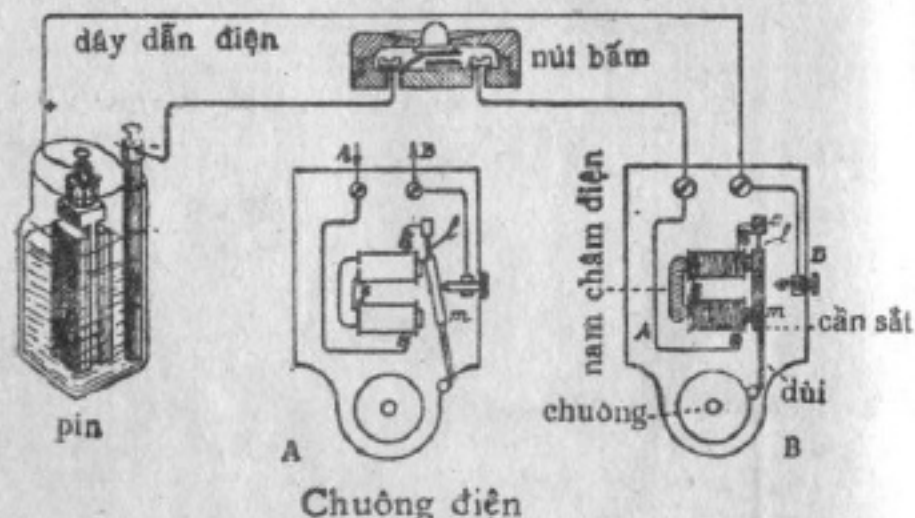
CÂU HỎI : Nam-châm điện gồm có những bộ-phận gì ? Cho dòng điện chạy qua 2 cuộn dây thì nòng sắt thế nào ? Nam-châm điện được ứng-dụng để chèn ra gì ?



48.— CHUÔNG ĐIỆN

DÀN BÀI : 1) Các bộ-phận.

2) Cách chuyển-dộng.



TOÁT-YẾU : 1.— Chuông điện gồm một nam-châm điện thông với cực âm của máy phát điện. Trước mặt nam-châm điện có miếng sắt đầu mang dùi để đập vào chuông. Miếng sắt này dính liền với miếng thép uốn cong làm lò-xo, đầu cong tựa vào chiếc đinh ốc thông với cực dương của máy phát điện.

2.— Khi ấn nút, dòng điện làm cho nam-châm điện hút miếng sắt khiến dùi đập vào chuông. Lò-xo thép bị kéo rời đinh ốc, dòng điện bị ngắt : nam-châm điện hết từ-tính. Lò-xo kéo dùi chuông về chỗ cũ sát vào đinh ốc, dòng điện kín : nam-châm điện lại hút sắt và kéo dùi đập vào chuông tiếng nữa. Và cứ như thế, nam-châm điện làm dùi chuông cử-động liên-hồi cho đến khi không ấn vào nút nữa.

CÂU HỎI : Chuông điện gồm những bộ-phần gì ? Miếng thép uốn cong có công-dụng gì ? Khi ấn nút, tại sao dùi đập vào chuông ? Vì sao nam-châm điện có thể làm dùi chuông cử-động liên-hồi ?

49.— ĐY-NA-MÔ XE ĐẠP

ĐÀN BÀI : 1) Các bộ-phần.
2) Cách chuyển-động

TOÁT-YẾU : 1.— Đy-na-mô xe đạp là một máy phát điện nhỏ gồm một nam-châm điện nòng sắt hình chữ U. Giữa hai cực nam-châm điện có miếng nam-châm nhân-tạo dính vào cái trục gắn liền với nắp tròn phía trên đy-na-mô.

2.— Khi để đy-na-mô sát vào bánh xe đạp, bánh xe quay làm nắp đy-na-mô quay theo. Do đó miếng nam-châm nhân-tạo cũng quay, phát ra dòng điện làm sáng đèn xe.

CÂU HỎI : Đy-na-mô xe đạp dùng làm gì ? Gồm những bộ-phần gì ? Giải-thích vì sao đy-na-mô phát ra dòng điện ?



50.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Nam-châm điện và nam-châm nhân-tạo khác nhau thế nào ?
- Muốn sử-dụng cần trục ở đâu có nam-châm điện thì làm thế nào ?
- Làm thế nào để nam-châm điện có từ-tính mạnh ?
- Giải-thích vì sao chuông điện kêu liên-hồi cho đến khi không ấn nút nữa ?
- Ở thôn-quê, muốn có điện riêng dùng thì làm thế nào ?



CÁC CHẤT HÓA-HỌC

51.— VÀI THÍ-DỤ VỀ CÁC CHẤT HỖN-HỢP

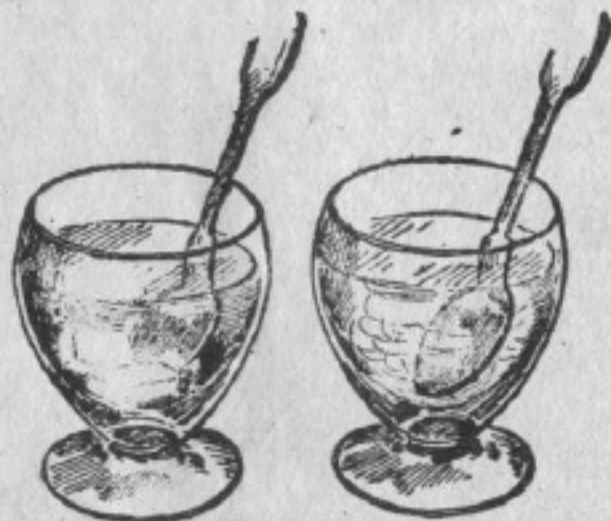
DÀN BÀI : 1) Thí-dụ về chất hỗn-hợp.

2) Phân-tách chất hỗn-hợp.

TOÁT-YẾU : 1. — Khi ta xay thóc, ta có gạo lẫn vớ trấu. Khi ta giã gạo, ta có gạo lẫn với cám. Đó là những chất hỗn-hợp, cũng như đường lẫn với cát.

2. — Muốn phân-tách những chất hỗn-hợp trên đây, ta có thể : sàng xay để gạt trấu ra lấy gạo ; giần để loại cám ra khỏi gạo ; hòa tan đường trong nước để cát lắng xuống, rồi chắt lấy nước đường.

CÂU HỎI : Thế nào là chất hỗn-hợp ? Hãy kể một vài thí-dụ. Muốn phân-tách gạo khỏi trấu ta làm thế nào ? Muốn loại cám ra khỏi gạo, ta làm cách nào ? Muốn cho đường không lẫn với cát nữa thì làm thế nào ?



dung-dịch nước đường

2.— VÀI THÍ-DỤ VỀ DUNG-DỊCH

DÀN BÀI : 1) Thí-dụ về dung-dịch.

2) Dung-dịch no.

TOÁT-YẾU : 1. — Hòa tan đường trong nước, ta có một dung-dịch, cũng như hòa tan muối hay bột sắn trong nước. Vậy nước có hòa tan một chất khác gọi là dung-dịch.

2. — Đường, muối không phải muốn hòa tan bao nhiêu trong nước cũng được. Tới một mực nào đó, đường cũng như muối sẽ không tan trong nước được nữa và sẽ lắng xuống. Lúc ấy ta có một dung-dịch no.

CÂU HỎI : Dung-dịch là gì ? Kể vài ba thí-dụ về dung-dịch. Thế nào là dung-dịch no ?

53.— PHÂN-TÁCH NHỮNG CHẤT TRONG DUNG-DỊCH BẰNG CÁCH BỐC HƠI

DÀN BÀI : 1) Thí-nghiệm.

2) Kết-luận.

TOÁT-YẾU 1. — Hòa tan đường trong nước rồi cho thêm phẩm đỏ vào. Ta có dung-dịch đường màu đỏ. Để dung-dịch này vào ấm đun. Vòi ấm có mắc ống nilông đi qua chậu nước đá tới cái cốc. Nước bốc hơi ; hơi nước qua ống nilông, gặp lạnh đọng lại và chảy vào cốc. Nước trong cốc không có màu sắc, mùi, vị. Đun cạn, ta thấy trong ấm còn lại đường màu đỏ.

2. — Như vậy là bằng cách bốc hơi, ta có thể phân-tách các chất trong một dung-dịch ; nước bốc hơi, các chất hòa tan trong dung-dịch còn lại.

CÂU HỎI : Làm cách nào để có dung-dịch đường màu đỏ ? Để dung-dịch này vào ấm đun, ta thấy gì ? Đun cạn, trong ấm còn lại gì ? Muốn phân-tách các chất trong dung-dịch, ta làm thế nào ?

54.— SỰ BIẾN-ĐỔI CỦA CÁC CHẤT HÓA-HỌC

DÀN BÀI : 1) Thí-dụ : làm bánh ngọt.

2) Kết-luận.

TOÁT-YẾU : 1.— Muốn làm bánh ngọt chẳng hạn, ta trộn lẫn bột mì, đường, sữa, trứng gà và một chút muối, rồi đánh cho nhuyễn và bỏ vào lò nướng. Ta thấy bột nhào thành dãn và phồng to lên, màu vàng nhạt của bột trở nên vàng đậm. Như vậy là các chất trộn lẫn đã hóa-hợp với nhau tạo nên những chất hóa-học khác, trong đó có thán-khí làm cho bánh phồng lên.

2.— Thí-dụ trên đây chứng-tỏ rằng ta có thể biến-đổi các chất hóa-học.

CÂU HỎI : Muốn làm bánh ngọt, ta trộn lẫn những chất gì với nhau? Bỏ vào lò nướng, ta thấy thế nào? Điều đó chứng-tỏ gì? Ta có thể kết-luận thế nào do thí-dụ trên đây?

55.— ÁNH SÁNG VÀ HƠI NÓNG LÀM NHẠT MÀU QUẦN ÁO

DÀN BÀI : 1) Thí-nghiệm.

2) Ứng-dụng.

TOÁT YẾU : 1.— Phơi một miếng vải màu xanh chẳng hạn ra nắng; bốn góc miếng vải chặn bốn viên gạch. Phơi như thế trong ba ngày liền, ta sẽ thấy miếng vải phai màu, trừ những chỗ có chặn gạch.

2.— Thí-nghiệm trên đây chứng-tỏ rằng ánh sáng và hơi nóng làm nhạt các màu. Vì vậy, không nên phơi quần áo màu ra ngoài mà chỉ nên phơi trong bóng râm.

CÂU HỎI : Phơi một miếng vải màu xanh trong ba ngày liền ra nắng ta sẽ thấy thế nào? Thí-nghiệm này chứng-tỏ gì? Và giúp ích gì cho ta?

56 — PHIM CHỤP HÌNH VÀ GIẤY IN ẢNH

DÀN BÀI : 1) Ánh sáng biến đổi nhiều chất hóa-học.

2) Ứng-dụng.

TOÁT-YẾU : 1.— Ánh sáng biến-đổi nhiều chất hóa-học. Tính-chất này được ứng-dụng để chế phim chụp hình và giấy in ảnh.

2.— Phim chụp hình cũng như giấy in ảnh đều tráng chất hóa-học. Khi chụp hình, những chỗ trắng của hình nhận nhiều ánh sáng làm cho phim thành đen. Những chỗ đen của hình nhận ít ánh sáng nên chất hóa-học không bị biến-đổi mấy. Phim chụp rồi, đem vào phòng tối dùng thuốc rửa cho hình hiện lên, rồi đặt lên giấy ảnh đem phơi ra ánh sáng trong thời-gian vừa đủ để ánh sáng làm biến-đổi chất hóa-học ở giấy ảnh thành chỗ đen, chỗ trắng, tùy theo ánh sáng đi qua phim nhiều hay ít. Phơi rồi, đem rửa sẽ có tấm ảnh của hình đã chụp.

CÂU HỎI : Ánh sáng có tính-chất gì? Tính-chất này được ứng-dụng để chế ra gì? Tại sao khi chụp hình, những chỗ trắng của hình làm cho phim đen? Những chỗ đen của hình làm cho phim thế nào? Phim chụp rồi, đem làm gì? Dem phim rửa rồi làm thế nào để có tấm ảnh của hình đã chụp?

57.— KHÍ NÓNG VÀ ÁNH SÁNG BIẾN-ĐỔI CÁC CHẤT HÓA-HỌC

DÀN BÀI : 1) Thí-nghiệm.

2) Ứng-dụng.

TOÁT-YẾU : 1.— Lấy cái tăm nhúng vào giấm, viết lên tờ giấy trắng. Đợi cho khô rồi hơ tờ giấy trên ngọn nến. Các chữ sẽ hiện ra rõ-ràng. Thí-nghiệm này chứng-tỏ rằng khí nóng và ánh sáng có tác-dụng trên chất hóa-học.

2.— Vì vậy, người ta có thể dùng giấm, nước chanh hoặc nước hành viết mật-thư. Muốn đọc mật-thư, chỉ cần hơ trên ngọn nến là chữ sẽ hiện ra.

CÂU HỎI : Nhúng cái tấm vào giấm viết lên tờ giấy trắng, đợi khô rồi bỏ trên ngọn nến, ta thấy gì ? Thí-nghiệm này chứng-tỏ gì ? Muốn viết mật-thư, người ta có thể dùng gì ? Làm cách nào để đọc được mật-thư ?

58.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Chất hỗn-hợp và chất hóa-học khác nhau thế nào ? Thí-dụ.
- Muốn cho đường hoặc muối chóng tan trong nước, người ta làm cách nào ?
- Khi pha một cốc nước chanh đá, em tuân-tự làm những việc gì ? Tại sao làm như vậy ?
- Tại sao bỏ vào lò nướng, cái bánh ngọt lại phồng to lên ?
- So-sánh âm-bản với hình chụp và giải-thích tại sao có sự khác biệt ấy ?
- So-sánh âm-bản với ảnh in trên giấy ảnh và giải-thích tại sao có sự khác-biệt ấy ?
- Muốn gửi thư mật cho người bạn, em có thể làm thế nào ngoài cách dùng mật-mã ?



ÁP-DỤNG HÓA-HỌC VÀO VẬT-DỤNG

59.— LÀM GIẤM

DÀN BÀI : 1) Các chất dùng làm giấm

2) Cách làm giấm.

TOÁT-YẾU : 1.— Ta có thể làm giấm bằng nước dừa, rượu trắng, đường và chuối.

2.— Hòa tan một muỗng đường trong bình đựng nước dừa có pha ít rượu trắng, rồi đập nát một trái chuối xừ thật chín bỏ vào. Đậy kín, để trong một tháng, trái chuối sẽ thành con giấm. Đổ thêm một phần rượu và bảy phần nước dừa vào bình, đậy kín để trong một tháng thì thành giấm. Ăn gần hết giấm, lại đổ thêm rượu, nước dừa và nước lạnh vào, cứ 1 phần rượu thì 4 phần nước dừa và 10 phần nước lạnh. Để trong ít lâu, khi nào nước trong và chua là dùng được.

CÂU HỎI : Ta có thể làm giấm bằng những chất gì ? Đem những chất ấy làm thế nào để có con giấm ? Có con giấm rồi, làm cách nào để thành giấm ? Ăn gần hết giấm thì làm thế nào để lại có giấm ăn nữa ?

60.— LÀM GIẤY

DÀN BÀI : 1) Phương-pháp cổ-truyền.

2) Kỹ-thuật tân-tiến.

TOÁT-YẾU : 1.— Giấy xúc làm bằng cây gió. Theo phương-pháp cổ-truyền, sau khi ngâm nước, cây gió được bóc lá, bóc vỏ, chặt ra từng khúc và giã thành bột. Bột ngâm vào hồ nước khuấy thật kỹ rồi để lắng xuống. Thay nước một vài lần cho hết nhựa rồi đem lược cho nhuyễn. Bột nhuyễn tráng mỏng trên mặt vải rồi bóc đem phơi, thế là có những tờ giấy xúc.

2.— Hiện nay, ở nước ta, các nhà máy giấy theo kỹ-thuật tân-tiến sản xuất được đủ các loại giấy bằng thứ bột giấy nhập cảng.

CÂU HỎI : Giấy xúc làm bằng gì ? Theo phương-pháp cổ truyền, người ta làm cách nào để có những tờ giấy xúc ? Giấy tập học-sinh làm bằng gì ? Ở đâu ? Ở nước ta có nhà máy giấy nào lớn nhất ?



61.— LÀM XÀ- PHÒNG

DÀN BÀI : 1) Các chất dùng làm xà-phòng.

2) Cách làm xà-phòng.



TOÁT-YẾU : 1. — Ta có thể làm xà-phòng bằng tro (hay bột tạt) và một chất béo như mỡ vụn, dầu dừa, dầu lạc.

2. — Đun nước muối trong một cái chảo trên đồ mỡ vụn, để mỡ lỏng cho trong. Rồi đổ dung-dịch bột-tạt vào chảo mỡ trong ; một lúc sau khuấy lên, sẽ thành một chất đông-đặc. Đổ chất này vào khuôn, để độ mười ngày cho cứng lại, ta sẽ có một cây xà-phòng có thể cắt từng miếng đem dùng.

Ở nước ta hiện nay, có những nhà sản-xuất xà-phòng giặt và xà-phòng thơm theo kỹ-thuật tân-tiến.

CÂU HỎI : Ta có thể làm xà-phòng bằng những chất gì ? Đem những chất này làm thế nào để thành xà - phòng ? Ở nước ta hiện nay các nhà máy xà-phòng sản-xuất những thứ xà-phòng gì ?



62.— HỌC ÔN

CÂU HỎI SUY-LUẬN :

- Giai-đoạn đầu của việc làm giấm là gì ?
- Khi đã có con giấm, làm cách nào để có giấm dùng mãi ?
- Tại sao giấy xúc có loại tốt, loại xấu ?
- Giấy tập học-sinh làm bằng gì ?
- Việc làm xà-phòng có thể chia ra mấy giai-đoạn ?

VÊ - SINH

- I.— Các bệnh thông-thường.
- II.— Ký sinh trùng và vi-trùng.
- III.— Những bệnh hay lây.

CÁC BỆNH THÔNG-THƯỜNG

1. — NHỨC ĐẦU

- BÀI : 1) Nguyên-nhân.
2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa.
4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Nhức đầu thường do thời-tiết thay đổi, ra nắng lâu, ít ngủ, làm việc nhiều. Nhức đầu nặng do các bệnh như đau màng óc, đau mắt, đau tai... sinh ra.

2. — Bị nhức đầu thì thấy đầu nặng, mắt hoa, người choáng-váng. Nhức đầu nặng thì thái-dương đau nhức, trán nóng, tai ù, đầu ê-ẩm, người mệt-mỏi.

3. — Muốn khỏi nhức đầu, chỉ cần nghỉ-ngơi nơi yên-tĩnh, mát-mẻ. Còn nhức đầu nặng thì phải nhờ bác-sĩ tìm rõ căn nguyên mới trị được.

4. — Muốn đề phòng nhức đầu, không nên thức khuya và làm việc quá độ. Không nên uống rượu. Ra nắng phải đội mũ.

CÂU HỎI : Nhức đầu do những nguyên nhân nào? Bị nhức đầu thì thấy thế nào? Muốn khỏi nhức đầu, phải làm gì? Đề-phòng bệnh nhức đầu cách nào?



2. — SỐ MŨI

- DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân.
2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa.
4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Khi bị lạnh bất-thần hoặc trời lạnh mà mặc không đủ ấm thì thường bị số mũi.

2. — Số mũi thì hắt hơi luôn, mũi ngọt khó thở, nước mũi chảy nhiều.

3. — Muốn chữa số mũi thì ngửi đầu bạc-hà, nhỏ đầu 'gô-mê-nô-lê' vào lỗ mũi và xoa lên ngực.

4. — Để không bị số mũi, nên tránh chỗ có gió lùa. Mùa rét nên mặc đủ ấm; ra ngoài lạnh, nên bịt khăn tay lên mũi.

CÂU HỎI : Khi nào thì thường bị số mũi? Bị số mũi, ta thấy thế nào? Muốn chữa số mũi thì phải làm gì? Muốn đề-phòng số mũi thì làm thế nào?



3. — ĐAU BỤNG

- DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa. 4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Đau bụng có khi do bội-thực hoặc ăn phải thức ăn độc hay khó tiêu; cũng có khi do giun sán hoặc do đau ruột, đau dạ dày...

2. — Tùy căn bệnh, có khi đau âm-ngâm; có khi đau quặn từng cơn ở bụng trên hay bụng dưới; có khi buồn nôn và đi rữa.

3. — Khi đau bụng, ta phải nhịn ăn, đắp bụng cho ấm và chườm bằng nước nóng. Có khi phải uống thuốc tẩy hay rửa ruột. Nếu đau nặng phải nhờ bác-sĩ điều-trị.

4. — Đề-phòng đau bụng, ta không nên ăn nhiều hoặc ăn những thứ độc và khó tiêu, nhất là quả xanh và quả bánh không dậy kén.

CÂU HỎI : Đau bụng do những nguyên-nhân nào? Khi đau bụng ta thấy thế nào? Ta trị đau bụng cách nào? Muốn đề-phòng đau bụng, ta phải làm gì?

4. — TRÚNG THỰC

DÀN BÀI : 1) Nguyên nhân.

2) Bệnh-trạng.

3) Cách chữa.

4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Ta thường bị trúng thực khi ăn phải thức ăn ôi, thiu, khó tiêu, có chất độc, nhất là những đồ hộp để lâu ngày.

2. — Bị trúng thực thì đầy bụng, đau bụng, đi tiêu chảy nhiều lần, người mệt lả, mồ hôi toát ra.

3. — Khi bị trúng-thực, phải làm cho nôn ra. Phải xoa dầu vào bụng và chườm nước nóng. Chỉ được uống nước đun sôi lọc kỹ. Nếu cần, phải uống thuốc tẩy, hoặc đem đến bệnh viện rửa ruột.

4. — Muốn khỏi bị trúng thực, ta nên ăn những thức ăn tươi và lành nấu kỹ, nhất là không bao giờ dùng những đồ hộp cũ.

CÂU HỎI : Khi nào ta thường bị trúng-thực? Bị trúng-thực thì thấy thế nào? Khi bị trúng-thực, ta chữa trị cách nào? Muốn khỏi bị trúng thực, ta phải làm gì?



5. — HỌC ÔN

CÂU HỎI :

- Bệnh nhức đầu do những nguyên-nhân nào?
- Trị bệnh nhức đầu cách nào?
- Đề-phòng bệnh nhức đầu, ta phải làm gì?
- Ta thường bị sổ mũi trong những trường-hợp nào?
- Làm cách nào để không bị sổ mũi?
- Tại sao ta bị đau bụng?
- Khi bị đau bụng, phải chữa trị thế nào?
- Muốn đề-phòng bệnh đau bụng, ta phải làm gì?



6. — ĐI RỬA

DÀN BÀI

1) Nguyên-nhân.

2) Bệnh-trạng.

3) Cách chữa.

4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Đi rửa là do ăn uống quá độ hay ăn phải thức ăn thiu, khó tiêu. Cũng có khi vì uống nhiều chất lạnh hoặc để lạnh bụng.

2. — Bị chứng đi rửa thì ngâm-ngấm đau bụng, đi ngoài luôn, phân lỏng, người mệt lả, mắt thâm quầng, mặt hốc-hác.

3. — Khi mắc chứng này thì phải nhịn ăn và không nên uống thuốc cầm ngay. Phải chườm bụng bằng nước nóng. Nếu lâu khỏi, phải nhờ bác-sĩ điều-trị.

4. — Muốn tránh chứng đi rửa, phải ăn uống điều độ. Chỉ dùng những thức ăn tươi và lành. Tối ngủ nên đắp bụng cho ấm.

CÂU HỎI : Chứng đi rửa do những nguyên-nhân nào? Bị chứng này thì thấy thế nào? Ta phải làm gì khi mắc chứng này? Muốn tránh chứng đi rửa thì làm thế nào?

7. — CẢM

DÀN BÀI : 1) Nguyên nhân.

2) Bệnh-trạng.

3) Cách chữa.

4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Cảm là do thời tiết mà sinh ra. Gặp lạnh hay gió độc, ta thường bị cảm hàn. Ở ngoài nắng lâu, ta dễ bị cảm nắng.

2. — Bị cảm hàn thì sổ mũi, nhức đầu, ho, người ớn lạnh. Bị cảm nắng thì mặt đỏ như, nhức đầu, sốt, khô cổ, chóng mặt.

3. — Khi bị cảm hàn, phải đắp ấm, xoa dầu bạc-hà, nằm chỗ kín gió. Bị cảm nắng, phải nằm chỗ mát, chườm nước đá lên trán, xông hơi nóng. Thuốc cảm thường dùng là át-pi-rin (aspirine), can-min (kalmine).

4. — Muốn đề-phòng cảm, phải thở bằng mũi, mặc đủ ấm, tránh chỗ gió lùa. Đang có mồ-hôi, không nên tắm. Ra nắng phải đội mũ, nón.

CÂU HỎI : Cảm là do những nguyên-nhân nào? Bị cảm hàn thấy thế nào? Bị cảm nắng thấy thế nào? Khi bị cảm hàn phải làm gì? Chứng cảm nắng phải làm gì? Muốn không bị cảm, ta phải làm gì?

8. SÓT.

DÀN BÀI : 1) Nguyên nhân. 2) Bệnh trạng.
3) Cách chữa. 4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1.— Sốt là do sức phản-ứng của cơ-thể chống lại sự xâm-nhập của các vi-trùng. Vì vậy sốt không phải là một bệnh mà chỉ là triệu-chứng mà ta thấy trong nhiều bệnh như : cúm, thương-hàn, sốt rét ngả nước, thủy-đậu...

2. — Bị sốt thì thân-nhiệt tăng, mạch chạy nhanh, người mệt-mỏi, có khi nóng, có khi rét. Mắt đỏ, miệng đắng, kém ăn, mất ngủ, đôi khi mê-sảng. Sốt có thể liên-miễn trong nhiều ngày hoặc từng cơn cách nhật.

3. — Khi bị sốt, phải nhờ bác-sĩ điều-trị, không nên dùng thuốc nhầm. Phải nhịn ăn hoặc chỉ ăn chất lỏng.

4. — Muốn tránh sốt, ta nên theo phép vệ-sinh và giữ gìn thân-thể sạch-sẽ, khoẻ-mạnh.

CÂU HỎI : Do đâu sinh ra sốt ? Khi bị sốt ta thấy thế nào ? Nhà có người sốt, ta phải làm gì ? Làm thế nào để tránh sốt ?



9. — HỌC ÔN

CÂU HỎI :

- Vì sao sinh ra chứng đi rữa ?
- Tại sao khi mắc chứng đi rữa, chỉ nên ăn thứ lỏng ?
- Tại sao khi bị đi rữa, không nên uống thuốc cầm ngay ?
- Vì sao ta bị cảm ?
- Người bị cảm thấy trong mình thế nào ?
- Chữa cảm hàn cách nào ?
- Chữa cảm nắng cách nào ?
- Đề-phòng cảm, phải làm gì ?
- Tại sao sốt không phải là một bệnh ?
- Vì sao khi sốt phải nhịn ăn hay chỉ nên ăn chất lỏng ?



KỶ-SINH-TRÙNG VÀ VI-TRÙNG

10. KỶ-SINH-TRÙNG

DÀN BÀI : 1) Ký-sinh-trùng là gì ?
2) Sự nguy-hại của ký-sinh-trùng.
3) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1.— Ký-sinh-trùng là những sinh-vật sống bám vào cơ-thể người hay loài vật. Có thứ lớn như giun, sán, chấy, rận. Có thứ nhỏ phải dùng kính hiển-vi mới thấy được gọi là vi-trùng.

2.— Ký-sinh-trùng rất nguy-hại vì nó hút chất bổ trong máu ta, lại tiết ra những chất độc làm hại các cơ-quan trong người ta. Vì vậy cơ-thể ta bị hao-mòn, suy-yếu và có thể mắc những bệnh hiểm-nghèo.

3.— Muốn tránh ký-sinh-trùng, ta nên ăn ở theo phép vệ-sinh, giữ-gìn thân-thể sạch-sẽ và khoẻ-mạnh.

CÂU HỎI : Ký-sinh-trùng là gì ? Thứ lớn như gì ? Thứ nhỏ như gì ? Ký-sinh-trùng nguy-hại thế nào ? Muốn tránh ký-sinh-trùng, ta phải làm gì ?



11. — GIUN

DÀN BÀI : 1) Các loại giun. 2) Cách sinh-sản.
3) Bệnh trạng. 4) Cách chữa và đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1 — Giun là một loại ký sinh trùng sống trong ruột người ta. Giun kim nhỏ, dài độ 1cm, sống trong ruột già. Giun đũa dài chừng 25cm, mình tròn, hai đầu nhọn, sống trong ruột non.

2 — Trứng giun theo phân ra ngoài, lẫn với đất hoặc trôi xuống ao. Ăn rau tưới bằng nước ao mà rửa không kỹ, trứng giun sẽ vào ruột và sinh-sản ở đó.

3 — Trẻ con có giun thì bụng ỏng, da xanh, gầy yếu, chậm lớn, đêm ngủ hay giật mình, mê-sảng. Người lớn có giun thì thường ngậm-ngắm đau bụng, hay lợm giọng, buồn nôn, có khi ngứa ở hậu-môn.

4 — Muốn trừ giun thì uống thuốc giun. Đề-phòng giun, phải uống nước đun sôi, rửa rau bằng thuốc tím, ăn thức ăn nấu chín và rửa sạch tay trước khi ăn.

CÂU HỎI : Có mấy thứ giun ? Giun kim thế nào ? Giun đũa thế nào ? Giun sinh-sản cách nào ? Người lớn có giun thì sao ? Trẻ con có giun thì thế nào ? Để-phòng giun phải làm gì ?



12 — SÁN

DÀN BÀI : 1) Các loại sán. 2) Cách sinh-sản.
3) Bệnh trạng. 4) Cách chữa và để-phòng.

TOÁT-YẾU : 1 — Sán cũng là một loại ký-sinh-trùng sống trong ruột người ta. Sán lá nhỏ, dài chừng 1cm. Sán sơ mít giẹp và mỏng, dài tới 10m, có nhiều đốt, đầu có móc bám chặt vào ruột.

2 — Trứng sán theo phân ra ngoài. Lợn bò ăn phải, trứng sẽ nở trong ruột rồi nằm trong thớ thịt như cái kén, gọi là phổi sán. Ăn thịt đó mà không nấu kỹ, phổi sán còn sống theo vào ruột người ta thành ra sán.

3 — Có sán thì người xanh-xao, gầy còm, thường ngâm-ngắm đau bụng, lợm giọng, buồn nôn, đi tiêu phân lỏng có lẫn đốt sán.

4 — Khi có sán phải uống thuốc để tống hết ra, nhất là cái đầu sán bám vào ruột rất chắc. Để-phòng sán phải nấu kỹ thịt bò thịt lợn, không nên ăn nem chua, thịt bò tái.

CÂU HỎI : Có mấy thứ sán ? Sán lá thế nào ? Sán sơ mít thế nào ? Sán sinh-sản cách nào ? Có sán thì người thế nào ? Khi có sán phải làm gì ? Để-phòng sán cách nào ?



13 — CHẤY, RẶN

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân.
2) Sự nguy-hại.
3) Cách trừ chấy, rận.
4) Cách để-phòng chấy, rận.

TOÁT-YẾU : 1 — Những người ở bán thường có chấy, rận, nh t là về mùa rét. Chấy sống bám vào tóc ; rận sống ở quần áo. Chấy, rận đẻ ra trứng. Chúng hút máu người để sống.

2 — Chấy, rận làm ta ngứa ngáy, khó chịu và còn có thể sinh ra bệnh sốt rét định-kỳ.

3 — Muốn trừ chấy, rận, ta phải năng gội đầu bằng bồ-kếp hay xà-phòng và phải nấu quần áo với bồ tát.

4 — Để khỏi có chấy, rận, ta cần tắm gội hằng ngày và phải giặt quần áo luôn.

CÂU HỎI : Chấy, rận do đâu mà sinh ra ? Chấy sống ở đâu ? Rận sống ở đâu ? Chúng đẻ ra gì ? Chấy, rận nguy-hại thế nào ? Trừ chấy, rận cách nào ? Để khỏi có chấy, rận, ta phải làm gì ?



14. — VI-TRÙNG

DÀN BÀI : 1) Hình-thể vi-trùng. 2) Cách sinh-sản.
3) Sự nguy-hại. 4) Cách để-phòng.

TOÁT YẾU : 1. Vi-trùng là những sinh-vật rất nhỏ phải dùng kính hiển-vi mới thấy được. Có thứ cầu trùng hình tròn, trực-trùng hình thẳng, xoắn-trùng hình xoắn, phẩy-trùng hình cong như cái dấu phẩy.

2. Vi-trùng sinh-sản rất giản-dị và rất nhanh. Nếu gặp điều-kiện thuận tiện, mỗi vi trùng chỉ việc đứt làm đôi và cứ như thế nhân lên mãi, trong 10 giờ có thể sinh-sản hơn một triệu con.

3. — Vi-trùng vào cơ-thể ta qua các vết thương hay do bộ máy tiêu-hoá, bộ máy hô-hấp, và sinh ra nhiều bệnh rất nguy-hiểm.

4. — Để-phòng vi-trùng, ta ăn ở theo phép vệ-sinh và năng luyện-tập thân-thể cho khoẻ-mạnh.

CÂU HỎI : Vi-trùng là gì ? Theo hình-thể, có mấy thứ vi-trùng ? Vi-trùng sinh-sản thế nào ? Chúng nguy-hiểm thế nào ? Để-phòng vi-trùng, ta phải làm gì ?

15. — HỌC ÔN

CAU HỎI :

- Ký sinh-trùng là gì ?
- Kể những ký-sinh-trùng mà em biết.
- Có mấy thứ giun?
- Giun nguy-hại thế nào?
- Có mấy thứ sán?
- Sán sinh-sản cách nào?
- Muốn trừ giun, sán, ta phải làm gì ?
- Đề-phòng giun, sán cách nào ?
- Chấy, rận nguy-hại thế nào?
- Làm thế nào để khỏi có chấy, rận?
- Hình-thể các vi-trùng thế nào?
- Tại sao vi trùng vào được cơ-thể ta?
- Vì sao ta phải đề-phòng vi-trùng ? Đề-phòng cách nào?



NHỮNG BỆNH HAY LÂY

16. BỆNH GHỀ

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân.

2) Bệnh-trạng.

3) Cách chữa.

4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Những người ở bẩn thường mắc bệnh ghề. Đó là một bệnh ngoài da do con cái ghề gây ra.

2. — Mụn ghề thường phát ra ở những chỗ da non, nhất là ở kẽ tay, và lan khắp người rất nhanh. Ban đêm cái ghề đục ngăm dưới làn da, khiến người ghề ngứa-ngáy, khó chịu, phải gãi luôn tay. Do đó có khi da bị nung mủ.

3. — Muốn chữa bệnh ghề, ta phải tắm bằng nước nóng và xà-phòng đen. Dùng bàn chải xát mạnh cho cái ghề và trứng bật ra. Rồi bôi thuốc có pha lưu-hoàng vào những chỗ có mụn ghề. Quần áo, mùng, mền phải nấu thật kỹ.

4. — Bệnh ghề rất hay lây. Nên ta phải tránh xa người ghề và chớ dùng đồ dùng của họ. Muốn không bị ghề, hằng ngày ta phải tắm rửa sạch-sẽ và thay quần áo luôn.

CAU HỎI : Bệnh ghề do con gì gây ra? Mụn ghề thường phát ra ở đâu? Tại sao ban đêm người ghề ngứa nhiều? Chữa bệnh ghề cách nào? Đề-phòng bệnh ghề, ta phải làm gì ?

17. ĐAU MẮT THƯỜNG

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân.

2) Bệnh-trạng.

3) Cách chữa.

4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Ta bị đau mắt thường, khi dùng khăn mặt bẩn, dụi tay bẩn lên mắt hoặc để khói, bụi hay gió vào mắt.

2. — Đau mắt thường thì mí mắt sưng, mắt đỏ và nhức, sáng dậy có nhớt, nhìn ra ánh sáng thấy chói, trong mắt rậm như có bụi.

3. — Khi đau mắt thường, hằng ngày phải rửa mắt bằng nước đun sôi pha muối để nguội và nhỏ thuốc đau mắt.

4. — Muốn tránh đau mắt thường, phải rửa mặt bằng nước và khăn sạch; không dụi tay lên mắt; nên đeo kính râm để che bụi và nắng.

CÂU HỎI : Ta bị đau mắt thường trong những trường-hợp nào ? Đau mắt thường thì mắt thế nào ? Khi đau mắt thường, ta phải làm gì ? Để-phòng đau mắt thường cách nào ?



18. — ĐAU MẮT MÙ

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa. 4) Cách để-phòng.

TOÁT-YẾU : 1 — Người mắc bệnh lở, bệnh hoa-liệu, tay giầy mù dụi lên mắt, vi-trùng vào mắt, sinh ra bệnh đau mắt mù.

2 — Chỉ trong vài giờ mắt sưng to, đỏ ngầu, mù rần-rụa. Để quá vài ngày không chữa, mắt sẽ bị mù.

3 — Nhưng nếu nhờ thầy thuốc chữa ngay thì không có gì nguy-hiêm.

4 — Muốn tránh bệnh đau mắt mù, khi có mụn nhọt, nên cẩn thận để vi-trùng khỏi vào mắt ; không nên dụi tay lên mắt ; chớ để ruồi nhặng đậu vào mắt hay vào khăn mặt.

CÂU HỎI : Do đâu mà ra bệnh đau mắt mù ? Khi bị bệnh này thì mắt thế nào ? Bệnh này nguy-hiêm thế nào ? Nếu nhờ thầy thuốc chữa ngay thì sao ? Muốn tránh bệnh đau mắt mù, phải làm gì ?



19. — ĐAU MẮT HỘT

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa. 4) Cách để-phòng.

TOÁT-YẾU : 1 — Bệnh đau mắt hột do một thứ siêu-vi trùng gây ra. Bệnh này truyền đi do nước mắt, như mắt, nước bắn hoặc vì dùng chung khăn mặt với người bệnh.

2 — Mắc bệnh đau mắt hột thì mắt cộm lên, đỏ hoe, nhiều nhử, ngứa ngáy, nước mắt chảy luôn. Dưới mí mắt có những hạt nhỏ càng ngày càng nhiều. Để lâu không chữa, các hạt ấy thành sẹo, co mí mắt lại, sinh ra lông quặm chọc vào mắt, có thể bị lòa hay mù.

3 — Đau mắt hột, muốn trị tuyệt nọc, phải nhờ thầy thuốc chuyên-môn nạo cho hết hột.

4 — Để phòng bệnh đau mắt hột, phải rửa mặt bằng nước và khăn riêng thật sạch, chớ để ruồi nhặng đậu vào mắt.

CÂU HỎI : Bệnh đau mắt hột do thứ vi-trùng gì gây ra ? Bệnh này truyền đi cách nào ? Khi mắc bệnh này thì mắt thế nào ? Chữa bệnh đau mắt hột cách nào ? Để-phòng bệnh đau mắt hột ta phải làm gì ?



20. — HỌC ÔN

- Vì sao mắc bệnh ghê ?
- Chữa bệnh ghê cách nào ?
- Khi bị đau mắt thường, ta chữa thế nào ?
- Thấy mắt thế nào thì biết là đau mắt mù ?
- Bệnh đau mắt mù nguy-hiêm thế nào ?
- Vì sao ở nước ta có nhiều người đau mắt hột ?
- Đau mắt hột khác đau mắt thường và đau mắt mù thế nào ?
- Muốn chữa bệnh đau mắt hột, ta phải làm gì ?
- Để-phòng bệnh đau mắt hột cách nào ?



21. — BỆNH SỞI

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa. 4) Cách để-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Sởi là bệnh trẻ em rất hay lây do một thứ siêu-vi-trùng gây ra, thường phát sinh về mùa lạnh.

2. Mới đầu bệnh-nhân sốt, ho, nhức đầu, sổ mũi, có khi chảy máu cam. Vài hôm sau, mụn sởi mọc ở mặt rồi lan khắp người, người bệnh sốt và ho nhiều hơn, có khi đi rữa nữa. Độ bốn, năm hôm sau, các mụn đỏ tái đi và lặn dần từ mặt.

3. Bị sởi phải nằm phòng riêng, mặc áo kiếng nước, tránh gió, chỉ ăn thức lỏng. Để tránh những biến-chứng như sưng phổi, sưng tai, đau mắt, hằng ngày phải nhỏ thuốc đau mắt. Tai, mũi nhỏ thuốc sát-trùng ; ngực xoa dầu gô-mê-nô-lê.

4. — Để tránh bệnh sởi, không nên gần bệnh-nhân và chớ dùng chung đồ dùng với họ.

CÂU HỎI : Bệnh sởi do thứ vi-trùng gì gây ra ? Bệnh-trạng ra sao ? Khi mắc bệnh sởi, phải làm gì ? Để-phòng bệnh sởi cách nào ?

22. — BỆNH ĐẬU MÙA.

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa. 4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1 — Đậu mùa là bệnh rất hay lây do một thứ siêu-vi-trùng gây ra, thường phát-sinh về mùa lạnh.

2. — Thoạt tiên, bệnh-nhân lên cơn rét dữ-dội, nhức đầu, đau lưng, sổ mũi, ho, chảy máu cam, nôn ọe. Rồi mụn mọc lên ở mặt và lan ra khắp người, lúc đầu đỏ, sau mọng nước và nung mủ. Dần dần mụn xẹp xuống, thâm lại, đóng thành vảy. Vảy rụng đi, để lại những sẹo gọi là nốt rỗ. Bệnh đậu có nhiều biến-chứng như chột mắt, mù mắt, sưng phổi, thối tai.

3. — Bệnh-nhân phải nằm riêng, ăn toàn chất lỏng; mắt, mũi, tai, miệng phải nhỏ thuốc sát trùng.

4. — Để tránh bệnh đậu mùa, mỗi năm cần chủng đậu một lần. Không nên đứng gần người bệnh. Quần áo, mùng, mền của bệnh nhân phải tẩy uế cẩn thận.

CÂU HỎI : Bệnh đậu mùa do vi trùng sinh ra ? Bệnh-trạng thế nào ? Khi mắc bệnh đậu mùa, phải làm gì ? Để phòng bệnh đậu mùa cách nào ?

23. BỆNH KIẾT-LY

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa. 4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Bệnh kiết-ly gây ra bởi vi-trùng a-míp (amibe) có rất nhiều trong phân người bệnh. Bệnh này do ruồi nhặng truyền đi.

2. — Bị kiết-ly thì bụng quặn đau, đi ngoài nhiều lần ra một chất nhầy có lẫn máu. Bệnh-nhân khát nước, người mệt-mỏi, gầy xẹp đi, kiệt sức rất mau. Bệnh kiết-ly có nhiều biến-chứng như : sưng gan, thủng ruột, đau nhức gân cốt :

3. — Bệnh-nhân cần chích thuốc ê-mê-tin và ăn chất lỏng. Khi bệnh giảm vẫn phải kiêng thịt, mỡ, trứng.

4. — Đề-phòng bệnh kiết-ly, chớ nên uống nước lã, ăn rau sống, quả xanh và quả nhám. Thức ăn phải nấu kỹ và đậy kín. Đồ dùng của bệnh-nhân phải rửa bằng nước sôi, thùng phân rắc vôi bột và đậy nắp.

CÂU HỎI : Bệnh kiết-ly do vi-trùng gì gây ra ? Bệnh-trạng thế nào ? Có những biến-chứng gì ? Chữa bệnh kiết-ly cách nào ? Để-phòng bệnh kiết-ly, ta phải làm gì ?

24. — HỌC ÔN

CÂU HỎI .

- Khi mắc bệnh sởi thì người thế nào ?
- Nhà có trẻ mắc bệnh sởi ta phải làm gì ?
- Làm cách nào để tránh bệnh sởi ?
- Bệnh đậu mùa khác bệnh sởi thế nào ?
- Muốn tránh bệnh đậu mùa, ta phải làm gì ?
- Bệnh đậu mùa có những biến-chứng gì ? Tránh những biến-chứng ấy cách nào ?
- Bệnh kiết-ly truyền đi cách nào ?
- Khi mắc bệnh này thì thấy người thế nào ?
- Bệnh kiết-ly nguy-hiêm thế nào ?
- Muốn tránh bệnh này, ta phải làm gì ?

25. — BỆNH DỊCH-TÀ

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 2) Bệnh-trạng.
3) Cách chữa. 4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1. — Dịch-tà là bệnh truyền-nhiễm rất nguy-hiêm gây ra bởi một thứ phẩy-trùng có rất nhiều trong phân người bệnh và trong nước hồ, ao. Bệnh này truyền đi do ruồi, nhặng.

2. — Bệnh-nhân đau bụng, đi tiêu nhiều lần, phân lỏng lớn-nhón những hạt trắng như hạt gạo. Miệng nôn mửa, khát nước, mắt sâu, má hóp, chân tay lạnh, người xẹp đi, bí tiểu-tiên, khàn tiếng, kiệt sức rất mau. Không chữa kịp, chỉ vài ngày là chết, có khi chỉ vài giờ.

3. — Người bệnh cần uống thuốc trừ tà, xoa dầu, ủ nước nóng, nhịn ăn. Nên uống cà-phê pha rượu mạnh và nước gạo rang. Tốt nhất là chờ ngay đi nhà thương.

4. — Muốn tránh dịch-tà, cần chích thuốc phòng-ngừa, trừ ruồi nhặng, ăn uống giữ vệ-sinh. Nhà có người bệnh, phải để nằm riêng; thùng phân có chất sát-trùng và đậy kín. Khi khỏi bệnh, phải tẩy-uế nhà cửa, giường nằm và quần áo, mùng, mền.

CÂU HỎI. Bệnh dịch tả do vi-trùng gì gây ra? Bệnh trạng thế nào? Khi bị dịch-tả, phải làm gì? Đề-phòng bệnh này cách nào?



26.— BỆNH DỊCH-HẠCH

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 3) Cách chữa.
2) Bệnh-trạng. 4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1.— Dịch-hạch là bệnh truyền-nhiễm lan rất nhanh, gây ra bởi vi-trùng Jéc-xanh (Yersin) và do giống chuột truyền đi.

2.— Bệnh-nhân lên cơn sốt dữ-dội, mê-sảng, mắt đỏ, nhức đầu, chóng mặt, nôn mửa hoặc đi rữa, lưng và chân tay đau nhức. Ở háng, nách và cổ nổi lên những hạch có mủ và vi-trùng. Bệnh-nhân có thể chết trong 24 hay 36 giờ. Có hai chứng rất nguy-hiêm: « dịch-hạch đen », da nổi lên những điểm đen; « dịch-hạch phổi », ho và khạc ra đờm lẫn máu.

3.— Dịch-hạch chưa có thuốc chữa. Bị bệnh này, phải chờ ngay vào nhà thương để chích thuốc ngừa. Người bệnh phải nằm riêng, đắp khăn lạnh lên trán, ăn thực dễ tiêu.

4.— Muốn tránh bệnh dịch-hạch, phải diệt chuột, chích thuốc ngừa và chớ gần bệnh-nhân.

CÂU HỎI : Dịch-hạch do vi-trùng gì gây ra? Truyền đi bởi giống gì? Mắc bệnh này thì có những triệu-chứng gì? Có 2 chứng dịch-hạch gì nguy-hiêm? Cách chữa dịch-hạch thế nào? Đề-phòng thế nào?



27.— BỆNH SỐT RÉT

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 3) Cách chữa.
2) Bệnh-trạng. 4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU : 1.— Bệnh sốt rét do ký-sinh-trùng La-vơ-răng (Laveran) gây ra và do muỗi a-nô-phen truyền đi. Muỗi này khi đậu thì đuôi chổng ngược lên.

2.— Bệnh-nhân lên cơn hàng ngày hay cách-nhật.

Thoạt tiên, người rét run cầm-cắp, rồi nóng đến 40°, mê-sảng, miệng khô, đầu nhức. Cất cơn, mồ-hôi đầm-đìa, người mệt lử, chân tay rã-rời. Mắc bệnh sốt rét thì bụng ỏng, người xanh-xao, gầy mòn vì hồng-huyết-cầu bị phá-hoại. Để lâu, lá lách sẽ bị sưng, có khi đi tiểu ra máu rồi chết.

3.— Muốn trị bệnh sốt rét thì uống hay chích thuốc ký-ninh.

4.— Để tránh bệnh này, phải nằm màn, uống thuốc ký-ninh vàng ngừa bệnh, xịt thuốc DDT trừ muỗi và đổ dầu hôi trên những chỗ nước tù-hãm diệt bọ gậy.

CÂU HỎI : Vi-trùng gây ra bệnh sốt rét là gì? Giống gì truyền bệnh đi? Khi mắc bệnh này thì người thế nào? Mắc bệnh này phải làm gì? Đề-phòng bệnh này cách nào?



28 — HỌC ÔN

CÂU HỎI:

- Bệnh dịch-tả do vi-trùng nào gây ra và truyền đi cách nào?
- Bệnh-trạng thế nào?
- Mắc bệnh dịch-tả, chữa cách nào? Đề-phòng cách nào?
- Vi-trùng nào gây ra bệnh dịch-hạch? Giống gì truyền bệnh?
- Khi mắc bệnh này, bệnh-nhân thế nào?
- Khi có người mắc bệnh này, ta phải làm gì?
- Làm thế nào để tránh bệnh này?
- Bệnh sốt rét do vi-trùng gì gây ra?
- Muỗi a-nô-phen khác muỗi thường thế nào?
- Triệu-chứng bệnh sốt rét thế nào?
- Đề-phòng bệnh sốt rét, ta phải làm gì?



29 — BỆNH HO LAO

DÀN BÀI : 1) Nguyên-nhân. 3) Cách chữa.
2) Bệnh-trạng. 4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU: — 1. Ho lao là bệnh hay lây gây ra bởi vi-trùng Koch có nhiều trong đờm người bệnh và sống rất dai.

2. — Lúc mới mắc bệnh, thì thường ho khan, hay sốt về chiều, đêm ngủ ra mồ hôi trộm. Không chữa, phổi sẽ thối nát từng chỗ. Bệnh nhân sút cân, ho nhiều, khạc ra đờm xanh có lẫn mủ, máu. Rồi phổi bị thủng, người bệnh khàn tiếng, khó thở, tim yếu, kiệt sức rồi chết.

3. — Bệnh ho lao chữa sớm có thể khỏi được. Cần tinh dưỡng ở nơi mát-mẻ, thoáng dăng, trong sạch; ăn uống tám bổ.

4. — Muốn tránh bệnh ho lao, phải giữ vệ-sinh, bồi dưỡng sức khỏe, làm việc điều-độ, ở nơi thoáng khí. Chớ gần người ho lao, chớ dùng đồ dùng của họ. Trẻ con nên chích thuốc BCG.

CÂU HỎI: Bệnh ho lao do vi-trùng gì gây ra? Bệnh-trạng thế nào? Khi mắc bệnh ho lao phải làm gì? Đề-phòng bệnh này cách nào?



30 — BỆNH THƯƠNG-HÀN

DÀN BÀI: 1) Nguyên-nhân.
2) Bệnh-trạng.

3) Cách chữa.
4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU: 1. — Bệnh thương-hàn gây ra bởi vi-trùng Ê-be (Eberth) có nhiều trong phân người bệnh. Bệnh này truyền đi do ruồi nhặng, trai, sò, nước sông, nước ao và thức ăn nấu không kỹ.

2. — Lúc đầu, bệnh-nhân chỉ hơi sốt và mệt. Sau sốt tới 40° , mê sảng, đi rữa luôn, tiểu tiện ít. Ngoài 20 ngày nếu đỡ thì nhiệt độ trở lại bình-thường, đi giải nhiều. Bệnh thương-hàn có nhiều biến-chứng: thủng ruột, sưng màng óc, sưng phổi, đau gan, đau tim, điếc...

3. — Bệnh-nhân phải nằm phòng riêng, cần chườm nước đá, chỉ được ăn chất lỏng và nên súc miệng bằng thuốc sát trùng.

4. — Để tránh bệnh thương-hàn, phải chích thuốc ngừa, chớ uống nước lã và ăn rau sống, quả xanh.

CÂU HỎI: Vi-trùng nào gây ra bệnh thương-hàn? Bệnh này có những triệu-chứng gì? Khi mắc bệnh này phải làm gì? Làm thế nào để tránh bệnh này?

31 — BỆNH CHÓ DẠI

DÀN BÀI: 1) Nguyên-nhân.
2) Bệnh-trạng.

3) Cách chữa.
4) Cách đề-phòng.

TOÁT-YẾU: 1. — Bệnh chó dại gây ra bởi một thứ siêu-vi-trùng có nhiều trong rớt dãi chó, mèo... bị bệnh dại. Khi bị chó dại cắn, vi-trùng qua vết thương và theo dây thần-kinh lên óc.

2. — Sau 2 tuần-lễ hay 2 tháng, bệnh mới phát ra. Bệnh-nhân sốt nhiều, nôn mửa, sợ gió, nước, ánh sáng và tiếng động mạnh. Mỗi khi lên cơn thì sùi bọt mép, chân tay co quắp, gào thét, cấu xé như người điên, chỉ vài hôm là chết, không chữa được nữa.

3. — Khi bị chó dại cắn phải bóp nặn và rửa vết thương bằng thuốc sát-trùng. Rồi chớ ngay nạn nhân đến viện Pát-tơ chích thuốc ngừa để bệnh khỏi phát ra.

4. — Muốn đề-phòng bệnh chó dại, phải tránh chó chạy rông ngoài đường. Chớ đi chân không để khỏi giẫm lên nước dãi chó dại. Nuôi chó phải xích và buộc rọ vào mồm.

CÂU HỎI: Bệnh chó dại do vi-trùng nào gây ra? Bị chó dại cắn thì sau bao lâu bệnh phát ra? Bệnh-nhân thế nào? Khi bị chó dại cắn, phải làm gì? Làm thế nào để tránh bệnh chó dại?



32 — BÀI-TRỪ CÁCH DÙNG THUỐC NHÂM

DÀN BÀI: 1) Khi ốm, phải nhờ thầy thuốc chữa.
2) Tránh mê-tín và chớ dùng thuốc nhâm.

TOÁT-YẾU: 1 — Bệnh do vi-trùng gây ra và mỗi bệnh có nguyên-nhân, triệu-chứng khác nhau. Chỉ có thầy thuốc mới biết định bệnh và chỉ dẫn cho ta những thuốc cần dùng. Vậy mỗi khi có người ốm, ta phải tìm lương-y chữa trị.

2 — Đừng vội tin bà con mách thuốc. Đừng nhờ cậy các ông thầy vườn. Đừng mê-tín cúng, bói. Đừng dùng tàn hương, nước thải và các thứ thuốc mà bệnh sẽ tăng thêm, khi đưa bệnh-nhân đến nhà thương hay y-sĩ thì đã muộn rồi.

CÂU HỎI: Khi ốm ta phải nhờ ai chữa? Tại sao? Nhờ những ông thầy vườn điều-trị thì nguy-hiểm thế nào? Vì sao nhà có người ốm không nên cúng, bói và dùng thuốc nhâm?

33 — HỌC ÔN

CÂU HỎI :

- Những người thế nào dễ mắc bệnh ho lao ?
- Bệnh này lây từ người nọ sang người kia thế nào ?
- Làm thế nào để tránh bệnh ho lao ?
- Bệnh thương-hàn truyền-nhiễm cách nào ?
- Bệnh này có những triệu-chứng gì ?
- Khi mắc bệnh này, phải làm gì ?
- Trong sốt dài chớ đại có gì ?
- Khi bị chớ đại cần thì vi-trùng tác-hại thế nào ?
- Khi bệnh phát thì bệnh-nhân thế nào ?
- Bị chớ đại cần thì phải làm gì ?
- Đề-phòng bệnh chớ đại cách nào ?
- Tại sao không nên dùng thuốc nhầm ?



SỐ - HỌC

- I. — Đặc-tính chia chẵn số
- II. — Phân-số
- III. — Tập-số
- IV. — Quy-tắc tam-suất
- V. — Tính bách-phân
- VI. — Chia tỷ-lệ

THUỐC HAY HONG

44 45.

ĐẶC-TÍNH CHIA CHẴN SỐ

1 - THẾ NÀO LÀ CHIA CHẴN SỐ

Thí-dụ : $45\$: 5 = 9\$$ $56^m : 7 = 8^m$.

GHI NHỚ : Một số chia cho số khác được vừa chẵn không dư, ta nói là chia chẵn số.

TÍNH TRĂM

Cộng 2 số có 2 con số

Thí-dụ : a) $46\$ + 37\$$ ($37\$ = 30\$ + 7\$$)

Cách tính : $\begin{cases} 46\$ + 30\$ = 76\$ \\ 76\$ + 7\$ = 83\$ \end{cases}$

b) $85\text{kg} + 48\text{kg}$ ($48\text{kg} = 50\text{kg} - 2\text{kg}$)

Cách tính : $\begin{cases} 85\text{kg} + 50\text{kg} = 135\text{kg} \\ 135\text{kg} - 2\text{kg} = 133\text{kg} \end{cases}$

GHI NHỚ : Muốn cộng 2 số có 2 con số, ta làm tròn một trong 2 số bằng cách bớt hay thêm đơn-vị, rồi cộng như thường ; nhưng sau phải cộng thêm với số đơn-vị đã bớt, hoặc trừ đi số đơn-vị đã thêm.

2 - CHIA CHẴN CHO 2

Thí-dụ : a) $34l : 2 = 17l$

b) $260\$: 2 = 130\$$

GHI NHỚ : Một số chia chẵn cho 2 khi nó tận-cùng bằng số chẵn hay số 0.

Về toàn-đổ Số-học, xin tham-khảo Tự-luyện Toán-đố của Đặng-đuy-Chiêu do Sông Mới xuất-bản.

TÍNH TRĂM

Trừ những số có 2 con số

Thí-dụ : a) $60\text{gà} - 28\text{gà}$ ($28\text{gà} = 30\text{gà} - 2\text{gà}$)

Cách tính : $\begin{cases} 60\text{gà} - 30\text{gà} = 30\text{gà} \\ 30\text{gà} + 2\text{gà} = 32\text{gà} \end{cases}$

b) $85\text{bi} - 43\text{bi}$ ($43\text{bi} = 40\text{bi} + 3\text{bi}$)

Cách tính : $\begin{cases} 85\text{bi} - 40\text{bi} = 45\text{bi} \\ 45\text{bi} - 3\text{bi} = 42\text{bi} \end{cases}$

GHI NHỚ : Muốn trừ hai số có 2 con số, ta làm tròn số nhỏ bằng cách thêm hay bớt đơn-vị, rồi trừ như thường ; nhưng sau ta phải cộng với số đơn-vị đã thêm, hoặc trừ đi số đơn-vị đã bớt.

**3.- CHIA CHẴN CHO 5**

Thí-dụ : $95\text{m} : 5 = 19\text{m}$

$160l : 5 = 32$

GHI NHỚ : Một số chia chẵn cho 5 khi tận-cùng bằng số 5 hay số 0.

TÍNH TRĂM

Trừ số phân với số nguyên

Thí-dụ : $82\text{kg}, 35 - 34\text{kg}$

Cách tính : $\begin{cases} 82\text{kg} - 34\text{kg} = 48\text{kg} \\ 48\text{kg} + 0\text{kg}, 35 = 48\text{kg}, 35 \end{cases}$

GHI NHỚ : Muốn trừ số phân với số nguyên, ta trừ 2 số nguyên với nhau được bao nhiêu ta cộng với số phân.

4 - CHIA CHẴN CHO 4

Thí-dụ : $216\$: 4 = 54\$$

$1500l : 4 = 375l$

GHI NHỚ : Một số chia hẳn cho 4, khi 2 con số tận-cùng hợp thành một số chia hẳn cho 4 hoặc là hai con số 0.

TÍNH TRỪ

Trừ số phân với số phân

Thí dụ : $85\text{ m}, 40 - 29\text{ m}, 75$

$$\begin{aligned} & \left\{ \begin{array}{l} 29\text{ m}, 75 + 0\text{ m}, 25 = 30\text{ m} \\ 85\text{ m}, 40 - 30\text{ m}, = 55\text{ m}, 40 \\ 55\text{ m}, 40 + 0\text{ m}, 25 = 55\text{ m}, 65 \end{array} \right. \end{aligned}$$

GHI NHỚ : Muốn trừ số phân với số phân, ta thêm một số phân thích-hợp vào số nhỏ cho thành số nguyên, rồi trừ như trừ số phân với số nguyên ; nhưng sau ta phải cộng hiệu-số với số phân đã thêm.



5 - CHIA CHẴN CHO 25

Thí dụ : $575\text{ \$} : 25 = 35\text{ \$}$
 $1700\text{ m} : 25 = 68\text{ m}$

GHI NHỚ : Một số chia hẳn cho 25, khi hai con số tận-cùng hợp thành một số chia hẳn cho 25 hoặc là hai con số 0.

TÍNH TRỪ

Tính nhân số nguyên : số nhân có 1 con số

Thí-dụ : $57\text{ kg} \times 6$

Cách tính :

$$\begin{aligned} \text{a) } & \left\{ \begin{array}{l} 50\text{kg} \times 6 = 310\text{kg} \\ 7\text{kg} \times 6 = 42\text{kg} \\ 300\text{kg} + 12\text{kg} = 342\text{kg} \end{array} \right\} 57\text{kg} = 50\text{kg} + 7\text{kg}. \\ \text{b) } & \left\{ \begin{array}{l} 60\text{kg} \times 6 = 360\text{kg} \\ 3\text{kg} \times 6 = 18\text{kg} \\ 360\text{kg} - 18\text{kg} = 342\text{kg} \end{array} \right\} 57\text{kg} = 60\text{kg} - 3\text{kg}. \end{aligned}$$

GHI NHỚ : Muốn nhân số nguyên với số nguyên, khi số nhân có 1 con số :

a) Ta nhân riêng hàng chục và nhân riêng đơn-vị rồi cộng cả lại ;

b) Hoặc ta làm tròn số bị nhân : ta nhân số nhân với số bị nhân đã làm tròn, rồi nhân số nhân với số thêm vào số bị nhân cho thành tròn ; sau cùng ta trừ hai tích-số với nhau.



6 - CHIA CHẴN CHO 3

Thí-dụ : $234\text{ \$} : 3 = 39\text{ \$}$

Nhận-xét : 254 do các số 2, 3, 4 hợp thành: tổng-số những con số ấy là : $2+3+4=9$; 9 chia hẳn cho 3.

GHI NHỚ : Một số chia hẳn cho 3, khi tổng-số những con số của nó chia hẳn cho 3.

TÍNH TRỪ

Nhân một số với 5

Thí-dụ : $48\text{ m} \times 5$

Cách tính :

5 là một nửa của 10.

$$\text{Vậy } 48\text{ m} \times 5 = \frac{48\text{ m} \times 10}{2} = 240\text{ m}.$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 5, ta nhân số ấy với 10 rồi chia cho 2.



7 - CHIA CHẴN CHO 6

Thí-dụ : $714\text{ kg} : 6 = 119\text{ kg}$

Nhận-xét : 714 tận-cùng bằng số chẵn, vậy 714 chia hẳn cho 2. Tổng-số những con số của 714 là $7+1+4=12$; 12 chia hẳn cho 3. Số 714 vừa chia hẳn cho 2, vừa chia hẳn cho 3.

GHI NHỚ : Một số chia hẳn cho 6, khi nó vừa chia hẳn cho 2, vừa chia hẳn cho 3



TÍNH TRĂM

Nhân một số với 50

Thí-dụ: 641×50

Cách tính: 50 là một nửa của 100
 Vậy $641 \times 50 = \frac{641 \times 100}{2} = 32001$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 50, ta nhân số ấy với 100, rồi chia cho 2.



8 - CHIA CHẴN CHO 9

Thí-dụ: $8154 : 9 = 906$

Nhận-xét: 8.154 do các con số 8, 1, 5, 4 hợp thành; tổng số những con số ấy là: $8 + 1 + 5 + 4 = 18$
 18 chia hẳn cho 9.

GHI NHỚ : Một số chia hẳn cho 9, khi tổng số những con số của nó chia hẳn cho 9.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 500

Thí-dụ: 562×500

Cách tính: 500 là một nửa của 1000.

Vậy $562 \times 500 = \frac{562 \times 1000}{2} = 281.000$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 500, ta nhân số ấy với 1000 rồi chia cho 2.



9 - HỌC ÔN

Đặc-tính chia hẳn số. Chia hẳn cho 2, cho 5, cho 4, cho 25, cho 3, cho 6, cho 9.

Tính trăm: Cộng 2 số có 2 con số, nhân một số với 5, 50, 500



CHƯƠNG II

PHÂN - SỐ

10. - ĐẠI-Y VỀ PHÂN-SỐ

Thí-dụ: Chia một cái bánh làm 5 phần đều nhau. Ăn một phần tức một phần năm cái bánh: $\frac{1}{5}$. Ăn ba phần tức ba phần năm cái bánh

$\frac{3}{5}$. Cái bánh là đơn-vị, cũng như quả cam, tấm vải, số tiền, v.v...
 $\frac{1}{5}$ và $\frac{3}{5}$ gọi là phân-số. 1 và 3 là tử số, 5 là mẫu số.

GHI NHỚ : Phân-số là một hay nhiều phần đều nhau của đơn-vị. Phân số có 2 số-hạng : tử-số và mẫu-số, Mẫu-số chỉ số phần đều nhau mà đơn-vị đã được chia ra. Tử số chỉ số phần người ta lấy.

TÍNH TRĂM

Lấy phân nửa.

Thí-dụ : 75m : 2

Cách tính : 75m = 70m + 5m

70m : 2 = 35m

5m : 2 = 2m, 50

35m + 2m, 50 = 37m, 50

GHI NHỚ : Muốn lấy phân nửa một số, ta lấy số chẵn chục chia cho 2, rồi lấy phần lẻ chia cho 2, sau đó cộng hai số thành với nhau.



11. - PHÂN-SỐ THẬP-PHÂN

Thí-dụ : $\frac{3}{10}$ số tiền, $\frac{7}{100}$ tấm vải, $\frac{21}{1000}$ tiền lương.

GHI NHỚ : Khi đơn-vị chia làm 10, 100 hay 1000 phần đều nhau thì phân-số gọi là phân-số thập phân. Phân-số thập phân có mẫu-số 10, 100, 1000.

Đổi phân-số thập-phân ra số thập-phân và ngược lại.

Thí-dụ : a) $\frac{3}{10} = 0,3$; $\frac{7}{100} = 0,07$; $\frac{21}{1000} = 0,021$

b) $0,9 = \frac{9}{10}$; $0,15 = \frac{15}{100}$; $2,532 = \frac{2532}{1000}$

GHI NHỚ a) Muốn đổi phân-số thập-phân ra số thập-phân thì chia tử số cho mẫu-số.

b) Muốn đổi số thập-phân ra phân-số thập-phân, thì lấy phần thập-phân (bỏ dấu phẩy) làm tử-số; nếu phần thập-phân có 1 con số thì mẫu-số là 10, có 2 con số thì mẫu-số là 100, có 3 con số thì mẫu-số là 1000.

TÍNH TRĂM

Lấy một phần ba

Thí-dụ : 73m : 3

Nhận-xét : Chia cho 3 thì số dư bao giờ cũng là 1 hay 2. Và phần lẻ của thương-số tất-nhiên là :

$1:3 = 0,33$; $2:3 = 0,66$.

Cách tính : 73m = 60m + 13m

60m : 3 = 20m

13m : 3 = 4 (thừa 1m)

1m : 3 = 0,33m

20m + 4m + 0,33m = 24,33m



12. - PHÂN-SỐ-THỨC

Thí-dụ : 15m $\frac{3}{4}$, 23l $\frac{5}{6}$, 9kg $\frac{1}{5}$.

GHI NHỚ : Phân-số thức là phân-số có số nguyên đứng trước.

Đổi phân-số-thức ra phân-số và ngược lại

Thí-dụ : a) $15\text{m} \frac{3}{4} = \frac{(15 \times 4) + 3}{4} = \frac{63}{4}\text{m}.$

b) $\frac{53}{6} \text{ l} = 53 \text{ l} : 6 = 8 \text{ l} (\text{thừa } 5)$
 $= 8 \frac{5}{6}$

GHI NHỚ : a) Muốn đổi phân-số-thức ra phân-số thì nhân số nguyên với mẫu-số, được bao nhiêu cộng với tử-số ; mẫu-số vẫn giữ nguyên.

b) Muốn đổi phân-số ra phân-số-thức thì chia tử-số cho mẫu-số, được bao nhiêu lần là bấy nhiêu đơn-vị ; số còn dư là tử-số, mẫu-số vẫn giữ nguyên.

TÍNH TRĂM

Lấy một phần tư

Thí-dụ : $95\$: 4$

NHẬN XÉT : Chia cho 4 thì số dư bao giờ cũng là 1, 2 hoặc 3. Vậy phần lẻ của số thương tất-nhiên là : $1 : 4 = 0, 25 ; 2 : 4 = 0, 50 ; 3 : 4 = 0, 75.$

Cách tính : $95\$ = 80\$ + 15\$$

$80\$: 4 = 20\$$

$15\$: 4 = 3\$ (\text{thừa } 3\$)$

$3\$: 4 = 0\$, 75$

$20\$ + 3\$ + 0\$, 75 = 23\$, 75$

*

13 — SO-SÁNH PHÂN-SỐ VỚI ĐƠN VỊ

Thí-dụ : Có hai quả cam to bằng nhau, chia mỗi quả làm 5 miếng đều nhau. Lấy 2 miếng thì có phân-số $\frac{2}{5}$ nhỏ hơn đơn-vị.

Lấy 5 miếng, tức cả quả cam, thì có phân-số $\frac{5}{5}$ bằng đơn vị. Lấy

8 miếng tức lấy hết quả cam thứ nhất, lại lấy thêm 5 miếng của quả cam thứ nhì, thì có phân-số $\frac{8}{5}$ to hơn đơn-vị.

GHI NHỚ : a) Phân-số nhỏ hơn đơn-vị khi tử-số nhỏ hơn mẫu-số.

b) Phân-số bằng đơn-vị khi tử-số bằng mẫu-số.

c) Phân-số lớn hơn đơn-vị khi tử-số lớn hơn mẫu-số.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 5

Thí-dụ : $62\text{m} : 5$

Cách tính : 5 là một nửa của 10.

Vậy $62\text{m} : 5 = \frac{62\text{m}}{10} \times 2 = 12\text{m}, 4$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 5, ta chia số ấy cho 10, rồi nhân với 2.

14 — SO-SÁNH PHÂN-SỐ

Thí-dụ : Một mảnh vải dài 9 m, nếu lấy 2 m thì có phân-số $\frac{2}{9}$

mảnh vải. Nếu lấy 5 m thì có phân-số $\frac{5}{9}$ mảnh vải. 5 m nhiều

hơn 2 m, vậy phân-số $\frac{5}{9}$ lớn hơn phân-số $\frac{2}{9}$.

GHI NHỚ : Nếu mẫu-số bằng nhau, thì phân-số nào có tử-số lớn là phân-số ấy lớn.

Thí-dụ 2 : Hai cái bánh bằng nhau. Chia cái thứ nhất làm 4 phần đều nhau, lấy 3 phần thì có phân-số $\frac{3}{4}$ cái bánh. Chia cái

thứ hai làm 7 phần đều nhau, lấy 3 phần thì có phân-số $\frac{3}{7}$ cái

bánh. Phần bánh thứ nhất to hơn phần bánh thứ nhì : phân-số $\frac{3}{4}$ to hơn phân-số $\frac{3}{7}$.

GHI NHỚ : Nếu tử-số bằng nhau, thì phân-số nào có mẫu-số nhỏ là phân-số ấy lớn.

TÍNH TRỪ

Chia một số cho 50

Thí-dụ : $786m : 50$

Cách tính : 50 là một nửa của 100

$$\text{Vậy } 786m : 50 = \frac{786m}{100} \times 2 = 15m. 72.$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 50, ta chia số ấy cho 100, rồi nhân với 2.

15.— ĐẶC-TÍNH CỦA PHÂN-SỐ

Thí-dụ : Chia một quả cam làm 2 phần đều nhau và lấy 1 phần thì có phân-số $\frac{1}{2}$ quả cam, tức nửa quả cam. Nếu chia làm 4 phần đều nhau và lấy 2 phần thì có phân-số $\frac{2}{4}$ quả cam cũng là nửa quả cam. Vậy $\frac{1}{2} = \frac{2}{4}$

Nhận-xét : $\frac{2}{4} = \frac{1 \times 2}{2 \times 2}$ và $\frac{1}{2} = \frac{2:2}{4:2}$

GHI NHỚ : Khi nhân hay chia hai số-hạng của một phân-số với cùng một con số, trị-số của phân-số ấy không thay đổi.

TÍNH TRỪ

Chia một số cho 500

Thí-dụ : $786m : 500$

Cách-tính : 500 là một nửa của 1000.

$$\text{Vậy } 786m : 500 = \frac{786m}{1000} \times 2 = 1m.572$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 500, ta chia số ấy cho 1000 rồi nhân với 2

16.— ĐƠN GIẢN PHÂN-SỐ

Thí-dụ : Phân-số $\frac{25}{125}$ có tử-số và mẫu-số lớn. Ta có thể rút nhỏ những số-hạng của phân-số ấy lại mà trị-số không thay đổi. Muốn thế, ta chia tử-số và mẫu-số cho cùng một con số : $\frac{25:25}{125:25} = \frac{1}{5}$. Thế là ta đã đơn-giản phân-số $\frac{25}{125}$ thành : $\frac{25}{125} = \frac{1}{5}$

GHI NHỚ : Đơn-giản phân-số là làm cho 2 số-hạng của phân-số ấy nhỏ hơn mà trị-số không thay đổi.

Muốn đơn-giản phân-số, ta chia tử-số và mẫu-số cho cùng một con số.

TÍNH TRỪ

Nhân một số với 2,5

Thí-dụ : $32m \times 2,5$

Cách-tính : 2,5 là $\frac{1}{4}$ của 10.

$$\text{Vậy } 32m \times 2,5 = \frac{32m \times 10}{4} = 80m$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 2,5 thì nhân số ấy với 10 rồi lấy một phần tư.

17.— ĐỒNG-HÓA MẪU-SỐ

trường-hợp 2 phân-số

Thí-dụ : $\frac{3}{5}$ và $\frac{4}{7}$

Nhân 2 số-hạng của phân-số thứ nhất với mẫu-số của phân-số

thứ nhì : $\frac{3 \times 7}{5 \times 7} = \frac{21}{35}$

Nhân 2 số-hạng của phân-số thứ nhì với mẫu-số của phân-số

thứ nhất : $\frac{4 \times 5}{7 \times 5} = \frac{20}{35}$

GHI NHỚ : Đồng-hóa mẫu-số các phân-số là làm cho những phân-số ấy có mẫu-số chung mà trị-số không thay đổi.

Muốn đồng-hóa mẫu-số 2 phân-số thì nhân hai hạng của phân-số nọ với mẫu-số của phân-số kia.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 25

Thí-dụ : $148\$ \times 25$ Cách tính : 25 là $\frac{1}{4}$ của 100

$$\text{Vậy } 148\$ \times 25 = \frac{148\$ \times 100}{4} = 3.700\$$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 25, ta nhân số ấy với 100 rồi lấy một phần tư.

18.— ĐỒNG-HÓA MẪU-SỐ (tiếp theo)

Trường-hợp nhiều phân-số

Thí-dụ : $\frac{1}{2}$, $\frac{3}{5}$ và $\frac{4}{7}$

Nhân 2 số-hạng của mỗi phân-số với mẫu-số của các phân-số khác :

$$\frac{1 \times 5 \times 7}{2 \times 5 \times 7} = \frac{35}{70}; \frac{3 \times 2 \times 7}{5 \times 2 \times 7} = \frac{42}{70}; \frac{4 \times 2 \times 5}{7 \times 2 \times 5} = \frac{40}{70}$$

GHI NHỚ : Muốn đồng-hóa mẫu-số nhiều phân-số thì nhân hai số hạng của mỗi phân-số với mẫu-số của những phân-số khác.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 250

Thí-dụ : $94 \text{ kg} \times 250$ Cách tính : 250 là $\frac{1}{4}$ của 1000

$$\text{Vậy } 94 \text{ kg} \times 250 = \frac{94 \text{ kg} \times 1000}{4} = 23.500 \text{ kg}$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 250, ta nhân số ấy với 1000 rồi lấy một phần tư.

19.— ĐỒNG-HÓA MẪU-SỐ (tiếp theo)

Trường-hợp đặc-biệt 1 : Mẫu-số lớn là

bội-số của mẫu-số nhỏ

Thí-dụ : $\frac{1}{3}$, $\frac{2}{5}$ và $\frac{7}{15}$ 15 chia chẵn cho 3 và cho 5 : vậy

mẫu-số 15 là bội-số của các mẫu-số nhỏ : 3 và 5. Ta lấy 15 làm mẫu-số chung.

$$15 \text{ chia cho } 3 \text{ được } 5 \text{ lần, ta nhân } \frac{1}{3} \text{ với } 5 : \frac{1 \times 5}{3 \times 5} = \frac{5}{15}$$

$$15 \text{ chia cho } 5 \text{ được } 3 \text{ lần, ta nhân } \frac{2}{5} \text{ với } 3 : \frac{2 \times 3}{5 \times 3} = \frac{6}{15}$$

Ba phân-số $\frac{1}{3}$, $\frac{2}{5}$ và $\frac{7}{15}$ thành $\frac{5}{15}$, $\frac{6}{15}$ và $\frac{7}{15}$ có mẫu-số chung.

CHI NHỚ : Muốn đồng-hóa mẫu-số nhiều phân-số khi mẫu-số lớn là bội-số của các mẫu số nhỏ, thì chia mẫu-số lớn cho mẫu-số nhỏ của từng phân-số, được bao nhiêu nhân với hai số-hạng của từng phân-số.



TÍNH TRĂM

Chia một số cho 2, 5

Thí-dụ : 56 m : 2, 5

Cách tính : 2, 5 là $\frac{1}{4}$ của 10

$$\text{Vậy } 56 \text{ m} : 2, 5 = \frac{56 \text{ m}}{10} \times 4 = 22 \text{ m}, 40$$

CHI NHỚ : Muốn chia một số cho 2, 5, ta chia số ấy cho 10 rồi nhân với 4.



20 — ĐỒNG-HÓA MẪU-SỐ (tiếp theo)

Trường hợp đặc-biệt II : Mẫu-số chung là bội số chung nhỏ nhất của các mẫu số.

Thí-dụ : $\frac{3}{10}$, $\frac{4}{5}$ và $\frac{5}{6}$. Ta thấy 30 có thể chia hẳn cho 10, 5 và 6. Vậy 30 là bội-số chung nhỏ nhất của các mẫu-số : 10 và 6. Ta lấy 30 làm mẫu-số chung :

$$30 \text{ chia cho } 10 \text{ được } 3 \text{ lần, ta nhân } \frac{3}{10} \text{ với } 3 : \frac{3 \times 3}{10 \times 3} = \frac{9}{30}$$

$$30 \text{ chia cho } 5 \text{ được } 6 \text{ lần, ta nhân } \frac{4}{5} \text{ với } 6 : \frac{4 \times 6}{5 \times 6} = \frac{24}{30}$$

30 chia cho 6 được 5 lần, ta nhân $\frac{5}{6}$ với 5 : $\frac{5 \times 5}{6 \times 5} = \frac{25}{30}$

$\frac{3}{10}$, $\frac{4}{5}$ và $\frac{5}{6}$ thành $\frac{9}{30}$, $\frac{24}{30}$ và $\frac{25}{30}$ có mẫu-số chung.

CHI NHỚ : Muốn đồng-hóa mẫu-số nhiều phân-số khi mẫu số lớn không là bội-số của các mẫu-số nhỏ thì lấy bội-số chung nhỏ nhất của các mẫu số làm mẫu số chung, rồi chia cho mẫu số của từng phân-số, được bao nhiêu nhân với hai số hạng của từng phân-số.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 25

Thí-dụ : 240 l : 25

Cách tính : 25 là $\frac{1}{4}$ của 100

$$\text{Vậy } 240 \text{ l} : 25 = \frac{240}{100} \times 4 = 9 \text{ l}, 60$$

CHI NHỚ : Muốn chia một số cho 25, ta chia số ấy cho 100 rồi nhân với 4.



21 — CỘNG PHÂN-SỐ

Thí-dụ 1 : Phân-số có mẫu-số chung :

$$\frac{2}{9} \text{ số tiền} + \frac{5}{9} \text{ số tiền} = \frac{2+5}{9} = \frac{7}{9} \text{ số tiền.}$$

Thí-dụ 2 : Phân-số không có mẫu-số chung :

$$\frac{3}{5} \text{ số bí} + \frac{2}{7} \text{ số bí}$$

Đồng-hóa mẫu-số: $\frac{3}{5} = \frac{3 \times 7}{5 \times 7} = \frac{21}{35}$

$$\frac{2}{7} = \frac{2 \times 5}{7 \times 5} = \frac{10}{35}$$

Cộng như trong thí-dụ 1: $\frac{21}{35}$ số bi + $\frac{10}{35}$ số bi =

$$\frac{21 + 10}{35} = \frac{31}{35} \text{ số bi.}$$

GHI NHỚ: 1 — Muốn cộng những phân-số có mẫu-số chung, thì cộng các tử-số với nhau và giữ nguyên mẫu-số

2 — Muốn cộng những phân-số không cùng mẫu-số thì phải đồng-hóa mẫu số những phân-số ấy rồi cộng như trên.



TÍNH TRỪ

Chia một số cho 250

Thí-dụ: $845 \text{ m} : 250$

Cách tính: 250 là $\frac{1}{4}$ của 1000.

$$\text{Vậy } 845 \text{ m} : 250 = \frac{845 \text{ m}}{1000} \times 4 = 3 \text{ m, } 38.$$

GHI NHỚ: Muốn chia một số cho 250, ta chia số đó cho 1000 rồi nhân với 4.



CỘNG PHÂN-SỐ THỨC

Thí dụ: $5 \text{ kg } \frac{3}{4} \text{ thịt} + 3 \text{ kg } \frac{5}{7} \text{ thịt}$

Cộng số nguyên: $5 \text{ kg} + 3 \text{ kg} = 8 \text{ kg}$

Cộng phân số $\frac{3}{4} \text{ kg} + \frac{5}{7} \text{ kg} = \frac{21}{28} + \frac{20}{28}$

$$\frac{21 + 20}{28} = \frac{41}{28} \text{ kg}$$

Đổi $\frac{41}{28} \text{ kg}$ ra phân-số thức: $\frac{41}{28} \text{ kg} = 1 \text{ kg } \frac{13}{28}$

$$5 \text{ kg } \frac{3}{4} + 3 \text{ kg } \frac{5}{7} = 8 \text{ kg} + 1 \text{ kg } \frac{13}{28} = 9 \text{ kg } \frac{13}{28}$$

GHI NHỚ: Muốn cộng phân-số-thức thì cộng số nguyên riêng, phân-số riêng. Cộng xong, nếu tử-số to hơn mẫu-số thì phải đổi ra phân-số thức.



TÍNH TRỪ

Nhân một số với 11, 21, 31, 41...

Thí-dụ: $42 \$ \times 21$

Cách tính: $21 = 20 + 1$

$$\text{Vậy } 42 \$ \times 21 = (42 \$ \times 20) + 42 = 882 \$.$$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 11, 21, 31, 41... thì nhân số ấy với 10, 20, 30, 40... rồi cộng với số phải nhân.



23 — TRỪ PHÂN-SỐ

Thí-dụ 1: Phân-số có mẫu-số chung:

$$\frac{3}{7} \text{ tấm vải} - \frac{2}{7} \text{ tấm vải} = \frac{3-2}{7} = \frac{1}{7} \text{ tấm vải.}$$

Thí-dụ 2: Phân-số không có mẫu-số chung:

$$\frac{2}{3} \text{ số tiền} - \frac{3}{5} \text{ số tiền} = \frac{10}{15} \text{ st} - \frac{9}{15} \text{ st} = \frac{10-9}{15} = \frac{1}{15} \text{ st.}$$

GHI NHỚ: Muốn trừ 2 phân-số có mẫu-số chung, thì trừ các tử-số với nhau và giữ nguyên mẫu-số.

2 — Muốn trừ 2 phân-số không có mẫu-số chung, thì phải đồng-hóa mẫu-số 2 phân-số ấy rồi trừ như trên.

✱

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 9, 19, 29...

Thí-dụ: $38 \text{ m} \times 19$

Cách tính: $19 = 20 - 1$

$$\text{Vậy } 38 \text{ m} \times 19 = (38 \text{ m} \times 20) - 38 = 722 \text{ m}$$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 9, 19, 29... thì nhân số ấy với 10, 20, 30... rồi trừ đi số phải nhân.

✱

24 — TRỪ PHÂN-SỐ THỨC

$$\text{Thí-dụ: } 8 \text{ kg } \frac{3}{4} - 4 \text{ kg } \frac{2}{5}$$

trừ số nguyên: $8 \text{ kg} - 4 \text{ kg} = 4 \text{ kg.}$

$$\text{trừ phân-số: } \frac{3}{4} - \frac{2}{5} = \frac{15}{20} - \frac{8}{20} = \frac{15-8}{20} = \frac{7}{20}$$

$$4 \text{ kg } \frac{3}{4} - 4 \text{ kg } \frac{2}{5} = 4 \text{ kg } \frac{7}{20}.$$

GHI NHỚ: 1 — Muốn trừ 2 phân số thức thì trừ số nguyên riêng, phân-số riêng. Nếu phân-số trên nhỏ hơn phân-số dưới thì phải đổi một đơn vị của phân-số-thức trên ra phân-số rồi cộng thêm với phân-số trên.

2. — Có thể đổi phân-số-thức ra phân-số trước khi trừ, nhưng trừ xong lại phải đổi phân-số ra phân-số-thức

✱

TÍNH TRĂM

Nhân một số với số thập-phân tận-cùng bằng 0, 5.

Thí-dụ: $16 \text{ l} \times 2, 5$

$$\text{Cách tính: } 0,5 = \frac{1}{2} \quad \text{Vậy } 16 \text{ l} \times 2, 5 = (16 \text{ l} \times 2)$$

$$+ \frac{16}{2} = 40 \text{ l.}$$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với số thập-phân tận-cùng bằng 0 5, thì nhân số ấy với phần nguyên của số thập-phân rồi cộng với một nửa số ấy.

✱

25 — NHÂN PHÂN-SỐ

1 — Nhân phân-số với số nguyên:

$$\text{Thí-dụ 1. } \frac{2}{7} \text{ m} \times 3 = \frac{2 \times 3}{7} = \frac{6}{7} \text{ m.}$$

$$\text{Thí-dụ 2: } \frac{3}{8} \text{ kg} \times 2 = \frac{3 \times 2}{8} = \frac{3}{4} \text{ kg.}$$

GHI NHỚ: Muốn nhân phân-số với số nguyên thì nhân tử-số với số nguyên và giữ nguyên mẫu-số có thể chia mẫu-số cho số nguyên, nếu chia chẵn

II — Nhân số nguyên với phân-số :

Thí-dụ : $82 \text{ \$} \times \frac{3}{4} = \frac{82 \text{ \$} \times 3}{4} = 61 \text{ \$}, 50.$

GHI NHỚ: Muốn nhân số nguyên với phân-số, thì nhân số nguyên với tử-số và giữ nguyên mẫu-số

✱

TÍNH TRỪ

Nhân một số với số thập-phân tận-cung bằng số 0, 25.

Thí-dụ : $32 \text{ kg} \times 3, 25$

Cách-tính : $0, 25 = \frac{1}{4}$. Vậy $32 \text{ kg} \times 3, 25 = (32 \text{ kg} \times 3)$

$+ \frac{32}{4} \text{ kg} = 104 \text{ kg}.$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với số thập-phân tận-cung bằng 0, 25 ta nhân số ấy với phần nguyên của số thập-phân rồi cộng với $\frac{1}{4}$ số ấy

●

26 - NHÂN PHÂN-SỐ (tiếp theo)

III — Nhân phân-số với phân-số

Thí-dụ : $\frac{3}{5} \times \frac{2}{7} = \frac{3 \times 2}{5 \times 7} = \frac{6}{35}$

GHI NHỚ: Muốn nhân phân-số với phân-số, thì nhân tử số với tử-số, mẫu-số với mẫu số.

Chú ý: Nên đơn-giản trước khi làm tính nhân.

✱

TÍNH TRỪ

Nhân một số với số thập phân tận-cung bằng 0, 75

thí-dụ : $16 \text{ l} \times 2, 75$

Cách-tính : $0, 75 = \frac{3}{4}$

Vậy $16 \text{ l} \times 2, 75 = (16 \text{ l} \times 2) + \frac{16 \text{ l} \times 3}{4} = 32 \text{ l} + 12 \text{ l} = 44 \text{ l}$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với số thập-phân tận-cung bằng 0, 75, ta nhân số ấy với phần nguyên của số thập-phân rồi cộng với $\frac{3}{4}$ số ấy.

✱

27 - NHÂN PHÂN-SỐ-THỨC

Thí-dụ 1: Nhân số nguyên với phân-số thức : $5 \times 3 \frac{1}{6}$

Đổi $3 \frac{1}{6}$ ra phân-số : $3 \frac{1}{6} = \frac{19}{6}$

$5 \times 3 \frac{1}{6} = 5 \times \frac{19}{6} = \frac{5 \times 19}{6} = \frac{95}{6} = 15 \frac{5}{6}$

Thí-dụ 2: Nhân phân-số với phân số-thức $\frac{1}{4} \times 3 \frac{2}{5}$.

Đổi $3\frac{2}{5}$ ra phân số: $3\frac{2}{5} = \frac{17}{5}$.

$$\frac{1}{4} \times 3\frac{2}{5} = \frac{1}{4} \times \frac{17}{5} = \frac{1 \times 17}{4 \times 5} = \frac{17}{20}$$

Thí dụ 3: Nhân phân số-thức với phân số-thức: $2\frac{3}{4} \times 3\frac{5}{6}$.

Đổi phân số-thức ra phân số: $2\frac{3}{4} = \frac{11}{4}$; $3\frac{5}{6} = \frac{23}{6}$.

$$2\frac{3}{4} \times 3\frac{5}{6} = \frac{11}{4} \times \frac{23}{6} = \frac{11 \times 23}{4 \times 6} = \frac{253}{24} = 10\frac{13}{24}$$

GHI NHỚ: Muốn nhân số nguyên với phân số-thức, phân số với phân số-thức hoặc phân số-thức với phân số-thức, thì đổi phân số-thức ra phân số rồi nhân như thường.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 0,75

Thí dụ: $0,75 \times 24$.

Cách tính: $0,75 = \frac{3}{4}$.

$$\text{Vậy } 0,75 \times 24 = \frac{24 \times 3}{4} = 18.$$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 0,75, ta nhân số ấy với 3 rồi lấy một phần tư.

28 — CHIA PHÂN SỐ

I — Chia phân số cho số nguyên:

Thí dụ 1: $\frac{5}{7}$ số tiền : 3 = $\frac{5}{7 \times 3} = \frac{5}{21}$ số tiền.

Thí dụ 2: $\frac{4}{5}$ tấm vải : 2 = $\frac{4 : 2}{5} = \frac{2}{5}$ tấm vải.

GHI NHỚ: Muốn chia phân số cho số nguyên, thì nhân mẫu số với số nguyên và giữ nguyên tử số; có thể chia tử số cho số nguyên và giữ nguyên mẫu số, nếu chia chẵn.

II — Chia số nguyên cho phân số:

Thí dụ: 12l rượu đổ vào chai $\frac{3}{4}$ l, được bao nhiêu chai?

$$12 : \frac{3}{4} = \frac{12 \times 4}{3} = \frac{48}{3} = 16 \text{ chai.}$$

GHI NHỚ: Muốn chia số nguyên cho phân số thì nhân số nguyên với phân số đảo ngược.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 7,5.

Thí dụ: $12 \text{ bánh} \times 7,5$.

Cách tính: 7,5 là $\frac{3}{4}$ của 10 tức $10 \times \frac{3}{4}$.

$$\text{Vậy } 12 \times 7,5 = \frac{12 \times 3}{4} \times 10 = 90 \text{ bánh}$$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 7,5, thì lấy $\frac{3}{4}$ số ấy nhân với 10.

29 — CHIA PHÂN SỐ (tiếp theo)

III — Chia phân số cho phân số:

Thí dụ : Có $\frac{5}{8}$ m vải cắt thành những miếng dài, mỗi miếng

$\frac{1}{16}$ m, thì được bao nhiêu miếng ?

$$\frac{5}{8} : \frac{1}{16} = \frac{5 \times 16}{8 \times 1} = 10 \text{ miếng.}$$

GHI NHỚ : Muốn chia phân-số cho phân-số, thì nhân phân-số thứ nhất với phân-số thứ nhì đảo ngược.

IV — Chia phân-số-thức :

Thí-dụ : Một thùng rượu 20l $\frac{2}{5}$ đổ vào chai 1l $\frac{1}{5}$ thì được bao nhiêu chai ?

$$20l \frac{2}{5} : 1l \frac{1}{5} = \frac{102}{5} : \frac{6}{5} = \frac{102 \times 5}{5 \times 6} = \frac{102}{6} = 17 \text{ chai.}$$

GHI NHỚ : Muốn chia phân-số-thức cho số-nguyên, số-nguyên cho phân-số-thức hoặc phân-số-thức cho phân-số-thức thì đổi phân-số-thức, ra phân-số rồi chia như thường.



TÍNH TRĂM

Nhân một số với 75

Thí-dụ : 48 kg $\times$ 75.

Cách tính : 75 là $\frac{3}{4}$ của 100 tức $100 \times \frac{3}{4}$

$$\text{Vậy } 48 \text{ kg} \times 75 = \frac{48 \text{ kg} \times 3}{4} \times 100 = 3600 \text{ kg}$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 75 thì lấy $\frac{3}{4}$ số ấy nhân với 100.

30 — HỌC ÔN

Phân-số : Phân-số thập-phân, phân-số-thức, so-sánh phân-số, đặc-tính của phân-số, đơn-giản phân-số, đồng-hóa mẫu-số phân-số ; cộng, trừ, nhân, chia phân-số.

Tính trăm : Chia một số cho 5, 50, 500 ; — nhân một số với 2, 5 ; 25, 250 ; — chia một số cho 2, 5 ; 25, 250 ; — nhân một số với 0,75 ; 7, 5 ; 75...



CHƯƠNG III

TẬP-SỐ

31 — ĐẠI Ý VỀ TẬP-SỐ

I — Ngày, tháng, năm :

GHI NHỚ : Thời-gian trái đất quay chung quanh nó một vòng là một ngày. Một ngày chia làm 24 giờ (g); một giờ có 60 phút (ph); một phút có 60 giây (gi).

Thời-gian trái đất quay chung quanh mặt trời một vòng là một năm. Một năm có 365 ngày $1/4$, hay 12 tháng, hay 52 tuần-lễ. Cứ 4 năm lại có một năm nhuận có 366 ngày.

II — Đo góc cung :

GHI NHỚ : Người ta đo các góc, cung bằng độ (o), phút ('), giây ("). Một độ có 60 phút; một phút có 60 giây.

★

TÍNH TRỪ

Chia một số cho 1,5

Thí dụ : $12m : 1,5$

$$\text{Cách tính : } 1,5 = 1 \frac{1}{2} = \frac{3}{2}$$

$$\text{Vậy } 12m : 1,5 = 12m : \frac{3}{2} = \frac{12m \times 2}{3} = 8m$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 1,5 thì nhân số ấy với 2 rồi chia cho 3.

32 — ĐẠI Ý VỀ TẬP-SỐ (tiếp theo)

I — Thế nào là tập số.

GHI NHỚ : Tập-số là những số chỉ các đơn-vị không theo hệ thống thập-phân, bách-phân.

II — Đọc và viết tập-số :

GHI NHỚ : Muốn đọc tập-số, phải đọc tên tất cả các đơn-vị. Khi viết tập-số không đánh dấu phẩy.

★

TÍNH TRỪ

Chia một số cho 1,25

Thí dụ : $25l : 1,25$

$$\text{Cách tính : } 1,25 = 1 \frac{1}{4} = \frac{5}{4} = \frac{10}{8}$$

$$\text{Vậy } 25l : 1,25 = 25 : \frac{10}{8} = \frac{25 \times 8}{10} = 20.$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 1,25 thì chia số ấy cho 10 rồi nhân với 8.

★

33. — CÁCH ĐỔI ĐƠN-VỊ TẬP-SỐ

I — Đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ :

Thí-dụ : 4g 15ph 20gi đổi ra giây.

$$60ph \times 4 = 240ph$$

$$+ 15$$

$$60gi \times 255 = 15.300gi$$

$$+ 20gi$$

$$15.320gi$$

GHI NHỚ: Muốn đổi giờ, phút, giây ra giây, thì đổi giờ ra phút, rồi đổi phút ra giây.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 20, 30, 40...

Thí dụ: 18kg : 30

Cách tính: $30 = 3 \times 10$

Vậy $18\text{kg} : 30 = 18\text{kg} : 3 = 6\text{kg} : 6\text{kg} : 10 = 0\text{kg}60$.

GHI NHỚ: Muốn chia một số cho 20, 30, 40... thì chia số ấy cho 2, 3, 4... được bao nhiêu lại chia cho 10.

★

34 - CÁCH ĐỔI ĐƠN-VỊ TẠP-SỐ

II— Đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn :

Thí dụ: 25.340gi đổi ra giờ, phút, giây.

$25.340\text{gi} : 60 = 422\text{ph}$ (thừa 20 giây)

$422\text{ph} : 60 = 7\text{g}$ (thừa 2 phút)

$25.340\text{gi} = 7\text{g} 02\text{ph} 02\text{gi}$.

GHI NHỚ: Muốn đổi giây ra giờ, phút, giây, thì đổi giây ra phút, rồi đổi phút ra giờ.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 200, 300, 400 ..

Thí dụ: 246l : 200

Cách tính: $200 = 2 \times 100$

Vậy $246\text{l} : 200 = 246\text{l} : 2 = 123\text{l} : 123\text{l} : 100 = 1/23$.

GHI NHỚ: Muốn chia một số cho 200, 300, 400... thì chia số ấy cho 2, 3, 4... được bao nhiêu lại chia cho 100.

★

35 - CỘNG-TẠP-SỐ

Thí dụ: $2\text{g} 35\text{ph} 45\text{gi} + 3\text{g} 38\text{ph} 41\text{gi}$.

Cách cộng: $2\text{g} 35\text{ph} 45\text{gi}$

$+ 3\text{g} 38\text{ph} 41\text{gi}$

$5\text{g} 73\text{ph} 86\text{gi}$

hay $5\text{g} 74\text{ph} 26\text{gi}$

hay $6\text{g} 14\text{ph} 26\text{gi}$.

GHI NHỚ: Muốn cộng tạp-số thì cộng riêng cột giờ, cột phút, cột giây. Cứ 60 giây thì đổi ra 1 phút cộng sang cột phút; 60 phút thì đổi ra 1 giờ cộng sang cột giờ.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 0, 1; 0, 01...

Thí dụ: $56\$ \times 0, 1$

Cách tính: $0, 1 = \frac{1}{10}$

Vậy $56\$ \times 0, 1 = 56\$ \times \frac{1}{10} = \frac{56\$ \times 1}{10} = 5\$, 60$.

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 0, 1; 0, 01..., ta chia số ấy cho 10, 100...

★

36 - TRỪ TẠP-SỐ

Thí dụ: $5\text{g} 35\text{ph} 24\text{gi} - 2\text{g} 57\text{ph} 32\text{gi}$.

Cách trừ: $5\text{g} 35\text{ph} 24\text{gi}$

$- 2\text{g} 57\text{ph} 32\text{gi}$

Lấy 1 giờ của 5g (còn 4g) đổi ra 60 ph cộng với 35 ph (thành 95 ph); lấy 1 phút của 95 ph (còn 94 ph) đổi ra 60 gi cộng với 24 gi (thành 84 gi):

$4\text{g} 94\text{ph} 84\text{gi}$
 $- 2\text{g} 57\text{ph} 32\text{gi}$
 $2\text{g} 37\text{ph} 52\text{gi}$

GHI NHỚ: Muốn trừ tạp-số thì trừ riêng giây, phút, giờ. Nếu số giây, số phút ở hàng trên nhỏ hơn số giây, số phút ở hàng dưới, thì bớt đi 1 giờ ở hàng trên đổi ra 60 ph cộng với số phút; bớt đi 1 phút đổi ra 60 gi cộng với số giây; rồi làm như tính trừ thường.

TÍNH TRỪ

Chia một số cho 0,1 ; 0,01...

thí-dụ : $42 : 0,01$

Cách tính : $0,01 = \frac{1}{100}$

Vậy $42 : 0,01 = 42 : \frac{1}{100} = \frac{42 \times 100}{1} = 4.200.$

GHI NHỚ: Muốn chia một số cho 0,1 ; 0,01..., thì nhân số ấy với 10, 100..

37 — NHÂN TẠP-SỐ

thí-dụ : $2g\ 15ph\ 24gi \times 5$

Cách-nhân : $2g\ 15ph\ 24gi$

$$\begin{array}{r} \times 5 \\ \hline \end{array}$$

$$10g\ 75ph\ 120gi =$$

$$120gi = 2ph$$

$$75ph = 1g15ph$$

$$10g = 10g$$

$$11g\ 17ph$$

GHI NHỚ: Muốn nhân tạp-số thì nhân riêng giây, phút, giờ; rồi đổi giây ra phút, đổi phút ra giờ.

TÍNH TRỪ

Nhân một số với 0,2 ; 0,3...

thí-dụ : $36\$ \times 0,2$

Cách tính : $0,2 = \frac{2}{10}$

Vậy $36\$ \times 0,2 = 36\$ \times \frac{2}{10} = \frac{36\$ \times 2}{10} = 7\$20.$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 0,2 ; 0,3...ta chia số ấy cho 10, rồi nhân với 2, 3...

★

38.— CHIA TẠP-SỐ

I— Chia tạp-số cho số nguyên :

thí-dụ : $3g\ 28ph\ 24gi : 12$

Đặt tính : $3g$

$28ph$

$24gi$

12

$$3 \times 60 = 180ph$$

$$208ph$$

$$88$$

$$4 \times 60 = 240gi$$

$$264gi$$

$$24$$

$$0$$

$$0g\ 17ph\ 22gi$$

GHI NHỚ: Muốn chia tạp-số cho số nguyên, thì chia riêng giờ, phút, giây. Giờ còn thừa đổi ra phút, phút còn thừa đổi ra giây.

TÍNH TRỪ

Chia một số cho 0,2 ; 0,3

thí-dụ : $45 : 0,2$

Cách tính : $0,2 = \frac{2}{10}$

Vậy $45 : 0,2 = 45 : \frac{2}{10} = 45 \times \frac{10}{2} = \frac{45 \times 10}{2} = 225.$

GHI NHỚ: Muốn chia một số cho 0,2 , 0,3 ... ta nhân số ấy với 10, rồi chia cho 2, 3...

★

39 - CHIA TẬP-SỐ (tiếp theo)

II - Chia số thường cho tập-số :

Thí - dụ : 253 km, 500 : 3g 15ph,

Cách chia : Đổi 3g 15 ra phút : 3g 15ph = 195ph,

$$\begin{array}{r} 253\text{km}500 \quad | \quad 195 \\ 58 \quad 5 \quad | \quad 1\text{km},300 \\ 0 \quad 000 \end{array}$$

❧ **GHI-NHỚ:** Muốn chia số thường cho tập-số, thì trước hết phải đổi tập-số ra phút (hoặc ra giây) rồi chia như thường.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 0,02 ; 0,03

Thí-dụ : 15\$ × 0,03

Cách tính : $0,03 = \frac{3}{100}$

$$\text{Vậy } 15\$ \times 0,03 = 15\$ \times \frac{3}{100} = \frac{15\$ \times 3}{100} = 0\$45.$$

❧ **GHI NHỚ :** Muốn nhân một số với 0,09 ; 0,08 thì chia số ấy cho 100 rồi nhân với 9, 8...

★

40 - CHIA TẬP SỐ (tiếp theo)

III - Số thường là tập-số :

Thí-dụ : Một người đi xe đạp mỗi giờ đi được 18km thì mấy giờ đi hết quãng đường dài 40km, ?

Đặt tính : 1g × 40,

$$\begin{array}{r} 4 \quad \quad \quad | \quad 18 \\ \times 60 \\ \hline 240 \\ 60 \\ 6 \\ \times 60 \\ \hline 360 \\ 000 \end{array}$$

❧ **GHI NHỚ:** Nếu số thường là tập-số, thì sau khi chia để tìm giờ, ta nhân số thừa với 60 rồi chia để tìm phút; sau khi chia để tìm phút, lại nhân số thừa với 60 rồi chia để tìm giây.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 0,02 ; 0,03.

Thí-dụ : 26 : 0,02.

Cách tính : $0,02 = \frac{2}{100}$

$$\text{Vậy } 26 : 0,02 = 26 : \frac{2}{100} = 26 \times \frac{100}{2} = \frac{26 \times 100}{2} = 1300.$$

❧ **GHI NHỚ :** Muốn chia một số cho 0,02 ; 0,03, ta nhân số ấy với 100 rồi chia cho 2, 3...

★

41 - TÌM ĐƯỜNG DÀI

❧ **GHI NHỚ :** Muốn tìm đường dài, ta nhân vận-tốc với thời-gian :

$$Đ = V \times T$$

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 6

Thí-dụ :

$$72\$: 6.$$

Cách tính :

$$6 = 2 \times 3$$

$$\text{Vậy } 72\$: 6 = 72\$: 2 = 36\$: 36\$: 3 = 12\$.$$

❧ **GHI NHỚ :** Muốn chia một số cho 6, ta chia số ấy cho 2, được bao nhiêu lại chia cho 3.

○

42 - TÌM VẬN-TỐC

GHI NHỚ : Muốn tìm vận-tốc, ta chia đường dài cho thời-gian :

$$V = \frac{Đ}{T}$$

TÍNH TRÀM

Chia một số cho 8.

Thí-dụ : $112m : 8$

Cách tính : $8 = 2 \times 4$

$$\text{Vậy } 112m : 8 = 112m : 2 = 56m : 56m : 4 = 14m$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 8, ta chia số ấy cho 2, được bao nhiêu lại chia cho 4.

✱

43 - TÌM THỜI-GIAN

GHI NHỚ : Muốn tìm thời-gian, ta chia đường dài cho vận-tốc :

$$T = \frac{Đ}{V}$$

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 0,5

Thí-dụ : $62 \times 0,5$

$$\text{Cách tính : } 0,5 = \frac{5}{10} = \frac{1}{2}$$

$$\text{Vậy } 62 \times 0,5 = 62 \times \frac{1}{2} = \frac{62 \times 1}{2} = 31.$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 0,5, ta chia số ấy cho 2.

✱

44 - ĐỘNG-TỬ GẶP NHAU (nghịch chiều)

GHI NHỚ : Muốn tìm thời-gian hai động-tử nghịch chiều gặp nhau, ta chia đường dài cho tổng số của hai vận-tốc :

$$T = \frac{Đ}{V + v}$$

Chú ý : Khi hai động-tử nghịch chiều rời xa nhau, ta cũng làm như trên.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 0,5

Thí-dụ : 26l dầu đựng vào chai 0l, 5, được bao nhiêu chai?

$$\text{Cách tính : } 0,5 = \frac{5}{10} = \frac{1}{2}$$

$$\text{Vậy } 1c \times 26 : 0,5 = 26 : \frac{1}{2} = \frac{26 \times 2}{1} = 52 \text{ chai.}$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 0,5, ta nhân số ấy với 2.

●

45 - ĐỘNG-TỬ ĐUỔI NHAU (đồng chiều)

GHI NHỚ : Muốn tìm thời-gian hai động-tử đồng chiều đuổi kịp nhau, ta chia đường dài cho hiệu-số của hai vận-tốc :

$$T = \frac{Đ}{V - v}$$

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 0,05

Thí-dụ : $72 \times 0kg, 05$

$$\text{Cách tính : } 0,05 = \frac{5}{100} = \frac{1}{20} = \frac{1}{10 \times 2}$$

$$\begin{aligned} \text{Vậy } 72 \times 0kg, 05 &= 72 \times \frac{1}{20} = \frac{72}{20} = \frac{72}{10 \times 2} \\ &= 3kg, 60 \end{aligned}$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 0,05, ta chia số ấy cho 10, được bao nhiêu lại chia cho 2.

●

BÀI GIẢI

$$\begin{array}{rcl}
 3l \text{ dầu hôi giá :} & & 22\$,50 \\
 1l \text{ dầu hôi giá 3 lần kém hay :} & & \frac{22\$,50}{3} \\
 12l \text{ dầu hôi giá 12 lần hơn hay :} & & \frac{22\$,50 \times 12}{3} = 90\$. \\
 \text{Đáp số :} & & 90\$
 \end{array}$$

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 0,25

Thí-dụ : Có 18kg đường chia thành những gói 0kg 25 thì được bao nhiêu gói ?

$$\text{Cách tính : } 0,25 = \frac{1}{4}$$

$$\text{Vậy } 1 \text{ gói} \times 18 : 0,25 = 18 : \frac{1}{4} = \frac{18 \times 4}{1} = 72 \text{ gói.}$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 0,25, ta nhân số ấy với 4.

*

50 - QUI-TẮC TAM-SUẤT ĐƠN VÀ NGHỊCH

Thí-dụ : 15 người thợ xây xong một căn nhà trong 48 ngày. Nếu mượn 20 người thợ thì trong bao lâu xây xong ?

$$\text{Đặt tính : } \begin{cases} 15 \text{ thợ.} & . & . & . & 48 \text{ ngày} \\ 20 \text{ thợ.} & . & . & . & x \text{ ngày} \end{cases}$$

BÀI GIẢI

$$\begin{array}{rcl}
 15 \text{ người thợ xây xong căn nhà trong :} & & 48\text{ng} \\
 1 \text{ người thợ phải làm 15 lần lâu hơn hay :} & & 48\text{ng} \times 15 \\
 20 \text{ người thợ sẽ làm 20 lần chóng hơn hay :} & & \frac{48\text{ng} \times 15}{20} = 36\text{ng} \\
 \text{Đáp số :} & & 36 \text{ ngày.}
 \end{array}$$

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 1,5

$$\text{Thí-dụ : } 46 \times 1\text{kg},5.$$

$$\text{Cách tính : } 1,5 = 1 \frac{1}{2}.$$

$$\text{Vậy } 46 \times 1\text{kg},5 = 46 + \frac{46}{2} = 46 + 23 = 69\text{kg}.$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 1,5, ta cộng số ấy với một nửa của nó.



TÍNH BÁCH-PHÂN

51 - TÌM BÁCH-PHÂN

Thí dụ: Tôi mua một quyển sách giá 60 \$. Tôi được bớt 15 \$. Hỏi nhà hàng đã trừ cho tôi bao nhiêu phần trăm? (nghĩa là 100 \$ được trừ bao nhiêu?)

Đặt tính: $\left\{ \begin{array}{l} \text{Mua 60 \$ được bớt} \quad . \quad . \quad . \quad 15\$ \\ \text{Mua 100 \$ được bớt} \quad . \quad . \quad . \quad x\$ \end{array} \right.$

BÀI GIẢI

Giá mua 60\$ được bớt: $\frac{15\$}{60}$
 Nếu giá mua là 1\$ thì được bớt: $\frac{15\$}{60}$
 Nếu giá mua là 100\$ thì được bớt: $\frac{15\$ \times 100}{60} = 25\%$
 Đáp số: 25%

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 1, 25

Thí dụ: $32 \times 1, 25$

Cách tính: $1, 25 = 1 + \frac{1}{4}$

Vậy $32 \times 1, 25 = 32 + \frac{32}{4} = 32 + 8 = 40$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 1, 25, ta cộng số ấy với một phần tư của nó.

✱

52 - BIẾT BÁCH-PHÂN ĐỐI GIÁ BÁN, TÌM GIÁ MUA.

Thí dụ: Một người bán một số trứng được 1200\$, tính ra được lãi 15 % giá bán. Hỏi tiền mua số trứng ấy là bao nhiêu?

Giải thích: Lãi 15% giá bán nghĩa là tiền bán 100\$ thì lãi 15\$ và tiền mua là: $100\$ - 15\$ = 85\$$.

Đặt tính: $\left\{ \begin{array}{l} \text{Bán 100\$} \quad . \quad . \quad . \quad \text{mua 85\$} \\ \text{Bán 1.200\$} \quad . \quad . \quad . \quad \text{mua } x\$ \end{array} \right.$

BÀI GIẢI

Tiền bán là 100\$ thì tiền mua là: $\frac{85\$}{100}$

Tiền bán là 1\$ thì tiền mua 100 lần kém: $\frac{85\$}{100}$

Tiền bán là 1200\$ thì tiền mua 1200 lần hơn:

$$\frac{85\$ \times 1.200}{100} = 1.020\$$$

Đáp số: 1.020\$.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 12,5

Thí dụ: $64 \times 12,5$.

Cách tính: $12,5 = \frac{100}{8}$

Vậy $64 \times 12,5 = 64 \times \frac{100}{8} = \frac{64 \times 100}{8} = 800$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 12,5, ta chia số ấy cho 8 rồi nhân với 100.

☆

53 - BIẾT BÁCH-PHÂN ĐỐI GIÁ MUA TÌM GIÁ MUA

Thí dụ: Một người bán một tấm vải được 3.360\$, tính ra được lãi 12% giá mua. Tìm tiền mua tấm vải.

Giải thích: Lãi 12% giá mua nghĩa là tiền mua 100\$ thì được lãi 12\$ và tiền bán là: $100\$ + 12\$ = 112\$$

Đặt tính: $\left\{ \begin{array}{l} \text{Bán 112\$} \quad . \quad . \quad . \quad \text{mua 100\$} \\ \text{Bán 3.360\$} \quad . \quad . \quad . \quad \text{mua } x\$ \end{array} \right.$

BÀI GIẢI

Tiền bán là 112\$ thì tiền mua là: $\frac{100\$}{112\$}$

Tiền bán là 1\$ thì tiền mua 112 lần kém: $\frac{100\$}{112\$}$

$$\begin{aligned}\text{Vậy } 16\text{kg} \times 150 &= \left(16\text{kg} + \frac{16\text{kg}}{2}\right) \times 100 \\ &= 24\text{kg} \times 100 = 2400\text{kg}.\end{aligned}$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 150, ta cộng số ấy với một nửa của nó, được bao nhiêu nhân với 100.

56 - HỌC ÔN

Quy-tắc tam-suất và tính bách-phân.

Tính trăm : Nhân và chia một số với 0,25. — Nhân một số với 1,5 — 1,25 — 12,5 — 125 — 15 — 150.



CHIA TỶ - LỆ

57 - CHIA TỶ - LỆ THUẬN

1 — Chia tỷ-lệ thuận với số nguyên :

Thí-dụ : Ba người mua chung một tấm vải giá 3.180\$. Người thứ nhất lấy 15m, người thứ nhì 18m, người thứ ba 20m. Hỏi mỗi người phải trả bao nhiêu tiền ?

BÀI GIẢI

$$\text{Người thứ nhất phải trả : } \frac{3.180\$ \times 15}{(15 + 18 + 20)} = 900\$.$$

$$\text{Người thứ nhì phải trả : } \frac{3.180\$ \times 18}{(15 + 18 + 20)} = 1.080\$.$$

$$\text{Người thứ ba phải trả : } \frac{3.180\$ \times 20}{(15 + 18 + 20)} = 1.200\$.$$

GHI NHỚ : Muốn chia một đại-lượng tỷ-lệ thuận với các số nguyên, thì chia đại-lượng ấy cho tổng-số các số nguyên, được bao nhiêu nhân với từng số nguyên.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 15.

Thí-dụ : 180\$: 15.

$$\begin{aligned}\text{Cách tính : } 15 &= 1,5 \times 10 = 1 \frac{1}{2} \times 10 = \frac{3}{2} \times 10 = \\ &= \frac{3 \times 10}{2}.\end{aligned}$$

$$\text{Vậy } 180\$: 15 = 180\$: \frac{3 \times 10}{2} = \frac{180\$ \times 2}{3 \times 10} = 12\$.$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 15, ta lấy $\frac{2}{3}$ số ấy chia cho 10.

58 - CHIA TỶ-LỆ THUẬN (tiếp theo)

II - Chia tỷ-lệ thuận với phân-số :

Thí-dụ : Chia 4.500\$ tỷ-lệ thuận với $\frac{1}{3}$, $\frac{2}{5}$, $\frac{4}{15}$.

BÀI GIẢI

Đồng-hóa mẫu-số các phân-số $\frac{1}{3}$, $\frac{2}{5}$ và $\frac{4}{15}$, ta có :

$$\frac{1}{3} = \frac{5}{15}, \frac{2}{5} = \frac{6}{15} \text{ và } \frac{4}{15}.$$

Chia 4.500\$ tỷ-lệ thuận với $\frac{5}{15}$, $\frac{6}{15}$ và $\frac{4}{15}$ cũng như chia 4.500\$ tỷ-lệ thuận với 5, 6 và 4.

$$\text{Phần thứ nhất là : } \frac{4.500\$ \times 5}{(5 + 6 + 4)} = 1.500\$.$$

$$\text{Phần thứ nhì là : } \frac{4.500\$ \times 6}{(5 + 6 + 4)} = 1.800\$.$$

$$\text{Phần thứ ba là : } \frac{4.500\$ \times 4}{(5 + 6 + 4)} = 1.200\$.$$

GHI NHỚ : Muốn chia một đại-lượng tỷ-lệ thuận với các phân-số, trước hết ta phải đồng-hóa mẫu-số các phân-số ấy rồi chia tỷ-lệ thuận với các từ-số.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 150

Thí-dụ : 48kg : 150.

$$\begin{aligned} \text{Cách tính : } 150 &= 1,5 \times 100 = 1\frac{1}{2} \times 100 = \frac{3}{2} \times 100 \\ &= \frac{3 \times 100}{2} \end{aligned}$$

$$\text{Vậy } 48\text{kg} : 150 = 48\text{kg} : \frac{3 \times 100}{2} = \frac{48\text{kg} \times 2}{3 \times 100} = 0\text{kg}, 32.$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 150, ta lấy $\frac{2}{3}$ số ấy chia cho 100.

59 - CHIA TỶ-LỆ NGHỊCH

I - Chia tỷ-lệ nghịch với số nguyên :

Thí dụ : Chia 70 cái kẹo cho 3 trẻ tỷ-lệ nghịch với tuổi của chúng : 5 tuổi, 6 tuổi, 10 tuổi.

BÀI GIẢI

Chia 70 cái kẹo tỷ-lệ nghịch với 5, 6, và 10 cũng như chia 70 cái kẹo tỷ-lệ thuận với số nghịch-đảo của 5, 6, và 10 là $\frac{1}{5}$, $\frac{1}{6}$ và $\frac{1}{10}$.

Đồng-hóa mẫu-số các phân-số $\frac{1}{5}$, $\frac{1}{6}$ và $\frac{1}{10}$, ta có :

$$\frac{6}{30}, \frac{5}{30} \text{ và } \frac{3}{30}.$$

$$\text{Đưa trẻ 5 tuổi được : } \frac{70 \text{ kẹo} \times 6}{(6 + 5 + 3)} = 30 \text{ kẹo.}$$

$$\text{Đưa trẻ 6 tuổi được : } \frac{70 \text{ kẹo} \times 5}{(6 + 5 + 3)} = 25 \text{ kẹo.}$$

$$\text{Đưa trẻ 10 tuổi được : } \frac{70 \text{ kẹo} \times 3}{(6 + 5 + 3)} = 15 \text{ kẹo.}$$

GHI NHỚ : Muốn chia một đại-lượng tỷ-lệ nghịch với các số nguyên, thì chia đại-lượng ấy tỷ-lệ thuận với số nghịch đảo của các số nguyên.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 0,125

Thí-dụ : $24 \times 0\text{kg},125$

Cách tính : $0,125 = \frac{1}{8}$

Vậy $24 \times 0\text{kg},125 = 24 \times \frac{1}{8} = \frac{24}{8} = 3\text{kg}$.

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 0,125, ta chia số ấy cho 8.



60 — CHIA TỶ-LỆ NGHỊCH (tiếp theo)

II — Chia tỷ-lệ nghịch cho phân-số :

Thí-dụ : Chia 3,050\$ tỷ-lệ nghịch với các phân-số $\frac{2}{3}$, $\frac{4}{5}$ và $\frac{3}{7}$.

BÀI GIẢI

Chia 3.050\$ tỷ-lệ nghịch-với các phân-số $\frac{2}{3}$, $\frac{4}{5}$ và $\frac{3}{7}$ cũng như chia 3.050\$ tỷ-lệ thuận với những phân-số nghịch - đảo là : $\frac{3}{2}$, $\frac{5}{4}$ và $\frac{7}{3}$.

Đồng hóa mẫu số các phân-số :

$\frac{3}{2}$, $\frac{5}{4}$ và $\frac{7}{3}$, ta có : $\frac{18}{12}$, $\frac{15}{12}$ và $\frac{28}{12}$

Phần thứ nhất : $\frac{3\ 050\$ \times 18}{(18 + 15 + 28)} = 900\$$.

Phần thứ nhì : $\frac{3\ 050\$ \times 15}{(18 + 15 + 28)} = 750\$$.

Phần thứ ba : $\frac{3\ 050\$ \times 28}{(18 + 15 + 28)} = 1.400\$$.

GHI NHỚ : Muốn chia một đại-lượng tỷ-lệ nghịch với các phân-số, thì chia đại-lượng ấy tỷ-lệ thuận với các phân-số nghịch-đảo của các phân-số kia.

TÍNH TRĂM

Chia một số cho 0,125

Thí-dụ : 16kg thuốc bột chia thành những gói 0kg, 125 thì được bao nhiêu gói ?

Cách tính : $0,125 = \frac{1}{8}$

Số gói thuốc được :

$1 \text{ gói} \times 16 : 0,125 = 16 : \frac{1}{8} = \frac{16 \times 8}{8} = 128 \text{ gói}$.

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 0,125, ta nhân số ấy với 8.



61 — TÍNH CỔ-PHẦN

I — Vốn khác nhau, thời-gian bằng nhau :

Thí-dụ : Hai người hùn vốn buôn chung. Người thứ nhất bỏ ra 20.000\$, người thứ nhì 30.000\$. Sau một thời-gian được lãi tất cả 10.000\$. Hỏi mỗi người được bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Chia tiền lãi tỷ-lệ thuận với vốn : 10.000\$ chia tỷ-lệ thuận với 20.000 và 30.000 cũng như 10.000\$ chia tỷ-lệ thuận với 2 và 3.

Người thứ nhất được : $\frac{10.000\$ \times 2}{(2 + 3)} = 4.000\$$.

Người thứ nhì được : $\frac{10.000\$ \times 3}{(2 + 3)} = 6.000\$$

GHI NHỚ : Khi vốn khác nhau, thời-gian bằng nhau, thì chia tiền lãi tỷ-lệ thuận với vốn.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 1,75

Thí-dụ : $28 \times 1\text{kg},75$.Cách tính : $1,75 = 1 + \frac{3}{4}$.

$$\text{Vậy } 28 \times 1\text{kg},75 = 28 \times \left(1 + \frac{3}{4}\right) = 28 + \left(\frac{28 \times 3}{4}\right) = 49\text{kg}.$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 1,75, ta cộng số ấy với $\frac{3}{4}$ của nó.

*

62 — CHIA CỔ-PHẦN (tiếp theo)

II — Vốn bằng nhau, thời-gian khác nhau

Thí-dụ : Hai người hùn vốn buôn-bán. Người thứ nhất trong 8 tháng, người thứ nhì trong 10 tháng. Tiền lãi tất cả là 90.000\$. Hỏi mỗi người được bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Chia tiền lãi tỷ-lệ thuận với thời-gian, vì hùn vốn càng lâu càng được nhiều lãi.

$$\text{Người thứ nhất được : } \frac{90\,000\$ \times 8}{(8 + 10)} = 40.000\$.$$

$$\text{Người thứ nhì được : } \frac{90.000\$ \times 10}{(8 + 10)} = 50.000\$.$$

GHI NHỚ : Khi vốn bằng nhau, thời-gian khác nhau, thì chia tiền lãi tỷ-lệ thuận với thời-gian.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 17,5

Thí-dụ : $12 \times 17\text{m}, 5$.Cách tính : $17,5 = 1,75 \times 10$.

$$\text{Vậy } 12 \times 17\text{m}, 5 = (12 \times 1,75) \times 10 = (12 + 9) \times 10 = 210\text{m}.$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 17,5, ta nhân số ấy với 1,75 (nghĩa là cộng số ấy với $\frac{3}{4}$ của nó), được bao nhiêu lại nhân với 10.

*

63 — CHIA CỔ-PHẦN (tiếp theo).

III — Vốn khác nhau, thời-gian khác nhau :

Thí dụ : Hai người chung vốn chăn nuôi. Người thứ nhất bỏ ra 90.000\$ trong 3 năm, người thứ nhì 80.000\$ trong 4 năm. Tiền lãi tất cả là 236.000\$. Hỏi mỗi người được bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Tiền lãi của 90.000 trong 3 năm cũng bằng tiền lãi của 90.000\$ $\times 3 = 270.000\$$ trong một năm. Tiền lãi của 80.000\$ trong 4 năm cũng bằng tiền lãi của 80.000\$ $\times 4 = 320.000\$$ trong một năm.

Chia tiền lãi 236.000\$ tỷ-lệ thuận với 270.000 và 320.000 hay với 27 và 32.

$$\text{Người thứ nhất được : } \frac{236.000\$ \times 27}{(27 + 32)} = 108.000\$.$$

$$\text{Người thứ nhì được : } \frac{236.000\$ \times 32}{(27 + 32)} = 128.000\$.$$

GHI NHỚ : Khi vốn và thời-gian đều khác nhau, thì phải làm cho vốn thay đổi đi như là cùng đặt trong thời-gian bằng nhau.

TÍNH TRĂM

Nhân một số với 175.

Thí-dụ : $16\text{l} \times 175$.Cách tính : $175 = 100$.

$$\begin{aligned} \text{Vậy } 16\text{l} \times 175 &= (16\text{l} \times 1,75) \times 100 \\ &= (16\text{l} + 12) \times 100 = 2.800\text{l}. \end{aligned}$$

CHI NHỚ : Muốn nhân một số với 175, ta nhân số ấy với 1,75 (nghĩa là cộng số ấy với $\frac{3}{4}$ của nó), được bao nhiêu lại nhân với 100.



64 — TẬP LÀM SỐ CHI THU TRONG GIA-ĐÌNH

Mẫu số chi thu (có tính-cách chỉ-dẫn).

THU				CHI				CÒN
Ngày	Khoản thu	Bao nhiêu	Cộng	Ngày	Khoản chi	Bao nhiêu	Cộng	
1	Lương tháng	18.000đ		1	Mua 1 tạ gạo	3.600đ		
	Tiền lãi hùn				Thức ăn	400đ		
	chăn nuôi	10.000đ	28.000đ		Hai thùng dầu hỏa	270đ	4.270đ	23.730đ

TÍNH TRẦN

HỌC ÔN

Chia một số cho 15, 150, — Nhân và chia một số với 0,125.
— Nhân một số với 1,75 ; 17,5 ; 175.



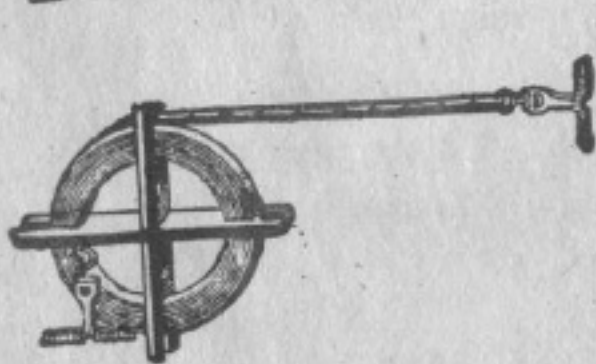
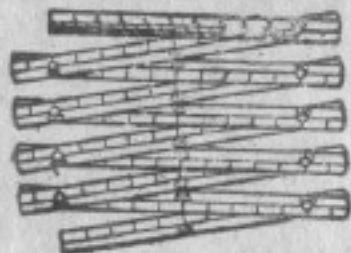
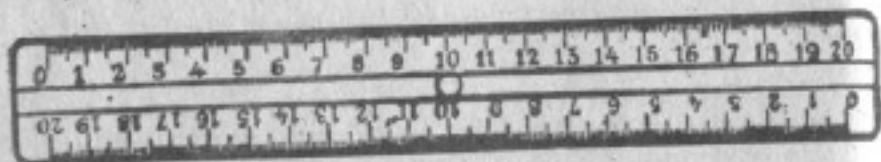
ĐO - LƯỜNG

- I — Học ôn chương . trình lớp Nhì.
- II — Đo thể - tích.
- III — Tỷ - trọng.

CHƯƠNG I

HỌC ÔN CHƯƠNG TRÌNH LỚP BỐN

1 - ĐO CHIỀU DÀI : MÉT (M)



GHÌ NHỚ : 1 - Bội-số của mét :

$$\text{déca - mét (dam)} = 10\text{m}$$

$$\text{hecto - mét (hm)} = 100\text{m}$$

$$\text{ki lo - mét (km)} = 1000\text{m}$$

ĐO LƯỜNG

2 - Ước-số của mét :

$$\text{déci - mét (dm)} = \frac{1}{10}\text{m} = 0\text{m},1$$

$$\text{centi - mét (cm)} = \frac{1}{100}\text{m} = 0\text{m},01$$

$$\text{milli - mét (mm)} = \frac{1}{1000}\text{m} = 0\text{m},001$$

3 - Mỗi đơn-vị chiều dài to hoặc nhỏ hơn đơn-vị liền kề 10 lần và biểu-thị bằng 1 con số.

4 - Muốn đổi đơn-vị chiều dài, ta dịch dấu phẩy về bên phải hoặc bên trái 1, 2 hoặc 3 con số, tùy theo đơn-vị mới nhỏ hay to hơn đơn-vị cũ 10, 100 hay 1.000 lần; đơn-vị nào thiếu ta thay bằng một 0.



2 - ĐO DUNG-TÍCH : LÍT (L)

GHÌ NHỚ : 1 - Bội-số của lít :

$$\text{déca - lít (dal)} = 10\text{l}$$

$$\text{hecto - lít (hl)} = 100\text{l}$$



Vẽ toán-đồ Đo-lường, xin tham-khảo Tự-luyện Toán-đồ của Đặng-duy-Chiêu do Sông Mới xuất-bản.

2 - Ước-số của lít :

$$\text{déci-lít (dl)} = \frac{1}{10} \text{ l} = 0,1$$

$$\text{centi-lít (cl)} = \frac{1}{100} \text{ l} = 0,01$$

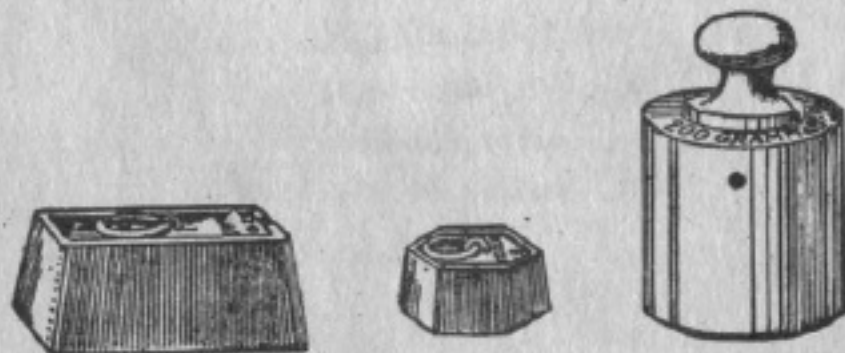
$$\text{mili-lít (ml)} = \frac{1}{1000} \text{ l} = 0,001$$

3 - Mỗi đơn-vị dung-tích to hoặc nhỏ hơn đơn vị liền kề 10 lần và biểu-thị bằng 1 con số.

4 - Muốn đổi đơn-vị dung-tích, ta dịch dấu phẩy về bên phải hoặc bên trái 1,2 hoặc 3 con số, tùy theo đơn-vị mới nhỏ hay to hơn đơn-vị cũ 10, 100 hay 1.000 lần; đơn-vị nào thiếu ta thay bằng một 0.

★

3 - ĐO TRỌNG-LƯỢNG : GAM



GHI NHỚ : 1 - Bội-số của gam :

$$\text{déca-gam (dag)} = 10\text{g}$$

$$\text{hecto-gam (hg)} = 100\text{g}$$

$$\text{kilo-gam (kg)} = 1000\text{g}$$

Kilo-gam có hai bội-số : tạ (t) = 100kg và tấn (t) = 1000kg

2 - Ước-số của gam :

$$\text{déci-gam (dg)} = \frac{1}{10} \text{ g} = 0,1$$

$$\text{centi-gam (cg)} = \frac{1}{100} \text{ g} = 0,01$$

$$\text{mili-gam (mg)} = \frac{1}{1000} \text{ g} = 0,001$$

3 - Mỗi đơn-vị trọng-lượng to hoặc nhỏ hơn đơn vị liền kề 10 lần và biểu-thị bằng 1 con số.

4 - Muốn đổi đơn-vị trọng-lượng, ta dịch dấu phẩy về bên phải hoặc bên trái 1,2 hoặc 3 con số, tùy theo đơn-vị mới nhỏ hay to hơn đơn-vị cũ 10, 100 hay 1000 lần; đơn-vị nào thiếu ta thay bằng một 0.

★

4 - ĐO DIỆN-TÍCH : MÉT VUÔNG (m^2)

GHI NHỚ : 1 - Bội-số của mét vuông :

$$\text{déca-mét vuông (dam}^2\text{)} = 100\text{m}^2$$

$$\text{hecto-mét vuông (hm}^2\text{)} = 10.000\text{m}^2$$

$$\text{kilo-mét vuông (km}^2\text{)} = 1.000.000\text{m}^2$$

2 - Ước-số của mét vuông :

$$\text{déci-mét vuông (dam}^2\text{)} = \frac{1}{100} \text{ m}^2 = 0,01$$

$$\text{centi-mét vuông (cm}^2\text{)} = \frac{1}{10.000} \text{ m}^2 = 0,0001$$

$$\text{mili-mét vuông (mm}^2\text{)} = \frac{1}{1.000.000} \text{ m}^2 = 0,000001$$

5 - ĐO DIỆN TÍCH: MÉT VUÔNG (tiếp theo).

GHI NHỚ: 1 - Mỗi đơn-vị diện tích to hoặc nhỏ hơn đơn-vị liền kề 100 lần và biểu-thị bằng 2 con số.

2 - Muốn đổi đơn-vị diện-tích lớn ra đơn-vị nhỏ hoặc đơn-vị diện-tích nhỏ ra đơn-vị lớn, ta dịch dấu phẩy từ trái sang phải hoặc từ phải sang trái, mỗi đơn-vị dịch hai con số; đơn-vị nào hoàn-toàn thiếu, ta thay bằng hai 0, đơn-vị nào thiếu một con số ta thay bằng một 0.



6 - ĐO RUỘNG ĐẤT: SÀO, MẪU TÂY

GHI NHỚ: 1 - Những đơn-vị dùng để đo ruộng đất có:

$$\text{Sào tây: are (a)} = 1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ m}^2$$

$$\text{Mẫu tây: hectare (ha)} = 100 \text{ a} = 100 \text{ dam}^2 = 1 \text{ hm}^2 = 10.000 \text{ m}^2$$

$$\text{Cao tây: centiare (ca)} = \frac{1}{100} \text{ a} = 1 \text{ m}^2$$

2 - Mỗi đơn-vị đo ruộng đất lớn hoặc nhỏ hơn đơn-vị liền kề 100 lần và biểu-thị bằng 2 con số.

3 - Muốn đổi đơn-vị đo ruộng đất, ta cũng làm giống như cách đổi đơn-vị diện-tích.



ĐO THỂ-TÍCH

7 - MÉT KHỐI

GHI NHỚ: 1 - Đơn-vị chính để đo thể-tích là mét khối, viết tắt là m^3 .

2 - Mét khối là thể-tích một khối vuông mỗi cạnh đo được 1m.

Mỗi mặt của mét khối là 1 m^2 .



8 - BỘI-SỐ CỦA MÉT KHỐI

GHI NHỚ: Những bội-số của mét khối là:

$$\begin{aligned} \text{déca - mét khối (dam}^3) &= 1000 \text{ m}^3 \\ \text{hecto - mét khối (hm}^3) &= 1000 \text{ dam}^3 = 1.000.000 \text{ m}^3 \\ \text{kilo - mét khối (km}^3) &= 1000 \text{ hm}^3 = 1.000.000 \text{ dam}^3 \\ &= 1.000.000.000 \text{ m}^3 \end{aligned}$$

Những bội-số của mét khối quá lớn không thông-dụng, ngoài việc dùng kilo-mét khối để đo thể-tích trái-đất, mặt trời...



9 - ƯỚC-SỐ CỦA MÉT KHỐI

GHI NHỚ: Những ước-số của mét khối là:

$$\begin{aligned} \text{déci - mét khối (dm}^3) &= 0 \text{ m}^3, 001 \text{ (1 phần nghìn m}^3) \\ \text{centi - mét khối (cm}^3) &= 0 \text{ m}^3, 000.001 \text{ (1 phần triệu m}^3) \\ \text{mili - mét khối (mm}^3) &= 0 \text{ m}^3, 000.000.001 \text{ (1 phần tỷ m}^3) \end{aligned}$$

10 - SỰ LIÊN-LẠC GIỮA CÁC ĐƠN-VỊ THỂ-TÍCH

GHI NHỚ: 1 - Mỗi đơn-vị thể-tích lớn hoặc nhỏ hơn đơn-vị liền kề 1000 lần.

2 - Mỗi đơn-vị thể-tích biểu-thị bằng 3 con số.

11 — ĐỌC SỐ CHỈ THỂ-TÍCH

Thí-dụ 1 : $25m^3, 425693$ đọc là : $25m^3 425dm^3 693cm^3$.

Thí-dụ 2 : $14m^3, 3687$ đọc là : $14m^3 368dm^3 700cm^3$.

CHI NHỚ : Muốn đọc số chỉ thể-tích, thì đọc phần nguyên trước, rồi lần-lượt mỗi đoạn 3 con số của phần thập-phân với tên đơn-vị của nó ; nếu đoạn sau cùng chỉ có 1 hay 2 con số thì phải thêm 0 cho đủ 3 con số.



12 — VIẾT SỐ CHỈ THỂ-TÍCH

Thí-dụ 1 : Viết $16m^3 23 dm^3 9cm^3 = 16m^3, 023.009$.

Thí-dụ 2 : Viết $21m^3 45 dm^3 14mm^3 = 21m^3, 045.000.014$.

CHI-NHỚ : Muốn viết số chỉ thể tích, thì viết phần nguyên trước, đánh dấu phẩy, rồi đến phần thập - phân, mỗi đơn-vị biểu-thị bằng một đoạn 3 con số, đoạn nào thiếu phải thêm 0.



13 — ĐỔI ĐƠN-VỊ THỂ-TÍCH

— Đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ :

Thí-dụ : đổi $12m^3, 35698261$ ra cm^3 , ta có :

$$12m^3, 35698261 = 12\,356.982cm^3, 610.$$

CHI NHỚ : Muốn đổi đơn-vị thể-tích lớn ra đơn-vị nhỏ, thì dịch dấu phẩy từ trái sang phải, mỗi đơn-vị dịch 3 con số, đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 0 cho đủ 3 con số.



14 — ĐỔI ĐƠN-VỊ THỂ-TÍCH (tiếp theo)

II — Đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn :

Thí - dụ : đổi $2.896.750mm^3$ ra m^3 , ta có : $0m^3, 002.896.750$

CHI NHỚ : Muốn đổi đơn-vị thể-tích nhỏ ra đơn-vị lớn, thì dịch dấu phẩy sang trái, mỗi đơn-vị dịch 3 con số, đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 0 cho đủ 3 con số.



15 — TÍNH ĐỐ: XÂY TƯỜNG (1)

CHI NHỚ : 1 — Muốn tìm số gạch xây tường, ta chia thể tích bức tường cho thể-tích một viên gạch :

$$\text{Số gạch} = \frac{\text{Thể tích tường}}{\text{Thể-tích 1 viên gạch}}$$

2 — Nếu trong đầu bài cho thêm thể-tích hồ xây, thì phải đem thể-tích bức tường trừ đi thể-tích hồ xây, rồi mới chia cho thể-tích một viên gạch, sẽ thấy số gạch.



16 — TÍNH ĐỐ: ĐÀO HỒ

CHI NHỚ : 1 — Muốn tìm bề sâu cái hố, ta chia thể-tích cho diện-tích đáy cái hố :

$$\text{Bề sâu} = \frac{\text{Thể-tích hố}}{\text{Diện-tích đáy}}$$

2. — Muốn tìm thể-tích đất đào lên, thì cộng thể-tích hố với thể-tích đất nở ra.



17. — TÍNH ĐỐ: RÀI ĐÁ ĐƯỜNG, RÀI ĐẤT.

CHI NHỚ : 1. — Muốn tìm bề dày lớp đất (hoặc đá) rải trên đường, ta chia thể-tích đất (hoặc đá) cho diện-tích con đường :

$$\text{Bề dày lớp đất} = \frac{\text{Thể-tích đất}}{\text{Diện-tích con đường}}$$

(1) Xem Tự luyện Toán-đố của Đặng-duy-Chiều

2 - Khi rải mà không nện thì tất nhiên thể-tích đất (hoặc đá) sẽ tăng thêm. Phải chia thể-tích đã tăng thêm này cho diện-tích con đường.

Trong trường-hợp đất (hoặc đá) bị nén xuống thì chia thể-tích đã giảm đi cho diện-tích con đường.

18. - LIÊN-LẠC GIỮA THỂ-TÍCH, DUNG-TÍCH VÀ TRỌNG-LƯỢNG

GHI NHỚ :

$$1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ l} = 1 \text{ kg}$$

$$10 \text{ dm}^3 = 1 \text{ dal} = 10 \text{ l} = 10 \text{ kg}$$

$$100 \text{ dm}^3 = 1 \text{ hl} = 100 \text{ l} = 100 \text{ kg} = 1 \text{ tạ}$$

$$1 \text{ m}^3 = 10 \text{ hl} = 1.000 \text{ l} = 1.000 \text{ kg} = 1 \text{ tấn}$$

19. - LIÊN LẠC GIỮA THỂ-TÍCH, DUNG-TÍCH VÀ TRỌNG-LƯỢNG (tiếp theo)

GHI NHỚ :

$$1 \text{ cm}^3 = 1 \text{ ml} = 1 \text{ g}$$

$$10 \text{ cm}^3 = 1 \text{ cl} = 1 \text{ dag} = 10 \text{ g}$$

$$100 \text{ cm}^3 = 1 \text{ dl} = 1 \text{ hg} = 100 \text{ g}$$

20 TÍNH-ĐÓ VỀ THỂ-TÍCH, DUNG TÍCH, TRỌNG LƯỢNG

GHI NHỚ : 1 - Nước là : Nước tinh-khiết ở 4° thì

$$1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ l} \text{ và nặng } 1 \text{ kg.}$$

2 - Các chất khác : $1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ l}$

nhưng trọng-lượng thì có chất 1 dm^3 nặng kém 1 kg , có chất 1 dm^3 nặng hơn 1 kg .

3 - Muốn tìm trọng-lượng tất cả, thì cộng trọng-lượng vỏ thùng với trọng-lượng chất đựng trong thùng.

4 - Muốn tìm trọng-lượng vỏ thùng thì đem trọng-lượng tất cả trừ đi trọng-lượng chất đựng trong thùng.

☆

21 - TÍNH ĐÓ VỀ THỂ-TÍCH, DUNG TÍCH VÀ TRỌNG LƯỢNG (tiếp theo)

GHI NHỚ : 1 - Có dung-tích, muốn tìm thể-tích, thì chỉ việc đổi dung-tích ra thể-tích căn-cứ vào

$$1 \text{ l} = 1 \text{ dm}^3$$

2 - Có thể-tích, muốn tìm dung-tích, thì chỉ việc đổi thể-tích ra dung tích căn cứ vào :

$$1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ l}$$

3 - Có dung tích, muốn tìm chiều cao cái thùng chứa thì đổi dung-tích ra thể-tích rồi chia thể-tích cho diện-tích đáy thùng.

4 - Có dung-tích thùng chứa, muốn tìm số chai, thì chia dung-tích thùng chứa cho dung-tích một chai.

※

22 - HỌC ÔN

Mét khối : bội-số, ước-số ; cách đọc, cách viết số chỉ thể-tích ; cách đổi đơn-vị số chỉ thể-tích : - liên-lạc giữa thể-tích và trọng-lượng.

23. — THỂ NÀO LÀ TỶ-TRỌNG

Thí-dụ : 1 dm³ nước nặng 1 kg, 1 dm³ đồng nặng 8 kg, 93.
 1 cm³ nước nặng 1 g, 1 cm³ đồng nặng 8 g, 93.
 1 m³ nước nặng 1 tấn, 1 m³ đồng nặng 8 tấn, 93.
 Ta nói tỷ-trọng của đồng là 8, 93.

GHI-NHỚ : 1. — Tỷ-trọng của một vật là số chỉ trọng-lượng :

- 1 dm³ vật ấy tính ra kg.
- 1 cm³ vật ấy tính ra g.
- 1 m³ vật ấy tính ra tấn.

2. — Tỷ-trọng của một vật là số chỉ rằng vật ấy nặng bằng bao nhiêu lần nước, với một thể-tích tương đương.

☆

24. — TÌM TỶ-TRỌNG

Thí-dụ : 5 dm³ sắt nặng 39 kg. Tìm tỷ-trọng của sắt.

BÀI GIẢI

— Trọng-lượng 1 dm³ sắt là : $39 \text{ kg} : 5 = 7 \text{ kg } 8$.
 Vậy tỷ-trọng của sắt là 7,8.

GHI NHỚ : Muốn tìm tỷ-trọng một vật thì chia trọng-lượng vật ấy cho thể-tích của nó :

$$t = \frac{N}{T}$$

(t = tỷ-trọng, N = trọng-lượng tức sức nặng, T = thể-tích)

Chú ý : a) Nếu trọng-lượng là kg, thì phải chia cho thể-tích là dm³.
 b) Nếu trọng-lượng là g, thì phải chia cho thể-tích là cm³.
 c) Nếu trọng-lượng là tấn, thì phải chia cho thể-tích là m³.

25. — TÍNH ĐỐ VỀ TỶ-TRỌNG

Thí-dụ : Một cái bình rỗng cân nặng 200g, đầy nước cân được 20kg, 200. Đầy dầu cân được 18kg, 500. Hỏi tỷ-trọng của dầu bao nhiêu ?

Hướng-dẫn : Muốn tìm tỷ-trọng của dầu, ta chia trọng-lượng của dầu cho thể-tích của dầu.

Trọng-lượng của dầu bằng trọng-lượng cái bình đầy dầu (tức vừa bình vừa dầu) trừ đi trọng-lượng cái bình rỗng : 18kg, 500 — 0 kg, 200.

Còn thể-tích của dầu cũng như thể-tích của nước. Mà muốn tìm thể-tích của nước thì đem trọng-lượng bình đầy nước (tức vừa bình vừa nước) trừ đi trọng-lượng cái bình rỗng : 20kg, 200 — 0kg, 200.

Nước nặng bao nhiêu kg, thể-tích nước là ngần ấy dm³ và thể-tích dầu cũng như vậy.

BÀI GIẢI

Trọng-lượng của dầu : $18 \text{ kg, } 500 - 0 \text{ kg, } 200 = 18 \text{ kg, } 300$.
 Trọng-lượng của nước : $20 \text{ kg, } 200 - 0 \text{ kg, } 200 = 20 \text{ kg}$.
 Thể-tích nước, tức thể-tích dầu : $20 \text{ kg} = 20 \text{ dm}^3 = 20 \text{ l}$.
 Trọng-lượng 1 dm³ (hay 1l) dầu : $18 \text{ kg, } 300 : 20 = 0 \text{ kg, } 915$.

ĐÁP-SỐ : Tỷ-trọng của dầu : 0, 915.

GHI NHỚ : Nước đựng trong bình nặng bao nhiêu kg, thì thể-tích nước là ngần ấy dm³, và bất cứ chất gì đựng trong bình ấy thể-tích cũng như vậy.

✱

26. — TÍNH ĐỐ VỀ TỶ-TRỌNG (tiếp theo)

Thí-dụ : Một bình đầy nước nặng 2.500g. Thả vào bình 312g, 55 đồng thì bình nặng 2.777g, 55. Hỏi tỷ-trọng của đồng bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Khi thả miếng đồng vào bình đầy nước thì nước trào ra. Trọng-lượng nước trào ra là :

$$2.500\text{g} - (2.777\text{g} \cdot 55 - 312\text{g} \cdot 55) = 35\text{g}$$

Thể-tích nước trào ra, tức thể-tích miếng đồng :

$$35\text{g} = 32\text{cm}^3.$$

Trọng-lượng 1cm^3 đồng : $312\text{g} \cdot 55 : 35 = 8\text{g} \cdot 93$.

Đáp số : tỷ-trọng của đồng : 8,93

GHI NHỚ : Khi bỏ một vật vào bình đầy nước, thể-tích nước trào ra là thể-tích của vật ấy.



27. - TÌM TRỌNG-LƯỢNG

Thí dụ : Một thỏi vàng thể-tích là 5cm^3 , tỷ-trọng của vàng là 19,27. Trọng-lượng của thỏi vàng ấy bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Tỷ-trọng của vàng là 19,27, nghĩa là 1cm^3 vàng nặng 19g,27. Vậy trọng-lượng của vàng là :

$$19\text{g} \cdot 27 \times 5 = 96\text{g} \cdot 35$$

GHI NHỚ : Muốn tìm trọng-lượng một vật, thì nhân thể-tích vật ấy với tỷ-trọng của nó :

$$N = T \times t.$$

Chú ý : a) Nếu lấy đơn-vị thể-tích là dm^3 , thì đơn-vị trọng-lượng là kg;

b) Nếu lấy đơn-vị thể-tích là cm^3 thì đơn-vị trọng-lượng là g;

c) Nếu lấy đơn-vị thể-tích là m^3 thì đơn-vị trọng-lượng là tấn.



28 - TÍNH ĐÓ VỀ TRỌNG-LƯỢNG

Thí dụ : Thùng rỗng nặng 1kg, 250 ; đầy nước nặng 21kg, 500. Đựng đầy dầu-hỏa tỷ-trọng 0,8 trong thùng này thì cân nặng bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Trọng-lượng nước trong thùng : $21\text{kg} \cdot 500 - 1\text{kg} \cdot 250 = 20\text{kg} \cdot 250$

Dung-tích cái thùng (tức thể-tích dầu) :

$$20\text{kg} \cdot 250 = 20\text{l} \cdot 250 = 20\text{dm}^3 \cdot 250.$$

Trọng-lượng dầu đựng đầy thùng :

$$1\text{kg} \times 20 \cdot 250 \times 0,8 = 16\text{kg} \cdot 200.$$

Thùng dầu cân nặng : $16\text{kg} \cdot 250 + 1\text{kg} \cdot 250 = 17\text{kg} \cdot 500$

Đáp-số : 17kg, 500.

GHI NHỚ : Dung-tích cái thùng là bao nhiêu lít thì thể-tích chất đựng trong thùng là ngàn ấy dm^3 .



29 - TÍNH ĐÓ VỀ TRỌNG-LƯỢNG (tiếp theo)

Thí dụ : Một bình đầy nước nặng 850g. Bỏ vào bình $3\text{cm}^3 \cdot 500$ một vật dẫn tỷ-trọng 2,5 thì trọng-lượng bình là bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Trọng-lượng vật bỏ vào bình :

$$1\text{g} \times 3,5 \times 2,5 = 8\text{g} \cdot 750.$$

Thể-tích vật bỏ vào bình là $3\text{cm}^3 \cdot 500$ thì thể-tích nước trào ra là $3\text{cm}^3 \cdot 500$, tức 3g, 500.

Vậy sau khi bỏ vật dẫn vào bình đầy nước, bình nặng là : $(850\text{g} - 3\text{g} \cdot 5) + 8\text{g} \cdot 75 = 855\text{g} \cdot 25$.

ĐÁP-SỐ : 855g, 25

GHI NHỚ : Khi bỏ một vật vào bình đầy nước, phải trừ trọng-lượng nước trào ra.



30 - TÌM THỂ-TÍCH

Thí dụ : Một tảng đá nặng 40kg. Tỷ-trọng của đá là 2,5 ; vậy thể-tích bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Tỷ-trọng của đá là 2,5 nghĩa là 1dm^3 đá nặng 2kg, 5. Vậy thể-tích tảng đá là : $4\text{dm}^3 \times 40 : 2,5 = 16\text{dm}^3$.

CHI NHỚ: Muốn tìm thể-tích một vật, thì chia trọng-lượng vật ấy cho tỷ-trọng của nó.

$$T = \frac{N}{t}$$

Chú-ý: a) Nếu trọng-lượng là kg thì thấy thể-tích là dm^3 ;

b) Nếu trọng-lượng là g thì thấy thể-tích là cm^3 .

c) Nếu trọng-lượng là tấn thì thấy thể-tích là m^3 .



31 — TÍNH ĐO VỀ THỂ-TÍCH

Thí dụ: Một cái thùng rỗng nặng 1.120g, đựng đầy rượu tỷ-trọng 0,8 thì nặng 22kg. Hỏi chiều cao cái thùng biết rằng diện-tích đáy là 4dm^2 , 50 ?

BÀI GIẢI

$$1.120\text{g} = 1\text{kg}, 120$$

Trọng-lượng rượu trong thùng: $22\text{kg} - 1\text{kg}, 120 = 20\text{kg}, 880$.

$$\text{Dung-tích cái thùng: } \frac{1\text{l} \times 20,880}{0,8} = 26\text{l}, 10 = 26\text{dm}^3, 100$$

$$\text{Chiều cao cái thùng: } \frac{1\text{m} \times 26,100}{4,5} = 5\text{dm}, 8 = 0\text{m}, 58$$

ĐÁP-SỐ: 0m, 58

CHI NHỚ: 1 — Chỉ chia trọng-lượng chất đựng trong thùng cho tỷ-trọng (nghĩa là không kể trọng-lượng vỏ thùng).

2 — Có thể-tích, muốn tìm chiều cao cái thùng, thì chia thể-tích cho diện-tích đáy thùng



32 — TÍNH-ĐO VỀ THỂ-TÍCH (tiếp-theo)

Thí-dụ: Một cái bình chứa đầy sữa tỷ-trọng 1,03 thì cân được 1kg 545; chứa đầy rượu tỷ-trọng 0,08 thì nặng 1kg, 200. Hỏi dung-tích cái bình bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Tỷ-trọng sữa là 1,03 và tỷ-trọng rượu là 0,8 nghĩa là 1dm^3 (hay 1l) sữa nặng 1kg, 03, 1dm^3 (hay 1l) rượu nặng 0kg, 8.

Một lít sữa nặng hơn 1l rượu là:

$$1\text{kg}, 03 - 0\text{kg}, 80 = 0\text{kg}, 23.$$

Bình chứa đầy sữa nặng hơn bình chứa đầy rượu là:

$$1\text{kg}, 545 - 1\text{kg}, 200 = 0\text{kg}, 345.$$

$$\text{Dung-tích bình là: } \frac{1\text{l} \times 0,345}{0,23} = 1\text{l}, 5.$$

ĐÁP-SỐ: 1l, 5.

CHI NHỚ: Thể tích vật chứa trong bình là bao nhiêu dm^3 thì dung-tích bình là ngàn ấy lít.



HÌNH-HỌC

- I— Ôn lại các hình đã học.
- II— Tỷ-lệ-xích.
- III— Các khối.

ÔN LẠI CÁC HÌNH ĐÃ HỌC

1 — HÌNH VUÔNG

GHI NHỚ : 1 — Hình vuông là hình có 4 cạnh bằng nhau và 4 góc vuông.

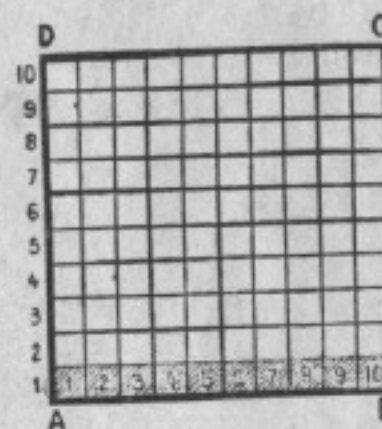
2 — Muốn tìm chu-vi hình vuông, ta nhân chiều dài một cạnh với 4 :

$$C.v = c \times 4.$$

3 — Muốn tìm diện-tích hình vuông, ta nhân cạnh với cạnh :

$$D. t = c \times c.$$

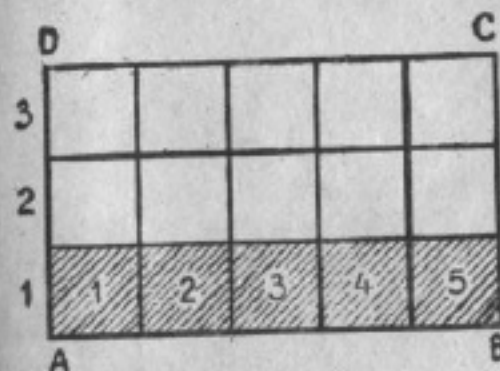
4 — Có chu-vi, muốn tìm diện-tích, ta chia chu-vi cho 4 để tìm chiều dài một cạnh, rồi nhân cạnh với cạnh.



2 — HÌNH CHỮ NHẬT

GHI NHỚ : 1 — Hình chữ nhật là hình có 4 cạnh, những cạnh đối - diện song-song và bằng nhau, và 4 góc vuông.

2 — Muốn tìm chu-vi hình chữ nhật, ta cộng chiều dài với chiều rộng rồi nhân với 2 :



$$C.v = (D+r) 2.$$

$$\text{Do đó : } D = \frac{C.v}{2} - r \text{ và } r = \frac{C.v}{2} - D.$$

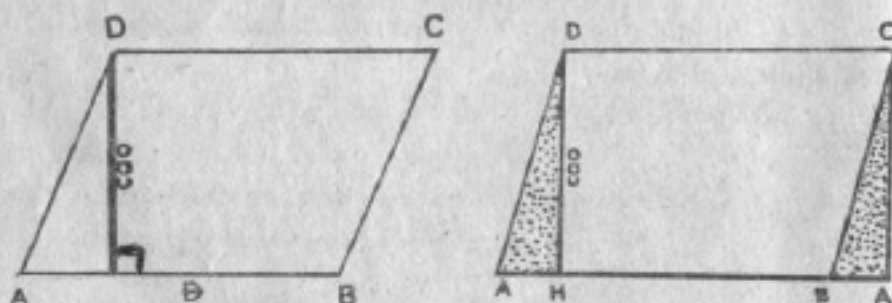
3 — Muốn tìm diện-tích hình chữ nhật, ta nhân chiều dài với chiều rộng :

$$D.t = D \times r$$

$$\text{Do đó : } D = \frac{D.t}{r} \text{ và } r = \frac{D.t}{D}.$$

★

3.— HÌNH BÌNH-HÀNH



GHI NHỚ : 1.— Hình bình-hành là hình có 4 cạnh, những cạnh đối-diện song-song và bằng nhau, nhưng những góc không vuông

2. Muốn tìm diện-tích hình bình-hành, ta nhân đường đáy với chiều cao :

$$D.t = D \times C$$

$$\text{Do đó : } D = \frac{D.t}{C} \text{ và } C = \frac{D.t}{D}$$

★

Về toán-đố Hình-học, xin tham-thảo *Tự-luyện Toán-đố của Đặng-duy-Chiêu* do Sông Mới xuất-bản

4.— HÌNH TAM-GIÁC

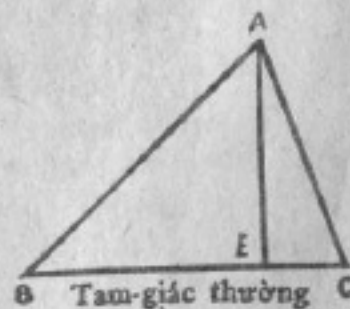
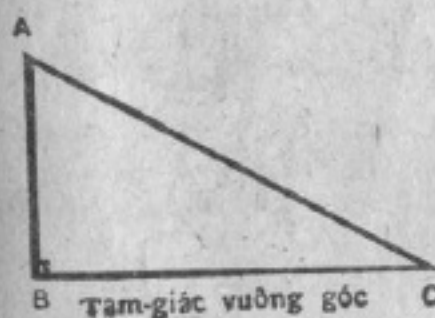
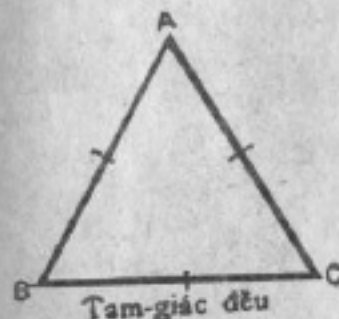
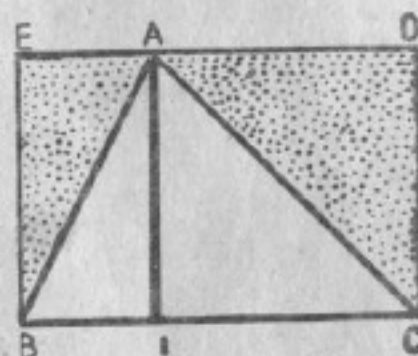
GHI NHỚ : Hình tam-giác là hình có 3 cạnh và 3 góc. Cạnh còn gọi là đường đáy.

Có : tam-giác đều, tam-giác cân, tam-giác vuông góc, tam-giác thường.

2.— Muốn tìm diện-tích hình tam-giác, ta :

a) nhân đường đáy với chiều cao rồi chia 2 :

$$D.t = \frac{D \times C}{2}$$



b) nhân nửa đường đáy với chiều cao :

$$D.t = \frac{D}{2} \times C.$$

c) nhân đường đáy với nửa chiều cao :

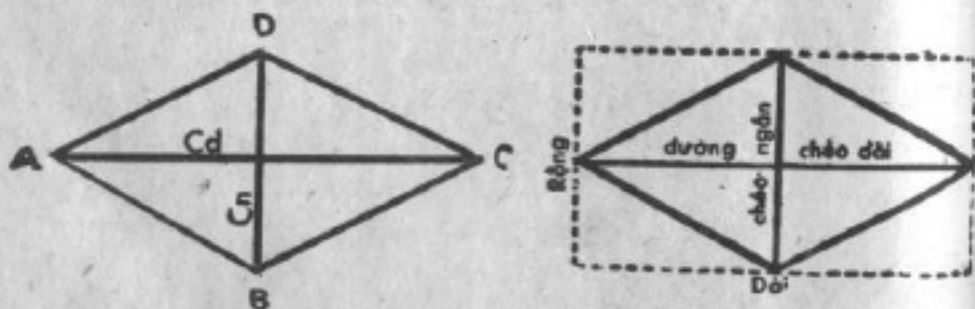
$$D.t = D \times \frac{C}{2}$$

Do đó : $D = \frac{2 D.t}{C}$ hay $D.t : \frac{C}{2}$ và $C = \frac{2 D.t}{D}$

$$D.t : \frac{D}{2}$$

★

5 — HÌNH THOI



GHI NHỚ : 1 — Hình thoi là hình có 4 cạnh bằng nhau, những cạnh đối-diện song-song, và những góc không vuông.

2 — Muốn tìm diện-tích hình thoi, ta :

a) nhân đường chéo dài với đường chéo ngắn rồi chia 2 :

$$D.t = \frac{C \times c}{2}.$$

b) nhân nửa đường chéo dài với đường chéo ngắn :

$$D.t = \frac{C}{2} \times c.$$

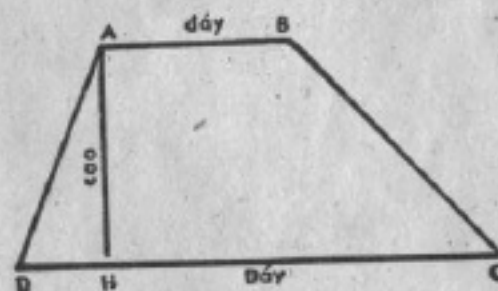
c) nhân đường chéo dài với nửa đường chéo ngắn :

$$D.t = C \times \frac{c}{2}.$$

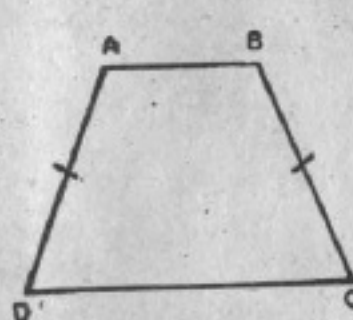
Do đó $C = \frac{2 D.t}{c}$ hay $D.t : \frac{c}{2}$ và $c = \frac{2 D.t}{C}$
hay $D.t : \frac{C}{2}.$

○

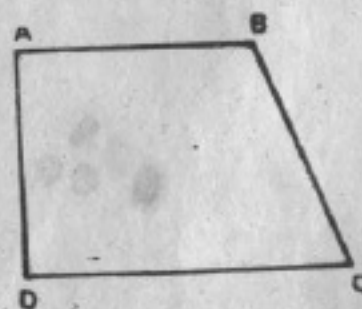
6 — HÌNH THANG



Hình thang thường



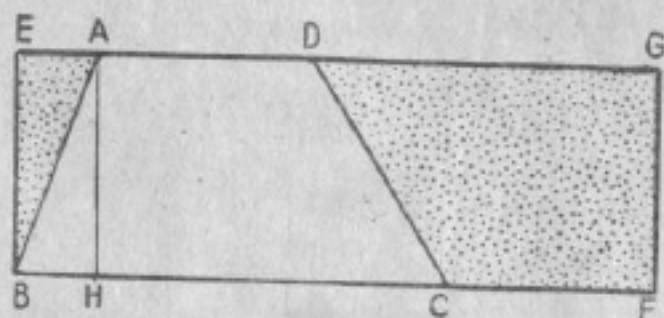
Hình thang cân



Hình thang vuông góc

GHI NHỚ : 1 — Hình thang là hình có 4 cạnh hai cạnh đối-diện song-song và 2 cạnh đối-diện không song song. Hai cạnh song-song gọi là bề nằm hay đường đáy của hình thang. Có : hình thang thường, hình thang cân, hình thang vuông góc.

2 — Muốn tìm diện-tích hình thang, ta :



a) nhân nửa tổng-số 2 đường đáy với chiều cao :

$$Dt = \frac{D + d}{2} \times C$$

b) nhân tổng-số 2 đường đáy với nửa chiều cao :

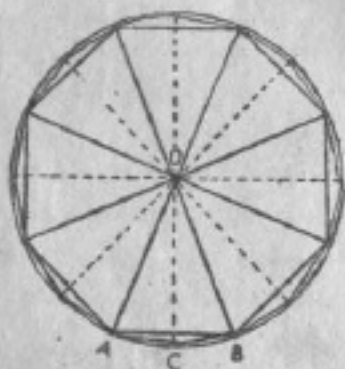
$$Dt = (D + d) \times \frac{C}{2}$$

$$\text{Do đó : } C = \frac{2Dt}{D + d} \text{ hay } Dt = \frac{D + d}{2}$$

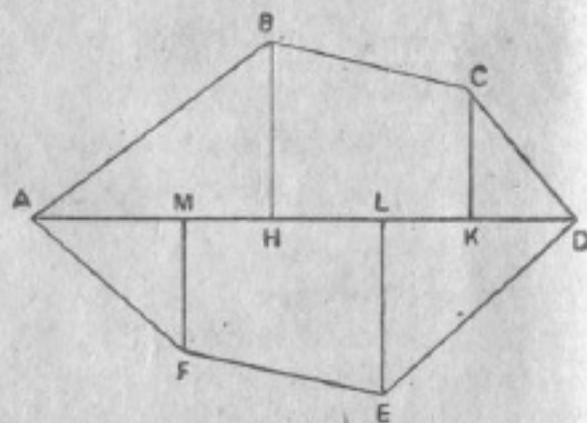
$$\text{và } D + d = \frac{2Dt}{C} \text{ hay } Dt = \frac{C}{2}$$

★

7.— HÌNH ĐA-GIÁC



đo-giác đều



đo-giác không đều

GHI NHỚ : 1.— Hình đa-giác đều là hình có nhiều cạnh bằng nhau và nhiều góc bằng nhau.

2.— Muốn tìm diện-tích hình đa giác đều, ta :

a) nhân chu-vi với nửa đường trung-đoạn :

$$Dt = C_v \times \frac{T_d}{2}$$

b) nhân nửa chu-vi với đường trung đoạn :

$$Dt = \frac{C_v}{2} \times T_d$$

$$\text{Do đó : } T_d = \frac{2Dt}{C_v} \text{ hay } Dt = \frac{C_v}{2}$$

$$\text{và } C_v = \frac{2Dt}{T_d} \text{ hay } Dt = \frac{T_d}{2}$$

3.— Muốn tìm diện-tích hình đa-giác không đều, ta chia hình đa-giác thành nhiều hình, tìm diện-tích của mỗi hình rồi cộng lại.

★

8.— HÌNH TRÒN

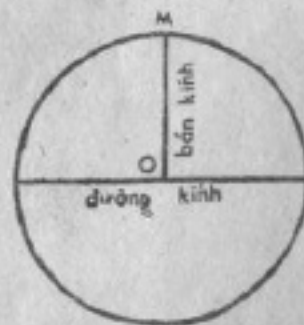
GHI NHỚ : 1.— Hình tròn là hình giới-hạn bởi một đường vòng mà điểm nào cũng cách đều với một điểm ở giữa gọi là tâm-điểm.

2.— Muốn tìm vi-ên-chu hình tròn, ta nhân đường kính với π (3, 14 16).

$$VC = \pi \times K$$

$$\text{Do đó : } K = \frac{VC}{\pi}$$

3.— Muốn tìm diện-tích hình tròn, ta nhân bình-phương bán-kính với π :



$$Dt = \pi \times bk^2.$$

Có viên-chu, muốn tìm diện-tích, ta :

- chia viên-chu cho π thấy đường kính ;
- chia đường kính cho 2 thấy bán-kính ;
- nhân bán-kính với bán-kính thấy bình-phương bán-kính ;
- nhân bình-phương bán-kính với π .

★

8. — HÌNH VÀNH KHĂN

GHI NHỚ: 1 — Hình vành khăn là hình giới-hạn bởi hai vòng tròn cùng tâm-điểm.

2 — Muốn tìm diện-tích hình vành khăn, ta đem bình-phương bán-kính lớn trừ đi bình-phương bán-kính nhỏ, rồi nhân với π :

$$Dt = (BK^2 - bk^2) \times \pi.$$



TỶ-LỆ XÍCH

10 — ĐẠI-Y VỀ TỶ-LỆ-XÍCH

GHI NHỚ: 1 — Tỷ-lệ-xích là số chỉ tỷ-lệ giữa kích-thước một bản-đồ với kích-thước thực.

2 — Tỷ-lệ-xích viết như một phân-số : tử-số bao giờ cũng là 1 chỉ đơn-vị chiều dài vẽ trên bản-đồ, mẫu-số cho biết đường dài thật thu nhỏ đi bao nhiêu lần.

Thí-dụ : $\frac{1}{250.000}$

Tử-số chỉ mm thì mẫu-số cũng chỉ mm, tử-số chỉ cm thì mẫu-số cũng chỉ em.

★

11 — TÌM CHIỀU DÀI THẬT

Thí-dụ : Trên bản-đồ tỷ-lệ-xích $\frac{1}{1.000.000}$, Tỷ đo đường từ làng đến tỉnh thấy 35 mm. Tìm quãng đường từ làng Tỷ đến tỉnh.

BÀI GIẢI

Tỷ-lệ-xích là $\frac{1}{1.000.000}$ nghĩa là chiều dài rút ngắn trên bản-đồ là 1mm thì chiều dài thật là 1.000.000 mm. Vậy quãng đường từ làng Tỷ đến tỉnh là : $35\text{mm} \times 1.000.000 = 35\text{km}$.

GHI NHỚ: Muốn tìm chiều dài thật, ta nhân chiều dài rút ngắn trên bản-đồ với mẫu-số tỷ-lệ-xích.

$$D = d \times t \quad (t = \text{mẫu-số tỷ-lệ-xích})$$

★

12. — TÌM CHIỀU DÀI RÚT NGẮN

Thí dụ : Hai địa-điểm cách nhau 40 km. Trên bản-đồ tỷ-lệ-xích $\frac{1}{2.000.000}$ thì 2 địa-điểm ấy cách nhau bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

Đường dài thật là 2.000.000 cm thì trên bản-đồ là 1 cm.

Đường dài thật là 1 cm thì trên bản đồ là : $\frac{1}{2.000.000}$

Đường dài thật là 40 km (tức 4.000.000 cm) thì trên bản-đồ

$$\frac{1 \times 4.000.000}{2.000.000} = 2 \text{ cm.}$$

GHI NHỚ : Muốn tìm chiều dài rút ngắn trên bản-đồ, ta chia chiều dài thật cho mẫu-số tỷ-lệ-xích :

$$d = \frac{D}{t}$$

13. — TÌM TỶ-LỆ-XÍCH

Thí-dụ : Tỉnh A cách tỉnh B 60 km. Trên bản-đồ đo được 6 cm. Hỏi bản-đồ vẽ theo tỷ-lệ-xích nào ?

BÀI GIẢI

Đường dài thật là 60 km hay 6.000.000 cm thì trên bản-đồ là 6 cm. Như vậy, so với đường dài thật, chiều dài trên bản-đồ rút ngắn đi :

$$\frac{6.000.000}{6} = 1.000.000 \text{ lần,}$$

Vậy tỷ-lệ-xích là : $\frac{1}{1.000.000}$

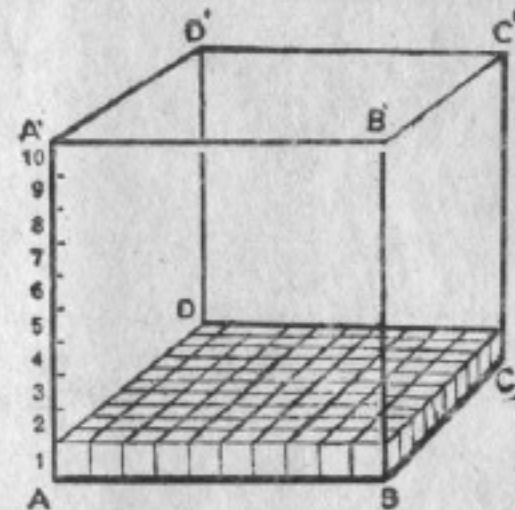
GHI NHỚ : Muốn tìm tỷ-lệ-xích, ta tìm mẫu-số tỷ-lệ-xích, bằng cách chia đường dài thật cho chiều dài rút ngắn trên bản-đồ, tử-số tỷ-lệ-xích bao giờ cũng là 1 :

$$t = \frac{D}{d}$$

CÁC KHỐI

14 — KHỐI VUÔNG

CHỈ NHỚ : Khối vuông là khối có sáu mặt vuông bằng nhau và 12 cạnh bằng nhau.



15 — KHỐI VUÔNG (tiếp theo)

Diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-thể.

Thí-dụ : Một khối vuông cạnh 5 cm. Tìm diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-thể.

BÀI GIẢI

Diện-tích chung quanh : $1\text{cm}^2 \times (5 \times 5) \times 4 = 100\text{cm}^2.$

Diện - tích toàn - thể : $1\text{cm}^2 \times (5 \times 5) \times 6 = 150\text{cm}^2.$

GHI NHỚ : 1 — Muốn tìm diện-tích chung quanh khối vuông, ta nhân diện tích một mặt với 4

$$D_{\text{tq}} = D_{\text{tm}} \times 4$$

2 — Muốn tìm diện-tích toàn-thể khối vuông, ta nhân diện-tích một mặt với 6 :

$$D_{\text{tt}} = D_{\text{tm}} \times 6$$

16 — KHỐI VUÔNG (tiếp theo)

Thể-tích

Thí-dụ Một khối vuông cạnh 6cm. Hỏi thể-tích bao nhiêu?

BÀI GIẢI

Thể-tích khối vuông : $1 \text{ cm}^3 \times 6 \times 6 \times 6 = 216 \text{ cm}^3$.

GHI NHỚ : Muốn tìm thể-tích khối vuông, ta qui lập-phương cạnh của khối vuông, nghĩa là nhân cạnh với cạnh, được bao nhiêu lại nhân với cạnh.

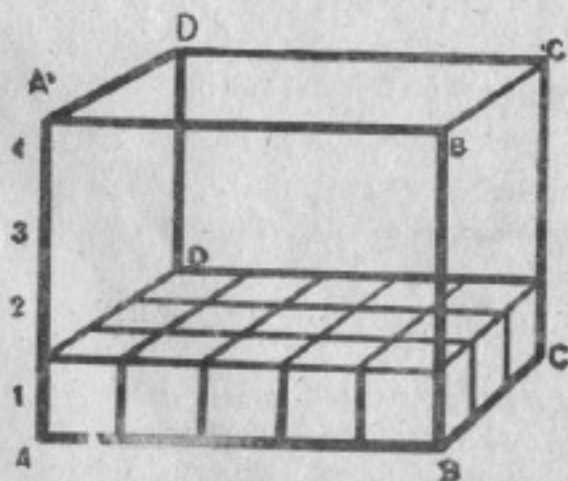
$T.T = c \times c \times c = c^3$ (T.T = thể-tích, c = cạnh).

T

17.— KHỐI CHỮ NHẬT

GHI NHỚ : Khối chữ nhật là khối có 6 mặt chữ nhật, từng đôi một song-song và bằng nhau.

Khối chữ nhật có 3 kích-thước : dài, rộng, cao, và có 12 cạnh (4 dài, 4 rộng, 4 cao).



18.— KHỐI CHỮ NHẬT (tiếp theo)

Diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-thể.

Thí-dụ : Một khối chữ nhật dài 8cm, rộng 6cm, cao 4cm. Tính diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-thể.

BÀI GIẢI

Chu-vi đáy : $(8 \text{ cm} + 6 \text{ cm}) \times 2 = 28 \text{ cm}$.

Diện-tích chung quanh : $1 \text{ cm}^2 \times 28 \times 4 = 112 \text{ cm}^2$.

Diện-tích 2 đáy : $1 \text{ cm}^2 \times (8 \times 6) \times 2 = 96 \text{ cm}^2$.

Diện-tích toàn-thể : $112 \text{ cm}^2 + 96 \text{ cm}^2 = 208 \text{ cm}^2$.

GHI NHỚ : 1.— Muốn tìm diện-tích chung quanh khối chữ nhật ta nhân chu-vi đáy với chiều cao :

$D t c q = C v d \times C$ (C v d = chu-vi đáy, C = chiều cao).

Do đó : $C v d = \frac{D t c q}{C}$ và $C = \frac{D t c q}{C v d}$.

2.— Muốn tìm diện-tích toàn-thể khối chữ nhật, ta cộng diện-tích chung quanh với diện-tích 2 đáy :

$D t t t = D t c q + 2 D t d$ (2 D t d = Diện-tích 2 đáy)

★

19— KHỐI CHỮ NHẬT (tiếp theo)
THỂ-TÍCH

Thí-dụ : Một cái hộp hình khối chữ nhật dài 20m, rộng 12cm, cao 8cm. Hỏi thể-tích bao nhiêu?

BÀI GIẢI

Diện-tích đáy : $1 \text{ cm}^2 \times 20 \times 12 = 240 \text{ cm}^2$.

Thể-tích : $1 \text{ cm}^3 \times 240 \times 8 = 1920 \text{ cm}^3$.

GHI NHỚ : Muốn tìm thể-tích khối chữ nhật, ta nhân diện-tích đáy với chiều cao (hay bề dày, bề sâu) :

$T.T = D t d \times C$ (D t d = Diện-tích đáy).

★

20— KHỐI CHỮ NHẬT (tiếp theo)

Tìm chiều cao và diện-tích đáy.

Thí-dụ : Một phòng họp có thể chứa được 81 người, mỗi người phải cần 4 m^3 không-khí. Hỏi chiều cao phòng này, biết rằng chiều dài là 12m, chiều rộng 6m?

BÀI GIẢI

Thể tích phòng họp : $4m^3 \times 81 = 324m^3$.

Diện tích nền phòng họp : $1m^2 \times 12 \times 6 = 72m^2$.

Chiều cao phòng họp : $1m \times 324 : 72 = 4m, 50$.

GHI NHỚ : 1 — Khi có thể tích khối chữ nhật, chia thể tích cho diện tích đáy sẽ thấy chiều cao :

$$C = \frac{V}{D_{td}}$$

2 — Chia thể tích cho chiều cao sẽ thấy diện tích đáy :

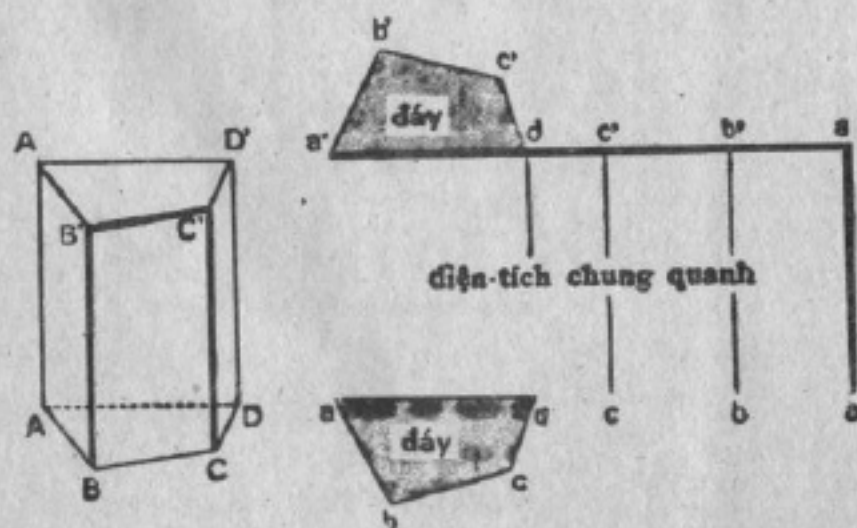
$$D_{td} = \frac{V}{C}$$

★

1 — KHỐI LĂNG-TRỤ

GHI NHỚ : Khối lăng-trụ là khối mà những mặt chung quanh đều là hình chữ nhật, hai đáy song-song và bằng nhau có thể là hình tam-giác, hình vuông, hình chữ nhật, hình thang, hình đa-giác.

Khoảng cách giữa 2 đáy là chiều cao.



★

22 — KHỐI LĂNG-TRỤ (tiếp theo)

Diện-tích chung quanh, diện-tích toàn-thể

Thí-dụ : Một cái hộp hình lăng-trụ chiều cao 12cm, đáy hình bát-giác cạnh 3cm, đường trung-đoạn 3cm,6. Tìm diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-thể.

BÀI GIẢI

Chu-vi đáy : $3cm \times 8 = 24cm$.

Diện-tích chung quanh : $1cm^2 \times 24 \times 12 = 288cm^2$

Diện-tích đáy : $\frac{1cm^2 \times 24 \times 3,60}{2} = 43cm^2,20$.

Diện-tích 2 đáy : $43cm^2,20 \times 2 = 86cm^2,40$.

Diện-tích toàn-thể : $288cm^2 + 86cm^2,40 = 374cm^2,40$.

GHI NHỚ : 1. — Muốn tìm diện-tích chung quanh khối lăng-trụ, ta nhân chu-vi đáy với chiều cao :

$$D_{tcq} = C_{vd} \times C$$

$$\text{Do đó : } C_{vd} = \frac{D_{tcq}}{C} \text{ và } C = \frac{D_{tcq}}{C_{vd}}$$

2. Muốn tìm diện-tích toàn-thể khối lăng-trụ, ta cộng diện-tích chung quanh với diện-tích 2 đáy :

$$D_{ttt} = D_{tcq} + 2 D_{td}$$

★

23. — KHỐI LĂNG-TRỤ (tiếp theo)

Thể-tích

Thí-dụ : Một cái cột cao 3m, 50, thiết-diện vuông, cạnh 0m,15. Tìm thể-tích.

BÀI GIẢI

Diện-tích đáy : $1m^2 \times 0,15 \times 0,15 = 0m^2,0225$

Thể-tích cái cột : $1m^3 \times 0,0225 \times 3,50 = 0m^3,07875$.

GHI NHỚ : Muốn tìm thể-tích khối lăng-trụ, ta nhân diện-tích đáy với chiều cao.

$$Tt = D \text{ t } d \times C$$

★

24. - KHỐI LĂNG-TRỤ (tiếp theo)

Tìm chiều cao và diện-tích đáy.

Thí dụ : Một cái thùng hình lăng-trụ, đáy lục-lăng cạnh 0m, 39, đường trung-đoạn 0m, 35. Thể-tích là 0m³, 614.250. Hỏi chiều cao bao nhiêu ?

BÀI GIẢI

$$\text{Chu-vi đáy : } 0m, 39 \times 6 = 2m, 34$$

$$\text{Diện-tích đáy : } \frac{1m^2 \times 2, 34 \times 0, 35}{2} = 0m^2, 4095.$$

$$\text{Chiều cao : } \frac{1m \times 0, 614250}{0, 4095} = 1m, 50.$$

GHI NHỚ : 1. - Có thể-tích khối lăng-trụ, muốn tìm chiều cao, ta chia thể-tích cho diện-tích đáy :

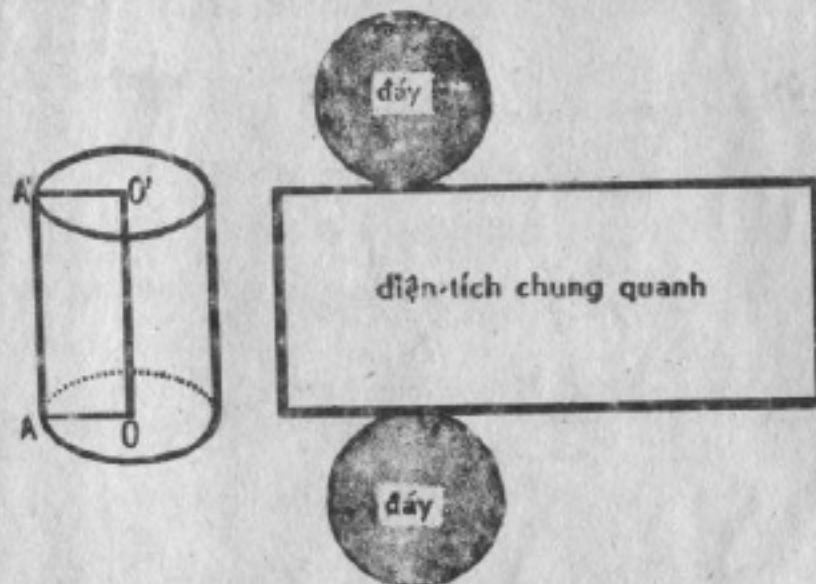
$$C = \frac{Tt}{D \text{ t } d}$$

2. - Muốn tìm diện-tích đáy, ta chia thể-tích cho chiều cao :

$$D \text{ t } d = \frac{Tt}{C}$$

25. - KHỐI VIÊN-TRỤ

GHI NHỚ : Khối viên-trụ là khối mà chung quanh là một mặt vòng, 2 đáy hình tròn song-song và bằng nhau. Khoảng cách giữa 2 đáy là chiều cao.



26. - KHỐI VIÊN-TRỤ (tiếp theo)

Diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-thể.

Thí-dụ : Một cái hộp hình viên-trụ cao 18cm, đường kính 8cm. Tìm diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-thể.

BÀI GIẢI

$$\text{Viên-chu đáy cái hộp : } 8cm \times 3, 1416 = 25cm, 1328.$$

$$\text{Diện-tích chung quanh : } 1cm^2 \times 25, 1328 \times 18 = 452cm^2, 3904.$$

$$\text{Diện-tích một đáy : } 1cm^2 \times 4 \times 4 \times 3, 1416 = 50cm^2, 2656.$$

$$\text{Diện-tích 2 đáy : } 50cm^2, 2656 \times 2 = 100cm^2, 5312.$$

$$\text{Diện-tích toàn-thể : } 452cm^2, 3904 + 100cm^2, 5312 = 552cm^2, 9216$$

CHI NHỚ : 1. — Muốn tìm diện-tích chung quanh khối viên-trụ, ta nhân chu-vi đáy với chiều cao :

$$D_{tcq} = \pi \times K \times C \quad (\pi \times K = \text{viên-chu hình tròn})$$

$$\text{Do đó : } C = \frac{D_{tcq}}{\pi K} \text{ và } \pi K = \frac{D_{tcq}}{C}$$

2. — Muốn tìm diện-tích toàn-thể, ta cộng diện-tích chung quanh với diện-tích 2 đáy :

$$D_{ttt} = D_{tcq} + 2 D_{td}$$



27. — KHỐI VIÊN-TRỤ (tiếp theo)

Thể-tích

Thí-dụ : Tìm thể-tích cái hộp hình viên-trụ trong thí-dụ ở bài 25.

BÀI GIẢI

Diện-tích đáy cái hộp : $1\text{cm}^2 \times 4 \times 4 \times 3, 1416 = 50\text{cm}^2, 2656.$

Thể-tích : $1\text{cm}^2 \times 50, 2656 \times 18 = 904\text{cm}^3, 7808.$

CHI NHỚ : Muốn tìm thể-tích khối viên-trụ, ta nhân diện-tích đáy với chiều cao :

$$TT = D_{td} \times C$$



28. — KHỐI VIÊN-TRỤ (tiếp theo)

Tìm chiều cao và diện-tích đáy

Thí-dụ : Một cái thùng hình viên-trụ đường kính 0m, 70, thể tích là 0m³, 577.269. Tìm chiều cao.

BÀI GIẢI

Đường bán-kính đáy : $0\text{m}, 70 : 2 = 0\text{m}, 35.$

Diện-tích đáy : $1\text{m}^2 \times 0, 35 \times 0, 35 \times 3, 1416 = 0\text{m}^2, 384846$

Chiều cao : $1\text{m} \times 0, 577.269 : 0, 384846 = 1\text{m}, 50.$

CHI NHỚ : 1 — Có thể-tích hình viên-trụ, muốn tìm chiều cao, ta chia thể tích cho diện-tích đáy :

$$C = \frac{TT}{\pi \times bk^2} \quad (\pi \times bk^2 = \text{diện-tích hình tròn})$$

2 — Muốn tìm diện-tích đáy, ta chia thể-tích cho chiều cao :

$$D_{td} = \frac{TT}{C}$$



29 — KHỐI ỐNG

CHI NHỚ : Khối ống là khối viên-trụ rỗng, hai đáy là hai hình vành khăn.

Lấy bán-kính vòng ngoài trừ đi bán-kính vòng trong thì thấy bề dày khối ống.



30 — KHỐI ỐNG (tiếp theo)

Diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-thể

Thí-dụ : Một cái ống bằng gang dày 0m, 02, đường kính trong là 0m, 26, chiều dài là 1m, 40. Tìm diện-tích chung quanh và diện-tích toàn-diện.

BÀI GIẢI

Viên-chu vòng trong : $0\text{m}, 26 \times 3, 14 = 0\text{m}, 8164.$

Viên-chu vòng ngoài : $(0\text{m}, 26 + 0\text{m}, 02 + 0\text{m}, 02) \times 3, 14 = 0\text{m}, 9420.$

Viên-chu vòng trong và vòng ngoài : $0\text{m}, 8164 + 0\text{m}, 9420 = 1\text{m}, 7584.$

Diện-tích chung quanh : $1\text{m}^2 \times 1, 7584 \times 1, 4 = 2\text{m}^2, 46176.$

Bán-kính vòng trong : $0\text{m}, 26 : 2 = 0\text{m}, 13.$

Bình-phương bán-kính vòng trong : $1\text{m}^2 \times 0, 13 \times 0, 13 = 0\text{m}^2, 0169.$

Bán-kính vòng ngoài : $0\text{m}, 13 + 0\text{m}, 02 = 0\text{m}, 15.$

Bình-phương bán-kính vòng ngoài :

$$1\text{m}^2 \times 0,15 \times 0,15 = 0\text{m}^2, 0225.$$

Diện-tích đáy : $(0\text{m}^2, 0225 - 0\text{m}^2, 0169) \times 3,14 = 0\text{m}^2, 017584.$

Diện-tích 2 đáy : $0\text{m}^2, 017584 \times 2 = 0\text{m}^2, 035168.$

Diện-tích toàn-thể : $2\text{m}^2, 46176 + 0\text{m}^2, 035168 = 2\text{m}^2, 496928.$

GHI NHỚ : 1 — Muốn tìm diện-tích chung quanh khối ống, ta cộng viên-chu vòng tròn ngoài với viên-chu vòng tròn trong rồi nhân với chiều cao :

$$D_{tcq} = (\pi K + \pi k) \times C$$

(K = đường kính vòng tròn ngoài, k = đường kính vòng tròn trong)

$$\text{Do đó : } C = \frac{D_{tcq}}{(\pi K + \pi k)} \text{ và } \pi K + \pi k = \frac{D_{tcq}}{C}$$

2 — Muốn tìm diện-tích toàn-thể, ta cộng diện-tích chung quanh với diện-tích 2 đáy :

$$D_{ttt} = D_{tcq} + 2 D_{td}$$

★

31 — KHỐI ỐNG (tiếp theo)

THỂ-TÍCH

Thí-dụ : Tìm thể-tích của cái ống gang trong thí-dụ ở bài 29.

BÀI GIẢI

Diện-tích đáy : $(0\text{m}^2, 0225 - 0\text{m}^2, 0169) \times 3,14 = 0\text{m}^2, 017584.$

Thể-tích : $1\text{m}^2 \times 0, 017584 \times 1,4 = 0\text{m}^3, 0246176.$

GHI NHỚ : Muốn tìm thể-tích khối ống, ta nhân diện-tích đáy với chiều cao :

$$TT = (BK^2 - bk^2) \pi \times C$$

(BK = bán-kính lớn ; bk = bán-kính nhỏ
(BK² - bk²) π = diện-tích hình vành khăn).

★

32 — KHỐI ỐNG (tiếp theo)

Tìm chiều cao và diện-tích đáy.

Thí-dụ : Một khối ống cao 1m, 50, thể-tích 0m³, 345.

Tìm diện-tích đáy.

BÀI GIẢI

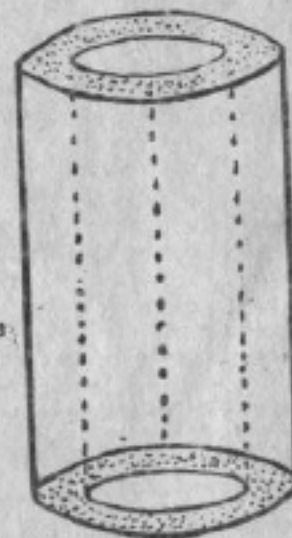
Diện-tích đáy : $1\text{m}^2 \times 0, 345 : 1,5 = 0\text{m}^2, 23.$

GHI NHỚ : 1 — Có thể-tích khối ống, muốn tìm chiều cao, ta chia thể-tích cho diện-tích đáy :

$$C = \frac{TT}{D_{td}}$$

2 — Muốn tìm diện-tích đáy, ta chia thể-tích cho chiều cao :

$$D_{td} = \frac{TT}{C}$$



MỤC LỤC

Đức-dục

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
	I - SỰ LÀM VIỆC				
1	Cần phải làm việc	9	37	Tham-gia việc công-ích.	28
2	Cần phải làm việc (t.t.)	9	38	Cứu-tề.	28
3	Cần phải làm việc (t.t.)	10	39	Cứu-tề (t.t.)	29
4	Kiểm-thảo	10	40	Kiểm-thảo.	29
5	Nghề nào cũng cao quý (t.t.)	11	41	Chống nạn thất học.	29
6	Nghề nào cũng cao quý (t.t.)	11	42	Giúp đỡ đồng-bào bị cháy nhà.	30
7	Nghề nào cũng cao quý (t.t.)	12	43	Giúp đỡ đồng-bào bị bão lụt.	31
8	Kiểm-thảo.	12			
9	Trọng mọi nghề	13	44	Kiểm-thảo.	31
10	Chọn nghề	13	45	Nhân-tử.	31
11	Chọn nghề (t.t.)	14	46	Nhân-tử.	32
12	Thực-hành	14	47	Bác-ái.	32
13	Yêu nghề	14	48	Kiểm-thảo.	33
14	Yêu nghề (t.t.)	15			
15	Trau dồi nghề nghiệp	15		IV. BỒN-PHẬN ĐỐI VỚI QUỐC-GIA	
16	— nt — (t.t.)	16	49	Tranh nhúng hành-vi có hại cho nước.	34
17	Thực-hành	17	50	— nt — (t.t.)	34
	II— RÈN LUYỆN TÍNH TỐT		51	Duy-tri thuần-phong mỹ-tục	35
18	Ôc tổ chức	18	52	— nt — (t.t.)	35
19	— nt — (t.t.)	18	53	Kiểm-thảo.	36
20	Trí sáng-kiến	19	54	Thấu-thập tinh-hoa văn hóa nước ngoài.	36
21	nt — (t.t.)	19	55	— nt — (t.t.)	37
22	Kiểm-thảo	20		V... BỒN-PHẬN NGƯỜI CÔNG-DÂN	
23	Ôc cải-tiến	20			
24	— nt — (t.t.)	21	56	Thi-hành quân-dịch.	38
25	Tranh-đấu với khó-khăn	21	57	— nt — (t.t.)	38
26	Tranh-đấu với hủ-tục	22	58	Kiểm-thảo.	39
27	Kiểm-thảo.	22	59	Đóng-thuê.	39
28	Làm việc phải tin-tưởng	23	60	Đóng thuê (t.t.)	39
29	Làm việc có phương-pháp	24	61	Tuân theo pháp-luật.	40
30	Lương-làm nghề-nghiệp	24	62	— nt — (t.t.)	41
31	— nt — (t.t.)	24	63	Kiểm-thảo.	41
32	Liêm-khiết	25	64	Giữ vệ sinh chung.	41
33	Liêm-khiết (t.t.)	25	65	— nt — (t.t.)	42
34	Kiểm-thảo.	26	66	Bảo-vệ rừng.	43
	III. BỒN PHẬN ĐỐI VỚI NGƯỜI NGOÀI		67	— nt — (t.t.)	43
35	Tinh-thần tương-trợ	27	68	Kiểm-thảo.	44
36	— nt — (t.t.)	27	69	Tôn-trọng quốc-kỳ.	44

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
70	Tôn-trọng quốc-ca.	44	86	Y-niệm về ứng-cử.	53
71	Tôn-trọng kỷ-luật quốc-gia.	45	87	Kiểm-thảo.	54
72	Kiểm-thảo.	46		VII.— TÔ-CHỨC CHÍNH-QUYỀN	
73	Y-niệm về giấy khai-sinh.	46			
74	— nt — (t.t.)	46	88	Chính-quyền	55
75	Y-niệm về giấy khai-tử.	47	89	Quyền lập-pháp.	55
76	— nt — (t.t.)	48	90	— nt — (t.t.)	56
77	Y-niệm về giấy giã-thú.	48	91	Quyền hành-pháp.	56
78	Thực-hành.	49	92	— nt — (t.t.)	57
	VI.— QUYỀN-LỢI NGƯỜI CÔNG-DÂN		93	Quyền tự-pháp.	57
79	Quyền tự-do.	50	94	— nt — (t.t.)	58
80	Những quyền tự-do căn-bản.	50	95	Kiểm-thảo.	58
81	Quyền tự-hữu.	51	96	Công-sở.	59
82	Quyền tự-do ngôn-luận.	51	97	Các công-sở trung-ương.	59
83	Kiểm-thảo.	52	98	— nt — (t.t.)	60
84	Y-niệm về bầu-cử.	52	99	Các công-sở ở địa-phương	60
85	nt — (t.t.)	53	100	— nt — (t.t.)	61
			101	Kiểm-thảo.	61

Quốc-sử

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
	I— NHÀ TÂY-SƠN			II.— NHÀ NGUYỄN	
1	Tây-Sơn lấy Bắc-hà.	65	13	Đời Gia-Long : nội-trị.	71
2	Quân Thanh xâm-lăng nước ta	65	14	Đời Gia-Long : nội-trị.	71
3	Quang-Trung đại phá quân Thanh	66	15	Đời Gia-Long : Văn-học	72
4	Vua Quang-Trung : cai-trị binh-bi	66	16	Đời Gia-Long : ngoại-giao.	72
5	Vua Quang-Trung : Kinh-tế, ngoại-giao.	67	17	Học ôn.	73
6	Vua Quang-Trung : tôn-giáo, văn-học.	67	18	Đời Minh-Mạng : nội-trị.	73
7	Học ôn.	68	19	Đời Minh-Mạng : Việc dẹp loạn.	74
8	Nguyễn-Vương lấy Gia-Định.	68	20	Đời Minh-Mạng : ngoại-giao.	74
9	Nguyễn-Vương lấy Qui-nhơn.	69	21	Đời Thiệu-Trị : giao-thiệp với Chân-lạp.	75
10	Nguyễn-Vương lấy Phú-xuân.	69	22	Đời Thiệu-Trị : việc cầm đạo.	75
11	Nguyễn-Vương lấy Bắc-hà.	70	23	Học ôn.	76
12	Học ôn.	70	24	Đời Tự-Đức : tình-trạng trong nước.	76
			25	Đời Tự-Đức : giặc giã.	77
			26	Tình-hình thế-gới và nước ta cuối thế kỷ XIX.	77

Số thứ	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ	ĐỀ BÀI	Trang
27	Ông Nguyễn-trường-Tộ.	78	46	Học ôn	89
28	Học ôn.	78	47	Văn-thân khởi-nghĩa	90
	III. - CUỘC XÂM LĂNG CỦA PHÁP		48	Cuộc khởi-nghĩa của Phan đình-Phùng	90
29	Quân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam-kỳ.	79	49	Các cuộc khởi-nghĩa ở Nam-kỳ: Trương - công- Định	91
30	Phân-thành-Giải đi sứ.	79	50	Các cuộc khởi-nghĩa ở Trung-kỳ: Đinh - công - Tráng	91
31	Quân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam-kỳ.	80	51	Các cuộc khởi-nghĩa ở Bắc-kỳ: Nguyễn - thiện - Thuật	92
32	Quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất.	81	52	Cuộc khởi - nghĩa của Hoàng-hoa-Thám	93
33	Nguyễn-tri-Phương tuần- tiết.	81	53	Học ôn.	94
34	Hòa-uớc năm Giáp-tuất	82	54	Đời Đông - Khánh và Thành-Thái	94
35	Học ôn.	82	55	Đời Duy-Tân Khải-Định	95
36	Quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ hai.	83	56	Phong-trào duy-tân; Phan- bội Châu với cuộc Đông- đôn	95
37	Hoàng-Diệu tuần-tiết.	83	57	Phan-chu-Trinh và đông- kinh nghĩa-thục	96
38	Cuộc chiến - tranh Việt- Pháp.	84	58	Cuộc khởi-nghĩa Thái- nguyên	97
39	Hòa-uớc năm Quý-Mùi.	84	59	Cuộc khởi-nghĩa Yên-bái	97
40	Học ôn.	85	60	Học ôn	98
	IV. - CUỘC BẢO - HỘ CỦA NGƯỜI PHÁP VÀ CÔNG CUỘC KHÁNG PHÁP			V. CUỘC CÁCH MẠNG 1945 VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP	
41	Hòa-uớc Giáp-thân	86	61	Tình hình Việt-Nam trong thời đệ nhị thế-chiến	99
42	Chính - sách cai trị của Pháp (t.t.)	87	62	Cuộc cách tháng 8-1945	100
43	Chính.sách cai . trị của Pháp	87	63	Cuộc kháng-chiến chống Pháp	100
44	Đời Hàm - Nghi: cuộc kháng-chiến	88	64	Học ôn	101
45	Đời Hàm . nghi : cuộc kháng-chiến (t.t.)	89			

Địa-lý

Số thứ	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ	ĐỀ BÀI	Trang
	I. - VIỆT-NAM		3	Giao-nguyên.	106
1	Vị-trí, giới-hạn, hình-thể, diện-tích	105	4	Sông ngòi Bắc-phần.	108
2	Núi.	105	6	Sông ngòi Nam-phần.	108
				Sông ngòi Trung-phần.	110

Số thứ	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ	ĐỀ BÀI	Trang
7	Bình-nguyên Bắc-phần.	110	36	Ấn-đô-nê-xi-a thiên-nhiên và nhân-văn.	130
8	Bình-nguyên Nam-phần.	111	37	Ấn-đô-nê-xi-a kinh-tế.	131
9	Bình-nguyên Trung-phần.	111	38	Học ôn.	132
10	Biển và bờ biển.	112	39	Miền-điện thiên-nhiên và nhân-văn.	132
11	Khí-hậu.	112	40	Miền-điện kinh-tế.	133
12	Học ôn.	114	41	Mã-lai-a thiên-nhiên.	134
13	Dân-cư: người Việt.	114	42	Mã-lai-a nhân-văn và kinh-tế.	134
14	Đông-bào thiếu-số và ngoại-kiến	115	43	Nhật-bản thiên-nhiên.	136
15	Chính-quyển trung-ương.	115	44	Nhật-bản nhân-văn	137
16	Chính-quyển địa-phương.	116	45	Nhật-bản kinh-tế	138
17	Thủ-đô, các thị-xã và các tỉnh	116	46	Học ôn	139
18	Học ôn.	117		III. - NGŨ ĐẠI-CHÂU	
19	Nông-nghiệp - ngư-lâm	117	47	Đại-cương về ngũ-dại- châu	140
20	Chăn-nuôi.	118	48	Châu Á.	140
21	Thủy-sản.	118	49	Châu Âu	144
22	Lâm-sản.	119	50	Châu Phi	144
23	Khai-cáng-sản.	119	51	Châu Úc	146
24	Học ôn.	121	52	Châu Mỹ	147
25	Tiểu-công-nghệ.	121	53	Học ôn	149
26	Kỹ-nghệ.	122		IV. - CÁC CƯƠNG- QUỐC CÓ LIÊN HỆ VỚI VIỆT NAM	
27	Giao thông: đường bộ.	122	54	Hoa-kỳ thiên-nhiên	150
28	Đường xe lửa, đường- thủy và đường hàng không.	124	55	Hoa-kỳ nhân-văn	151
29	Thương-mại.	124	56	Hoa-tê kinh-tế	151
30	Học ôn.	125	57	Nước Anh thiên-nhiên	153
	II. - CÁC NƯỚC LÂN CẬN V.N.		58	Nước Anh nhân-văn	154
31	Ấn-đô thiên-nhiên.	126	59	Nước Anh kinh-tế	155
32	Ấn-đô nhân-văn.	127	60	Nước Pháp thiên-nhiên	156
33	Ấn-đô kinh-tế.	128	61	Nước Pháp nhân-văn	156
34	Phi-luật-tân thiên-nhiên	128	62	Nước Pháp kinh-tế	158
35	Phi-luật-tân nhân-văn và kinh-tế.	129	63	Học ôn	158

Khoa-học

Số thứ	ĐỀ	Trang	Số thứ	ĐỀ	Trang
	I. - HỌC ÔN CHƯƠNG TRÌNH LỚP NHÌ		5	Than đá, gang, thép, thau, kẽm, chì, thiếc.	165
1	Sự tiến-hóa sự tuần-hoàn.	163	6	Sự bốc hơi, sự đông đặc, sự chảy	165
2	Sự hô hấp, sự bài-tiết.	163		II. - TRÁI ĐẤT	
3	Chó, mèo, rắn, muỗi	164			
4	Hoa, cách kết-quả	164			

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
7	Trái đất hút các vật. Mọi vật đều rơi	166	40	Cái cầu chì.	195
8	Sức hút của trái đất làm mọi vật có trọng-lượng	167	41	Học ôn.	195
9	Tốc-độ rơi của các vật	167		VI. NAM CHÂM	
10	Hình-dạng xe-cô để đi mau	168	42	Nam-châm hút những vật gì.	196
11	Bơm hút	169	43	Các làm nam-châm bằng que thép.	197
12	Bơm hút và đẩy	170	44	Kim nam-châm quay về một hướng.	197
13	Bơm xe đạp	171	45	Cách làm la-bàn bằng một cái kim	198
14	Hàn-thủ biểu	171	46	Học ôn.	199
15	Phong-vũ biểu	172		VII. - NAM CHÂM ĐIỆN	
16	Học ôn	174	47	Nam-châm điện là gì.	200
	III ĐỒN BẦY		48	Chuông điện.	200
17	Làm thè nào đẩy một vật nặng mà dùng ít sức	175	49	Đy-na-mô xe đạp.	201
18	Những đồ dùng có đòn bẩy: Trục quay và bánh xe	176	50	Học ôn.	202
19	Xe đất, cán cầu, đòn gánh	177		VIII - CÁC CHẤT HÓA HỌC	
20	Búa, kềm, ròng-rọc.	177	51	Vài thí-dụ về các chất hỗn-hợp.	203
21	Cân đĩa và cân thiên-bình	179	52	Vài thí-dụ về dung dịch.	204
22	Cách dùng cân đĩa	180	53	Phân-tách những chất trong dung-dịch bằng cách bốc hơi.	204
23	Cân La-mã	180	54	Sự biến-đổi của các chất hóa-học.	205
24	Cân bàn La-mã	181	55	Ảnh-sắc và hơi nóng làm nhạt màu quần áo.	205
25	Cân tự động.	182	56	Phim chụp hình và giấy in ảnh.	206
26	Học ôn	183	57	Khí nóng và ánh sáng biến-đổi các chất hóa-học.	206
	IV. NHỮNG VẬT NỘI		58	Học ôn.	207
27	Sức đẩy của nước	184		IX - ỨNG DỤNG CHẤT HÓA HỌC VÀ VẬT DÙNG	
28	Tàu nổi, tàu lặn	185	59	Làm giấm.	208
29	Học ôn	186	60	Làm giấy.	208
	V. - ĐIỆN		61	Làm xà-phòng.	209
30	Điện do sự chà xát tạo ra	187	62	Học ôn.	209
31	Điện trong không khí	188			
32	Dòng điện	188			
33	Dòng điện trong nhà	189			
34	Ghép pin	190			
35	Học ôn	191			
36	Dòng điện phát nhiệt	191			
37	Dòng điện phát ánh sáng	192			
38	Dòng điện làm chạy máy.	193			
39	Những điều nên nhớ khi dùng điện	194			

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
	I. CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG			III. - NHỮNG BỆNH HAY LÂY	
1	Nhức đầu	212	16	Bệnh ghê	221
2	Sổ mũi	212	17	Đau mắt thường	221
3	Đau bụng	213	18	Đau mắt mủ	222
4	Trùng-thực	214	19	Đau mắt hột	222
5	Học ôn	214	20	Học ôn	223
6	Đi rửa	215	21	Bệnh sốt	223
7	Cầm	215	22	Bệnh đau mùa	224
8	Sốt	216	23	Bệnh kiết-lỵ	224
9	Học ôn	216	24	Học ôn	225
	II. KỶ-SINH-TRÙNG VÀ VI TRÙNG		25	Bệnh dịch tả	225
10	Kỷ-sinh trùng	217	26	Bệnh dịch hạch	226
11	Giun	217	27	Bệnh sốt rét	226
12	Sán	218	28	Học ôn	227
13	Chấy rận	218	29	Bệnh ho lao	227
14	Vi-trùng	219	30	Bệnh thương-hàn	228
15	Học ôn	220	31	Bệnh chó dại	229
			32	Bà-tru cách dùng thuốc nhấm	229
			33	Học ôn	230

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
	I. - ĐẶC-TÍNH CHIA CHẴN		14	So-sánh phân-số.	241
1	Thế nào là chia chẵn số 7	232	15	Đặc-tính của phân-số.	242
2	Chia chẵn cho 2.	232	16	Đơn-giản phân-số.	243
3	Chia chẵn cho 5.	233	17	Đồng-hóa mẫu-số.	244
4	Chia chẵn cho 4.	233	18	Đồng-hóa mẫu số (t.t.)	244
5	Chia chẵn cho 25.	234	19	Đồng-hóa mẫu số (t.t.)	245
6	Chia chẵn cho 3.	235	20	Đồng-hóa mẫu số (t.t.)	246
7	Chia chẵn cho 6.	235	21	Cộng phân-số.	247
8	Chia chẵn cho 9.	236	22	Cộng phân-số thức.	248
9	Học ôn.	237	23	Trừ phân-số.	249
	II - PHÂN SỐ		24	Trừ phân-số thức.	250
10	Đại-y về phân-số.	238	25	Nhân phân-số.	251
11	Phân-số thập-phân.	238	26	Nhân phân-số (t.t.)	252
12	Phân-số thức.	239	27	Nhân phân-số thức.	253
13	So-sánh phân số với đơn-vị.	240	28	Chia phân-số.	254
			29	Chia phân số (t.t.)	255
			30	Học ôn.	257

Số thứ tự	ĐỀ	Trang	Số thứ tự	ĐỀ	Trang
III. — TẬP SỐ			V. — TÍNH BÁCH PHẦN		
31	Đại ý về tập số	258	51	Tìm bách-phần	272
32	Đại ý về tập số (t.t.)	259	52	Biết bách-phần đôi giá bán, tìm giá mua	272
33	Cách đổi đơn vị tập số	259	53	Biết bách-phần đôi giá mua, tìm giá mua	273
34	Cách đổi đơn vị tập số (t.t.)	260	54	Biết bách-phần đôi giá mua, tìm giá bán	274
35	Cộng tập số	261	55	Biết bách-phần đôi giá mua, tìm bách-phần đôi giá bán	275
36	Trừ tập số	261	56	Học ôn	276
37	Nhân tập số	262	VI. — CHIA TỶ LỆ		
38	Chia tập số	263	57	Chia tỷ lệ thuận với số nguyên	277
39	Chia tập số (t.t.)	264	58	Chia tỷ lệ thuận với phần số	278
40	Chia tập số (t.t.)	264	59	Chia tỷ lệ nghịch với số nguyên	279
41	Tìm đường dài	265	60	Chia tỷ lệ nghịch với phần số	280
42	Tìm vận tốc	266	61	Tính có phần : vốn khác nhau thời gian bằng nhau	281
43	Tìm thời gian	266	62	Vốn bằng nhau, thời gian khác nhau	282
44	Đồng tử gặp nhau	267	63	Vốn khác nhau, thời gian khác nhau	283
45	Đồng tử đuổi nhau	267	64	Tập làm số chỉ thu trong gia đình	284
46	Công việc đồng thời và vội chầy	268			
47	Học ôn	268			
IV. — QUI TẮC TAM-SUẤT					
48	Đại lượng tỷ lệ thuận và tỷ lệ nghịch	269			
49	Qui tắc tam-suất đơn và thuận	269			
50	Qui tắc tam-suất đơn và nghịch	270			

Đo-lường

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
I. — HỌC ÔN CHƯƠNG TRÌNH LỚP NHỊ					
1	Đo chiều dài : mét	286	8	Bội số của mét khối	291
2	Đo dung tích : lít	287	9	Ước số của mét khối	291
3	Đo trọng lượng : gam	288	10	Sự liên lạc giữa các đơn vị thể tích	291
4	Đo diện tích : mét vuông	289	11	Độc số chỉ thể tích	292
5	Đo diện tích : mét vuông (t.t.)	290	12	Viết số chỉ thể tích	292
6	Đo ruộng đất : sào, mẫu tây	290	13	Đổi đơn vị thể tích	292
			14	Đổi đơn vị thể tích	292
			15	Tính độ : Xây tường	293
			16	Tính độ : đào hồ	293
			17	Tính độ : rải đá đường, rải đất	293
	II. — ĐO THỂ-TÍCH		18	Liên lạc giữa thể tích, dung tích và trọng lượng	294
7	Mét khối	291			

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
19	Liên lạc giữa thể tích dung tích và trọng lượng	294	24	Tìm tỷ trọng	296
20	Tính độ về thể tích, dung tích trọng lượng	294	25	Tính độ về tỷ trọng	297
21	Tính độ về thể tích, dung tích trọng lượng (t.t.)	295	26	Tính độ về tỷ trọng	297
22	Học ôn	295	27	Tìm trọng lượng	298
	III. — TỶ-TRỌNG		28	Tính độ về trọng lượng	298
23	Thể nào là tỷ trọng	296	29	Tính độ về trọng lượng (t.t.)	299
			30	Tìm thể tích	299
			31	Tính độ về thể tích	300
			32	Tính độ về thể tích (t.t.)	300

Hình-học

Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang	Số thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
I. — ÔN LẠI CÁC HÌNH DẠ HỌC					
1	Hình vuông	303	18	Diện tích chung quanh và diện tích toàn thể	314
2	Hình chữ nhật	303	19	Thể tích	315
3	Hình bình hành	304	20	Tìm chiều cao và diện tích đáy	315
4	Hình tam giác	305	21	Khối lăng trụ	316
5	Hình thoi	306	22	Diện tích chung quanh và diện tích toàn thể	317
6	Hình thang	307	23	Thể tích	317
7	Hình đa-giác	308	24	Tìm chiều cao và diện tích đáy	318
8	Hình tròn	309	25	Khối viên trụ	319
9	Hình vành khăn	310	26	Diện tích chung quanh và diện tích toàn thể	319
	II. — TỶ LỆ XÍCH		27	Thể tích	320
10	Đại ý về tỷ lệ xích	311	28	Tìm chiều cao và diện tích đáy	320
11	Tìm chiều dài thật	311	29	Khối ống	321
12	Tìm chiều dài rút ngắn	312	30	Diện tích chung quanh và diện tích toàn thể	321
13	Tìm tỷ lệ xích	312	31	Thể tích	322
	III. — CÁC KHỐI		32	Tìm chiều cao và diện tích đáy	323
14	Khối vuông	313			
15	Diện tích chung - quanh và diện tích toàn thể	313			
16	Thể tích	314			
17	Khối chữ nhật	314			